

**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG**

---

**VĂN KIỆN**  
**DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT**  
**SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

**DỰ ÁN “SÁNG KIẾN KHU VỰC NGĂN CHẶN VÀ**  
**LOẠI TRỪ SÓT RÉT KHÁNG THUỐC ARTEMISININ”**  
**Giai đoạn 2021-2023**

**Nguồn viện trợ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét**

**Hà Nội, 3/2021**

**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG**

---

**VĂN KIẾN**  
**DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT**  
**SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

**DỰ ÁN “SÁNG KIẾN KHU VỰC NGĂN CHẶN VÀ**  
**LOẠI TRỪ SÓT RÉT KHÁNG THUỐC ARTEMISININ”**  
**Giai đoạn 2021-2023**

**Nguồn viện trợ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét**

**Hà Nội, tháng 3/2021**

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQLDA:	Ban quản lý dự án
BYT:	Bộ Y tế
CCM:	Ban điều phối quốc gia (Country Coordinating Mechanism)
Co-PR:	Đơn vị đồng tiếp nhận viện trợ chính (Co-Principal Recipient)
CPMU:	Ban quản lý Dự án Trung ương
DOT:	Điều trị có giám sát trực tiếp
IEC/BCC:	Giáo dục truyền thông/Truyền thông thay đổi hành vi
IMPE:	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn Trùng
KST:	Ký sinh trùng
LFA:	Cơ quan quản lý quỹ địa phương
MIS:	Hệ thống thông tin sốt rét
NIMPE:	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
NMCP:	Chương trình Quốc gia Phòng chống Sốt rét
ODA:	Vốn viện trợ
PCSR:	Phòng chống sốt rét
PR:	Đơn vị tiếp nhận viện trợ chính
PU/DR:	Báo cáo tiền độ/giải ngân
QTC:	Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét
RAI:	Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc artemisinin”
RAI2E:	Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020”
RDTs:	Test chẩn đoán nhanh sốt rét
RSC:	Ban điều phối khu vực (Regional Steering Committee)
SOPs:	Quy trình kỹ thuật chuẩn
SRs:	Đơn vị tiếp nhận viện trợ phụ (Sub-Recipients)
TOT:	Tập huấn cho giảng viên
UNOPS:	Văn phòng Dịch vụ Liên hiệp quốc.
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN</b>	<b>1</b>
1. Tên dự án.....	1
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án: Tên, địa chỉ liên lạc và các thông tin liên quan khác.....	1
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài hỗ trợ thực hiện chương trình.....	1
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án .....	1
5. Địa điểm thực hiện dự án .....	1
<b>II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN</b>	<b>3</b>
1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.....	3
2. Sự cần thiết của dự án.....	6
3. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.....	9
<b>III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI</b>	<b>9</b>
1. Tính phù hợp của dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Quỹ Toàn cầu .....	9
2. Lợi thế khi sử dụng nguồn vốn viện trợ từ Quỹ Toàn cầu .....	10
3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA của nhà tài trợ nước ngoài ..	11
4. Khả năng đáp ứng của phía Việt Nam .....	15
<b>IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN</b>	<b>15</b>
1. Mục tiêu tổng quát.....	15
2. Mục tiêu cụ thể .....	15
<b>V. MÔ TẢ DỰ ÁN</b>	<b>16</b>
1. Nội dung hoạt động của dự án.....	16
2. Kết quả chính của Dự án giai đoạn 2021-2023 .....	18
<b>VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG</b>	<b>21</b>
1. Các đơn vị thụ hưởng Dự án .....	21
2. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp.....	21
3. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp .....	22
4. Các cơ quan khác cùng thực hiện dự án.....	22
<b>VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN</b>	<b>23</b>
1. Kế hoạch triển khai các hoạt động thực hiện trước.....	23
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện cho năm đầu tiên .....	23



3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án .....	36
<b>VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>38</b>
1. Nguyên tắc chung .....	38
2. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.....	38
3. Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện và quản lý dự án .....	41
4. Sự hình thành, chức năng và nhiệm vụ của các Ban quản lý dự án .....	42
5. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của Chủ Dự án. ....	46
<b>IX. TỔNG VỐN CỦA DỰ ÁN</b>	<b>47</b>
1. Vốn ODA không hoàn lại.....	47
2. Vốn đối ứng .....	49
3. Cơ chế tài chính.....	52
<b>X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA CỦA QUỸ TOÀN CẦU VỀ PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐỊNH NHÀ CUNG CẤP, NHÀ THẦU</b>	<b>58</b>

## PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Danh sách tỉnh, huyện triển khai dự án
- Phụ lục 2: Kế hoạch hoạt động và ngân sách (giai đoạn 2021-2023)
- Phụ lục 3: Danh mục mua sắm hàng hóa, vật tư dự án
- Phụ lục 4: Công văn cam kết của các tỉnh thụ hưởng dự án
- Phụ lục 5: Cơ sở pháp lý:
- Thư của Quỹ Toàn cầu phê duyệt tài trợ Dự án giai đoạn 2021-2023
  - Thỏa thuận bổ sung ký cam kết 3 bên trong triển khai thực hiện dự án
  - Công văn của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tham gia dự án
- Phụ lục 6: Báo cáo tóm tắt hoạt động Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018 - 2020”.

# **I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN**

## **1. Tên dự án**

**Tên tiếng Việt:** “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin”.

**Tên tiếng Anh:** **Regional Artemisinin Resistance Initiative**

Đây là dự án khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông, gồm có 5 hợp phần dự án của 5 nước tham gia là Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam.

## **2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án:**

### **2.1. Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế**

a. Địa chỉ liên lạc: 138A Giảng Võ, Hà Nội.

b. Số điện thoại: +84 (024) 62732215      Số Fax: +84 (024) 62732215

### **2.2. Chủ dự án: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương**

a. Địa chỉ liên lạc: Số 34 đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

b. Số điện thoại: +84 (024) 35534483      Số Fax: +84 (024) 35535200

## **3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài hỗ trợ thực hiện chương trình**

Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét (Quỹ Toàn cầu).

## **4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án**

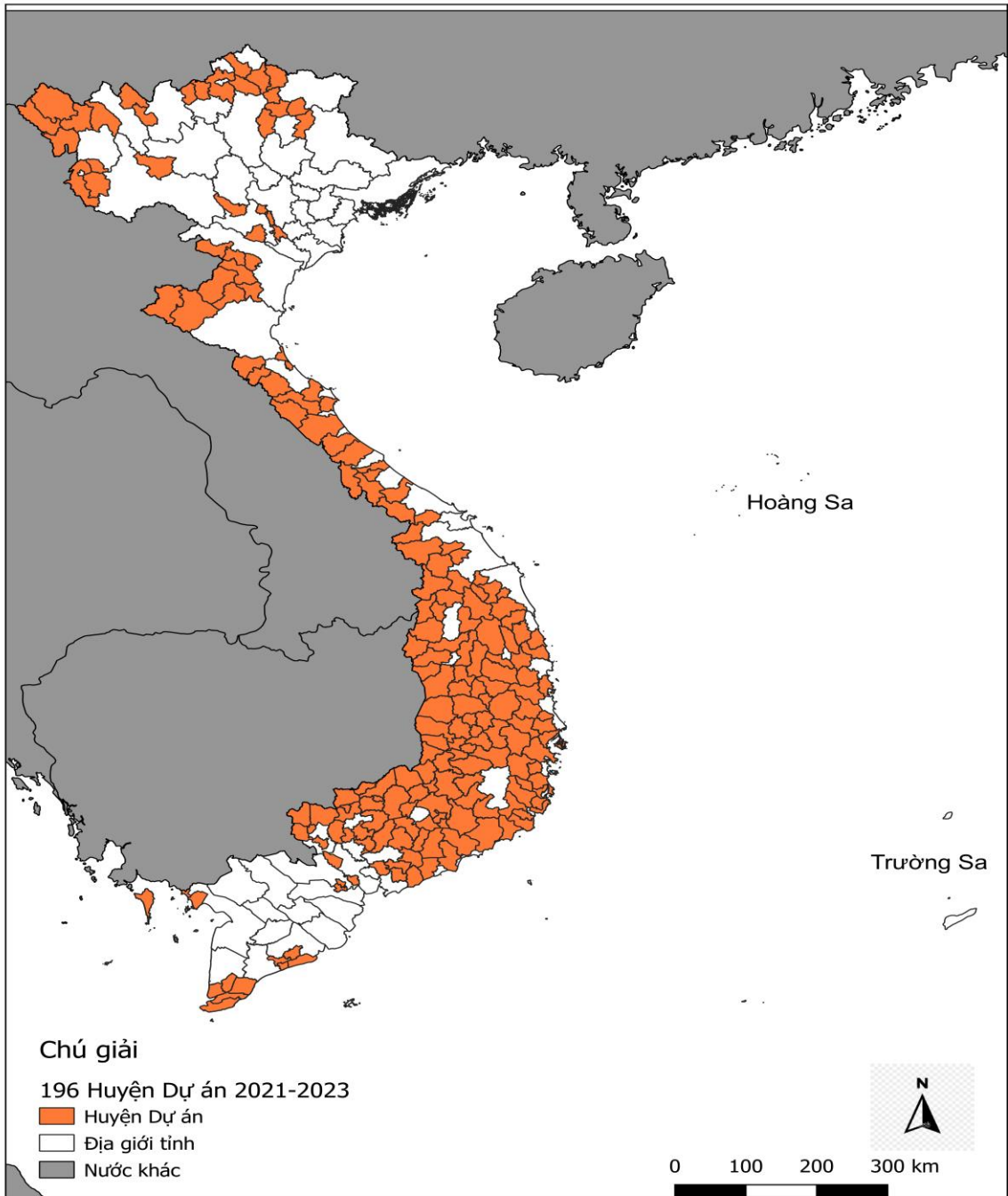
3 năm (từ 2021 đến hết 2023).

## **5. Địa điểm thực hiện dự án**

- Dự án sẽ triển khai tại 1.125 xã thuộc 196 huyện của 36 tỉnh có bệnh sốt rét lưu hành, đang triển khai chiến lược phòng chống và loại trừ sốt rét (danh sách chi tiết tại Phụ lục 1).
- Dự án cũng sẽ được triển khai tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh và Cục Quân Y.
- Một số hoạt động cần có tầm bao phủ quốc gia như hướng dẫn chẩn đoán điều trị, hệ thống báo cáo, giám sát... sẽ được Dự án hỗ trợ cho toàn bộ 63 tỉnh/thành phố cả nước.
- Tiêu chí lựa chọn xã, huyện, tỉnh hưởng dự án:
  - + Tiêu chí chọn xã dự án: Trên cơ sở phân vùng dịch tễ sốt rét năm 2019, các xã đáp ứng các tiêu chí: Có lưu hành ký sinh trùng sốt rét trong 5 năm (2014 - 2018), có ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc, có sự hiện diện của

véc tơ chính lan truyền sốt rét, có véc tơ sốt rét kháng hóa chất, xã thuộc diện đặc biệt khó khăn hoặc gần biên giới, vùng đệm quốc gia, khu bảo tồn rừng quốc gia, có mạng lưới cơ sở y tế yếu và có di biến động dân cư.

- + Tiêu chí chọn huyện dự án: Huyện có xã được chọn hưởng dự án là huyện dự án.
- + Tiêu chí chọn tỉnh dự án: Tỉnh có huyện được chọn hưởng dự án là tỉnh dự án.



**Hình 1: Bản đồ về độ bao phủ của dự án trên phạm vi 36 tỉnh**

**Bảng 1: Danh sách các tỉnh lưu hành sốt rét được thụ hưởng dự án giai đoạn 2021-2023**

<b>TT</b>	<b>Tên tỉnh</b>	<b>TT</b>	<b>Tên tỉnh</b>	<b>TT</b>	<b>Tên tỉnh</b>
1	Lai Châu	13	Quảng Trị	25	Đắk Nông
2	Điện Biên	14	Thừa Thiên - Huế	26	Lâm Đồng
3	Sơn La	15	Quảng Nam	27	Đồng Nai
4	Hòa Bình	16	Quảng Ngãi	28	Bà Rịa - Vũng Tàu
5	Lào Cai	17	Bình Định	29	Bình Dương
6	Hà Giang	18	Phú Yên	30	Bình Phước
7	Cao Bằng	19	Khánh Hòa	31	Tây Ninh
8	Bắc Kạn	20	Ninh Thuận	32	Long An
9	Thanh Hóa	21	Bình Thuận	33	Sóc Trăng
10	Nghệ An	22	Gia Lai	34	Kiên Giang
11	Hà Tĩnh	23	Kon Tum	35	Bạc Liêu
12	Quảng Bình	24	Đắk Lắk	36	Cà Mau

## **II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN**

### **1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương**

Bệnh sốt rét là bệnh gây dịch và lưu hành ở nước ta, bệnh lây truyền chủ yếu do muỗi Anophen. Được sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư của Nhà nước, Bộ Y tế và các Bộ liên quan, Chương trình Phòng chống sốt rét ở Việt Nam đã được thực hiện từ năm 1958 cho đến nay.

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, trong đó có mục tiêu loại trừ sốt rét vào năm 2030.

Năm 2011, Chiến lược quốc gia Phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 27/10/2011. Mục tiêu của chiến lược là: Khống chế tỷ lệ người dân mắc bệnh sốt rét dưới 0,15/1.000 dân; tỷ lệ người dân chết do bị bệnh sốt rét dưới 0,02/100.000 dân; không còn tỉnh nào trong giai đoạn phòng chống bệnh sốt rét tích cực; 40 tỉnh



trong giai đoạn đề phòng bệnh sốt rét quay trở lại; 15 tỉnh trong giai đoạn loại trừ bệnh Sốt rét và 8 tỉnh trong giai đoạn tiền loại trừ bệnh sốt rét vào năm 2020. Một trong những giải pháp để thực hiện chiến lược là tăng dần mức đầu tư, bảo đảm kinh phí cho các hoạt động phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét bao gồm ngân sách của Trung ương và các nguồn viện trợ khác; mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét, ưu tiên dự án hợp tác về hỗ trợ vốn, hỗ trợ kỹ thuật.

Theo số liệu thống kê của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương giai đoạn 2015 - 2019, Chương trình Phòng chống sốt rét của Việt Nam đã duy trì và tiếp tục làm giảm tỷ lệ mắc và tử vong do sốt rét, không để dịch sốt rét xảy ra. Năm 2019 toàn quốc có 5.887 bệnh nhân sốt rét, giảm 69,4% so với năm 2015, tỷ lệ mắc/1.000 dân nguy cơ là 0,06, số người nhiễm ký sinh trùng sốt rét là 4.665 giảm 50% so với năm 2015, tỷ lệ ký sinh trùng/1.000 dân nguy cơ là 0,05; không có tử vong do sốt rét so với 3 trường hợp tử vong năm 2015; không có dịch sốt rét xảy ra từ năm 2015 đến nay.

Những khó khăn, thách thức của Chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét ở Việt Nam hiện nay là:

Số dân sống trong vùng sốt rét lưu hành lớn, khoảng 7 triệu người. Số người mắc sốt rét vẫn còn cao ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ. Hiểu biết của người dân về sốt rét và các biện pháp phòng chống sốt rét còn hạn chế, một số nhóm dân vẫn còn tập quán làm nương rẫy và ngủ qua đêm tại nương rẫy, dân vào rừng lấy lâm sản và ngủ qua đêm trong rừng; dân di biến động lớn theo mùa vụ từ các tỉnh không có sốt rét đến các tỉnh vùng sốt rét lưu hành nặng ở miền Trung - Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ; dân giao lưu qua biên giới. Tình trạng ký sinh trùng sốt rét *P.falciparum* kháng thuốc lan rộng cả về diện phân bố và mức độ kháng thuốc: Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Nam và Khánh Hòa. Muỗi truyền bệnh chính *An.minimus*, *An.dirus* và *An.epiroticus* ở một số nơi đã tăng sức chịu đựng hoặc kháng với các hóa chất diệt côn trùng đang sử dụng.

Nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét còn hạn chế và giảm dần so với nhu cầu thực tế của công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.

Nguồn viện trợ quốc tế cho Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là từ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét và từ Tổ chức Y tế thế giới. Từ năm 2005 đến nay, Quỹ Toàn cầu đã liên tục viện trợ và có tác động tích cực đến việc thực hiện mục tiêu của Chương trình quốc gia phòng chống và loại trừ sốt rét, duy trì, củng cố những thành quả đã đạt

được ở các tỉnh có sốt rét lưu hành nặng ở nước ta.

## **2. Mọi quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình dự án:**

### ***a) Chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia***

**Mục tiêu chung:** Đẩy mạnh các hoạt động phòng chống, nhanh chóng đẩy lùi bệnh sốt rét để đến năm 2025 đạt tỷ lệ mắc ký sinh trùng sốt rét còn dưới 0,015/1.000 dân, tỷ lệ tử vong do sốt rét dưới 0,002/100.000 dân, không để dịch sốt rét xảy ra; tập trung ưu tiên vào vùng sốt rét lưu hành, sốt rét kháng thuốc và có nhiều đối tượng nguy cơ cao; thực hiện loại trừ bệnh sốt rét ở các tỉnh có sốt rét lưu hành và củng cố các yếu tố bền vững nhằm ngăn chặn bệnh sốt rét quay trở lại.

#### ***Các hoạt động trọng tâm:***

- Đảm bảo toàn bộ người dân được tiếp cận đầy đủ dịch vụ chẩn đoán, điều trị bệnh sốt rét kịp thời đối với cả cơ sở y tế công lập và tư nhân.
- Đảm bảo người dân trong vùng nguy cơ được bảo vệ bằng các biện pháp phòng chống véc tơ thích hợp.
- Nâng cao hệ thống giám sát dịch tễ bệnh sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.
- Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân để tự chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét.
- Quản lý, điều phối Chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét quốc gia và loại trừ tại các tỉnh có bệnh sốt rét lưu hành.

Các hoạt động của Chương trình phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét quốc gia thực hiện trên cả nước, trong đó có 36 tỉnh thuộc dự án giai đoạn 2021-2023 do Quỹ Toàn cầu tài trợ. Các hoạt động của chương trình và của dự án giai đoạn 2021-2023 mang tính chất hỗ trợ lẫn nhau, không có hoạt động chồng chéo và trùng lặp để đạt hiệu quả cao nhất trong công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.

### ***b) Dự án do Quỹ Toàn cầu tài trợ đang thực hiện***

Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020” (RAI2E) do Quỹ Toàn cầu tài trợ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 400/QĐ-TTg ngày 12/4/2018; Văn kiện Dự án được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2577/QĐ-BYT ngày 23/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Thời gian thực hiện: Từ 01/01/2018 đến tháng 31/12/2020; Tổng số vốn Dự án: 30.520.057 USD, trong đó: Vốn ODA không hoàn lại: 28.241.512 USD; Vốn đối ứng: 2.278.545 USD.

Địa điểm thực hiện: Tại 1.743 xã thuộc 255 huyện của 36 tỉnh có bệnh sốt rét lưu hành, đang triển khai chiến lược phòng chống và loại trừ sốt rét.

Kết quả thực hiện dự án đến năm 2020: Tình hình sốt rét đã giảm rất rõ rệt, số mắc sốt rét giảm từ 6.870 ca năm 2018 xuống 1.733 ca năm 2020; Số ca sốt rét có ký sinh trùng sốt rét từ 4.813 ca năm 2018 giảm xuống 1.422 ca năm 2020. Năm 2020 có 1 tử vong do sốt rét. Tỷ lệ dân di biến động trong vùng sốt rét lưu hành (ngủ rừng, ngủ rẫy, qua lại biên giới, người di cư) ngủ màn tẩm hóa chất phòng chống muỗi tăng từ 85% năm 2018 lên 93.6% năm 2020; Số người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét đạt 100%; Dự án đã xây dựng và triển khai 713 lớp tập huấn cho các tuyến trên toàn quốc phần mềm báo cáo sốt rét trực tuyến eCDs-MMS; Tổ chức 227 lớp tập huấn cho xét nghiệm viên các tuyến; Tổ chức 245 lớp về chẩn đoán và điều trị sốt rét cho cán bộ y tế và quân y đồn biên phòng; Tổ chức 271 lớp tập huấn cho Y tế thôn bản về sổ tay hướng dẫn hoạt động y tế thôn; Tổ chức 37 lớp tập huấn về phòng chống muỗi sốt rét; Tổ chức 74 lớp tập huấn về truyền thông và loại trừ sốt rét cho các tuyến; Tổ chức 6 lớp tập huấn cho cán bộ kế hoạch và kế toán tuyến tỉnh và huyện và 34 lớp tập huấn về giám sát đánh giá. Dự án đã xây dựng và duy trì được 199 điểm phát hiện sốt rét trên các đường chính vào rừng, rẫy. Dự án đã mua và cung cấp 1.314.874 màn tẩm hóa chất tồn lưu dài và 256.895 chiếc võng bọc màn tẩm hóa chất tồn lưu lâu cho người dân vùng nguy cơ cao, đồng thời cấp 1.786.890 test chẩn đoán nhanh cho cơ sở y tế các tuyến; (Chi tiết kết quả thực hiện dự án tại Phụ lục 6).

### ***c) Hỗ trợ của Tổ chức Y tế thế giới***

Giai đoạn 2018-2019, Tổ chức Y tế thế giới hỗ trợ ngân sách cho công tác phòng chống sốt rét là: 330.551 USD; Tập trung cho các hoạt động: Hướng dẫn điều tra, phân loại và đáp ứng ổ bệnh; Tăng cường hệ thống đảm bảo chất lượng xét nghiệm; Hội thảo tăng cường đầu tư giữ vững thành quả phòng chống loại trừ bệnh sốt rét; Đánh giá hiệu lực và tính an toàn của thuốc điều trị sốt rét.

## **2. Sự cần thiết của dự án**

Sốt rét hiện nay vẫn đang là một bệnh có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của cộng đồng. Hàng năm trên toàn Thế giới ghi nhận hàng trăm triệu trường hợp mắc và khoảng 400.000 trường hợp tử vong. Bệnh sốt rét lưu hành chủ yếu ở Châu Phi và các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Chiến lược của Tổ chức Y tế thế giới và của Quỹ Toàn cầu hiện nay tiếp tục tập trung cho công tác phòng chống và loại trừ sốt rét trên toàn Thế giới trong những năm tiếp theo hướng tới mục tiêu loại trừ sốt rét vào năm 2030 tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Sốt rét kháng thuốc luôn là một thách thức lớn trong công tác phòng chống sốt rét ở các nước. Sốt rét kháng Artemisinin, một loại thuốc có hiệu lực cao trong điều trị sốt rét từ năm 1990 đến nay, là một khó khăn lớn, mới xuất hiện ở khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông. Do vậy mỗi nước có sốt rét kháng Artemisinin cần tăng cường đầu tư cho các hoạt động ngăn chặn, mặt khác Tổ chức Y tế thế giới đã tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và kêu gọi các nhà tài trợ quốc tế viện trợ cho công tác ngăn chặn sốt rét kháng Artemisinin của các nước khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông, trong đó có Việt Nam.

Đến nay sốt rét kháng Artemisinin vẫn giới hạn trong phạm vi các nước khu vực tiểu vùng sông Mê Kông gồm có Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan và Myanmar. Các nước đều có chung biên giới, có sự gắn kết về lịch sử, chính trị và kinh tế trong khối ASEAN, có mối quan hệ hợp tác trong thực hiện dự án phòng chống các bệnh lây nhiễm do Ngân hàng phát triển Châu Á tài trợ. Sốt rét kháng thuốc Artemisinin đang đe dọa những thành quả đã đạt được trong việc làm giảm số tử vong và số mắc sốt rét ở cả 5 nước, nguy hiểm hơn nữa nếu sốt rét kháng thuốc Artemisinin lan rộng ra các nước khác sẽ đe dọa thành quả phòng chống và loại trừ sốt rét trên toàn cầu. Do vậy, Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin” giai đoạn 2021-2023 được xây dựng với sự tài trợ của Quỹ Toàn cầu là rất cần thiết và cấp bách nhằm gắn kết những nỗ lực tích cực đồng thời của cả 5 nước nhằm ngăn chặn sự gia tăng về mức độ kháng, về diện kháng tại mỗi nước đồng thời ngăn chặn sốt rét kháng Artemisinin không lây lan ra các nước khác. Các nước thành viên của dự án khu vực đều thực hiện mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể của dự án với những hoạt động chung của khu vực và một số hoạt động đặc thù riêng tùy thuộc điều kiện và tình hình cụ thể của mỗi nước.

Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020” đã được triển khai tại 255 huyện thuộc 36 tỉnh hiện đang có ký sinh trùng sốt rét kháng hoặc nguy cơ kháng artemisinin và nguy cơ cao lan truyền sốt rét kháng artemisinin, có sốt rét lưu hành nặng nhất và có nhiều khó khăn về kinh tế xã hội nhằm làm giảm gánh nặng bệnh tật cho cộng đồng các dân tộc đặc biệt là các dân tộc ít người sống ở vùng sâu vùng xa. Hiện nay, dự án giai đoạn 2018-2020 đã kết thúc và Quỹ Toàn cầu đã cam kết tài trợ giai đoạn 2021-2023 nhằm thực hiện mục tiêu ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc ở khu vực.

Những khó khăn, thách thức của Chương trình Phòng chống và Loại trừ Sốt rét ở Việt Nam hiện nay là:



a) Số dân sống trong vùng sốt rét lưu hành lớn, khoảng 7 triệu người. số người mắc sốt rét vẫn còn cao ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Hiểu biết của người dân về sốt rét và các biện pháp phòng chống sốt rét còn hạn chế, một số nhóm dân vẫn còn tập quán làm nương rẫy và ngủ qua đêm tại nương rẫy, dân vào rừng lấy lâm sản và ngủ qua đêm trong rừng; Dân di biến động lớn theo mùa vụ từ các tỉnh không có sốt rét đến các tỉnh vùng sốt rét lưu hành nặng ở miền Trung - Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ; dân giao lưu qua biên giới. Tình trạng ký sinh trùng sốt rét *P.falciparum* kháng thuốc lan rộng cả về diện phân bố và mức độ kháng thuốc tại các tỉnh: Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Quảng Nam và Khánh Hòa. Muỗi truyền bệnh chính *An.minimus*, *An.dirus* và *An.epiroticus* ở một số nơi đã tăng sức chịu đựng hoặc kháng với các hóa chất diệt côn trùng đang sử dụng.

b) Nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho Chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét còn hạn chế và giảm dần so với nhu cầu thực tế của công tác phòng chống và loại trừ sốt rét: Năm 2015 là 60 tỷ đồng, năm 2016 là 17,46 tỷ đồng, năm 2017 là 67,1 tỷ đồng, năm 2018 là 42 tỷ, năm 2019 là 37,3 tỷ so với nhu cầu hàng năm của chương trình là khoảng 350 tỷ đồng.

c) Nguồn viện trợ quốc tế cho Chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là từ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét và từ Tổ chức Y tế thế giới. Từ năm 2005 đến nay Quỹ Toàn cầu đã liên tục viện trợ và có tác động tích cực đến việc thực hiện mục tiêu của Chương trình quốc gia Phòng chống và loại trừ sốt rét và hiệu quả phòng chống bệnh sốt rét, duy trì, củng cố thành quả phòng chống và loại trừ sốt rét ở các tỉnh có sốt rét lưu hành nặng ở nước ta.

Tóm lại, việc tiếp tục vận động Quỹ Toàn cầu tài trợ kinh phí không hoàn lại cho Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét ở Việt Nam nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và sử dụng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh có hiệu quả, nâng cao khả năng tiếp cận và chẩn đoán bệnh sớm và điều trị kịp thời có hiệu quả, tăng cường giám sát và không chế dịch sốt rét đồng thời nâng cao năng lực của Chương trình Phòng chống và Loại trừ Sốt rét Quốc gia để duy trì tính bền vững các thành quả đã đạt được là hết sức cần thiết và cấp bách tiến tới thực hiện thắng lợi Chiến lược quốc gia Phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Đây cũng là nhiệm vụ để thực hiện Nghị quyết Trung ương 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với mục tiêu loại trừ sốt rét vào năm 2030, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, ngành Y tế và các ban ngành liên quan trong công cuộc phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, bảo vệ sức khỏe

cho nhân dân các dân tộc sống ở vùng rừng núi, vùng sâu vùng xa góp phần phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương nói riêng và Việt Nam nói chung.

### **3. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại**

Chiến lược quốc gia Phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt với nhu cầu kinh phí cho Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét giai đoạn 2018 - 2020 khoảng 1.032 tỷ đồng, trong đó khoảng 437 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước và 595 tỷ từ các nguồn vốn huy động khác. Nhu cầu kinh phí phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2021-2025 được xây dựng trong Kế hoạch phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2657/QĐ-BYT ngày 23/6/2020 là 3.936.424.000.000đ (năm 2021: 875.371.000.000đ, năm 2022: 774.486.000.000đ, năm 2023: 745.895.000.000đ, năm 2024: 873.350.000.000đ và năm 2025: 667.322.000.000đ).

Trên thực tế, nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét hàng năm còn hạn chế và giảm dần so với nhu cầu thực tế của công tác phòng chống và loại trừ sốt rét. Nguồn ngân sách từ địa phương hầu như không đầu tư cho Chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét. Do vậy, nhu cầu kinh phí sử dụng vốn ODA để hỗ trợ thực hiện Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét ở nước ta là rất cần thiết; Nếu nguồn ngân sách Nhà nước cấp trong những năm tới cũng như năm 2019 thì nhu cầu kinh phí sử dụng vốn ODA để hỗ trợ thực hiện Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét ở nước ta giai đoạn năm 2021 - 2023 cần khoảng 978 tỷ đồng.

## **III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

### **1. Tính phù hợp của dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Quỹ Toàn cầu**

Việt Nam là nước có thu nhập trung bình thấp theo phân loại mức thu nhập quốc gia của Ngân hàng Thế giới. Việt Nam là nước có bệnh sốt rét lưu hành tương đối nặng, ngoài khó khăn về kinh phí đầu tư, công tác phòng chống sốt rét ở Việt Nam còn có những khó khăn về kỹ thuật như muỗi truyền bệnh sốt rét tăng sức chịu đựng và kháng hoá chất diệt muỗi, đặc biệt là khó khăn về ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc Artemisinin. Việt Nam có Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia thực hiện trên phạm vi toàn quốc và đã giành được nhiều thành tựu to lớn trong việc giảm mắc, giảm tử vong và giảm dịch sốt rét được quốc tế công nhận. Mục tiêu và các biện pháp phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét của Việt Nam phù hợp với mục tiêu phòng chống và loại trừ bệnh

sốt rét của Tổ chức Y tế thế giới, phù hợp với các ưu tiên và định hướng tài trợ của Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét.

Xuất phát từ sự phù hợp trên, Chương trình quốc gia Phòng chống và loại trừ sốt rét của Việt Nam đã được Quỹ Toàn cầu tài trợ từ năm 2005 – 2017 nhằm củng cố và duy trì các thành quả đã đạt được, tăng cường phòng chống sốt rét dựa vào cộng đồng tập trung vào các nhóm có nguy cơ cao, nâng cao năng lực và tính bền vững của Chương trình Phòng chống sốt rét quốc gia.

Trước năm 2014, Quỹ Toàn cầu không ưu tiên tài trợ cho vấn đề ngăn chặn sốt rét kháng thuốc. Đến năm 2014, do sốt rét kháng Artemisinin đã xuất hiện ở các nước khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông gồm có Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar nên Quỹ Toàn cầu đã đồng ý ưu tiên tài trợ cho các hoạt động ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin ở khu vực này.

Từ năm 2014-2017, Quỹ Toàn cầu đã tài trợ cho Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin” tại 5 nước khu vực Đông Nam Á gồm Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar và Việt Nam. Từ năm 2018 – 2020, Quỹ Toàn cầu tiếp tục tài trợ cho Dự án trên. Giai đoạn 2021-2023, Quỹ Toàn cầu tiếp tục cam kết tài trợ cho 5 nước trong đó có Việt Nam nhằm đạt mục tiêu chung loại trừ sốt rét *P.falciparum* vào năm 2025, tiến tới loại trừ bệnh sốt rét vào năm 2030.

## **2. Lợi thế khi sử dụng nguồn vốn viện trợ từ Quỹ Toàn cầu**

Nguồn vốn viện trợ từ Quỹ Toàn cầu là viện trợ không hoàn lại hỗ trợ Chương trình Phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét, hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA theo Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Chính sách của Quỹ Toàn cầu khi xem xét đề xuất sử dụng vốn rất kỹ lưỡng và khoa học bởi đội ngũ chuyên gia của Quỹ Toàn cầu. Điều này cho thấy một khi đề xuất được Quỹ Toàn cầu chấp thuận đồng nghĩa với việc nguồn vốn sẽ được đầu tư trúng đích và cần thiết.

Chính sách mới của Quỹ Toàn cầu tập trung vào củng cố và nâng cao năng lực hệ thống đảm bảo tính bền vững sau khi kết thúc dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Quỹ Toàn cầu có kế hoạch theo dõi, giám sát đánh giá một cách chặt chẽ và nghiêm ngặt nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư cho Dự án.

Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương đã được Bộ Y tế và Quỹ Toàn cầu giao là cơ quan tiếp nhận viện trợ chính của 6 dự án do Quỹ Toàn cầu tài trợ liên tục từ năm 2005 đến nay. Do vậy Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương có kinh nghiệm và đủ điều kiện để tiếp nhận, quản lý và triển khai hợp phần dự án Việt Nam của dự án khu vực, đáp ứng mọi điều kiện ràng buộc và chính sách chặt chẽ của Nhà tài trợ. Các báo cáo tiến độ định kỳ của Dự án đều được cơ quan Quản lý Quỹ địa phương kiểm soát và được Quỹ Toàn cầu xếp hạng ở mức cao. Hàng năm, dự án đều tiến hành kiểm toán độc lập và nội bộ theo đúng quy định. Đây là điều kiện thuận lợi để tiếp tục triển khai Dự án giai đoạn 2021 - 2023.

### **3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA của nhà tài trợ nước ngoài**

Theo yêu cầu của Quỹ Toàn cầu, để nhận viện trợ từ Quỹ Toàn cầu, nhà tài trợ yêu cầu Chính phủ Việt Nam và đơn vị tiếp nhận viện trợ tham gia Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin” giai đoạn 2021-2023 (gọi tắt là RAI3E) phải đáp ứng một số điều kiện như sau:

#### ***a) Thành lập Ban điều phối quốc gia***

Quy định của Quỹ Toàn cầu về Ban điều phối quốc gia Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét Việt Nam (Country Coordinating Mechanism - CCM) và Ban điều hành khu vực (Regional Steering Committee - RSC).

Quỹ Toàn cầu yêu cầu các quốc gia hoặc khu vực xin viện trợ phải thành lập Ban điều phối quốc gia ở mỗi nước và cử cán bộ tham gia Ban điều hành khu vực. Các dự án xin tài trợ phải thông qua Ban điều phối quốc gia trước rồi chuyển cho Ban điều phối khu vực để đóng góp ý kiến cho việc xây dựng và hoàn thiện dự án, cuối cùng mới nộp Quỹ Toàn cầu xét chọn.

Hợp phần dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin” giai đoạn 2021 - 2023 tại Việt Nam được xây dựng và báo cáo Ban điều phối quốc gia Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét Việt Nam (CCM Việt Nam). CCM Việt Nam đã thông qua nội dung của hợp phần dự án phía Việt Nam và thống nhất gửi Ban điều hành khu vực Tiểu vùng sông Mê Công về Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc artemisinin để tổng hợp thành một dự án khu vực xin tài trợ của Quỹ Toàn cầu.

Hợp phần dự án khu vực của Việt Nam trong quá trình triển khai chịu sự giám sát của CCM Việt Nam, Ban điều hành khu vực Tiểu vùng sông Mê Công về Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin như các dự án độc lập khác do Quỹ Toàn cầu tài trợ. Khi có đề xuất thay đổi hoạt động và kinh



phí so với Văn kiện dự án đã được phê duyệt thì cần thông qua CCM Việt Nam/RSC và Quỹ Toàn cầu.

Ban điều hành khu vực Tiểu vùng sông Mê Công về Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin sẽ thay mặt cho CCM của các nước, hoạt động như là CCM khu vực có đầy đủ chức năng của CCM quốc gia, gồm 16 thành viên. Thành phần của RSC gồm có đại diện của CCM từ 5 nước thụ hưởng dự án (01 đại diện của CCM và 01 đại diện của Chương trình Quốc gia Phòng chống Sốt rét). CCM Việt Nam đã cử Phó Chủ tịch CCM Việt Nam - đại diện Bộ Y tế và Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tham gia) và đại diện của Tổ chức Y tế thế giới, đại diện của một số Trường đại học và Tổ chức quốc tế khác.

RSC hoạt động như một CCM khu vực, có trách nhiệm phê duyệt nội dung dự án, gửi Quỹ Toàn cầu xin tài trợ, giám sát tiến độ các hoạt động của Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc artemisinin.

Tháng 11/2019, RSC đã họp tại Myanmar trao đổi và thống nhất mục tiêu chung của dự án, mục tiêu của từng khu vực có sốt rét kháng Artemisinin và mục tiêu của khu vực nguy cơ cao lan truyền sốt rét kháng Artemisinin. Căn cứ vào mục tiêu đã thống nhất của dự án khu vực, mỗi nước sẽ chủ động xây dựng hợp phần dự án của nước mình với các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của mỗi nước và giới hạn trong số tiền tài trợ của Quỹ Toàn cầu cho mỗi nước tham gia dự án để trình RSC xem xét. Ngày 12/3/2020, RSC đã họp hội nghị trực tuyến thống nhất thông qua đề xuất về mục tiêu, hoạt động và kinh phí trình Quỹ Toàn cầu phê duyệt.

***b) Quy định về Đơn vị đồng tiếp nhận viện trợ chính (Co-Principal Recipient gọi tắt là Co-PR)***

Trong khuôn khổ dự án khu vực RAI3E, Quỹ Toàn cầu đã chọn Văn phòng Dịch vụ Liên hiệp quốc (UNOPS) là đơn vị tiếp nhận viện trợ chính (PR) của dự án giai đoạn 2021 - 2023. Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương là đơn vị đồng tiếp nhận viện trợ chính (Co - PR) của dự án giai đoạn 2021 - 2023. Đối với hợp phần của Việt Nam, PR có trách nhiệm chính là: Giải ngân kinh phí cho hợp phần của Việt Nam theo kế hoạch hàng năm được Quỹ Toàn cầu phê duyệt, giám sát tiến độ dự án, nhận và tổng hợp các báo cáo tiến độ, báo cáo tài chính của các Co-PR, các đơn vị tiếp nhận viện trợ phụ khác (Sub-Recipient gọi tắt là SRs) trình Quỹ Toàn cầu, đánh giá tiến độ và hiệu quả hàng năm và tổng kết 3 năm của dự án khu vực. Việc điều hành trực tiếp đối với hợp

phần dự án của Việt Nam sẽ do Co-PR Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ Việt Nam và Quỹ Toàn cầu. Định kỳ mỗi 6 tháng và 12 tháng Co-PR Việt Nam phải gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án của mình và các báo cáo đột xuất do PR hoặc Quỹ Toàn cầu yêu cầu cho PR để tổng hợp chung và báo cáo Quỹ Toàn cầu. Quỹ Toàn cầu ủy quyền cho Cơ quan quản lý quỹ địa phương (LFA) để rà soát báo cáo và xác minh số liệu báo cáo cho Quỹ Toàn cầu. Mọi thay đổi về ngân sách và/hoặc khung chi số liên quan đến hợp phần của Co-PR sẽ được thỏa thuận giữa Quỹ Toàn cầu, PR và Co-PR.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là Viện đầu ngành, chịu trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện và đảm bảo chất lượng các biện pháp phòng chống và loại trừ sốt rét ở Việt Nam, có khả năng quản lý và kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan thực hiện các hoạt động Dự án Quốc gia Phòng chống và Loại trừ sốt rét. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã được Bộ Y tế, Quỹ Toàn cầu giao là cơ quan tiếp nhận viện trợ chính của 6 dự án do Quỹ Toàn cầu tài trợ liên tục từ năm 2005 đến nay. Do vậy Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương có kinh nghiệm và đủ điều kiện để tiếp nhận, quản lý và triển khai hợp phần dự án Việt Nam của dự án khu vực.

### ***c) Về Thỏa thuận viện trợ***

Quỹ Toàn cầu đã có thư gửi Chủ tịch CCM Việt Nam thông báo phê duyệt viện trợ cho Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin” cho giai đoạn 2021-2023 với tổng số tiền là 31.180.102 USD (Phụ lục 5), trong đó:

- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương quản lý và giải ngân cho các đơn vị thực hiện dự án: 23.579.303 USD.
- Kinh phí do UNOPS quản lý: bao gồm kinh phí của 3 SR (HPA, Viet-MCI và VPHA), hỗ trợ kỹ thuật của WHO và phí quản lý của UNOPS: 7.600.799 USD. Số tiền này sẽ được Quỹ Toàn cầu chuyển cho UNOPS quản lý, giải ngân và báo cáo trực tiếp với Quỹ Toàn cầu.

Quỹ Toàn cầu cũng đã ký bản Thỏa thuận bổ sung 3 bên với Bộ Y tế và UNOPS cam kết viện trợ cho giai đoạn 2021 – 2023 (Phụ lục 5).

### ***d) Về quản lý tài chính (Quy định của Quỹ Toàn cầu về Cơ quan quản lý Quỹ địa phương (LFA))***

Quỹ Toàn cầu sẽ chọn một đơn vị làm cơ quan quản lý Quỹ địa phương (LFA) đại diện cho Quỹ Toàn cầu giám sát tiến độ triển khai và giải ngân của dự án khu vực. Dự án thực hiện tại Việt Nam cũng sẽ do LFA Việt Nam giám

sát việc quản lý tài chính.

LFA có trách nhiệm rà soát, đánh giá dự án của Việt Nam về các cấu phần và kế hoạch hoạt động, kế hoạch mua sắm, các chỉ số đánh giá, báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính sau đó gửi báo cáo đánh giá cho Quỹ Toàn cầu.

Giai đoạn kết thúc dự án: Cơ quan quản lý quỹ địa phương sẽ tiếp tục giúp Quỹ Toàn cầu tiến hành các thủ tục kết thúc dự án theo quy định.

#### ***e) Về tổ chức mua sắm và hệ thống phân phối***

Quỹ Toàn cầu khuyến cáo các nước hưởng dự án tài trợ của Quỹ Toàn cầu đặt hàng mua thuốc sốt rét, màn tẩm hóa chất tồn lưu dài, võng bọc màn tẩm hóa chất tồn lưu dài, tét chẩn đoán nhanh sốt rét, kính hiển vi tập trung qua một đơn vị mua sắm của UNOPS hoặc đơn vị mua sắm do Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm để đảm bảo tính cạnh tranh quốc tế và tiến độ mua sắm của các dự án.

Một số tài sản vật tư hàng hóa, hóa chất và vật tư tiêu hao khác không phải đấu thầu cạnh tranh quốc tế sẽ do Ban quản lý Dự án Trung ương tổ chức mua sắm và thực hiện theo luật pháp và các quy định mua sắm hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

#### ***f) Yêu cầu về vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam***

Việt Nam thuộc nhóm các nước thu nhập trung bình thấp nên theo quy định của Quỹ Toàn cầu thì khi tham gia dự án phải có vốn đối ứng đóng góp của Chính phủ Việt Nam. Đây là một điều kiện tiên quyết được đưa ra trong Cam kết viện trợ ký kết giữa nhà tài trợ và đơn vị tiếp nhận viện trợ. Vốn đối ứng của Việt Nam sẽ được thể hiện qua các cam kết của Chính phủ cho các năm thực hiện dự án và được chứng minh bằng ngân sách hàng năm hay các văn bản chính thức tương đương. Hàng năm, Co-PR có trách nhiệm thu thập số liệu về đối ứng của Chính phủ tại các tuyến và tổng hợp báo cáo Nhà tài trợ. Đơn vị giám sát của Quỹ Toàn cầu tại Việt Nam (LFA) sẽ có trách nhiệm rà soát báo cáo của Co-PR để đảm bảo số liệu báo cáo là chính xác và trung thực.

#### ***g) Hoàn thuế giá trị gia tăng (VAT) và nộp thuế thu nhập cá nhân***

Do là dự án ODA không hoàn lại, theo quy định của Quỹ Toàn cầu, các hoạt động của dự án được hưởng ưu đãi phải tuân thủ chính sách thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam (miễn thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, hoàn thuế VAT đối với các hoạt động đã trả thuế, đóng thuế thu nhập cá nhân, v.v.). Nhà tài trợ yêu cầu Co-PR và các đơn vị dự án tại tuyến tỉnh phải mở tài khoản và mã số thuế của dự án riêng để thực hiện quản lý và hoàn thuế đối với tất cả

các hoạt động đã trả thuế. Dự án không được ghi nhận thuế vào chi phí và phải báo cáo Nhà tài trợ định kỳ về hoạt động hoàn thuế. Đơn vị giám sát của Quỹ Toàn cầu tại Việt Nam sẽ có trách nhiệm rà soát báo cáo của Co-PR để đảm bảo số liệu báo cáo là chính xác và trung thực.

#### **4. Khả năng đáp ứng của phía Việt Nam**

Đóng góp của chính phủ Việt Nam cho Dự án Phòng chống sốt rét từ Trung ương đến địa phương cho giai đoạn 2021-2023 đã được tính toán trong bản Đề xuất đáp ứng yêu cầu Nhà tài trợ.

Chính sách ưu đãi thuế đối với các dự án ODA triển khai tại Việt Nam hiện nay đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ Toàn cầu.

Việt Nam đã có kinh nghiệm triển khai các dự án về phòng chống sốt rét do Quỹ Toàn cầu tài trợ. Quá trình triển khai thực tế đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Quỹ Toàn cầu, thường được đánh giá và xếp hạng cao trong hệ thống đánh giá của Quỹ Toàn cầu. Với kinh nghiệm đó, các điều kiện thực hiện dự án kháng thuốc khu vực giai đoạn 2021-2023 là hoàn toàn đáp ứng.

### **IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục đẩy lùi sốt rét; tập trung cao độ vào những vùng sốt rét lưu hành nặng, sốt rét kháng thuốc và các đối tượng nguy cơ cao, từng bước tiến tới loại trừ bệnh sốt rét ở các tỉnh có sốt rét lưu hành, củng cố các yếu tố bền vững ngăn chặn sốt rét quay trở lại.

- Đến năm 2023: Tỷ lệ mắc ký sinh trùng sốt rét dưới 0,016/1.000 dân.
- Tỷ lệ tử vong do sốt rét hàng năm dưới 0,002/100.000 dân.
- Không để dịch sốt rét xảy ra.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

**Mục tiêu 1:** Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân.

**Mục tiêu 2:** Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp.

**Mục tiêu 3:** Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét.

**Mục tiêu 4:** Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét.



**Mục tiêu 5:** Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia.

## V. MÔ TẢ DỰ ÁN

### 1. Nội dung hoạt động của dự án

Tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của dự án:

Theo thiết kế, Kế hoạch hoạt động và Ngân sách đã đề xuất xin Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023, các hoạt động theo từng mục tiêu Dự án cụ thể như sau:

**Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân**

- Tăng cường tiếp cận và sử dụng dịch vụ chẩn đoán sốt rét có chất lượng ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã.
- Tăng cường hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng cho chẩn đoán sốt rét.
- Đảm bảo khả năng tiếp cận kịp thời các loại thuốc điều trị sốt rét có hiệu lực và chất lượng cao tại tất cả các cơ sở y tế công và các cơ sở y tế đủ tiêu chuẩn.
- Tăng cường chất lượng dịch vụ quản lý ca bệnh của cán bộ y tế tại các cơ sở y tế công.
- Cung cấp chẩn đoán và điều trị sốt rét dựa vào cộng đồng ở tất cả các thôn bản vùng sâu vùng xa trong khu vực có nguy cơ cao ở vùng 3, 4 và 5.
- Cung cấp dịch vụ chẩn đoán và điều trị sốt rét cho nhóm dân di biến động có nguy cơ cao ở các điểm sốt rét (công trường và cửa khẩu, cửa rừng).
- Sàng lọc sốt rét cho nhóm nguy cơ cao hoặc những người đi đến hoặc đến từ vùng lưu hành sốt rét nặng.
- Y tế tư nhân tham gia quản lý ca bệnh sốt rét để đảm bảo cung cấp chẩn đoán có chất lượng và điều trị kịp thời hiệu quả.

**Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp**

- Xây dựng các chiến lược và kế hoạch để triển khai và giám sát các can thiệp

kiểm soát véc tơ.

- Cung cấp màn tẩm hóa chất tồn lưu dài cho toàn dân vùng 4-5, vùng 3 giáp ranh với vùng 4-5 và đáp ứng ổ bệnh.
- Triển khai hoạt động phòng chống véc tơ trong can thiệp đáp ứng ổ bệnh.
- Phân phát các dụng cụ bảo hộ cá nhân hiệu quả tới nhóm dân nguy cơ bao gồm dân di biến động.
- Giám sát độ bao phủ và đánh giá tác động của các biện pháp can thiệp phòng chống véc tơ.
- Đánh giá nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng chống véc tơ.

***Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét***

- Nâng cấp hệ thống báo cáo eCDS-MMS để có thể thu nhận báo cáo từ tuyến xã lên tuyến trung ương.
- Cập nhật hướng dẫn quốc gia về giám sát và tăng cường năng lực để thực hiện tất cả các hoạt động giám sát.
- Báo cáo tất cả trường hợp bệnh sốt rét xác định trong vòng 48h trên hệ thống báo cáo quốc gia (eCDS-MMS).
- Điều tra và phân loại tất cả trường hợp bệnh sốt rét xác định.
- Phát hiện và kịp thời xử lý các ổ bệnh đang hoạt động trong vùng loại trừ sốt rét.
- Phát hiện và xử lý kịp thời tất cả các khu vực có nguy cơ xảy ra ổ dịch sốt rét.
- Triển khai phát hiện ca bệnh chủ động và đáp ứng ổ bệnh.
- Cập nhật bản đồ phân bố ca bệnh hàng năm.

***Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét***

- Xây dựng và cung cấp các vật liệu truyền thông.
- Triển khai truyền thông thay đổi hành vi qua phương tiện thông tin đại chúng.
- Triển khai các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

**Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia**

- Tăng cường quản lý, điều hành phòng chống và loại trừ sốt rét từ trung ương đến địa phương.
- Nâng cao năng lực nguồn nhân lực cho phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Đảm bảo nguồn tài chính và sử dụng có hiệu quả cho phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Hợp tác trong và ngoài nước.
- Tăng cường hệ thống cung ứng hàng hóa phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.
- Giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu chương trình.
- Hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Y tế thế giới.

**2. Kết quả chính của Dự án giai đoạn 2021-2023**

**a. Chỉ số tác động**

TT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2021	2022	2023
1	Số ca bệnh có ký sinh trùng sốt rét	4.665	2019	Báo cáo quốc gia	2.808	1.884	963
2	Tỷ lệ tử vong do sốt rét/100.000 dân/năm	0,000	2019	Báo cáo quốc gia	< 0,002 /100.000	< 0,001 /100.000	0
3	Tỷ lệ % xét nghiệm dương tính	0,24%	2019	Báo cáo quốc gia	0,18%	0,13%	0,08%
4	Số ổ bệnh sốt rét hoạt động	805	2019	Báo cáo quốc gia	421	264	125
5	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét/ 1.000 dân số nguy cơ	0,61	2019	Báo cáo quốc gia	0,4570	0,3407	0,1935

**b. Chỉ số đầu ra**

TT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2021	2022	2023
1	Tỷ lệ người dân ngủ màn tẩm hóa	93,53%	2019	Điều tra chỉ số	95%	95%	95%

TT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2021	2022	2023
	chất diệt muỗi đêm hôm trước ngày điều tra						
2	Tỷ lệ số hộ gia đình có ít nhất 1 màn tẩm hóa chất cho 2 người hoặc được phun hóa chất diệt muỗi trong vòng 12 tháng	98,00%	2019	Điều tra chỉ số	98%	98%	98%
3	Tỷ lệ xét nghiệm sốt rét trên tổng dân số vùng sốt rét lưu hành	25,69%	2019	Báo cáo quốc gia	25,69%	25,69%	25,69%

**c. Chỉ số về độ bao phủ**

TT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2021	2022	2023
1	Số màn tẩm hóa chất tồn lưu dài được cấp cho dân vùng nguy cơ qua chiến dịch cấp màn	1.091.658	2019	Báo cáo cấp màn	0	1.435.900	0
2	Số màn, vông màn tẩm hóa chất tồn lưu dài được cấp bổ sung cho dân vùng nguy cơ	176.074	2019	Báo cáo cấp màn	130.800	193.700	291.435
3	Tỷ lệ người nghi ngờ được xét nghiệm chẩn đoán sốt rét ở cơ sở y tế công	100% (1.662.965 / 1.662.965)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (483.282 / 483.282)	100% (434.953 / 434.953)	100% (391.458 / 391.458)
4	Tỷ lệ người nghi ngờ được xét	100% (274.382	2019	Báo cáo quốc gia	100% (1.087.107	100% (978.396	100% (880.556

TT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2021	2022	2023
	nghiệm chẩn đoán sốt rét ở cộng đồng	/274.382)			/1.087.107)	/978.396)	/880.556)
5	Tỷ lệ người nghi ngờ được xét nghiệm chẩn đoán sốt rét ở cơ sở y tế tư nhân	100% (11.879 /11.879)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (8.485 /8.485)	100% (7.636 /7.636)	100% (6.873 /6.873)
6	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét được điều trị theo đúng phác đồ quy định của Bộ Y tế tại cơ sở y tế công	100% (4.322 /4.322)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (1.548 /1.548)	100% (1.039 /1.039)	100% (531 /531)
7	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét được điều trị theo đúng phác đồ quy định của Bộ Y tế tại cộng đồng	100% (231/231)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (1.249 /1.249)	100% (838/838)	100% (428/428)
8	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét được điều trị theo đúng phác đồ quy định của Bộ Y tế tại cơ sở y tế tư nhân	100% (112/112)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (11/11)	100% (8/8)	100% (4/4)
9	Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét được điều tra và phân loại	94,32% (4.400 /4.665)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (2.808 /2.808)	100% (1.884 /1.884)	100% (963/963)
10	Tỷ lệ ổ bệnh sốt rét được điều tra phân loại và bắt đầu các can thiệp thích hợp trong vòng 7 ngày	100% 805/805)	2019	Báo cáo quốc gia	100% (421/421)	100% (264/264)	100% (125/125)



## **VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**

### **1. Các đơn vị thụ hưởng Dự án**

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật của 36 tỉnh thụ hưởng Dự án; 196 huyện của 36 tỉnh thụ hưởng Dự án (theo Phụ lục 1).
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng thành phố Hồ Chí Minh.
- Cục Quân y thuộc Bộ Quốc phòng và các đơn vị Quân y trực thuộc;

Các đơn vị thụ hưởng Dự án nói trên đã có bản “Cam kết tham gia dự án” (Phụ lục 4), trong đó cam kết về các nội dung:

- Quản lý và tổ chức triển khai hoạt động Dự án.
- Theo dõi và giám sát hoạt động Dự án định kỳ theo kế hoạch.
- Báo cáo chuyên môn và tài chính cho Ban quản lý Dự án Trung ương theo yêu cầu Dự án.
- Chịu trách nhiệm đối với chất lượng và hiệu quả của Dự án cũng như đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính của đơn vị.
- Các đơn vị cùng tham gia triển khai Dự án cũng cam kết có trách nhiệm điều phối các hoạt động của đơn vị và phối hợp cùng các đơn vị tuyến tỉnh, huyện và xã.
- Chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan kiểm toán khi có yêu cầu của Chủ Dự án.

### **2. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp**

- Cộng đồng các dân tộc, đặc biệt là các hộ nghèo sống ở vùng sốt rét tại 196 huyện thuộc 36 tỉnh Dự án được tiếp cận sớm các dịch vụ y tế công khi ốm đau, được cấp miễn phí màn tẩm hoá chất tồn lưu dài phòng chống muỗi sốt rét.
- Bệnh nhân sốt rét ở 1.125 xã thuộc 196 huyện của 36 tỉnh Dự án được chẩn đoán sốt rét sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ và miễn phí thuốc sốt rét.
- Phụ nữ có thai ở 196 huyện Dự án được cung cấp biện pháp cá nhân dự phòng sốt rét, phát hiện và điều trị sốt rét sớm ngăn ngừa những hậu quả do sốt rét gây ra trong quá trình mang thai.
- Cộng đồng dân di cư tự do mới đến sinh sống tại 1.125 xã thuộc 196 huyện

của 36 tỉnh thụ hưởng Dự án được chẩn đoán sốt rét sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ; được cấp màn tẩm hoá chất tồn lưu dài phòng chống muỗi sốt rét.

- Cộng đồng dân có tập quán làm nương rẫy và ngủ lại qua đêm tại nương rẫy, ngủ trong rừng ở các xã, huyện dự án được cấp võng có bọc màn tẩm hoá chất tồn lưu dài phòng chống muỗi sốt rét.
- Cộng đồng dân cư trên địa bàn Dự án được tiếp cận các thông tin về phòng chống sốt rét và loại trừ sốt rét qua các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Bộ đội đóng quân ở vùng sốt rét lưu hành được cung cấp vật dụng màn, võng màn tẩm hóa chất tồn lưu lâu để phòng bệnh, được xét nghiệm chẩn đoán và điều trị sốt rét kịp thời.

### **3. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp**

- Cán bộ của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và các Viện khu vực, các Trung tâm kiểm soát bệnh tật các tỉnh hưởng Dự án, các Trung tâm Y tế huyện hưởng Dự án được tập huấn và nâng cao kỹ năng giám sát đánh giá và triển khai có hiệu quả các hoạt động của Dự án.
- Nhân viên Quân y trạm trên địa bàn 36 tỉnh Dự án được tập huấn về chẩn đoán điều trị sốt rét, được tập huấn về các biện pháp phòng chống véc tơ trong dự phòng sốt rét.
- Các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn dự án được tập huấn chẩn đoán và điều trị sốt rét nhằm đảm bảo việc chẩn đoán và điều trị đúng theo Hướng dẫn Quốc gia.
- Cán bộ làm công tác phòng chống và loại trừ sốt rét ở 27 tỉnh còn lại trên toàn quốc cũng được hưởng một số lợi ích từ một số hoạt động của Dự án triển khai trên toàn quốc như: tập huấn về theo dõi giám sát sốt rét; tập huấn về quản lý bệnh sốt rét và hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh sốt rét v.v.

### **4. Các cơ quan khác cùng thực hiện dự án**

- Đơn vị đồng tiếp nhận viện trợ chính của Dự án khu vực (UNOPS).
- Các tổ chức dân sự xã hội tại Việt Nam.
- Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam.

## VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

### 1. Kế hoạch triển khai các hoạt động thực hiện trước

Các hoạt động chuẩn bị cho Dự án giai đoạn 2021-2023; Các hoạt động kết thúc Dự án RAI2E giai đoạn 2018-2020; Các hoạt động thường quy trên địa bàn triển khai Dự án.

### 2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện cho năm đầu tiên (do Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương quản lý)

#### a) Kế hoạch ngân sách tổng thể năm 2021

TT	Mục tiêu	Ngân sách 2021 (USD)
1	<b>Mục tiêu 1:</b> Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân	1.068.951,77
2	<b>Mục tiêu 2:</b> Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp	5.133.756,45
3	<b>Mục tiêu 3:</b> Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét	3.002.531,62
4	<b>Mục tiêu 4:</b> Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét	439.203,57
5	<b>Mục tiêu 5:</b> Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia	847.255,17
<b>Tổng</b>		<b>10.491.698,58</b>

#### b) Kế hoạch hoạt động chi tiết năm 2021

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Đơn giá (USD)	Số lượng	Ngân sách (USD)
<b>Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân</b>						
12.003	12.003	Cập nhật bộ câu hỏi và điều tra đánh giá online về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh ở các cơ sở y tế công tại một số điểm sốt rét lưu hành	Lần	3.368,87	1	3.368,87
12.005	12.005	Tập huấn về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và	Lớp	4.997,19	36	179.899,00

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		test chẩn đoán nhanh cho xét nghiệm viên điểm kính hiển vi tuyến huyện và xã				
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	Chiếc	1.400,00	90	126.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	Chiếc	210,00	90	18.900,00
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	Chiếc	70,00	90	6.300,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	Chiếc	92,39	90	8.315,35
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	test	0,35	120.889	42.311,20
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	test	0,35	271.912	95.169,09
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	test	0,35	2.133	746,42
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	test	0,05	394.933	20.734,01
12.114	12.114	Vận chuyển trong nước test chẩn đoán nhanh	test	0,02	394.933	6.911,34
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	Gói	6.854,09	1	6.854,09
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Lọ	1,45	5.568	8.073,79
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	Lọ	1,45	4.490	6.511,17
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư	Lọ	1,45	41	60,04

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		nhân				
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,09	10.100	928,93
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,01	10.100	146,45
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,03	57.225	1.997,15
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	Viên	0,03	46.149	1.610,62
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,03	426	14,85
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc cPrimaquin	Viên	0,00	103.800	229,78
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	Viên	0,00	103.800	36,23
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,23	27.786	6.310,40
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	Viên	0,23	22.408	5.089,07
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,23	207	46,93
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,01	50.400	726,05
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,00	50.400	114,46
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký	Ca bệnh	34,34	2.808	96.422,29



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		sinh trùng (iDES)				
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét <i>P.falciparum</i> kháng thuốc	Ca bệnh	70,05	200	14.010,08
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	Chuyên	901,38	36	32.449,81
12.018	12.018	Khảo sát các tỉnh vùng 4, 5 để lựa chọn điểm sốt rét	Lần	727,65	19	13.825,35
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	Lớp	3.757,34	3	11.272,02
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	Điểm/tháng	22,70	12.000	272.373,69
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	Điểm/tháng	0,49	12.000	5.823,26
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	Trường hợp	55,80	300	16.739,98
12.107	12.107	Cung cấp túi y tế cho cán bộ tuyến thôn bản ở vùng 4, vùng 5 và điểm sốt rét	Túi	26,00	2.255	58.630,00
<b>Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp</b>						
12.020	12.020	Xây dựng tài liệu tập huấn phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc	Lần	1.816,50	1	1.816,50

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		tơ				
12.095	12.095	Mua màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt.	Chiếc	2,45	1.435.900	3.517.955,00
12.096	12.096	Vận chuyển quốc tế màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	Chiếc	0,12	1.435.900	168.000,30
12.097	12.097	Vận chuyển trong nước màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	Chiếc	0,24	1.435.900	345.808,63
12.098	12.098	Mua màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	2,45	41.500	101.675,00
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,10	41.500	4.284,06
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,24	41.500	9.994,47
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	2,45	4.300	10.535,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,10	4.300	443,89
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tấm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,24	4.300	1.035,57

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	2,10	5.000	10.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,09	5.000	442,42
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,21	5.000	1.032,13
12.101	12.101.03	Mua võng màn	Chiếc	8,77	84.300	738.889,50
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	Chiếc	0,37	84.300	31.133,01
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	Chiếc	0,86	84.300	72.631,50
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	Chuyến	3.427,79	19	65.127,97
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	Chuyến	3.008,05	6	18.048,27
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	Lần	210,32	4	841,29
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	Lần	352,29	4	1.409,16
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	Hội thảo	18.567,64	1	18.567,64
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh	Ổ bệnh	32,19	422	13.585,14
<b>Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét</b>						
12.025	12.025	Tổ chức hội thảo với tuyến tỉnh và tuyến huyện để rà	Hội thảo	13.340,91	1	13.340,91

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		soát phần mềm báo cáo, chức năng báo cáo và hệ thống dữ liệu				
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sót rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	Lần	1.925,53	1	1.925,53
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	Gói	60.000,00	1	60.000,00
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	Lớp	3.555,74	1	3.555,74
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	Gói	30.000,00	1	30.000,00
12.029	12.029	Tổ chức họp tại tuyến trung ương xây dựng tài liệu và lịch tập huấn về giám sát sót rét cho cán bộ tuyến tỉnh	Cuộc họp	2.327,29	1	2.327,29
12.030	12.030	Tập huấn về giám sát sót rét cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc và đại diện của y tế các bộ ngành tại 3 miền	Lớp	8.459,99	3	25.379,96
12.031	12.031	Tuyến tỉnh tập huấn giám sát sót rét cho cán bộ y tế tuyến huyện	Lớp	3.402,13	63	214.334,42
12.032	12.032	Xây dựng SOP giám sát dịch tễ cho tuyến tỉnh,	Lần	41.331,01	1	41.331,01

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		tuyển huyện và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện				
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	Chuyên	1.940,12	36	69.844,35
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyến tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	Chuyên	615,95	196	120.725,31
12.035	12.035	Tuyển huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	Chuyên	40,81	2.250	91.829,53
12.036	12.036	Tập huấn báo cáo ca bệnh, điều tra ca bệnh và phần mềm eCDS-MMS cho bệnh viện	Lớp	4.794,76	10	47.947,60
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	Ca bệnh	4,72	2.808	13.258,06
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	274,71	112	30.767,23
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	403,48	450	181.564,41
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	Lần	615,95	168	103.478,84
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	Ổ bệnh	113,75	422	48.000,82



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	Chuyên	1.678,29	16	26.852,65
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trường thôn...)	Người/q uý	25,75	37.360	962.162,60
12.042	12.042	Tuyến Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	3.534,71	28	98.971,92
12.043	12.043	Tuyến huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	347,68	234	81.356,31
12.056	12.056	Tuyến Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	Chuyên	1.548,09	36	55.731,26
12.075	12.075	Các Viện và Cục Quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	Chuyên	2.025,36	27	54.684,62
12.057	12.057	Tuyến tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	Chuyên	437,81	392	171.623,44
12.058	12.058	Tuyến huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	Chuyên	17,17	4.500	77.278,62

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.017	12.017	Tuyển xã giám sát hoạt động của tuyển thôn bản	Xã/tháng	21,46	13.500	289.730,44
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	Lần	84.528,75	1	84.528,75
<b>Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét</b>						
12.077	12.077.02	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	Bản	0,64	14.975	9.641,58
12.077	12.077.03	In và cấp Hướng dẫn thực hiện hoạt động cho CBYT thôn bản	Bản	0,67	12.175	8.186,48
12.077	12.077.06	In và cấp tài liệu về can thiệp phòng chống véc tơ cho các tỉnh.	Bản	2,36	1.756	4.145,51
12.077	12.077.07	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	Bản	2,36	1.736	4.098,29
12.077	12.077.10	In và cấp tài liệu khung giám sát, theo dõi và đánh giá	Bản	2,36	198	467,43
12.077	12.077.13	In và cấp poster truyền thông	Bản	0,43	4.355	1.869,30
12.077	12.077.14	In và cấp tờ rơi truyền thông	Gói	0,09	1.230.000	105.590,65
12.047	12.047	Họp nhóm kỹ thuật để xây dựng thông điệp và hình thức truyền thông	Cuộc họp	424,94	1	424,94
12.085	12.085	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	Gói	5.048,95	1	5.048,95
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	Gói	10.000,00	1	10.000,00
12.088	12.088	Cung cấp phương tiện truyền thông cho cộng đồng tại	Bộ	257,54	1.125	289.730,44

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		tuyến xã (loa, micro ...)				
<b>Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia</b>						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	Quý	44.027,22	4	176.108,89
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	Quý	3c97,96	4	1.591,83
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	Quý	582,33	4	2.329,30
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	Quý	291,16	4	1.164,65
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	Quý	436,75	4	1.746,98
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	97,05	784	76.090,53
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban	Bản	36,40	16	582,33

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
		QLDA Trung ương				
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	Quý	242,64	4	970,54
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	Quý	606,59	4	2.426,36
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	Máy	24,34	16	389,47
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	Quý	128,77	4	515,08
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR họp định kỳ 6 tháng	Cuộc họp	2.907,61	2	5.815,21
12.051	12.051	Họp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	Cuộc họp	1.925,53	10	19.255,27
12.052	12.052	Họp với các đối tác tại tuyến trung ương	Cuộc họp	2.124,69	1	2.124,69
12.053	12.053	Họp với các đối tác tại tuyến tỉnh	Cuộc họp	1.291,12	36	46.480,49

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	Hội nghị	2.081,81	36	74.945,32
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	Hội nghị	53.000,50	1	53.000,50
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tỉnh loại trừ sốt rét	Cuộc họp	3.851,05	1	3.851,05
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	Lần	12.439,09	1	12.439,09
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	Cuộc họp	2.108,81	1	2.108,81
12.063	12.063	Hội thảo quốc gia hoàn thiện hướng dẫn loại trừ sốt rét	Hội thảo	4.760,16	1	4.760,16
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	Chuyến	6.150,00	2	12.300,00
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyến xã	Xã	50,00	1.125	56.250,00
12.065	12.065	Họp xây dựng và cập nhật tài liệu tập huấn quản lý chương trình PCSR quốc gia	Cuộc họp	1.937,97	1	1.937,97



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.066	12.066	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyển tỉnh	Lớp	4.748,57	3	14.245,72
12.067	12.067	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyển huyện	Lớp	1.898,39	36	68.342,05
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyển tỉnh và huyện	Lớp	7.807,70	6	46.846,19
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	Gói	17.598,44	1	17.598,44
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyển trung ương	Hội nghị	3.554,03	1	3.554,03
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyển tỉnh	Hội nghị	588,05	36	21.169,64
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	Gói	49.199,86	1	49.199,86
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	Trọn gói/năm	5.000,00	1	5.000,00
<b>Tổng</b>						<b>10.491.698,58</b>

### **3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án**

#### **a) Giám sát thường quy**

- Giám sát hỗ trợ nâng cao năng lực tuyển dưới được thực hiện bởi tuyển trung ương, tuyển tỉnh, tuyển huyện nhằm hỗ trợ tuyển dưới đảm bảo việc triển khai các hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả.

- Theo dõi, giám sát về chuyên môn, các hoạt động của Dự án: báo cáo theo tháng, quý, 6 tháng và 12 tháng từ tuyến xã lên tuyến huyện, tuyến huyện báo cáo lên tuyến tỉnh, tuyến tỉnh báo cáo lên Ban quản lý Dự án Trung ương và các Viện khu vực.
- Sáu tháng một lần, Dự án báo cáo tiến độ triển khai các hoạt động và tiến độ giải ngân Dự án cho đơn vị tiếp nhận viện trợ chính (PR-UNOPS).
- Báo cáo cho Bộ Y tế và các cơ quan quản lý phía Việt Nam theo quy định về quản lý ODA hiện hành của Việt Nam và báo cáo CCM Việt Nam theo quy định.
- Cán bộ phụ trách Dự án của Quỹ Toàn cầu sẽ giám sát, đánh giá và xếp loại Dự án khu vực theo tiến độ hoạt động, giải ngân, mức độ đạt mục tiêu của Dự án hàng năm.
- Cơ quan Quản lý quỹ địa phương được Quỹ Toàn cầu lựa chọn sẽ giám sát thường xuyên kết quả thực hiện hoạt động và công tác quản lý tài chính của dự án 2 lần/năm, sau đó báo cáo Quỹ Toàn cầu theo quy định.

**b) Giám sát tiến độ và chất lượng các hoạt động**

- Giám sát phân phối màn tẩm hóa chất tồn lưu dài và vông bọc màn tẩm hóa chất tồn lưu dài cho dân vùng sốt rét lưu hành, dân mới đến định cư tại vùng sốt rét lưu hành, dân có tập quán làm nương rẫy và ngủ tại nương rẫy, ngủ rừng, dân di cư: do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật/Y tế dự phòng tỉnh và Trung tâm y tế huyện hưởng dự án chịu trách nhiệm giám sát cấp màn miễn phí đến tay người dân hưởng dự án.
- Hàng năm, cán bộ tuyến trung ương đi giám sát tuyến tỉnh, huyện, xã để nắm bắt tiến độ và chất lượng các hoạt động được triển khai của dự án: ít nhất 1 đợt/1 tỉnh/năm.
- Các tỉnh dự án đi giám sát tuyến huyện, xã thực để nắm bắt và chỉ đạo thực hiện tiến độ và chất lượng các hoạt động của dự án ít nhất 2 đợt/1 huyện/năm.
- Hàng quý, cán bộ tuyến huyện dự án đi giám sát tiến độ và chất lượng các hoạt động của dự án do tuyến xã thực hiện.
- Hàng tháng cán bộ y tế tuyến xã đi giám sát thôn bản thực hiện tiến độ và chất lượng các hoạt động của dự án: ít nhất 1 đợt/thôn/tháng.
- Hàng tuần cán bộ y tế thôn bản đi thăm hỏi hộ gia đình và phát hiện bệnh nhân sốt rét.

- Đội giám sát tăng cường sẽ thực hiện hoạt động phát hiện ca bệnh chủ động, theo dõi giám sát ca bệnh tại cộng đồng.
- Các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và khu vực giám sát ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc, giám sát muỗi truyền bệnh kháng hóa chất.

**c) Các hoạt động giám sát khác**

- Tổ chức điều tra hàng năm để đánh giá các chỉ số chính của dự án không có sẵn trong hệ thống thông tin báo cáo sốt rét hiện đang sử dụng.
- Đánh giá chương trình sốt rét quốc gia 2 năm/1 lần.
- Đánh giá tổng kết dự án hàng năm tuyến tỉnh và tuyến trung ương.
- Giám sát của cơ Quan quản lý Quỹ địa phương, CCM Việt Nam và RSC về thực hiện các hoạt động dự án, bao gồm cả công tác giải ngân.
- Giám sát thông qua hoạt động kiểm toán độc lập hàng năm.

**d) Theo dõi, giám sát và đánh giá các chỉ số chính của dự án**

- Việc đánh giá dự án dựa trên kết quả dự án đạt được so với các chỉ số đã cam kết với Nhà tài trợ.
- Dựa vào các báo cáo về chỉ số chuyên môn, báo cáo tài chính và giải ngân, Quỹ Toàn cầu sẽ đánh giá và xếp hạng dự án theo thang điểm của Quỹ Toàn cầu.

## **VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **1. Nguyên tắc chung**

Công tác quản lý thực hiện hợp phần phía Việt Nam (dự án thành phần) của dự án khu vực được quản lý và thực hiện theo các quy định áp dụng cho các khoản viện trợ không hoàn lại quy định tại:

- Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Các quy định của Quỹ Toàn cầu được thống nhất trong Thoả thuận viện trợ đã được Chính phủ Việt Nam chấp thuận.

### **2. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án**

#### **a) Phương thức quản lý phía Việt Nam**

Mô hình tổ chức Dự án RAI3E vẫn tiếp tục thực hiện mô hình giống giai đoạn 2018-2020. Bộ Y tế là cơ quan chủ quản, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là cơ quan đồng tiếp nhận viện trợ chính hợp phần phía Việt Nam.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là Chủ dự án thành phần phía Việt Nam, chịu trách nhiệm điều phối và tổ chức triển khai, thực hiện hợp phần phía Việt Nam và phối hợp với các Cục, Vụ chức năng của Bộ Y tế đảm bảo thống nhất việc quản lý, chỉ đạo và giám sát các hoạt động dự án.

Cơ chế điều hành và giám sát hoạt động hợp phần phía Việt Nam từ Trung ương đến địa phương dựa vào tổ chức quản lý ngành dọc của ngành Y tế (từ cấp Bộ, Viện đến các Sở Y tế tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật/Y tế dự phòng tỉnh, các Trung tâm y tế huyện, các Trạm Y tế xã).

#### ***Tại tuyến trung ương:***

Do đặc thù phân cấp quản lý các dự án của mình, Quỹ Toàn cầu lựa chọn Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là cơ quan đồng tiếp nhận viện trợ chính (Co-PR). Viện trợ cho Việt Nam giai đoạn 2021-2023 là một khoản ngân sách lớn, để quản lý có hiệu quả nguồn viện trợ này cần thiết phải thành lập Ban quản lý Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin”, giai đoạn 2021-2023. Ban quản lý Dự án chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động Dự án, chịu trách nhiệm đối với kết quả thực hiện dự án.

Tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Tp. Hồ Chí Minh và Cục Quân Y: Thành lập Ban quản lý Dự án giai đoạn 2021-2023 để quản lý và điều hành các hoạt động của dự án theo kế hoạch được phân bổ và dưới sự chỉ đạo, giám sát của Ban quản lý Dự án Trung ương.

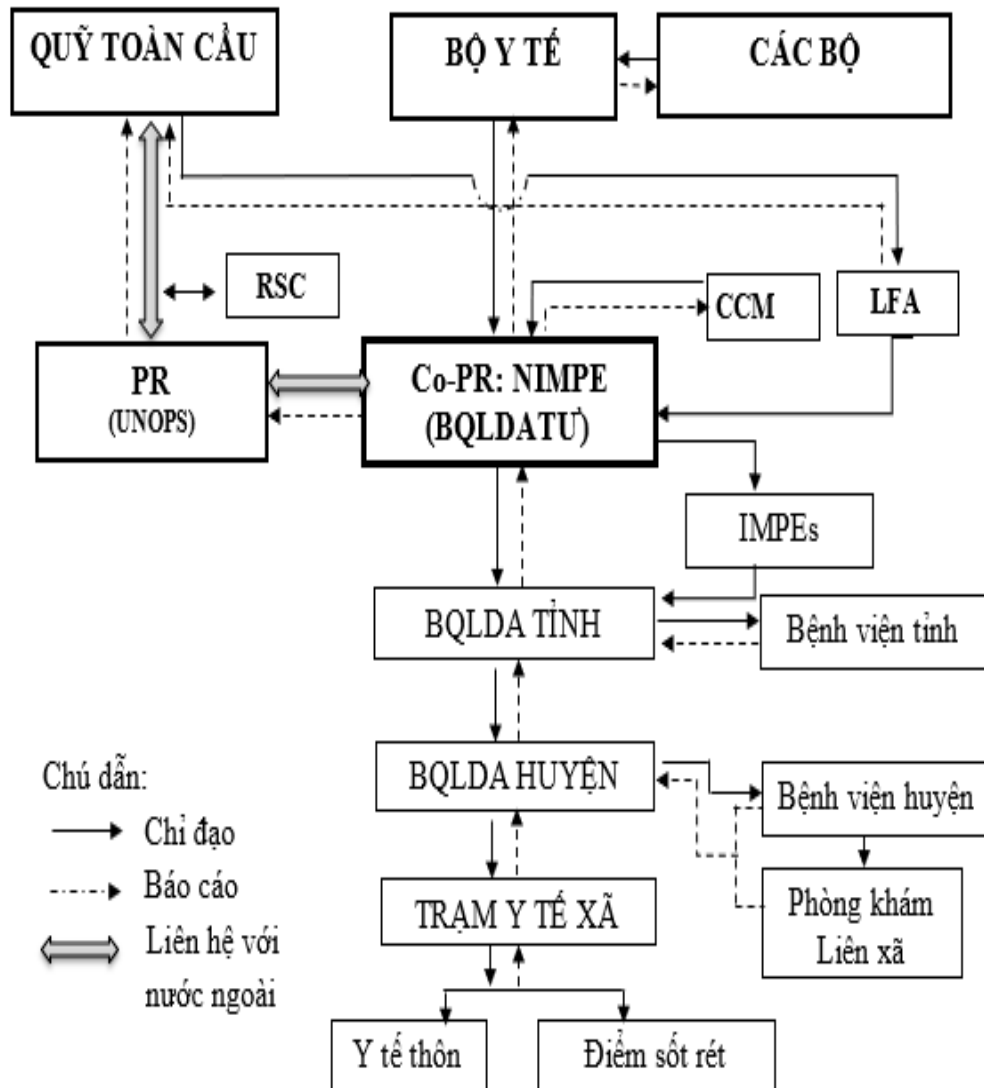
#### ***Tại tuyến tỉnh:***

Thành lập Ban quản lý Dự án giai đoạn 2021-2023 tại 36 tỉnh thụ hưởng dự án để quản lý và điều hành các hoạt động của dự án theo kế hoạch được phân bổ và dưới sự chỉ đạo, giám sát của Ban quản lý Dự án Trung ương.

#### ***Tại tuyến huyện:***

196 huyện dự án của 36 tỉnh dự án sẽ thành lập Ban quản lý dự án huyện để quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của dự án.

**Hình 2. Sơ đồ tổ chức thực hiện hoạt động dự án**



**b) Phương thức quản lý phía Quỹ Toàn cầu**

Quỹ Toàn cầu sẽ hướng dẫn các quy định thực hiện dự án và tiến hành hoặc tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện theo quy định của Quỹ, đồng thời tiếp nhận các báo cáo về tình hình thực hiện của dự án ở 5 nước trong đó có Việt Nam. Trên cơ sở báo cáo hoạt động dự án, Quỹ Toàn cầu sẽ giải ngân cho các nước triển khai dự án.

Đơn vị tiếp nhận viện trợ chính: Quỹ Toàn cầu đã chọn UNOPS là đơn vị tiếp nhận viện trợ chính (PR) của Dự án. Quỹ Toàn cầu sẽ quản lý các hợp phần dự án của 5 nước thông qua UNOPS.

**c) Vai trò và mối quan hệ của UNOPS đối với hợp phần Việt Nam**

PR và Co-PR sẽ hợp tác chặt chẽ với nhau để hoàn thành các trách nhiệm

tương ứng của mình đối với Quỹ Toàn cầu và trong việc thực hiện chương trình. PR và Co-PR sẽ chịu trách nhiệm với Quỹ Toàn cầu đối với các nghĩa vụ của riêng mình trong việc ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa và dịch vụ, mua sắm dược phẩm và các sản phẩm y tế khác nằm trong dự án. Hợp phần Việt Nam chịu trách nhiệm về các hoạt động triển khai tại Việt Nam cũng như chịu trách nhiệm quản lý giải ngân khoản kinh phí nhận được.

Quỹ Toàn cầu chuyển kinh phí hoạt động cho UNOPS, sau đó UNOPS sẽ chuyển các khoản kinh phí viện trợ này cho Co-PR. Những thay đổi về Ngân sách và các chỉ số liên quan đến Co-PR sẽ được trao đổi thống nhất giữa PR, Co-PR và Quỹ Toàn cầu.

Co-PR sẽ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho UNOPS về tiến độ hoạt động, các chỉ số, báo cáo tài chính dự án... theo thỏa thuận viện trợ để UNOPS tổng hợp báo cáo chung của khu vực rồi gửi cho Quỹ Toàn cầu.

Mối quan hệ của Hợp phần phía Việt Nam với các nước khác cùng tham gia Dự án khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin: mỗi nước thực hiện các hoạt động thuộc hợp phần của nước đó một cách độc lập, không chịu sự chi phối của các nước khác. Tuy nhiên các nước vẫn có sự trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc triển khai hoạt động dự án thông qua các cuộc họp thường niên giữa các nước thành viên trong khu vực.

Ban Điều hành khu vực có chức năng giám sát tiến độ triển khai của dự án khu vực qua các báo cáo định kỳ và đột xuất của PR.

Ban điều phối quốc gia Quỹ Toàn cầu Việt Nam sẽ giám sát, đánh giá tiến độ và hiệu quả hợp phần Việt Nam của dự án thông qua tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất của Ban quản lý Dự án Trung ương và đánh giá thực tế qua các chuyến đi kiểm tra, giám sát thực địa tại các tỉnh, huyện triển khai dự án.

Cơ quan quản lý quỹ địa phương là đơn vị được Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm theo dõi giám sát và đánh giá tiến độ, hiệu quả và giải ngân của dự án qua đánh giá báo cáo 6 tháng, hàng năm và qua các chuyến đi kiểm tra, giám sát thực địa tại các tỉnh, huyện, xã triển khai dự án.

### **3. Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện và quản lý dự án**

Mọi trao đổi, liên lạc và điều chỉnh kế hoạch hàng năm sẽ do Ban quản lý Dự án Trung ương hợp phần tại Việt Nam liên hệ trực tiếp với UNOPS và Quỹ Toàn cầu. Về phía Việt Nam, Ban quản lý Dự án Trung ương sẽ thường xuyên trao đổi công tác với Ban Điều phối khu vực và PR cũng như với CCM Việt



Nam. LFA Việt Nam giám sát hoạt động theo kế hoạch đã thống nhất giữa Co-PR, PR và Quỹ Toàn cầu.

Để quản lý, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện hợp phần dự án tại Việt Nam, hợp phần dự án sẽ thành lập Ban quản lý Dự án từ trung ương đến tuyến huyện và phân cấp quản lý hợp phần dự án.

Quan hệ công tác và trách nhiệm giữa Ban quản lý Dự án Trung ương và các Ban quản lý Dự án viện/tỉnh/Cục Quân y được quy định cụ thể tại hợp đồng trách nhiệm ký kết hàng năm giữa Ban quản lý Dự án Trung ương và Ban quản lý dự án tỉnh/viện/Cục Quân y.

Đối với các tổ chức cùng tham gia tại Việt Nam trong khuôn khổ Dự án RAI3E thuộc cấu phần các tổ chức dân sự xã hội là các SRs (HPA, Viet-MCI, VPHA) do PR-UNOPS quản lý trực tiếp về tài chính và các hoạt động, Ban quản lý Dự án Trung ương với vai trò Co-PR sẽ chỉ quản lý các SR này về mặt chuyên môn kỹ thuật phòng chống sốt rét, nhằm tăng hiệu quả dự án và tránh chồng chéo các hoạt động được triển khai tại Việt Nam.

#### **4. Sự hình thành, chức năng và nhiệm vụ của các Ban quản lý dự án**

##### ***a) Ban quản lý Dự án Trung ương.***

###### **❖ Thành lập Ban quản lý Dự án Trung ương:**

Sau khi dự án được phê duyệt, Bộ Y tế sẽ ra Quyết định về Chủ Dự án và thành lập Ban quản lý Dự án Trung ương và Quy chế, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý Dự án Trung ương để quản lý và tổ chức triển khai Hợp phần tại Việt Nam. Giám đốc Ban quản lý Dự án Trung ương là Lãnh đạo Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Ban quản lý Dự án Trung ương được đặt tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Giúp việc cho Ban quản lý Dự án Trung ương có Văn phòng Ban quản lý Dự án Trung ương. Giám đốc Ban quản lý Dự án Trung ương sẽ tuyển chọn các nhân viên văn phòng Dự án và các chuyên gia trong nước giúp việc cho Ban quản lý Dự án theo Luật pháp và các quy định hiện hành của Việt Nam.

Chủ Dự án có thể điều động, bố trí một số cán bộ làm công tác kiêm nhiệm tại Ban quản lý Dự án Trung ương phù hợp với nhu cầu công tác và đảm bảo các quy định hiện hành.

Ban Quản lý Dự án Trung ương được phép sử dụng con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để quản lý và tổ chức triển khai dự án.

❖ Chức năng nhiệm vụ chính của Ban quản lý Dự án Trung ương.

Chịu trách nhiệm trước Bộ Y tế và Nhà nước về quản lý nguồn ngân sách và các hoạt động dự án từ khi bắt đầu thực hiện cho đến khi kết thúc dự án, kể cả việc báo cáo định kỳ về chuyên môn và tài chính, quyết toán, nghiệm thu, bàn giao v.v.

Chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng dự án lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dự án đã được phê duyệt.

Hỗ trợ kỹ thuật, giám sát và điều phối các hoạt động dự án.

Tổ chức triển khai các hoạt động toàn dự án và thực hiện các hoạt động của Ban quản lý Dự án Trung ương.

Xây dựng và tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư, trang thiết bị, thuốc... cho dự án theo luật định sau khi được phê duyệt. Lập kế hoạch phân phối vật tư, trang thiết bị, thuốc của dự án. Hướng dẫn cho các đơn vị và địa phương hưởng dự án sử dụng và bảo quản vật tư, trang thiết bị sau khi tiếp nhận.

Theo dõi, kiểm tra giám sát định kỳ và đánh giá hiệu quả các hoạt động của dự án.

Căn cứ kế hoạch dự án đã được phê duyệt, hàng năm Ban quản lý Dự án Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng các hợp đồng trách nhiệm và các phụ lục hợp đồng theo công việc cụ thể, ký kết với Ban quản lý dự án viện/tỉnh/Cục Quân y.

Báo cáo thực hiện kết quả các hoạt động, báo cáo tài chính cho Quỹ Toàn cầu, LFA, UNOPS, Ban điều phối Quốc gia Việt Nam và Bộ Y tế định kỳ theo quý, 6 tháng, hàng năm và báo cáo đột xuất (nếu có).

Liên lạc, trao đổi thông tin và làm việc với các đối tác liên quan trong và ngoài nước (Quỹ Toàn cầu, LFA, CCM, UNOPS, WHO...).

#### ***b) Ban quản lý Dự án Viện/ tỉnh/Cục Quân y***

❖ Sự cần thiết của việc thành lập BQLDA ở 3 viện:

Ngay từ khi bắt đầu triển khai Dự án RAI2E giai đoạn 2018-2020, mỗi Viện đã được phân công quản lý, hỗ trợ chuyên môn cho các tỉnh Dự án theo vùng, miền. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương quản lý các tỉnh khu

vực phía Bắc, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn quản lý các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên và Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng thành phố Hồ Chí Minh quản lý các tỉnh Miền Nam.

Trong khuôn khổ Dự án, các Viện có vai trò chính trong việc tham gia các lĩnh vực xây dựng chiến lược, lập kế hoạch, đào tạo nâng cao năng lực cho hệ thống, tổ chức hoạt động nghiên cứu, theo dõi giám sát đảm bảo chất lượng và kiểm soát tình hình dịch bệnh. Với vai trò như vậy, các Viện đã được phân bổ kinh phí theo các hoạt động tương ứng với từng nhiệm vụ. Để hoàn thành được các hoạt động và nhiệm vụ được giao, các viện phải huy động một lượng lớn nhân lực có trình độ cao tham gia. Mặt khác khi thực hiện các hoạt động này cũng phải thực hiện các công việc tiếp nhận vật tư hàng hóa, hạch toán, quyết toán theo quy định Dự án. Do vậy, công việc các Viện thực hiện không đơn thuần chỉ là phối hợp tham gia mà là cần phải tổ chức điều hành và quản lý. Điều đó đòi hỏi cần có một Ban quản lý Dự án Viện để trực tiếp quản lý, điều phối và triển khai các hoạt động của Dự án theo kế hoạch được phân bổ.

Sự tham gia của 3 Viện sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Dự án ở các điểm sau:

- Huy động được nguồn nhân lực trình độ cao và chuyên môn sâu tham gia trong việc đưa ra các chiến lược, sách lược, lập kế hoạch hoạt động kết cấu ngân sách phù hợp hiệu quả, nhằm đạt được mục tiêu dự án.
- Cung cấp hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến tỉnh, huyện, xã, thực hiện Dự án trong các lĩnh vực đào tạo, giám sát dịch tễ bệnh, giám sát tăng cường khi có yêu cầu, giám sát chuyên sâu như giám sát véc tơ truyền bệnh, triển khai các nghiên cứu về kháng thuốc điều trị của ký sinh trùng sốt rét... từ đó đề ra các đáp ứng phù hợp hỗ trợ và nâng cao hiệu quả của dự án, góp phần vào sự thành công của Chương trình quốc gia Phòng chống sốt rét.

Do đó, với nhiệm vụ cụ thể và các lợi thế phân tích ở trên, mô hình có sự tham gia của Ban quản lý Dự án tại 3 Viện là rất cần thiết.

❖ Thành lập Ban quản lý Dự án viện/tỉnh/Cục Quân y:

Quyết định thành lập Ban quản lý Dự án tỉnh sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Y tế ban hành. Quyết định thành lập Ban quản lý Dự án viện sẽ do Viện trưởng các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng ban hành. Quyết định thành lập Ban quản lý Dự án Cục Quân y do Cục trưởng Cục Quân y, Bộ Quốc phòng ban hành.

Ban quản lý Dự án viện/tỉnh/Cục Quân y được phép sử dụng con dấu riêng và tài khoản riêng cho Dự án tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để

giao dịch cho Dự án.

❖ Chức năng nhiệm vụ chính của Ban quản lý Dự án viện/Cục Quân y/tỉnh là:

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và các Viện khu vực chịu trách nhiệm theo dõi giám sát, đánh giá Dự án tại các tỉnh Dự án theo khu vực được phân công;

Ban quản lý Dự án Cục Quân y chịu trách nhiệm trước Ban quản lý Dự án Trung ương, Bộ Y tế và Nhà nước về toàn bộ công tác tổ chức và quản lý các nguồn ngân sách và các hoạt động Dự án trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ cho các đơn vị quân đội trong công tác phòng chống sốt rét, quản lý có hiệu quả (theo hợp đồng trách nhiệm ký kết hàng năm giữa Ban quản lý Dự án Trung ương và Ban quản lý Dự án Cục Quân y) từ khi bắt đầu thực hiện Dự án cho đến khi kết thúc Dự án, kể cả việc báo cáo định kỳ về chuyên môn và tài chính, quyết toán, nghiệm thu, bàn giao v.v.

Trưởng Ban quản lý Dự án tỉnh/viện chịu trách nhiệm trước Ban quản lý Dự án Trung ương, Bộ Y tế và Nhà nước về toàn bộ công tác tổ chức và quản lý các nguồn ngân sách và các hoạt động dự án trong địa bàn, quản lý có hiệu quả (theo hợp đồng trách nhiệm ký kết hàng năm giữa Ban quản lý Dự án Trung ương và Ban quản lý dự án tỉnh/viện) từ khi bắt đầu thực hiện dự án cho đến khi kết thúc dự án, kể cả việc báo cáo định kỳ về chuyên môn và tài chính, quyết toán, nghiệm thu, bàn giao v.v.

Lập kế hoạch và chỉ đạo, tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động của Dự án đúng mục đích và đạt được các mục tiêu của Dự án đã được phê duyệt.

Chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động của Dự án tại tuyến dưới đúng quy định của Dự án và các quy định của nhà nước.

Tiếp nhận và sử dụng kinh phí cho các hoạt động của Dự án tại tuyến tỉnh theo đúng quy định của Dự án và của nhà nước.

Tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng các vật tư trang thiết bị của Dự án cho tuyến tỉnh.

Kiểm tra giám sát việc tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng các vật tư tài sản, trang thiết bị của Dự án cho tỉnh, huyện, xã dự án và các đơn vị quân y.

Định kỳ theo tháng, quý, 6 tháng, hàng năm báo cáo tiến độ hoạt động, báo cáo tài chính v.v và báo cáo đột xuất (nếu có) cho Ban quản lý Dự án Trung ương theo quy định của Dự án.

### ***c) Ban quản lý Dự án huyện.***

❖ Duy trì và kiện toàn Ban quản lý Dự án huyện.

196 huyện Dự án sẽ duy trì và kiện toàn Ban quản lý Dự án để quản lý điều hành và chỉ đạo thực hiện các hoạt động Dự án tại huyện.

Quyết định thành lập Ban quản lý Dự án huyện sẽ do Giám đốc sở Y tế ban hành.

❖ Chức năng nhiệm vụ chính của Ban quản lý Dự án huyện là:

Trưởng Ban quản lý Dự án huyện chịu trách nhiệm trước Ban quản lý Dự án tỉnh, Sở Y tế và Nhà nước về toàn bộ công tác tổ chức và quản lý các nguồn ngân sách và các hoạt động dự án trong địa bàn quản lý có hiệu quả từ khi bắt đầu thực hiện dự án cho đến khi kết thúc dự án, kể cả việc báo cáo định kỳ về chuyên môn và tài chính, quyết toán, nghiệm thu, bàn giao v.v.

Lập kế hoạch và tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động của Dự án tại địa bàn huyện cho đúng mục đích và đạt được các mục tiêu của Dự án đã được phê duyệt.

Tiếp nhận và sử dụng kinh phí cho các hoạt động của Dự án tại huyện, xã theo đúng quy định của Dự án và của nhà nước.

Tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng các vật tư tài sản, trang thiết bị của Dự án cho huyện và xã Dự án.

Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo tiến độ hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo đột xuất (nếu có) cho Ban quản lý Dự án tỉnh theo quy định của Dự án.

### **5. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của Chủ Dự án.**

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là Viện trực thuộc Bộ Y tế, là Viện đầu ngành về nghiên cứu và chỉ đạo phòng chống các bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng truyền bệnh và các bệnh nhiệt đới liên quan khác. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã được Bộ Y tế giao phụ trách và chỉ đạo Chương trình quốc gia phòng chống sốt rét, nay là Dự án quốc gia phòng chống và loại trừ sốt rét.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương được Bộ Y tế giao làm chủ dự án tài trợ của Quỹ Toàn cầu vòng 3 mang tên “*Củng cố và duy trì các thành quả phòng chống sốt rét đã đạt được trong thập kỷ qua góp phần đẩy lùi bệnh sốt rét ở những vùng sốt rét lưu hành nặng còn lại ở Việt Nam*” và dự án vòng 7 mang tên “*Tăng cường phòng chống sốt rét dựa vào cộng đồng tập trung*

vào các nhóm có nguy cơ cao, nâng cao năng lực và tính bền vững của Chương trình Phòng chống sốt rét quốc gia”; tiếp đến Dự án TFM, dự án NFM, Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin” giai đoạn 2014-2017 và hiện tại là Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2018-2020”. Giám đốc Ban quản lý Dự án Trung ương là Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Để quản lý và tổ chức triển khai có hiệu quả cao hợp phần dự án khu vực tại Việt Nam, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã chứng tỏ là cơ quan có đủ năng lực và có kinh nghiệm để tiếp tục tiếp nhận viện trợ, quản lý và tổ chức triển khai có hiệu quả hợp phần Dự án khu vực mang tên “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc sốt rét artemisinin” giai đoạn 2021-2023.

## IX. TỔNG VỐN CỦA DỰ ÁN

### 1. Vốn ODA không hoàn lại

Vốn ODA là vốn viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét cho dự án giai đoạn 3 năm 2021 - 2023 là 31.180.102 đô la Mỹ. Theo chính sách của Quỹ Toàn cầu, theo kết quả của Ban xây dựng đề xuất dự án quốc gia, đã thống nhất cơ cấu ngân sách cho đơn vị tiếp nhận viện trợ chính của Dự án khu vực (UNOPS): trong đó:

- Ngân sách do Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương trực tiếp quản lý là **23.579.303 USD**. Sử dụng tỷ giá lập kế hoạch 1 USD = 23.298 đồng, vốn ODA quy đổi ra đồng Việt Nam là 549.339.224.614 đồng (*Bằng chữ: năm trăm bốn mươi chín tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm mười bốn đồng*).
- Ngân sách cho các tổ chức xã hội dân sự (SR), UNOPS và tổ chức Y tế thế giới là: **7.600.799 USD**. UNOPS sẽ chịu trách nhiệm quản lý và quyết toán trực tiếp với Quỹ Toàn cầu. Số tiền này được phân bổ như sau:
  - + Các tổ chức dân sự xã hội tham gia dự án với số tiền là 4.824.967 USD, chiếm 15,47%;
  - + Phí quản lý của UNOPS là 1.848.832 USD, chiếm 5,92%;
  - + Tổ chức Y tế thế giới hỗ trợ kỹ thuật cho dự án là: 927.000 USD, chiếm 2,97%,

#### a) Ngân sách tổng thể của Dự án

- Ngân sách theo từng mục tiêu trong 3 năm 2021-2023 cụ thể như sau:



**Bảng 2: Kế hoạch tổng thể của Dự án trong 3 năm 2021-2023**  
do Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương trực tiếp quản lý

*Đơn vị tính: USD*

<b>Mục tiêu</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Tổng kinh phí</b>
Mục tiêu 1: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân	1.068.951,77	2.151.718,16	910.968,60	4.131.638,53
Mục tiêu 2: Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp	5.133.756,45	1.233.226,79	1.472.253,75	7.839.236,99
Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét	3.002.531,62	2.518.063,35	2.539.755,21	8.060.350,18
Mục tiêu 4: Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét	439.203,57	183.029,76	124.564,80	746.798,13
Mục tiêu 5: Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia	847.255,17	861.929,78	1.092.094,22	2.801.279,17
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.491.698,58</b>	<b>6.947.967,84</b>	<b>6.139.636,58</b>	<b>23.579.303,00</b>

***b) Kế hoạch hoạt động và ngân sách chi tiết***

- Kế hoạch hoạt động và ngân sách chi tiết được trình bày tại Phụ lục 2.
- Danh mục mua sắm hàng hóa, vật tư Dự án được trình bày tại Phụ lục 3.



## 2. Vốn đối ứng

Trên cơ sở hướng dẫn tại Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trên cơ sở nội dung của hiệp định khung ngày 24/8/2015 giữa Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Quỹ Toàn cầu về trách nhiệm cùng đầu tư tài chính (vốn đối ứng); Kinh phí đối ứng của dự án giai đoạn 2021 - 2023 sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước được chi trả cho các hoạt động của văn phòng Ban quản lý Dự án Trung ương và văn phòng Ban quản lý Dự án các Viện, tỉnh, huyện bao gồm: Phụ cấp cho cán bộ làm kiêm nhiệm tại các Ban quản lý Dự án, tiền điện, nước, xăng xe, bảo dưỡng máy móc thiết bị vật tư, xe ô tô, dụng cụ văn phòng của Dự án; cước điện thoại, internet; văn phòng phẩm, in ấn, cước bưu chính, và các khoản chi phí hành chính, văn phòng, tiếp khách...

Nhu cầu kinh phí đối ứng của Dự án cụ thể như sau:

**Bảng 4: Nhu cầu sử dụng vốn đối ứng**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên đơn vị	Đối ứng năm 2021	Đối ứng năm 2022	Đối ứng năm 2023	Tổng đối ứng 3 năm
1	Lai Châu	400.000.000	300.000.000	300.000.000	1.000.000.000
2	Điện Biên	301.000.000	301.000.000	301.000.000	903.000.000
3	Sơn La	85.785.000	85.785.000	85.785.000	257.355.000
4	Lào Cai	367.200.000	397.920.000	430.560.000	1.195.680.000
5	Hà Giang	166.666.600	166.666.700	166.666.700	500.000.000
6	Bắc Kạn	180.000.000	180.000.000	180.000.000	540.000.000
7	Cao Bằng	416.310.000	416.310.000	416.310.000	1.248.930.000
8	Hòa Bình	159.533.300	159.533.300	159.533.400	478.600.000
9	Thanh Hóa	740.000.000	740.000.000	740.000.000	2.220.000.000
10	Nghệ An	600.000.000	600.000.000	600.000.000	1.800.000.000
11	Hà Tĩnh	745.686.000	801.255.000	872.381.000	2.419.322.000
12	Quảng Bình	700.000.000	600.000.000	500.000.000	1.800.000.000

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Đối ứng năm 2021</b>	<b>Đối ứng năm 2022</b>	<b>Đối ứng năm 2023</b>	<b>Tổng đối ứng 3 năm</b>
13	Quảng Trị	460.000.000	460.000.000	460.000.000	1.380.000.000
14	Thừa Thiên Huế	350.000.000	350.000.000	350.000.000	1.050.000.000
15	Quảng Nam	458.836.560	458.836.560	458.836.560	1.376.509.680
16	Quảng Ngãi	438.074.000	438.074.000	438.075.000	1.314.223.000
17	Bình Định	486.192.000	486.192.000	486.192.000	1.458.576.000
18	Phú Yên	448.333.300	448.333.300	448.333.400	1.345.000.000
19	Khánh Hòa	412.000.000	412.000.000	412.000.000	1.236.000.000
20	Ninh Thuận	466.666.600	466.666.700	466.666.700	1.400.000.000
21	Bình Thuận	576.000.000	576.000.000	576.000.000	1.728.000.000
22	Gia Lai	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	3.900.000.000
23	Kon Tum	530.000.000	575.000.000	620.000.000	1.725.000.000
24	Đắk Lắk	525.702.300	525.702.300	525.702.400	1.577.107.000
25	Đắk Nông	617.488.600	617.488.700	617.488.700	1.852.466.000
26	Lâm Đồng	471.900.000	471.900.000	471.900.000	1.415.700.000
27	Đồng Nai	204.000.000	204.000.000	204.000.000	612.000.000
28	Bình Dương	170.400.000	170.400.000	170.400.000	511.200.000
29	Bình Phước	500.000.000	600.000.000	700.000.000	1.800.000.000
30	Tây Ninh	276.883.300	276.883.300	276.883.400	830.650.000
31	Bà Rịa - Vũng Tàu	398.333.000	398.333.000	398.334.000	1.195.000.000
32	Long An	1.062.779.000	1.062.779.000	1.062.779.809	3.188.337.809
33	Sóc Trăng	210.376.000	210.376.000	210.377.000	631.129.000
34	Kiên Giang	234.556.992	234.556.992	234.556.992	703.670.976
35	Bạc Liêu	183.073.320	183.073.320	183.073.320	549.219.960
36	Cà Mau	382.480.165	382.480.165	382.480.165	1.147.440.494

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Đối ứng năm 2021</b>	<b>Đối ứng năm 2022</b>	<b>Đối ứng năm 2023</b>	<b>Tổng đối ứng 3 năm</b>
37	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	602.180.000	602.180.000	602.180.000	1.806.540.000
38	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	900.000.000
39	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Tp Hồ Chí Minh	229.500.000	229.000.000	228.000.000	686.500.000
40	Cục Quân y	0	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>17.157.936.037</b>	<b>17.188.725.337</b>	<b>17.336.495.546</b>	<b>51.683.156.919</b>

Tổng vốn đối ứng viết bằng chữ: Năm mươi một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười chín đồng. Quy ra tiền đô la Mỹ là: **2.218.397,60 USD** (tỷ giá lập kế hoạch 1 USD = 23.298 đồng).

- Nguồn và phân bổ vốn đối ứng như sau:
  - + Nguồn ngân sách Trung ương được cấp từ nguồn ngân sách sự nghiệp y tế của Bộ Y tế phân bổ cho Ban quản lý Dự án 3 viện (Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương - Ban quản lý Dự án Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng thành phố Hồ Chí Minh) 3 năm (2021-2023) là 3.393.040.000 đồng.
  - + Nguồn ngân sách địa phương (các tỉnh Dự án) phân bổ vốn đối ứng cho Ban quản lý Dự án các tỉnh, huyện tại địa phương 3 năm (2021-2023) là 48.290.116.919 đồng.

### **3. Tổng vốn ODA và vốn đối ứng giai đoạn 2021-2023**

Tổng hợp nguồn vốn giai đoạn 2021-2023: **25.797.700,60 USD** (tương đương 601.022.381.533 đồng, sử dụng tỷ giá lập kế hoạch 1 USD = 23.298 đồng), trong đó:

- Vốn ODA: 23.579.303,00 USD (tương đương 549.339.224.614 đồng).
- Vốn đối ứng: 2.218.397,60 USD (tương đương 51.683.156.919 đồng).

## **4. Cơ chế tài chính**

### **4.1. Cơ chế tài chính trong nước của dự án**

#### ***a) Đối với vốn ODA***

Vốn ODA của dự án là vốn viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét.

#### ***Cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án:***

Giám đốc Ban quản lý Dự án Trung ương chịu trách nhiệm trước Bộ Y tế, Nhà nước và Quỹ Toàn cầu về quản lý và sử dụng kinh phí dự án để thực hiện các nội dung hợp phần dự án viện trợ tại Việt Nam đã được phê duyệt. Quy chế giải ngân của hợp phần dự án sẽ tuân thủ theo các quy định tài chính áp dụng cho các khoản viện trợ không hoàn lại tại:

- Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/ chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức; thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Thông tư số 03/2013/TT-BYT ngày 21/01/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn hạch toán ngân sách nhà nước áp dụng cho các khoản viện trợ không hoàn lại do Bộ Y tế quản lý.
- Các quy định tài chính của Quỹ Toàn cầu được nêu trong Thoả thuận viện trợ.

#### ***b) Đối với vốn đối ứng:***

Sau khi các địa phương chấp thuận tiếp nhận dự án và cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện, chủ dự án tổng hợp chung vào Văn kiện Dự án, báo cáo cơ quan chủ quản để báo cáo cơ quan thẩm quyền xem xét phê duyệt. Sau khi được cơ quan thẩm quyền Việt Nam phê duyệt Văn kiện dự án, chủ dự án/cơ quan chủ quản dự án ký kết thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có) trong đó có các điều khoản về vốn đối ứng đã được cấp thẩm quyền Việt Nam phê duyệt.

Khi triển khai thực hiện, căn cứ Văn kiện Dự án đã được phê duyệt, hàng năm các đơn vị thực hiện dự án tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện dự án, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố tổng hợp trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán. Trên cơ sở cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố sẽ phân bổ chi tiết đến các đơn vị thực hiện dự án và thông báo cho kho bạc nhà nước của từng địa phương để kiểm soát chi theo quy định.

Nguồn ngân sách Trung ương được cấp từ hoạt động Phòng chống sốt rét của Dự án phân bổ cho Ban quản lý Dự án Trung ương và Ban quản lý Dự án 3 viện (Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng thành phố Hồ Chí Minh).

#### **4.2. Phương thức tài trợ và giải ngân đối với dự án**

Quỹ Toàn cầu thực hiện giải ngân cho dự án theo mô hình giải ngân dựa vào kết quả hoạt động của dự án:

- Ban quản lý Dự án Trung ương được mở 02 tài khoản mang tên dự án tại Ngân hàng thương mại phù hợp để tiếp nhận nguồn vốn viện trợ: 01 tài khoản ngoại tệ (Đô la mỹ) để tiếp nhận tiền chuyển bằng ngoại tệ từ Quỹ Toàn cầu và 01 tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) để giải ngân cho các hoạt động của dự án.
- Tài khoản vốn đối ứng: Các Ban quản lý dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.
- Quy định chuyển tiền được áp dụng theo các quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý viện trợ không hoàn lại như sau:
  - + Kinh phí được chuyển từ Quỹ Toàn cầu về tài khoản của UNOPS, sau đó UNOPS sẽ chuyển kinh phí của hợp phần Việt Nam về tài khoản ngoại tệ của Ban quản lý Dự án Trung ương. Ban quản lý Dự án Trung ương sẽ tiến hành các thủ tục quy định về quản lý kinh phí viện trợ, ký hợp đồng trách nhiệm với các đơn vị thụ hưởng dự án và chuyển kinh phí cho các đơn vị thực hiện dự án theo kế hoạch hoạt động và ngân sách phân bổ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

- + Sau mỗi 6 tháng, Ban quản lý Dự án Trung ương sẽ phải báo cáo về số liệu tài chính, tiến độ hoạt động và các chỉ số đánh giá chính của dự án kèm theo đề nghị chuyển tiền cho các hoạt động của kỳ tiếp theo gửi UNOPS để tiến hành các đợt chuyển tiền tiếp theo. Ban quản lý Dự án Trung ương có trách nhiệm gửi thư xác nhận số tiền đã nhận được với Quỹ Toàn cầu và làm các thủ tục cần thiết khác.

#### **4.3. Nguyên tắc quản lý tài chính**

Nguồn vốn do Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được dự toán, kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

#### **4.4. Định mức chi tiêu**

Quỹ Toàn cầu yêu cầu áp dụng định mức chi tiêu của Chính phủ Việt Nam cho dự án. Do đó về cơ bản, mọi hoạt động về quản lý tài chính và chuyên môn sẽ áp dụng theo định mức chi tiêu của Chính phủ đang áp dụng tại các văn bản sau: Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 và Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 quy định chế độ đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

Đối với những hoạt động của dự án chưa có định mức chi tiêu được Chính phủ quy định Bộ Y tế sẽ phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng định mức chi tiêu và thống nhất với Quỹ Toàn cầu để áp dụng.

Định mức cho một số hoạt động đã được Nhà tài trợ và Cơ quan quản lý quỹ địa phương LFA chấp thuận thì áp dụng định mức của Nhà tài trợ.

#### **4.5. Quản lý mua sắm**

Quỹ Toàn cầu yêu cầu các nước hưởng dự án tài trợ của Quỹ Toàn cầu mua các loại thuốc, trang thiết bị y tế như thuốc sốt rét, màn tẩm hóa chất tồn lưu lâu, xét chẩn đoán nhanh, kính hiển vi v.v. tập trung qua một đơn vị mua sắm của

UNOPS hoặc đơn vị mua sắm do Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm để đảm bảo tính cạnh tranh quốc tế và tiến độ mua sắm của các dự án.

Các loại vật tư, hóa chất khác không thuộc phạm vi yêu cầu của Quỹ Toàn cầu sẽ do Ban quản lý Dự án Trung ương tổ chức mua sắm theo luật pháp và các quy định mua sắm hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

#### **4.6. Quyết toán**

##### ***4.6.1. Quyết toán với nhà tài trợ.***

- Ban quản lý Dự án Trung ương gửi báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính cho Quỹ Toàn cầu, LFA và UNOPS. UNOPS sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các nước và gửi Quỹ Toàn cầu. LFA do Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm sẽ kiểm tra và xác minh số liệu. Đồng thời dự án gửi báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính cho Bộ Y tế, chịu sự kiểm tra quyết toán của Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch Tài chính).
- Đối với địa phương, các Ban quản lý dự án tỉnh, Viện, Cục Quân Y nộp báo cáo tiến độ và báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm quyết toán với Ban quản lý Dự án Trung ương, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ban quản lý Dự án Trung ương và Sở Y tế địa phương.
- Biểu mẫu báo cáo quyết toán :
  - + Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán gửi cho Quỹ Toàn cầu, LFA và UNOPS theo biểu mẫu quy định của Quỹ Toàn cầu.
  - + Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán gửi Bộ Y tế: Biểu mẫu báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính.

##### ***4.6.2. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi nguồn Viện trợ bằng tiền***

- Các Ban quản lý dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.
- Giải ngân vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại bằng tiền cho dự án: Căn cứ kết quả kiểm soát chi, trên cơ sở yêu cầu của các Ban quản lý dự án, ngân hàng phục vụ thực hiện giải ngân cho dự án theo quy định; hằng tháng, thông báo số giải ngân vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại của dự án cho Bộ Tài chính.



- Hạch toán ghi thu ghi chi cho dự án:
  - + Hàng tháng hoặc theo từng lần phát sinh, trên cơ sở kết quả kiểm soát chi, giấy đề nghị ghi thu ghi chi và bản sao kê chứng từ thanh toán từ tài khoản tại ngân hàng phục vụ do các Ban quản lý dự án gửi, Kho bạc Nhà nước đồng thời thực hiện ghi thu ghi chi theo quy định;
  - + Kho bạc Nhà nước hạch toán vào ngân sách nhà nước theo nội dung chi viện trợ tại mục lục ngân sách nhà nước theo quy định. Các khoản tạm ứng theo chế độ thực hiện hạch toán ghi chi tạm ứng. Các khoản thu hồi tạm ứng thực hiện hạch toán giảm ghi chi tạm ứng. Các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành hạch toán ghi thu ghi chi thực chi và thực hiện quyết toán ngân sách hàng năm;
  - + Thời gian hạch toán theo quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước
- Việc thanh toán tạm ứng, kiểm soát chi từ nguồn vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại bằng tiền thực hiện theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Theo quy định tại Thỏa thuận viện trợ lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại phát sinh trên tài khoản tiền gửi phải được hạch toán theo dõi riêng, và chỉ được sử dụng khi được Quỹ Toàn cầu chấp thuận.
- Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại tại ngân hàng phục vụ, theo yêu cầu của Quỹ Toàn cầu Chủ dự án sẽ chuyển toàn bộ số kinh phí còn dư tại tài khoản của Ban QLDA Trung ương và tài khoản của các đơn vị thực hiện dự án về tài khoản của Quỹ Toàn cầu. Trường hợp không có cam kết tại Thỏa thuận viện trợ về sử dụng lãi tiền gửi viện trợ, chủ dự án nộp toàn bộ số dư lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành. Việc sử dụng số dư lãi phát sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

#### ***4.6.3. Tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa và dịch vụ***

- Việc tiếp nhận hàng viện trợ nhập khẩu từ nước ngoài được thực hiện theo Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Quản lý thuế.

Hồ sơ gửi đến cơ quan hải quan làm thủ tục thông quan hàng viện trợ nhập khẩu gồm:

- + Thỏa thuận viện trợ không hoàn lại.
- + Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án.
- + Hồ sơ khác theo quy định pháp luật về thủ tục hải quan.
- Hồ sơ hoàn thuế hoặc miễn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn vốn Quỹ Toàn cầu viện trợ không hoàn lại gửi đến cơ quan thuế gồm:
  - + Thỏa thuận viện trợ không hoàn lại.
  - + Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án.
  - + Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư của chủ dự án theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;
  - + Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật liên quan tới hoàn thuế hoặc miễn thuế.
- Các khoản thuế, phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thuế, phí và lệ phí.
- Sau khi giao nhận hàng hóa, chủ dự án lập hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước theo quy định. Hồ sơ ghi thu ghi chi gồm có:
  - + Thỏa thuận viện trợ không hoàn lại.
  - + Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án.
  - + Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.
  - + Trường hợp hàng hóa nhập khẩu: Hợp đồng, vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương, hóa đơn thương mại hoặc tờ khai hàng hóa nhập khẩu đối với trường hợp không có hóa đơn thương mại. Trường hợp hàng hóa mua trong nước: Hợp đồng mua bán, hóa đơn thuế giá trị gia tăng, biên bản bàn giao hàng hóa.
  - + Quyết định giao dự toán vốn ODA không hoàn lại hoặc dự toán điều chỉnh bổ sung trong năm của Bộ Y tế/Bộ Tài chính.

- Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi giá hàng hóa nhập khẩu là giá không bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định.

#### **4.7. Quy định về thuế**

Dự án sẽ áp dụng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thu nhập, giá trị gia tăng v.v...) đối với các chương trình, dự án ODA cho tất cả các hoạt động của dự án.

Ban quản lý Dự án Trung ương và các Ban quản lý Dự án tỉnh/viện/cục Quân y phải đăng ký mã số thuế riêng cho dự án để thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) khi có phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

#### **4.8. Kiểm toán**

Dự án sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm theo yêu cầu của Quỹ Toàn cầu. Kết quả kiểm toán sẽ được gửi cho UNOPS, Quỹ Toàn cầu và cơ quan quản lý quỹ địa phương LFA.

### **X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA CỦA QUỸ TOÀN CẦU VỀ PHƯƠNG THỨC CHỈ ĐỊNH NHÀ CUNG CẤP, NHÀ THẦU**

Đối với hoạt động tổ chức mua sắm và hệ thống phân phối: Quỹ Toàn cầu yêu cầu các nước hưởng dự án tài trợ của Quỹ Toàn cầu mua các thuốc, trang thiết bị y tế như thuốc sốt rét, màn tẩm hóa chất tồn lưu lâu, xét chẩn đoán nhanh, kính hiển vi v.v. tập trung qua một đơn vị mua sắm của UNOPS hoặc đơn vị mua sắm do Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm để đảm bảo tính cạnh tranh quốc tế và tiến độ mua sắm của các dự án.

Quy định được tóm tắt như sau: Hàng năm các hợp phần các nước của dự án gửi yêu cầu mua sắm vật tư, trang thiết bị, kinh phí dự kiến theo kế hoạch đã được phê duyệt và các chỉ tiêu kỹ thuật của từng loại vật tư/trang thiết bị, địa điểm nhận hàng về đơn vị mua sắm của UNOPS. Đơn vị mua sắm của UNOPS sẽ tổ chức đấu thầu và vận chuyển vật tư/trang thiết bị và bàn giao cho các nước hưởng dự án tại địa điểm hai bên đã thỏa thuận. Ban quản lý Dự án Trung ương sẽ thực hiện các thủ tục để tiếp nhận vốn ODA không hoàn lại bằng hàng hóa và dịch vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, kiểm tra tiếp nhận vật tư trang thiết bị để phân phối và vận chuyển cho các tỉnh dự án.

Việc mua sắm qua UNOPS hoặc qua các tổ chức mua sắm do Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm thực chất là hình thức mua sắm tập trung. Đơn vị mua sắm sẽ tập hợp đơn hàng của hợp phần dự án mỗi nước, của các nước có cùng nhu cầu thành một đơn hàng lớn để đặt hàng với nhà sản xuất. Đơn hàng với số lượng lớn chắc chắn sẽ có được lợi thế về giá. Do Quỹ Toàn cầu đã có sự đánh giá và lựa chọn nên các đơn vị mua sắm được Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm là những đơn vị mua sắm chuyên nghiệp, thỏa mãn các tiêu chuẩn quốc tế, có tính cạnh tranh cao và minh bạch. Do vậy, vật tư hàng hóa của dự án mua sắm quốc tế tập trung sẽ cạnh tranh về giá, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Thực tế cho thấy, các dự án sốt rét do Quỹ Toàn cầu tài trợ đã thực hiện ở Việt Nam được thực hiện mua sắm tập trung từ năm 2005 thông qua đơn vị mua sắm Quỹ Toàn cầu ủy nhiệm cho với các mặt hàng như ô tô, màn, võng, vật tư hóa chất... Vật tư hàng hóa mua sắm tập trung đều cạnh tranh về giá, đảm bảo lượng và nhìn chung đảm bảo tiến độ.

Các vật tư, hóa chất khác không thuộc phạm vi yêu cầu của Quỹ Toàn cầu sẽ do Ban quản lý Dự án Trung ương tổ chức mua sắm và thực hiện theo luật pháp và các quy định mua sắm hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021  
**VIỆN TRƯỞNG**  
**VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG**  
**CƠN TRÙNG TRUNG ƯƠNG**



**Trần Thanh Dương**

**PHỤ LỤC 1:**  
**DANH SÁCH TỈNH, HUYỆN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

## DANH SÁCH TỈNH HUYỆN XÃ THUỘC DỰ ÁN RAI3E 2021-2023

Tổng số 36 tỉnh, 196 huyện và 1.125 xã. Dân số 7.540.381 người

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
1	Tỉnh Lai Châu	1	Huyện Mường Tè	1	Xã Bum Tở	3.455	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	2	Xã Ka Lăng	2.561	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	3	Xã Mù Cà	2.304	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	4	Xã Mường Tè	4.451	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	5	Xã Pa ù	3.478	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	6	Xã Pa Vệ Sử	2.850	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	7	Xã Tà Tổng	7.230	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Mường Tè	8	Xã Vàng San	2.928	
	Tỉnh Lai Châu	2	Huyện Nậm Nhùn	1	Xã Hua Bun	2.200	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Nậm Nhùn	2	Xã Mường Mô	2.850	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Nậm Nhùn	3	Xã Nậm Ban	2.003	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Nậm Nhùn	4	Xã Nậm Hàng	4.067	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Nậm Nhùn	5	Xã Trung Chải	1.636	
	Tỉnh Lai Châu	3	Huyện Sìn Hồ	1	Xã Chăn Nưa	3.739	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Sìn Hồ	2	Xã Pa Tần	4.301	
	Tỉnh Lai Châu		Huyện Sìn Hồ	3	Xã Tả Ngào	4.741	
	2	Tỉnh Điện Biên	1	Huyện Điện Biên	1	Xã Hua Thanh	3.852
		Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên	2	Xã Mường Phăng	5.256
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		3	Xã Mường Pồn	4.939	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		4	Xã Nà Nhạn	5.026	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		5	Xã Na Ú	1.659	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		6	Xã Noong Luông	5.966	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		7	Xã Phu Luông	2.241	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		8	Xã Thanh Luông	7.102	
Tỉnh Điện Biên		Huyện Điện Biên		9	Xã Thanh Xương	8.382	
Tỉnh Điện Biên		2	Huyện Điện Biên Đông	1	Xã Chiềng Sơ	5.883	
Tỉnh Điện Biên			Huyện Điện Biên Đông	2	Xã Phì Nhừ	7.390	
Tỉnh Điện Biên		3	Huyện Mường Ảng	1	Thị trấn Mường Ảng	5.201	
Tỉnh Điện Biên		4	Huyện Mường Nhé	1	Xã Chung Chải	5.904	
Tỉnh Điện Biên			Huyện Mường Nhé	2	Xã Mường Toong	6.447	
Tỉnh Điện Biên			Huyện Mường Nhé	3	Xã Nậm Vì	3.795	
Tỉnh Điện Biên		5	Huyện Nậm Pồ	1	Xã Chà Tở	2.852	
Tỉnh Điện Biên			Huyện Nậm Pồ	2	Xã Nậm Khăn	2.029	
3		Tỉnh Sơn La	1	Huyện Mường La	1	Xã Chiềng San	3.852
	Tỉnh Sơn La	Huyện Mường La		2	Xã Mường Trai	2.111	
	Tỉnh Sơn La	Huyện Mường La		3	Xã Pi Toong	7.779	
4	Tỉnh Lào Cai	1	Huyện Bát Xát	1	Xã A Mú Sung	2.726	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	2	Xã Bản Qua	6.459	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	3	Xã Bản Vược	4.021	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	4	Xã Cốc San	4.956	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	5	Xã Mường Hum	2.150	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	6	Xã Mường Vi	2.278	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	7	Xã Nậm Chạc	2.774	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	8	Xã Quang Kim	6.490	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	9	Xã Tòng Sành	1.766	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	10	Xã Trung Lèng Hồ	2.357	
	Tỉnh Lào Cai		Huyện Bát Xát	11	Xã Y Tý	5.239	
	Tỉnh Lào Cai		2	Huyện Sa Pa	1	Xã Bản Khoang	2.898
	Tỉnh Lào Cai			Huyện Sa Pa	2	Xã Nậm Sài	1.951
	Tỉnh Lào Cai			Huyện Sa Pa	3	Xã Thanh Phú	2.298
5	Tỉnh Hà Giang	1	Huyện Bắc Mê	1	Xã Đường Hồng	4.366	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Bắc Mê	2	Xã Giáp Trung	5.624	
	Tỉnh Hà Giang	2	Huyện Hoàng Su Phì	1	Xã Bản Phùng	2.823	
	Tỉnh Hà Giang	3	Huyện Vị Xuyên	1	Xã Minh Tân	6.815	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Vị Xuyên	2	Xã Thượng Sơn	5.875	
	Tỉnh Hà Giang	4	Huyện Xín Mần	1	Thị trấn Cốc Pài	5.321	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Xín Mần	2	Xã Bản Ngò	3.851	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Xín Mần	3	Xã Cốc Rế	2.412	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Xín Mần	4	Xã Nàn Ma	3.712	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Xín Mần	5	Xã Nàn Xín	4.045	
	Tỉnh Hà Giang	5	Huyện Xín Mần	6	Xã Ngán Chiên	4.075	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Xín Mần	7	Xã Thu Tà	2.900	
	Tỉnh Hà Giang		Huyện Yên Minh	1	Xã Ngam La	3.835	
	Tỉnh Hà Giang	Huyện Yên Minh	2	Xã Ngọc Long	8.671		
6	Tỉnh Bắc Kạn	1	Huyện Ba Bể	1	Xã Chu Hương	3.392	
	Tỉnh Bắc Kạn	2	Huyện Chợ Đồn	1	Xã Nam Cường	3.309	
	Tỉnh Bắc Kạn		Huyện Chợ Đồn	2	Xã Nghĩa Tá	1.598	
	Tỉnh Bắc Kạn	3	Huyện Na Rì	1	Xã Đồng Xá	2.718	
	Tỉnh Bắc Kạn		Huyện Na Rì	2	Xã Lam Sơn	1.985	
	Tỉnh Bắc Kạn	4	Huyện Ngân Sơn	1	Xã Bằng Vân	2.971	
	Tỉnh Bắc Kạn	5	Huyện Pác Nặm	1	Xã Cao Tân	3.938	
	Tỉnh Bắc Kạn		Huyện Pác Nặm	2	Xã Nhạn Môn	2.067	
7	Tỉnh Cao Bằng	1	Huyện Bảo Lạc	1	Xã Hồng An	1.025	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lạc	2	Xã Hưng Thịnh	2.600	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lạc	3	Xã Khánh Xuân	3.148	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lạc	4	Xã Sơn Lộ	3.234	
	Tỉnh Cao Bằng	2	Huyện Bảo Lâm	1	Xã Lý Bôn	5.551	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	2	Xã Mông Ân	5.362	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	3	Xã Nam Cao	4.069	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	4	Xã Quảng Lâm	5.728	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	5	Xã Tân Việt	1.768	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	6	Xã Thạch Lâm	6.964	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	7	Xã Thái Học	3.524	
	Tỉnh Cao Bằng		Huyện Bảo Lâm	8	Xã Vĩnh Quang	4.998	
Tỉnh Cao Bằng	9	Huyện Bảo Lâm	9	Xã Yên Thổ	5.222		
8	Tỉnh Hoà Bình	1	Huyện Đà Bắc	1	Thị trấn Đà Bắc	5.304	
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	2	Xã Cao Sơn	4.246	
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	3	Xã Tân Minh	3.817	
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	4	Xã Tân Pheo	4.127	



TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	5	Xã Tiên Phong	2.306
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	6	Xã Tu Lý	6.194
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Đà Bắc	7	Xã Vây Nưa	2.639
	Tỉnh Hoà Bình	2	Huyện Lạc Sơn	1	Xã Phú Lương	7.200
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Lạc Sơn	2	Xã Quý Hòa	5.935
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Lạc Sơn	3	Xã Yên Nghiệp	6.513
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Lạc Sơn	4	Xã Yên Phú	7.339
	Tỉnh Hoà Bình	3	Huyện Lương Sơn	1	Xã Cao Dương	5.017
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Lương Sơn	2	Xã Cư Yên	4.325
	Tỉnh Hoà Bình		Huyện Lương Sơn	3	Xã Tân Thành	6.163
	Tỉnh Hoà Bình	4	Huyện Yên Thủy	1	Xã Lạc Thịnh	6.308
	9	Tỉnh Thanh Hóa	1	Huyện Lang Chánh	1	Xã Tân Phúc
Tỉnh Thanh Hóa		2	Huyện Ngọc Lặc	1	Xã Mỹ Tân	5.466
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Ngọc Lặc	2	Xã Phùng Minh	3.459
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Ngọc Lặc	3	Xã Thạch Lập	6.969
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Ngọc Lặc	4	Xã Thúy Sơn	9.427
Tỉnh Thanh Hóa		3	Huyện Như Xuân	5	Xã Bình Lương	3.312
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Như Xuân	1	Xã Hóa Quý	5.482
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Như Xuân	2	Xã Thanh Lâm	3.189
Tỉnh Thanh Hóa		4	Huyện Quan Sơn	1	Xã Na Mèo	3.787
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Quan Sơn	2	Xã Sơn Lư	2.795
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Quan Sơn	3	Xã Sơn Thủy	3.731
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Quan Sơn	4	Xã Tam Thanh	3.948
Tỉnh Thanh Hóa		5	Huyện Thường Xuân	1	Xã Luận Khê	6.545
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Thường Xuân	2	Xã Ngọc Phụng	8.212
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Thường Xuân	3	Xã Vạn Xuân	5.745
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Thường Xuân	4	Xã Xuân Cẩm	4.003
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Thường Xuân	5	Xã Xuân Chinh	2.852
Tỉnh Thanh Hóa			Huyện Thường Xuân	6	Xã Xuân Lộc	3.863
10	Tỉnh Nghệ An	1	Huyện Kỳ Sơn	1	Xã Bảo Nam	3.740
	Tỉnh Nghệ An		Huyện Kỳ Sơn	2	Xã Mường Lống	4.688
	Tỉnh Nghệ An		Huyện Kỳ Sơn	3	Xã Mỹ Lý	5.642
	Tỉnh Nghệ An		Huyện Kỳ Sơn	4	Xã Tây Sơn	1.686
	Tỉnh Nghệ An	2	Huyện Quế Phong	1	Xã Tiên Phong	11.200
	Tỉnh Nghệ An	3	Huyện Quỳnh Châu	1	Xã Châu Hội	7.048
	Tỉnh Nghệ An	4	Huyện Tương Dương	1	Xã Lương Minh	5.160
11	Tỉnh Hà Tĩnh	1	Huyện Hương Khê	1	Xã Gia Phố	4.831
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	2	Xã Hương Liên	2.262
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	3	Xã Hương Long	4.628
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	4	Xã Hương Trà	2.563
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	5	Xã Lộc Yên	5.248
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	6	Xã Phú Gia	4.484
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Khê	7	Xã Phúc Đồng	4.722
	Tỉnh Hà Tĩnh	2	Huyện Hương Sơn	1	Xã Sơn Hồng	3.628
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Sơn	2	Xã Sơn Kim 1	5.040
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Sơn	3	Xã Sơn Kim 2	4.423
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Sơn	4	Xã Sơn Phú	3.644
	Tỉnh Hà Tĩnh					

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Sơn	5	Xã Sơn Thủy	3.770
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Hương Sơn	6	Xã Sơn Tiến	6.031
	Tỉnh Hà Tĩnh	3	Huyện Kỳ Anh	1	Xã Kỳ Lạc	3.887
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Kỳ Anh	2	Xã Kỳ Lâm	4.991
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Kỳ Anh	3	Xã Kỳ Tây	6.403
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Kỳ Anh	4	Xã Kỳ Thượng	7.178
	Tỉnh Hà Tĩnh	4	Huyện Lộc Hà	1	Xã Hộ Độ	7.509
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Lộc Hà	2	Xã Hồng Lộc	7.699
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Lộc Hà	3	Xã Phù Lưu	5.628
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Lộc Hà	4	Xã Thạch Bằng	9.143
	Tỉnh Hà Tĩnh	5	Huyện Nghi Xuân	1	Xã Xuân Hồng	6.492
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Nghi Xuân	2	Xã Xuân Lĩnh	3.083
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Nghi Xuân	3	Xã Xuân Thành	5.028
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Nghi Xuân	4	Xã Xuân Viên	4.274
	Tỉnh Hà Tĩnh	6	Huyện Vũ Quang	1	Xã Đức Bông	2.688
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Vũ Quang	2	Xã Hương Điền	480
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Vũ Quang	3	Xã Hương Minh	2.634
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Vũ Quang	4	Xã Hương Quang	604
	Tỉnh Hà Tĩnh		Huyện Vũ Quang	5	Xã Sơn Thọ	2.961
	12	Tỉnh Quảng Bình	1	Huyện Bố Trạch	1	Thị trấn NT Việt Trung
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		2	Xã Cự Nẫm	7.601
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		3	Xã Hưng Trạch	11.317
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		4	Xã Lâm Trạch	3.978
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		5	Xã Liên Trạch	3.749
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		6	Xã Phúc Trạch	10.630
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		7	Xã Sơn Trạch	11.309
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		8	Xã Tân Trạch	424
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		9	Xã Thượng Trạch	2.561
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Bố Trạch		10	Xã Xuân Trạch	5.884
Tỉnh Quảng Bình		2	Huyện Lệ Thủy	1	Thị trấn NT Lệ Ninh	5.497
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	2	Xã Hưng Thủy	8.406
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	3	Xã Kim Thủy	5.049
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	4	Xã Lâm Thủy	1.519
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	5	Xã Ngân Thủy	2.252
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	6	Xã Phú Thủy	6.718
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	7	Xã Thái Thủy	5.705
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Lệ Thủy	8	Xã Trường Thủy	1.977
Tỉnh Quảng Bình		3	Huyện Lệ Thủy	9	Xã Văn Thủy	3.347
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	1	Thị trấn Quy Đạt	6.179
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	2	Xã Dân Hóa	3.823
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	3	Xã Hóa Hợp	3.746
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	4	Xã Hóa Phúc	628
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	5	Xã Hóa Sơn	1.713
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	6	Xã Hóa Thanh	1.402
Tỉnh Quảng Bình			Huyện Minh Hóa	7	Xã Hóa Tiến	2.779
Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	8	Xã Hồng Hóa	3.715	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	9	Xã Minh Hóa	3.977	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	10	Xã Tân Hóa	2.837	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	11	Xã Thượng Hóa	3.411	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	12	Xã Trọng Hóa	3.758	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	13	Xã Trung Hóa	5.912	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	14	Xã Xuân Hóa	2.848	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Minh Hóa	15	Xã Yên Hóa	4.318	
	Tỉnh Quảng Bình	4	Huyện Quảng Ninh	1	Xã Hiền Ninh	7.506	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Ninh	2	Xã Trường Sơn	4.570	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Ninh	3	Xã Trường Xuân	2.686	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Ninh	4	Xã Vạn Ninh	8.328	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Ninh	5	Xã Vĩnh Ninh	6.945	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Ninh	6	Xã Xuân Ninh	7.417	
	Tỉnh Quảng Bình	5	Huyện Quảng Trạch	1	Xã Cảnh Hóa	4.658	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Trạch	2	Xã Quảng Châu	10.669	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Trạch	3	Xã Quảng Hợp	6.231	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Trạch	4	Xã Quảng Kim	4.166	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Trạch	5	Xã Quảng Thạch	3.813	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Quảng Trạch	6	Xã Quảng Tiến	4.151	
	Tỉnh Quảng Bình	6	Huyện Tuyên Hóa	1	Thị trấn Đồng Lê	6.324	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	2	Xã Cao Quảng	3.149	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	3	Xã Châu Hóa	5.503	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	4	Xã Đồng Hóa	3.912	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	5	Xã Đức Hóa	5.488	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	6	Xã Hương Hóa	3.380	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	7	Xã Kim Hóa	3.215	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	8	Xã Lâm Hóa	1.113	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	9	Xã Lê Hóa	2.830	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	10	Xã Mai Hóa	7.945	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	11	Xã Nam Hóa	2.063	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	12	Xã Phong Hóa	5.572	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	13	Xã Sơn Hóa	3.504	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	14	Xã Thạch Hóa	5.679	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	15	Xã Thanh Hóa	6.306	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	16	Xã Thanh Thạch	2.343	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	17	Xã Thuận Hóa	2.658	
	Tỉnh Quảng Bình		Huyện Tuyên Hóa	18	Xã Tiến Hóa	7.773	
	13	Tỉnh Quảng Trị	1	Huyện Cam Lộ	1	Xã Cam Tuyền	5.379
		Tỉnh Quảng Trị	2	Huyện Đa Krông	1	Thị trấn Krông Klang	3.522
		Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	2	Xã A Bung	2.535
		Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	3	Xã A Ngo	3.230
		Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	4	Xã A Vao	2.825
		Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	5	Xã Ba Lòng	2.588
Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông		6	Xã Ba Nang	3.372	
Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông		7	Xã Đa Krông	5.508	
Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông		8	Xã Húc Nghi	1.579	
Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông		9	Xã Hưởng Hiệp	4.921	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	10	Xã Mò Ó	1.941
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	11	Xã Tà Long	3.486
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	12	Xã Tà Rụt	4.439
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Đa Krông	13	Xã Triệu Nguyên	1.147
	Tỉnh Quảng Trị	3	Huyện Gio Linh	1	Xã Gio Hòa	1.675
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Gio Linh	2	Xã Linh Thượng	1.929
	Tỉnh Quảng Trị	4	Huyện Hướng Hóa	1	Thị trấn Khe Sanh	11.394
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	2	Thị trấn Lao Bảo	10.836
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	3	Xã A Dơi	3.280
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	4	Xã A Túc	2.394
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	5	Xã A Xing	2.472
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	6	Xã Ba Tầng	3.892
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	7	Xã Húc	3.796
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	8	Xã Hướng Lập	1.517
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	9	Xã Hướng Linh	2.368
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	10	Xã Hướng Lộc	3.018
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	11	Xã Hướng Phùng	5.119
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	12	Xã Hướng Sơn	2.409
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	13	Xã Hướng Tân	3.223
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	14	Xã Tân Hợp	4.387
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	15	Xã Tân Lập	4.466
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	16	Xã Tân Liên	4.495
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	17	Xã Tân Long	4.067
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	18	Xã Thanh	3.668
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	19	Xã Thuận	3.316
	Tỉnh Quảng Trị		Huyện Hướng Hóa	20	Xã Xy	2.094
14	Tỉnh Thừa Thiên Huế	1	Huyện A Lưới	1	Xã Hồng Bắc	2.144
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện A Lưới	2	Xã Hồng Hạ	1.803
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện A Lưới	3	Xã Hồng Vân	3.009
	Tỉnh Thừa Thiên Huế	2	Huyện Nam Đông	1	Xã Hương Giang	1.413
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện Nam Đông	2	Xã Hương Hòa	2.586
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện Nam Đông	3	Xã Hương Hữu	2.911
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện Nam Đông	4	Xã Hương Lộc	2.289
	Tỉnh Thừa Thiên Huế		Huyện Nam Đông	5	Xã Hương Phú	3.041
	Tỉnh Thừa Thiên Huế	3	Huyện Phong Điền	6	Xã Phong Mỹ	5.528
15	Tỉnh Quảng Nam	1	Huyện Hiệp Đức	1	Xã Hiệp Hòa	2.350
	Tỉnh Quảng Nam	2	Huyện Nam Giang	1	Thị trấn Thạnh Mỹ	7.902
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	2	Xã Cà Dy	3.508
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	3	Xã Chà Vài	2.920
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	4	Xã Chơ Chun	1.085
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	5	Xã Đắc Pre	1.463

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	6	Xã Đắc Pring	1.214	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	7	Xã Đắc Tôi	988	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	8	Xã La Dêê	1.570	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	9	Xã Laêê	976	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	10	Xã Tà Bỉnh	2.518	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	11	Xã Tà Pơơ	1.289	
	Tỉnh Quảng Nam		Huyện Nam Giang	12	Xã Zuôich	1.391	
	Tỉnh Quảng Nam		3	Huyện Nam Trà My	1	Xã Trà Cang	3.926
	Tỉnh Quảng Nam			Huyện Nam Trà My	2	Xã Trà Don	2.174
	Tỉnh Quảng Nam			Huyện Nam Trà My	3	Xã Trà Dơn	3.117
	Tỉnh Quảng Nam			Huyện Nam Trà My	4	Xã Trà Leng	2.075
	Tỉnh Quảng Nam			Huyện Nam Trà My	5	Xã Trà Mai	3.759
	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Trà My		6	Xã Trà Nam	3.057	
	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Trà My		7	Xã Trà Tập	2.992	
	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Trà My		8	Xã Trà Vân	2.421	
	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	9	Xã Trà Vinh	1.801		
	Tỉnh Quảng Nam	4	Huyện Nông Sơn	1	Xã Quế Lâm	4.480	
	Tỉnh Quảng Nam	5	Huyện Phước Sơn	1	Thị trấn Khâm Đức	7.236	
	Tỉnh Quảng Nam			2	Xã Phước Đức	2.409	
	Tỉnh Quảng Nam			3	Xã Phước Mỹ	1.704	
	Tỉnh Quảng Nam			4	Xã Phước Năng	2.369	
	Tỉnh Quảng Nam	6	Huyện Tây Giang	1	Xã Bha Lê	2.840	
	Tỉnh Quảng Nam			2	Xã Dang	1.783	
	Tỉnh Quảng Nam			3	Xã Lăng	2.300	
	16	Tỉnh Quảng Ngãi	1	Huyện Ba Tơ	1	Xã Ba Bích	2.019
		Tỉnh Quảng Ngãi			2	Xã Ba Chùa	1.443
		Tỉnh Quảng Ngãi			3	Xã Ba Dinh	4.080
Tỉnh Quảng Ngãi		4			Xã Ba Nam	898	
Tỉnh Quảng Ngãi		5			Xã Ba Thành	2.877	
Tỉnh Quảng Ngãi		6			Xã Ba Xa	4.526	
Tỉnh Quảng Ngãi		2	Huyện Minh Long	1	Xã Long Môn	1.321	
Tỉnh Quảng Ngãi		3	Huyện Sơn Hà	1	Xã Sơn Cao	4.989	
Tỉnh Quảng Ngãi				2	Xã Sơn Hạ	9.031	
Tỉnh Quảng Ngãi				3	Xã Sơn Nham	4.513	
Tỉnh Quảng Ngãi				4	Xã Sơn Thành	7.431	
Tỉnh Quảng Ngãi		4	Huyện Sơn Tây	1	Xã Sơn Bua	1.638	
Tỉnh Quảng Ngãi				2	Xã Sơn Lập	1.148	
Tỉnh Quảng Ngãi				3	Xã Sơn Liên	1.619	
Tỉnh Quảng Ngãi				4	Xã Sơn Long	2.132	
Tỉnh Quảng Ngãi				5	Xã Sơn Mùa	3.023	
Tỉnh Quảng Ngãi		5	Huyện Tây Trà	1	Xã Trà Lãnh	1.910	
Tỉnh Quảng Ngãi				2	Xã Trà Phong	4.128	
Tỉnh Quảng Ngãi				3	Xã Trà Quân	1.869	
17	Tỉnh Bình Định	1	Huyện An Lão	1	Xã An Hòa	10.220	
	Tỉnh Bình Định			2	Xã An Quang	1.172	
	Tỉnh Bình Định			3	Xã An Vinh	1.719	
	Tỉnh Bình Định	2	Huyện Hoài Ân	1	Xã Ân Hào Tây	4.790	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Bình Định	3	Huyện Hoài Ân	2	Xã Ân Nghĩa	8.456	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Phù Cát	1	Xã Cát Hiệp	7.329	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Phù Cát	2	Xã Cát Lâm	7.287	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Phù Cát	3	Xã Cát Sơn	5.195	
	Tỉnh Bình Định	4	Huyện Phù Mỹ	1	Xã Mỹ Hòa	10.063	
	Tỉnh Bình Định	5	Huyện Tây Sơn	1	Xã Bình Nghi	13.467	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	2	Xã Bình Tân	6.637	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	3	Xã Bình Thuận	7.600	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	4	Xã Bình Tường	9.436	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	5	Xã Tây Giang	11.615	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	6	Xã Tây Phú	8.318	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	7	Xã Tây Xuân	5.792	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Tây Sơn	8	Xã Vĩnh An	1.391	
	Tỉnh Bình Định	6	Huyện Vân Canh	1	Thị trấn Vân Canh	6.245	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	2	Xã Canh Hiến	3.121	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	3	Xã Canh Hiệp	2.308	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	4	Xã Canh Hòa	1.935	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	5	Xã Canh Liên	2.449	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	6	Xã Canh Thuận	3.150	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vân Canh	7	Xã Canh Vinh	9.133	
	Tỉnh Bình Định	7	Huyện Vĩnh Thạnh	1	Thị trấn Vĩnh Thạnh	5.744	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	2	Xã Vĩnh Hào	2.621	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	3	Xã Vĩnh Hiệp	3.315	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	4	Xã Vĩnh Hòa	1.793	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	5	Xã Vĩnh Kim	1.952	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	6	Xã Vĩnh Sơn	3.270	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	7	Xã Vĩnh Thịnh	6.677	
	Tỉnh Bình Định		Huyện Vĩnh Thạnh	8	Xã Vĩnh Thuận	1.549	
	18	Tỉnh Phú Yên	1	Huyện Đồng Xuân	1	Thị trấn La Hai	10.406
		Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân	2	Xã Đa Lộc	4.560
		Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân	3	Xã Phú Mỹ	3.058
		Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân	4	Xã Xuân Lãnh	9.210
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		5	Xã Xuân Long	2.064	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		6	Xã Xuân Phước	8.477	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		7	Xã Xuân Quang 1	5.020	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		8	Xã Xuân Quang 2	4.330	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		9	Xã Xuân Quang 3	5.537	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		10	Xã Xuân Sơn Bắc	3.127	
Tỉnh Phú Yên		Huyện Đồng Xuân		11	Xã Xuân Sơn Nam	5.835	
Tỉnh Phú Yên		2	Huyện Phú Hoà	1	Xã Hòa Hội	4.232	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Phú Hoà	2	Xã Hòa Quang Bắc	11.694	
Tỉnh Phú Yên		3	Huyện Sơn Hòa	1	Thị trấn Củng Sơn	9.449	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Sơn Hòa	2	Xã Cà Lúi	2.564	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Sơn Hòa	3	Xã Eachà Rang	3.426	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Sơn Hòa	4	Xã Krông Pa	3.765	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Sơn Hòa	5	Xã Phước Tân	2.216	
Tỉnh Phú Yên			Huyện Sơn Hòa	6	Xã Sơn Định	1.977	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	7	Xã Sơn Hà	9.979	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	8	Xã Sơn Hội	4.547	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	9	Xã Sơn Long	2.419	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	10	Xã Sơn Nguyên	5.222	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	11	Xã Sơn Phước	4.090	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	12	Xã Sơn Xuân	1.449	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	13	Xã Suối Bạc	6.870	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Sơn Hòa	14	Xã Suối Trai	2.157	
	Tỉnh Phú Yên		4	Huyện Sông Hinh	1	Thị trấn Hai Riêng	11.489
	Tỉnh Phú Yên			Huyện Sông Hinh	2	Xã Đức Bình Đông	4.940
	Tỉnh Phú Yên			Huyện Sông Hinh	3	Xã Đức Bình Tây	3.882
	Tỉnh Phú Yên			Huyện Sông Hinh	4	Xã Ea Bá	2.297
	Tỉnh Phú Yên			Huyện Sông Hinh	5	Xã Ea Lâm	2.994
	Tỉnh Phú Yên			Huyện Sông Hinh	6	Xã EaBar	6.125
	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh		7	Xã EaBia	2.724	
	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh		8	Xã Ealy	5.996	
	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh		9	Xã EaTrol	4.373	
	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh		10	Xã Sơn Giang	4.824	
	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh	11	Xã Sông Hinh	2.573		
	Tỉnh Phú Yên	5	Huyện Tây Hoà	1	Xã Hòa Mỹ Tây	8.987	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Tây Hoà	2	Xã Sơn Thành Đông	9.020	
	Tỉnh Phú Yên		Huyện Tây Hoà	3	Xã Sơn Thành Tây	3.904	
	Tỉnh Phú Yên	6	Thị xã Sông Cầu	1	Xã Xuân Bình	9.713	
	Tỉnh Phú Yên		Thị xã Sông Cầu	2	Xã Xuân Lâm	3.839	
	Tỉnh Phú Yên		Thị xã Sông Cầu	3	Xã Xuân Lộc	13.850	
	19	Tỉnh Khánh Hòa	1	Huyện Cam Lâm	1	Xã Cam Phước Tây	7.026
		Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Cam Lâm	2	Xã Sơn Tân	1.072
		Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Cam Lâm	3	Xã Suối Cát	9.945
		Tỉnh Khánh Hòa	2	Huyện Diên Khánh	1	Xã Diên Đồng	3.669
		Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Diên Khánh	2	Xã Diên Tân	2.959
		Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Diên Khánh	3	Xã Diên Xuân	5.439
		Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Diên Khánh	4	Xã Suối Tiên	5.327
		Tỉnh Khánh Hòa	3	Huyện Khánh Sơn	1	Thị trấn Tô Hạp	4.614
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		2	Xã Ba Cạm Bắc	4.953	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		3	Xã Ba Cạm Nam	1.520	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		4	Xã Sơn Bình	3.013	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		5	Xã Sơn Hiệp	1.814	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		6	Xã Sơn Lâm	3.120	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		7	Xã Sơn Trung	2.856	
Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Sơn		8	Xã Thành Sơn	3.184	
Tỉnh Khánh Hòa		4	Huyện Khánh Vĩnh	1	Thị trấn Khánh Vĩnh	4.576	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	2	Xã Cầu Bà	2.528	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	3	Xã Giang Ly	1.631	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	4	Xã Khánh Bình	4.675	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	5	Xã Khánh Đông	3.209	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	6	Xã Khánh Hiệp	3.788	
Tỉnh Khánh Hòa			Huyện Khánh Vĩnh	7	Xã Khánh Nam	1.911	



TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	8	Xã Khánh Phú	3.417
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	9	Xã Khánh Thành	1.914
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	10	Xã Khánh Thượng	2.559
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	11	Xã Khánh Trung	2.924
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	12	Xã Liên Sang	1.880
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	13	Xã Sơn Thái	2.257
	Tỉnh Khánh Hòa		Huyện Khánh Vĩnh	14	Xã Sông Cầu	1.186
	Tỉnh Khánh Hòa	5	Huyện Vạn Ninh	1	Xã Xuân Sơn	4.717
	Tỉnh Khánh Hòa	6	Thành phố Cam Ranh	1	Xã Cam Thịnh Tây	5.676
	Tỉnh Khánh Hòa	7	Thị xã Ninh Hòa	1	Xã Ninh Tây	5.259
20	Tỉnh Ninh Thuận	1	Huyện Bác Ái	1	Xã Phước Bình	3.955
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	2	Xã Phước Chính	1.523
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	3	Xã Phước Đại	4.132
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	4	Xã Phước Hòa	1.565
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	5	Xã Phước Tân	2.664
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	6	Xã Phước Thắng	4.085
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	7	Xã Phước Thành	3.323
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	8	Xã Phước Tiến	3.987
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Bác Ái	9	Xã Phước Trung	2.370
	Tỉnh Ninh Thuận	2	Huyện Ninh Hải	1	Thị trấn Khánh Hải	15.551
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	2	Xã Hộ Hải	11.934
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	3	Xã Nhơn Hải	13.441
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	4	Xã Phương Hải	6.478
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	5	Xã Tri Hải	9.484
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	6	Xã Vĩnh Hải	6.148
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Hải	7	Xã Xuân Hải	15.526
	Tỉnh Ninh Thuận	3	Huyện Ninh Phước	1	Xã Phước Hậu	18.475
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Phước	2	Xã Phước Hữu	17.042
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Phước	3	Xã Phước Sơn	12.796
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Phước	4	Xã Phước Thái	10.858
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Phước	5	Xã Phước Thuận	15.148
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Phước	6	Xã Phước Vinh	10.246
	Tỉnh Ninh Thuận	4	Huyện Ninh Sơn	1	Thị trấn Tân Sơn	11.091
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	2	Xã Hòa Sơn	3.929
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	3	Xã Lâm Sơn	11.950
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	4	Xã Lương Sơn	5.768
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	5	Xã Ma Nởi	3.874
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	6	Xã Mỹ Sơn	8.907
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	7	Xã Nhơn Sơn	11.412
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Ninh Sơn	8	Xã Quảng Sơn	14.268
	Tỉnh Ninh Thuận	5	Huyện Thuận Bắc	1	Xã Bắc Sơn	8.510
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Thuận Bắc	2	Xã Công Hải	8.940
Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Thuận Bắc		3	Xã Lợi Hải	11.495	
Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Thuận Bắc		4	Xã Phước Chiến	4.355	
Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Thuận Bắc		5	Xã Phước Kháng	2.443	
Tỉnh Ninh Thuận	6	Huyện Thuận Nam	1	Xã Nhị Hà	3.889	
Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Thuận Nam	2	Xã Phước Hà	3.171	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Thuận Nam	3	Xã Phước Nam	12.368
	Tỉnh Ninh Thuận		Huyện Thuận Nam	4	Xã Phước Ninh	5.304
21	Tỉnh Bình Thuận	1	Huyện Bắc Bình	1	Thị trấn Lương Sơn	13.980
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	2	Xã Bình An	5.419
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	3	Xã Bình Tân	6.785
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	4	Xã Hải Ninh	9.528
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	5	Xã Phan Điền	1.507
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	6	Xã Phan Lâm	2.442
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	7	Xã Phan Sơn	3.917
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	8	Xã Phan Tiến	2.119
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	9	Xã Sông Bình	5.257
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Bắc Bình	10	Xã Sông Lũy	9.753
	Tỉnh Bình Thuận	2	Huyện Đức Linh	1	Thị trấn Đức Tài	20.465
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	2	Thị trấn Võ Xu	18.347
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	3	Xã Đa Kai	13.471
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	4	Xã Đông Hà	9.535
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	5	Xã Đức Hạnh	9.296
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	6	Xã Đức Tín	9.348
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	7	Xã Mê Pu	13.564
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	8	Xã Nam Chính	10.063
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	9	Xã Sùng Nhơn	8.539
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Đức Linh	10	Xã Tân Hà	5.912
	Tỉnh Bình Thuận	3	Huyện Hàm Tân	1	Thị trấn Tân Minh	5.136
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	2	Thị trấn Tân Nghĩa	11.513
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	3	Xã Sông Phan	4.892
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	4	Xã Tân Đức	5.302
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	5	Xã Tân Hà	6.610
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	6	Xã Tân Xuân	7.557
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Tân	7	Xã Thăng Hải	5.424
	Tỉnh Bình Thuận	4	Huyện Hàm Thuận Bắc	1	Xã Đa Mi	4.101
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Bắc	2	Xã Đông Giang	2.436
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Bắc	3	Xã Đông Tiến	1.122
Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc		4	Xã Hàm Phú	8.216	
Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc		5	Xã Hàm Trí	8.382	
Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc		6	Xã La Dạ	3.228	
Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc		7	Xã Thuận Hòa	5.662	
Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc		8	Xã Thuận Minh	6.776	
Tỉnh Bình Thuận	5	Huyện Hàm Thuận Nam	1	Thị trấn Thuận Nam	15.191	
Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	2	Xã Hàm Cẩn	3.848	
Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	3	Xã Hàm Cường	8.335	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
22	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	4	Xã Hàm Kiệt	8.519
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	5	Xã Hàm Mỹ	15.572
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	6	Xã Hàm Thạnh	8.245
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	7	Xã Mương Mán	5.813
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	8	Xã Mỹ Thạnh	887
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Hàm Thuận Nam	9	Xã Tân Lập	12.494
	Tỉnh Bình Thuận	6	Huyện Tánh Linh	1	Thị trấn Lạc Tánh	15.782
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	2	Xã Bắc Ruộng	5.561
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	3	Xã Đồng Kho	6.335
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	4	Xã Đức Bình	7.129
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	5	Xã Đức Phú	7.139
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	6	Xã Đức Tân	6.654
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	7	Xã Đức Thuận	5.599
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	8	Xã Gia An	14.082
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	9	Xã Gia Huynh	5.572
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	10	Xã Huy Khiêm	7.813
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	11	Xã La Ngâu	2.409
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	12	Xã Măng Tố	2.788
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	13	Xã Nghị Đức	9.543
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tánh Linh	14	Xã Suối Kiệt	5.711
	Tỉnh Bình Thuận	7	Huyện Tuy Phong	1	Thị trấn Liên Hương	30.838
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	2	Thị trấn Phan Rí Cửa	37.724
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	3	Xã Hòa Minh	7.041
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	4	Xã Phan Dũng	895
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	5	Xã Phong Phú	7.623
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	6	Xã Phước Thê	12.854
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	7	Xã Vĩnh Hảo	6.998
	Tỉnh Bình Thuận		Huyện Tuy Phong	8	Xã Vĩnh Tân	6.411
22	Tỉnh Gia Lai	1	Huyện Chư Păh	1	Thị trấn Ia Ly	7.099
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	2	Thị trấn Phú Hòa	5.861
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	3	Xã Chư Đăng Ya	2.655
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	4	Xã Hà Tây	4.923
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	5	Xã Hòa Phú	6.463
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	6	Xã Ia Ka	7.819
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	7	Xã Ia Krong	1.906
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	8	Xã Ia Mơ Nông	4.200
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	9	Xã Ia Nhin	6.800
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	10	Xã Ia Phí	6.777
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	11	Xã Nghĩa Hòa	4.952
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Păh	12	Xã Nghĩa Hưng	9.757
	Tỉnh Gia Lai	2	Huyện Chư Prông	1	Thị trấn Chư Prông	11.781
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	2	Xã Bàu Cạn	6.568
Tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Prông		3	Xã Bình Giáo	6.871	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	4	Xã Ia Boòng	6.912
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	5	Xã Ia Drăng	9.351
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	6	Xã Ia Ga	4.780
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	7	Xã Ia Kly	2.903
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	8	Xã Ia Lâu	10.485
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	9	Xã Ia Mơ	2.521
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	10	Xã Ia O	3.823
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	11	Xã Ia Phìn	6.659
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	12	Xã Ia Pia	6.304
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	13	Xã Ia Piơ	11.231
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	14	Xã Ia Púch	3.176
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Prông	15	Xã Ia Vê	6.732
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	1	Xã Chư Don	3.633
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	2	Xã Ia BLứ	7.896
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	3	Xã Ia Dreng	7.633
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	4	Xã Ia Hla	5.975
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	5	Xã Ia Hnú	9.475
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	6	Xã Ia Le	11.473
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	7	Xã Ia Phang	12.337
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Pưh	8	Xã Ia Rong	6.301
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	1	Thị trấn Chư Sê	31.265
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	2	Xã AL Bá	6.157
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	3	Xã AYun	3.820
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	4	Xã Bar Măih	6.025
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	5	Xã Bờ Ngoong	7.928
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	6	Xã Chư Pơng	7.928
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	7	Xã Dun	4.649
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	8	Xã H Bông	4.881
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	9	Xã Ia Blang	11.381
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	10	Xã Ia Glai	6.681
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	11	Xã Ia HLốp	10.410
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	12	Xã Ia Ko	6.414
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	13	Xã Ia Pal	6.110
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Chư Sê	14	Xã Kông HTok	6.224
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	1	Thị trấn Đăk Đoa	15.762
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	2	Xã A Dơk	6.669
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	3	Xã Đăk Krong	5.676
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	4	Xã Glar	9.608
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	5	Xã H Neng	2.891
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	6	Xã Hà Đông	5.482
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	7	Xã Kon Gang	4.126
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	8	Xã Tân Bình	5.097
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Đoa	9	Xã Trang	5.924
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	1	Thị trấn Đak Pơ	5.394
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	2	Xã An Thành	3.172
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	3	Xã Cư An	7.408
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	4	Xã Hà Tam	3.712

<b>TT tỉnh</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>TT huyện</b>	<b>Huyện</b>	<b>TT xã</b>	<b>Xã</b>	<b>Dân số (2021)</b>
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	5	Xã Phú An	4.992
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	6	Xã Tân An	12.065
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	7	Xã Ya Hội	2.997
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	8	Xã Yang Bắc	4.610
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	9	Xã Yang Bắc	4.610
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Đăk Pơ	10	Xã Yang Bắc	4.610
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	1	Thị trấn Chư Ty	13.661
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	2	Xã Ia Din	7.666
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	3	Xã Ia Dơk	8.609
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	4	Xã Ia Dom	8.520
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	5	Xã Ia Kla	8.156
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	6	Xã Ia Krêl	8.737
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	7	Xã Ia Kriêng	5.932
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	8	Xã Ia Lang	4.484
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	9	Xã Ia Nan	8.371
	Tỉnh Gia Lai	7	Huyện Đức Cơ	10	Xã Ia Pnôn	5.150
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	1	Thị trấn Ia Kha	11.504
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	2	Xã Ia Bả	5.917
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	3	Xã Ia Chia	5.800
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	4	Xã Ia Grăng	4.226
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	5	Xã Ia Khai	4.193
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	6	Xã Ia KRai	9.633
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	7	Xã Ia O	6.865
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	8	Xã Ia Pếch	5.369
	Tỉnh Gia Lai	8	Huyện Ia Grai	9	Xã Ia Tô	12.414
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	1	Xã Chư Mố	6.981
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	2	Xã Ia Broãi	4.185
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	3	Xã Ia KDăm	4.177
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	4	Xã Ia Tul	3.398
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	5	Xã Kim Tân	6.011
	Tỉnh Gia Lai	9	Huyện Ia Pa	6	Xã Pờ Tó	7.698
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	1	Thị trấn KBang	17.043
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	2	Xã Đăk HLơ	2.700
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	3	Xã Đăk Roong	3.801
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	4	Xã Đak SMar	1.420
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	5	Xã Đông	6.045
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	6	Xã Kon Pne	1.539
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	7	Xã Kông Lơng Khơng	4.499
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	8	Xã Kông Pla	3.423
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	9	Xã KRong	5.418
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	10	Xã Lơ Ku	3.231
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	11	Xã Nghĩa An	4.093
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	12	Xã Sơ Pai	5.596
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	13	Xã Sơn Lang	4.574
	Tỉnh Gia Lai	10	Huyện KBang	14	Xã Tư Tung	5.786
	Tỉnh Gia Lai	11	Huyện Kông Chro	1	Thị trấn Kông Chro	11.060
	Tỉnh Gia Lai	11	Huyện Kông Chro	2	Xã An Trung	5.189
	Tỉnh Gia Lai	11	Huyện Kông Chro	3	Xã Chơ Long	4.513
	Tỉnh Gia Lai	11	Huyện Kông Chro	4	Xã Chư Krêy	3.155

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	5	Xã Đăk Kơ Ning	2.810
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	6	Xã Đăk Pling	2.075
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	7	Xã Đăk Pơ Pho	2.349
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	8	Xã Đăk Song	2.281
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	9	Xã Đăk Tơ Pang	1.584
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	10	Xã Kông Yang	4.081
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	11	Xã SRó	4.069
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	12	Xã Ya Ma	2.206
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	13	Xã Yang Nam	5.621
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Kông Chro	14	Xã Yang Trung	2.617
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	1	Thị trấn Phú Túc	11.733
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	2	Xã Chư Drăng	7.002
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	3	Xã Chư Gu	7.371
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	4	Xã Chư Ngọc	4.845
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	5	Xã Chư Rcăm	6.645
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	6	Xã Đăk Bằng	4.630
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	7	Xã Ia HDreh	4.968
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	8	Xã Ia Mláh	4.212
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	9	Xã Ia RMok	6.134
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	10	Xã Ia RSai	5.714
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	11	Xã Ia RSưóm	7.582
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	12	Xã Krông Năng	3.613
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	13	Xã Phú Cần	6.779
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Krông Pa	14	Xã Uar	4.809
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	1	Thị trấn Kon Dơng	10.604
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	2	Xã Ayun	9.253
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	3	Xã Đăk Djrăng	5.782
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	4	Xã Đak Jơ Ta	3.111
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	5	Xã Đăk Trôi	2.916
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	6	Xã Đăk Yă	5.137
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	7	Xã Đê Ar	4.336
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	8	Xã Hra	8.926
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	9	Xã Kon Chiêng	6.422
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	10	Xã Kon Thụp	6.462
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Mang Yang	11	Xã Lơ Pang	5.137
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	1	Thị trấn Phú Thiện	20.696
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	2	Xã Ayun Hạ	6.363
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	3	Xã Chrôh Pơnan	4.938
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	4	Xã Chư A Thai	5.128
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	5	Xã Ia Ake	7.950
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	6	Xã Ia Hiao	8.657
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	7	Xã Ia Peng	6.145
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	8	Xã Ia Piar	8.841
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	9	Xã Ia Sol	9.871
	Tỉnh Gia Lai		Huyện Phú Thiện	10	Xã Ia Yeng	5.789
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	1	Phường Cheo Reo	4.511
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	2	Phường Đoàn Kết	7.730

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	3	Phường Hòa Bình	4.351
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	4	Phường Sông Bờ	6.188
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	5	Xã Chư Băh	4.848
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	6	Xã Ia RBol	4.758
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	7	Xã Ia RTô	3.630
	Tỉnh Gia Lai		Thị xã Ayun Pa	8	Xã Ia Sao	4.633
23	Tỉnh Kon Tum	1	Huyện Đắk Glei	1	Xã Đắk Blô	1.424
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	2	Xã Đắk Choong	3.621
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	3	Xã Đắk Long	5.717
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	4	Xã Đắk Man	1.274
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	5	Xã Đắk Môn	6.609
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	6	Xã Đắk Nhoong	2.224
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	7	Xã Đắk Pék	8.781
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	8	Xã Mường Hoong	3.205
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	9	Xã Ngọc Linh	2.768
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Glei	10	Xã Xốp	1.876
	Tỉnh Kon Tum	2	Huyện Đắk Tô	1	Thị trấn Đắk Tô	13.904
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	2	Xã Đắk Rơ Nga	3.221
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	3	Xã Đắk Trăm	4.721
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	4	Xã Diên Bình	7.344
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	5	Xã Kon Đào	5.653
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	6	Xã Ngọc Tụ	2.962
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	7	Xã Pô Kô	3.274
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	8	Xã Tân Cảnh	5.826
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Đắk Tô	9	Xã Văn Lem	3.322
	Tỉnh Kon Tum	3	Huyện Ia H' Draï	1	Xã Ia Đal	3.833
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ia H' Draï	2	Xã Ia Dom	1.991
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ia H' Draï	3	Xã Ia Tơi	1.991
	Tỉnh Kon Tum	4	Huyện Kon Plông	1	Xã Đắk Long	4.281
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	2	Xã Đắk Nê	2.439
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	3	Xã Đắk Rìng	2.290
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	4	Xã Đắk Tăng	1.742
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	5	Xã Hiếu	2.987
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	6	Xã Măng Buk	4.102
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	7	Xã Măng Cành	2.678
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	8	Xã Ngok Tem	3.236
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Plông	9	Xã Pờ Ê	2.549
	Tỉnh Kon Tum	5	Huyện Kon Rẫy	1	Thị trấn Đắk Rve	6.820
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	2	Xã Đắk Kôi	2.809
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	3	Xã Đắk Pnê	2.093
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	4	Xã Đắk Ruồng	5.208
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	5	Xã Đắk Tơ Lung	2.469
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	6	Xã Đắk Tờ Re	6.426
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Kon Rẫy	7	Xã Tân Lập	4.231
	Tỉnh Kon Tum	6	Huyện Ngọc Hồi	1	Thị trấn Plei Kăn	17.441
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	2	Xã Bờ Y	8.063
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	3	Xã Đắk Ang	5.239



TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	4	Xã Đắk Dục	5.843	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	5	Xã Đắk Kan	5.278	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	6	Xã Đắk Nông	4.634	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	7	Xã Đắk Xú	6.851	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Ngọc Hồi	8	Xã Sa Loong	5.864	
	Tỉnh Kon Tum	7	Huyện Sa Thầy	1	Thị trấn Sa Thầy	11.154	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	2	XÃ HƠ MOONG	6.892	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	3	XÃ MÔ RAI	5.032	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	4	Xã Rơ Kơi	4.259	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	5	XÃ SA BÌNH	4.835	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	6	Xã Sa Nghĩa	2.318	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	7	XÃ SA NHƠN	3.270	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	8	XÃ SA SƠN	2.465	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	9	XÃ YA LY	2.066	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	10	Xã Ya Tăng	1.782	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Sa Thầy	11	Xã Ya Xiêr	5.541	
	Tỉnh Kon Tum	8	Huyện Tu Mơ Rông	1	Xã Đắk Hà	3.544	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	2	Xã Đắk Na	3.036	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	3	Xã Đắk Rơ Ông	3.552	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	4	Xã Đắk Sao	3.242	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	5	Xã Đắk Tờ Kan	3.202	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	6	Xã Măng Ri	2.001	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	7	Xã Ngọc Lây	2.140	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	8	Xã Ngọc Yêu	2.140	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	9	Xã Tê Xăng	2.015	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	10	Xã Tu Mơ Rông	1.813	
	Tỉnh Kon Tum		Huyện Tu Mơ Rông	11	Xã Văn Xuôi	1.244	
	24	Tỉnh Đắk Lắk	1	Huyện Buôn Đôn	1	Xã Cuôr KNia	7.894
		Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Buôn Đôn	2	Xã Ea Huar	3.393
		Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Buôn Đôn	3	Xã Ea Nuôi	11.891
		Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Buôn Đôn	4	Xã Ea Wer	8.654
		Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Buôn Đôn	5	Xã Krông Na	5.220
		Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Buôn Đôn	6	Xã Tân Hoà	12.596
Tỉnh Đắk Lắk		2	Huyện Cư Kuin	1	Xã Ea BHốk	17.138	
Tỉnh Đắk Lắk		3	Huyện Cư M'gar	1	Xã Cư Dliê Mnông	10.341	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	2	Xã Cư Mgar	9.776	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	3	Xã Cư Suê	11.901	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	4	Xã Cuor Đăng	11.031	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	5	Xã Ea DRông	12.807	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	6	Xã Ea Hđinh	12.356	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	7	Xã Ea Kiết	10.467	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	8	Xã Ea KPam	8.314	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	9	Xã Ea Kuêh	7.192	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	10	Xã Ea MDRóh	8.917	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	11	Xã Ea Mngang	9.186	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	12	Xã Ea Tar	8.989	
Tỉnh Đắk Lắk			Huyện Cư M'gar	13	Xã Ea Tul	11.181	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Cư M'gar	14	Xã Quảng Hiệp	12.429
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Cư M'gar	15	Xã Quảng Tiến	7.449
	Tỉnh Đắk Lắk	4	Huyện Ea H'leo	1	Thị trấn Ea Drăng	19.106
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	2	Xã Cư A Mung	4.922
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	3	Xã Cư Mốt	8.830
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	4	Xã Ea Hiao	12.643
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	5	Xã Ea H'leo	13.517
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	6	Xã Ea Khal	8.954
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	7	Xã Ea Nam	11.189
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	8	Xã Ea Ral	14.283
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	9	Xã Ea Sol	13.986
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	10	Xã Ea Tir	4.907
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea H'leo	11	Xã Ea Wy	13.041
	Tỉnh Đắk Lắk	5	Huyện Ea Kar	1	Xã Ea Sar	8.751
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Kar	2	Xã Ea Sô	3.879
	Tỉnh Đắk Lắk	6	Huyện Ea Súp	1	Thị trấn Ea Súp	12.479
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	2	Xã Cư KBang	11.014
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	3	Xã Cư MLan	4.650
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	4	Xã Ea Bung	3.259
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	5	Xã Ea Lê	10.131
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	6	Xã Ea Rôk	8.484
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	7	Xã Ia JLoi	3.117
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	8	Xã Ia Lốp	5.512
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	9	Xã Ia RVê	5.427
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Ea Súp	10	Xã Ya Tờ Mốt	4.128
	Tỉnh Đắk Lắk	7	Huyện Krông A Na	1	Thị trấn Buôn Trấp	24.459
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông A Na	2	Xã Băng A Drênh	3.982
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông A Na	3	Xã Dur KMăl	7.208
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông A Na	4	Xã Ea Bông	12.426
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông A Na	5	Xã Ea Na	13.548
	Tỉnh Đắk Lắk	8	Huyện Krông Bông	1	Xã Cư Drăm	8.665
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	2	Xã Cư Pui	13.056
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	3	Xã Ea Trul	6.220
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	4	Xã Hòa Lễ	6.597
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	5	Xã Hòa Phong	8.312
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	6	Xã Hòa Sơn	10.092
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	7	Xã Yang Mao	4.921
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Bông	8	Xã Yang Reh	5.624
	Tỉnh Đắk Lắk	9	Huyện Krông Búk	1	Xã Chư KBô	11.609
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Búk	2	Xã Ea Sin	2.602
	Tỉnh Đắk Lắk	10	Huyện Krông Năng	1	Xã Cư Klông	5.341
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	2	Xã Ea Dăh	8.178
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	3	Xã Ea Puk	4.813
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	4	Xã Ea Tam	10.563
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	5	Xã Ea Tân	10.608
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	6	Xã Phú Lộc	12.487
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Năng	7	Xã Tam Giang	6.593

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)	
	Tỉnh Đắk Lắk	11	Huyện Krông Pắc	1	Xã Ea Kênh	12.644	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Pắc	2	Xã Ea Phê	23.736	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Pắc	3	Xã Ea Yông	18.644	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Pắc	4	Xã Tân Tiến	11.423	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Krông Pắc	5	Xã Vụ Bồn	17.603	
	Tỉnh Đắk Lắk	12	Huyện Lắk	1	Xã Bông Krang	7.028	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	2	Xã Buôn Triết	6.837	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	3	Xã Đắk Liêng	10.047	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	4	Xã Đắk Nuê	6.314	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	5	Xã Đắk Phơi	6.974	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	6	Xã Krông Nô	9.428	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	7	Xã Nam Ka	2.508	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện Lắk	8	Xã Yang Tao	9.104	
	Tỉnh Đắk Lắk	13	Huyện M'Đrăk	1	Thị trấn M'Đrăk	5.676	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	2	Xã Cư K Róa	4.074	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	3	Xã Cư Mta	6.759	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	4	Xã Cư Prao	5.370	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	5	Xã Cư San	8.265	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	6	Xã Ea HMLay	3.442	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	7	Xã Ea Lai	3.051	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	8	Xã Ea M Doal	4.166	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	9	Xã Ea Pil	6.871	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	10	Xã Ea Riêng	6.623	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	11	Xã Ea Trang	5.489	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	12	Xã Krông Á	3.637	
	Tỉnh Đắk Lắk		Huyện M'Đrăk	13	Xã Krông Jing	10.076	
	Tỉnh Đắk Lắk	14	Thành phố Buôn Ma Thuột	1	Xã Ea Tu	15.977	
	Tỉnh Đắk Lắk		Thành phố Buôn Ma Thuột	2	Xã Hòa Thắng	17.768	
	Tỉnh Đắk Lắk	15	Thị Xã Buôn Hồ	1	Xã Ea Drông	11.381	
	25	Tỉnh Đắk Nông	1	Huyện Cư Jút	1	Xã Cư Knia	8.379
		Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút	2	Xã Đắk DRông	14.995
		Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút	3	Xã Đắk Wil	9.496
		Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút	4	Xã Ea Pô	12.028
Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút		5	Xã Nam Dong	15.786	
Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút		6	Xã Tâm Thắng	14.058	
Tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút		7	Xã Trúc Sơn	3.121	
Tỉnh Đắk Nông		2	Huyện Đắk Glong	1	Xã Đắk Ha	10.271	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	2	Xã Đắk Plao	2.516	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	3	Xã Đắk RMăng	8.004	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	4	Xã Đắk Som	10.762	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	5	Xã Quảng Hoà	6.877	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	6	Xã Quảng Khê	13.134	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Glong	7	Xã Quảng Sơn	18.858	
Tỉnh Đắk Nông		3	Huyện Đắk Mil	1	Xã Đắk Lao	7.743	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Mil	2	Xã Đắk Gản	7.890	
Tỉnh Đắk Nông			Huyện Đắk Mil	3	Xã Đắk NDRót	7.601	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	4	Xã Đắk RLa	11.852
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	5	Xã Đắk Sắk	14.799
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	6	Xã Đức Mạnh	14.880
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	7	Xã Long Sơn	1.693
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	8	Xã Thuận An	11.937
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	1	Thị trấn Kiến Đức	10.075
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	2	Xã Đắk Ru	11.568
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	3	Xã Đắk Sin	7.243
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	4	Xã Đắk Wer	8.675
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	5	Xã Đạo Nghĩa	5.001
	Tỉnh Đắk Nông	4	Huyện Đắk R'Lấp	6	Xã Hưng Bình	3.802
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	7	Xã Kiến Thành	6.717
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	8	Xã Nghĩa Thắng	7.879
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	9	Xã Nhân Cơ	10.351
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	10	Xã Nhân Đạo	4.321
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk R'Lấp	11	Xã Quảng Tín	10.549
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	1	Thị trấn Đức An	5.897
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	2	Xã Đắk Hòa	3.885
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	3	Xã Đắk Môi	6.973
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	4	Xã Đắk NDung	12.522
	Tỉnh Đắk Nông	5	Huyện Đắk Song	5	Xã Nam Bình	10.648
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	6	Xã Năm Njang	10.398
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	7	Xã Thuận Hà	6.501
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	8	Xã Thuận Hạnh	8.967
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Song	9	Xã Trường Xuân	12.295
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	1	Thị trấn Đắk Mâm	7.099
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	2	Xã Buôn Choah	2.365
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	3	Xã Đắk Drô	8.450
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	4	Xã Đắk Nang	3.852
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	5	Xã Đắk Sôr	4.811
	Tỉnh Đắk Nông	6	Huyện Krông Nô	6	Xã Đức Xuyên	3.440
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	7	Xã Nam Đà	11.944
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	8	Xã Năm NĐir	8.420
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	9	Xã Năm Nung	6.322
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	10	Xã Nam Xuân	6.872
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	11	Xã Quảng Phú	7.213
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Krông Nô	12	Xã Tân Thành	3.575
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Tuy Đức	1	Xã Đắk Búk So	11.314
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Tuy Đức	2	Xã Đắk Ngo	10.427
	Tỉnh Đắk Nông	7	Huyện Tuy Đức	3	Xã Đắk RTíh	9.659
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Tuy Đức	4	Xã Quảng Tâm	6.453
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Tuy Đức	5	Xã Quảng Tân	13.914
	Tỉnh Đắk Nông		Huyện Tuy Đức	6	Xã Quảng Trực	9.445
	Tỉnh Đắk Nông		Thị xã Gia Nghĩa	1	Phường Nghĩa Phú	5.295
	Tỉnh Đắk Nông	8	Thị xã Gia Nghĩa	2	Xã Đắk Nia	8.802
	Tỉnh Đắk Nông		Thị xã Gia Nghĩa	3	Xã Đắk RMoan	5.443
	Tỉnh Đắk Nông		Thị xã Gia Nghĩa	4	Xã Quảng Thành	4.628

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
26	Tỉnh Lâm Đồng	1	Huyện Bảo Lâm	1	Thị trấn Lộc Thắng	18.846
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	2	Xã B Lá	3.048
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	3	Xã Lộc Bắc	4.506
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	4	Xã Lộc Bảo	4.208
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	5	Xã Lộc Lâm	2.491
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	6	Xã Lộc Nam	12.686
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	7	Xã Lộc Ngãi	14.056
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Bảo Lâm	8	Xã Lộc Thành	15.590
	Tỉnh Lâm Đồng	2	Huyện Cát Tiên	1	Xã Đồng Nai Thượng	2.009
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Cát Tiên	2	Xã Gia Viễn	4.980
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Cát Tiên	3	Xã Nam Ninh	2.180
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Cát Tiên	4	Xã Phước Cát 2	2.502
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Cát Tiên	5	Xã Tiên Hoàng	3.065
	Tỉnh Lâm Đồng	3	Huyện Đạ Huoai	1	Xã Đạ Ploa	3.590
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đạ Huoai	2	Xã Ma Đa Guôi	3.988
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đạ Huoai	3	Xã Phước Lộc	2.769
	Tỉnh Lâm Đồng	4	Huyện Đam Rông	1	Xã Đạ K Nàng	8.054
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	2	Xã Đạ Long	3.338
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	3	Xã Đạ M Rong	4.579
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	4	Xã Đạ Tông	8.601
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	5	Xã Liêng Srônh	7.703
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	6	Xã Phi Liêng	6.550
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đam Rông	7	Xã Rô Men	6.169
	Tỉnh Lâm Đồng	5	Huyện Di Linh	1	Xã Gung Ré	6.506
	Tỉnh Lâm Đồng	6	Huyện Đức Trọng	1	Xã Đà Loan	10.048
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đức Trọng	2	Xã Đa Quyên	4.880
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đức Trọng	3	Xã Ninh Loan	5.933
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đức Trọng	4	Xã Tà Hine	3.507
	Tỉnh Lâm Đồng		Huyện Đức Trọng	5	Xã Tà Năng	5.512
	Tỉnh Lâm Đồng	7	Huyện Lâm Hà	1	Xã Tân Thanh	14.183
Tỉnh Lâm Đồng	8	Thành phố Bảo Lộc	1	Xã Đại Lào	11.860	
Tỉnh Lâm Đồng		Thành phố Bảo Lộc	2	Xã Đạm Bri	10.244	
27	Tỉnh Đồng Nai	1	Huyện Cẩm Mỹ	1	Xã Xuân Mỹ	13.215
	Tỉnh Đồng Nai		Huyện Cẩm Mỹ	2	Xã Xuân Tây	22.024
	Tỉnh Đồng Nai	2	Huyện Định Quán	1	Xã Thanh Sơn	30.047
	Tỉnh Đồng Nai	3	Huyện Long Thành	1	Xã Bình An	8.927
	Tỉnh Đồng Nai	4	Huyện Tân Phú	1	Xã Núi Tượng	6.063
	Tỉnh Đồng Nai		Huyện Tân Phú	2	Xã Phú Trung	9.118
	Tỉnh Đồng Nai	5	Huyện Vĩnh Cửu	1	Xã Hiếu Liêm	3.770
	Tỉnh Đồng Nai		Huyện Vĩnh Cửu	2	Xã Mã Đà	7.043
	Tỉnh Đồng Nai		Huyện Vĩnh Cửu	3	Xã Phú Lý	10.927
Tỉnh Đồng Nai	6	Huyện Xuân Lộc	1	Xã Xuân Hưng	25.676	
28	Tỉnh Bình Dương	1	Huyện Bắc Tân Uyên	1	Xã Hiếu Liêm	3.281
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Bắc Tân Uyên	2	Xã Tân Định	9.549
	Tỉnh Bình Dương	2	Huyện Bàu Bàng	1	Xã Cây Trường II	9.785
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Bàu Bàng	2	Xã Lai Uyên	34.062
	Tỉnh Bình Dương	3	Huyện Dầu Tiếng	1	Xã An Lập	9.824

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	2	Xã Định An	9.451
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	3	Xã Định Hiệp	9.935
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	4	Xã Định Thành	4.819
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	5	Xã Long Hoà	14.091
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	6	Xã Minh Hoà	11.225
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	7	Xã Minh Tân	9.804
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	8	Xã Minh Thạnh	12.040
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	9	Xã Thanh An	15.718
	Tỉnh Bình Dương		Huyện Dầu Tiếng	10	Xã Thanh Tuyền	19.757
	Tỉnh Bình Dương		4	Huyện Phú Giáo	1	Xã Tam Lập
29	Tỉnh Bình Phước	1	Huyện Bù Đăng	1	Thị trấn Đức Phong	9.535
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	2	Xã Bình Minh	12.093
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	3	Xã Bom Bo	12.621
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	4	Xã Đak Nhau	13.212
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	5	Xã Đăng Hà	5.948
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	6	Xã Đoàn Kết	5.924
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	7	Xã Đồng Nai	5.395
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	8	Xã Đức Liễu	14.399
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	9	Xã Đường 10	8.613
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	10	Xã Minh Hưng	10.968
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	11	Xã Nghĩa Bình	5.539
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	12	Xã Nghĩa Trung	9.766
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	13	Xã Phú Sơn	6.590
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	14	Xã Phước Sơn	6.595
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	15	Xã Thọ Sơn	8.138
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đăng	16	Xã Thống Nhất	15.098
	Tỉnh Bình Phước	2	Huyện Bù Đốp	1	Thị trấn Thanh Bình	10.252
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	2	Xã Hưng Phước	6.678
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	3	Xã Phước Thiện	4.776
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	4	Xã Tân Thành	10.057
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	5	Xã Tân Tiến	8.408
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	6	Xã Thanh Hòa	8.667
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Đốp	7	Xã Thiện Hưng	12.556
	Tỉnh Bình Phước	3	Huyện Bù Gia Mập	1	Xã Bình Thắng	9.922
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	2	Xã Bù Gia Mập	7.363
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	3	Xã Đa Kìa	10.720
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	4	Xã Đak O	18.687
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	5	Xã Đức Hạnh	7.151
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	6	Xã Phú Nghĩa	13.423
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	7	Xã Phú Văn	9.533
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Bù Gia Mập	8	Xã Phước Minh	9.428
	Tỉnh Bình Phước	4	Huyện Đồng Phú	1	Thị trấn Tân Phú	10.886
Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú		2	Xã Đồng Tâm	8.333	
Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú		3	Xã Đồng Tiến	13.435	
Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú		4	Xã Tân Hòa	3.265	
Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú		5	Xã Tân Hưng	4.575	
Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú		6	Xã Tân Lợi	4.154	

TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Đồng Phú	7	Xã Tân Phước	8.279
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Đồng Phú	8	Xã Tân Tiến	11.116
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Đồng Phú	9	Xã Thuận Lợi	10.682
	Tỉnh Bình Phước	5	Huyện Hớn Quản	1	Xã An Khương	7.807
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	2	Xã An Phú	4.572
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	3	Xã Đồng Nơ	6.121
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	4	Xã Minh Đức	5.797
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	5	Xã Minh Tâm	5.547
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	6	Xã Phước An	9.679
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	7	Xã Tân Hiệp	8.252
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	8	Xã Tân Hưng	12.847
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	9	Xã Tân Khai	14.349
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	10	Xã Tân Lợi	8.842
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	11	Xã Tân Quan	5.438
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Hớn Quản	12	Xã Thanh An	11.230
	Tỉnh Bình Phước	6	Huyện Lộc Ninh	1	Thị trấn Lộc Ninh	10.149
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	2	Xã Lộc An	7.697
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	3	Xã Lộc Điền	8.467
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	4	Xã Lộc Hiệp	8.928
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	5	Xã Lộc Hòa	5.881
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	6	Xã Lộc Hưng	8.923
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	7	Xã Lộc Khánh	6.447
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	8	Xã Lộc Phú	7.552
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	9	Xã Lộc Quang	6.784
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	10	Xã Lộc Tấn	11.905
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	11	Xã Lộc Thái	8.136
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	12	Xã Lộc Thành	7.084
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	13	Xã Lộc Thạnh	3.249
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	14	Xã Lộc Thiện	8.772
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	15	Xã Lộc Thịnh	4.167
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Lộc Ninh	16	Xã Lộc Thuận	10.013
	Tỉnh Bình Phước	7	Huyện Phú Riềng	1	Xã Long Bình	9.096
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Phú Riềng	2	Xã Long Tân	8.600
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Phú Riềng	3	Xã Phú Riềng	16.013
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Phú Riềng	4	Xã Phú Trung	4.436
	Tỉnh Bình Phước		Huyện Phú Riềng	5	Xã Phước Tân	7.529
	Tỉnh Bình Phước	8	Thị xã Bình Long	1	Phường An Lộc	12.964
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Bình Long	2	Phường Hưng Chiến	11.851
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Bình Long	3	Phường Phú Đức	4.923
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Bình Long	4	Phường Phú Thịnh	5.841
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Bình Long	5	Xã Thanh Lương	14.309
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Bình Long	6	Xã Thanh Phú	11.456
	Tỉnh Bình Phước	9	Thị xã Phước Long	1	Phường Long Phước	15.172
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	2	Phường Long Thủy	7.372
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	3	Phường Phước Bình	8.733
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	4	Phường Sơn Giang	4.391
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	5	Phường Thác Mơ	6.456



TT tỉnh	Tỉnh	TT huyện	Huyện	TT xã	Xã	Dân số (2021)
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	6	Xã Long Giang	3.423
	Tỉnh Bình Phước		Thị xã Phước Long	7	Xã Phước Tín	6.797
30	Tỉnh Tây Ninh	1	Huyện Châu Thành	1	Xã Biên Giới	4.115
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Châu Thành	2	Xã Phước Vinh	11.414
	Tỉnh Tây Ninh	2	Huyện Gò Dầu	1	Xã Thạnh Đức	22.851
	Tỉnh Tây Ninh	3	Huyện Tân Biên	1	Xã Tân Lập	9.608
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Biên	2	Xã Thạnh Bắc	3.844
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Biên	3	Xã Thạnh Bình	14.459
	Tỉnh Tây Ninh	4	Huyện Tân Châu	1	Thị trấn Tân Châu	8.919
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Châu	2	Xã Suối Dây	13.569
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Châu	3	Xã Suối Ngô	11.894
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Châu	4	Xã Tân Đông	14.974
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Châu	5	Xã Tân Hòa	9.037
	Tỉnh Tây Ninh		Huyện Tân Châu	6	Xã Tân Hội	12.637
	Tỉnh Tây Ninh	5	Huyện Tân Châu	7	Xã Tân Phú	11.328
	Tỉnh Tây Ninh		Thành phố Tây Ninh	1	Xã Thạnh Tân	9.289
31	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	Huyện Châu Đức	1	Xã Đá Bạc	7.938
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Huyện Châu Đức	2	Xã Láng Lớn	6.411
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2	Huyện Xuyên Mộc	1	Xã Bàu Lâm	11.926
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Huyện Xuyên Mộc	2	Xã Hòa Hiệp	23.439
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Huyện Xuyên Mộc	3	Xã Hòa Hội	12.581
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Huyện Xuyên Mộc	4	Xã Tân Lâm	7.898
32	Tỉnh Long An	1	Huyện Cần Giuộc	1	Xã Đông Thạnh	14.359
	Tỉnh Long An		Huyện Cần Giuộc	2	Xã Long Hậu	11.777
	Tỉnh Long An		Huyện Cần Giuộc	3	Xã Phước Lại	14.612
	Tỉnh Long An		Huyện Cần Giuộc	4	Xã Phước Vĩnh Đông	8.977
	Tỉnh Long An	2	Huyện Châu Thành	1	Xã An Lục Long	12.309
	Tỉnh Long An		Huyện Châu Thành	2	Xã Thanh Phú Long	12.727
	Tỉnh Long An		Huyện Châu Thành	3	Xã Thuận Mỹ	13.981
	Tỉnh Long An	3	Huyện Đức Hòa	1	Thị trấn Đức Hòa	15.285
	Tỉnh Long An		Huyện Đức Hòa	2	Xã Đức Hòa Hạ	15.688
	Tỉnh Long An		Huyện Đức Hòa	3	Xã Đức Hòa Thượng	18.945
	Tỉnh Long An	4	Huyện Tân Trụ	1	Xã Đức Tân	7.678
	Tỉnh Long An		Huyện Tân Trụ	2	Xã Mỹ Bình	4.484
	Tỉnh Long An		Huyện Tân Trụ	3	Xã Tân Phước Tây	7.175
33	Tỉnh Sóc Trăng	1	Huyện Mỹ Xuyên	1	Xã Hòa Tú II	10.092
	Tỉnh Sóc Trăng	2	Thị xã Vĩnh Châu	1	Phường Khánh Hòa	9.415
	Tỉnh Sóc Trăng		Thị xã Vĩnh Châu	2	Phường Vĩnh Phước	21.695
	Tỉnh Sóc Trăng		Thị xã Vĩnh Châu	3	Xã Hòa Đông	9.898
	Tỉnh Sóc Trăng		Thị xã Vĩnh Châu	4	Xã Lạc Hòa	14.981
	Tỉnh Sóc Trăng		Thị xã Vĩnh Châu	5	Xã Lai Hòa	22.686
	Tỉnh Sóc Trăng		Thị xã Vĩnh Châu	6	Xã Vĩnh Tân	13.425
34	Tỉnh Kiên Giang	1	Huyện Kiên Hải	1	Xã Lại Sơn	6.021

<b>TT tỉnh</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>TT huyện</b>	<b>Huyện</b>	<b>TT xã</b>	<b>Xã</b>	<b>Dân số (2021)</b>
	Tỉnh Kiên Giang	2	Huyện Kiên Lương	1	Xã Bình An	10.367
	Tỉnh Kiên Giang	3	Huyện Phú Quốc	1	Thị trấn An Thới	29.680
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	2	Thị trấn Dương Đông	36.236
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	3	Xã Bãi Thơm	4.063
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	4	Xã Cửa Cạn	4.144
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	5	Xã Cửa Dương	8.562
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	6	Xã Dương Tơ	8.809
	Tỉnh Kiên Giang		Huyện Phú Quốc	7	Xã Gành Dầu	6.645
	Tỉnh Kiên Giang	4	Thị xã Hà Tiên	1	Xã Tiên Hải	1.858
35	Tỉnh Bạc Liêu	1	Huyện Vĩnh Lợi	1	Xã Hưng Thành	11.943
	Tỉnh Bạc Liêu	2	Thành phố Bạc Liêu	1	Phường Nhà Mát	11.224
	Tỉnh Bạc Liêu		Thành phố Bạc Liêu	2	Xã Hiệp Thành	9.401
	Tỉnh Bạc Liêu		Thành phố Bạc Liêu	3	Xã Vĩnh Trạch	16.429
	Tỉnh Bạc Liêu		Thành phố Bạc Liêu	4	Xã Vĩnh Trạch Đông	13.869
36	Tỉnh Cà Mau	1	Huyện Cái Nước	1	Xã Đông Hưng	9.921
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Cái Nước	2	Xã Hoà Mỹ	8.613
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Cái Nước	3	Xã Trần Thới	10.281
	Tỉnh Cà Mau	2	Huyện Đầm Dơi	1	Xã Quách Phẩm Bắc	10.497
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Đầm Dơi	2	Xã Tân Duyệt	15.006
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Đầm Dơi	3	Xã Trần Phán	13.420
	Tỉnh Cà Mau	3	Huyện Năm Căn	1	Xã Đất Mới	9.732
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Năm Căn	2	Xã Lâm Hải	6.658
	Tỉnh Cà Mau	4	Huyện Ngọc Hiển	1	Thị trấn Rạch Gốc	10.207
	Tỉnh Cà Mau		Huyện Ngọc Hiển	2	Xã Đất Mũi	14.119
	Tỉnh Cà Mau	5	Huyện Phú Tân	1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	15.660
<b>Tổng</b>	<b>36 tỉnh</b>		<b>196 huyện</b>		<b>1.125 xã</b>	

**PHỤ LỤC 2:**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NGÂN SÁCH**  
**(GIAI ĐOẠN 2021-2023)**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NGÂN SÁCH 3 NĂM (2021-2023)**

## PHỤ LỤC 2

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NGÂN SÁCH DỰ ÁN CHI TIẾT (Do Viện Sốt rét-KST-CT TƯ trực tiếp quản lý)

**Bảng 1. Kế hoạch hoạt động và ngân sách 3 năm**

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Ngân sách 2021 (USD)	Ngân sách 2022 (USD)	Ngân sách 2023 (USD)	Tổng 3 năm (USD)
<b>Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân</b>						
12.003	12.003	Cập nhật bộ câu hỏi và điều tra đánh giá online về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh ở các cơ sở y tế công tại một số điểm sốt rét lưu hành	3.368,87			3.368,87
12.004	12.004	Tập huấn TOT về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho cán bộ tuyến tỉnh và đại diện y tế các bộ ngành tại 3 miền		23.763,91		23.763,91
12.005	12.005	Tập huấn về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho xét nghiệm viên điểm kính hiển vi tuyến huyện và xã	179.899,00		179.899,00	359.798,00
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	126.000,00	126.000,00	126.000,00	378.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	18.900,00	18.900,00	18.900,00	56.700,00
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	6.300,00	6.300,00	6.300,00	18.900,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	8.315,35	8.315,35	8.315,35	24.946,05
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	42.311,20	36.215,22	30.783,47	109.309,89
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	95.169,09	81.457,62	69.240,18	245.866,89

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	746,42	638,88	543,06	1.928,36
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	20.734,01	17.746,76	15.085,01	53.565,78
12.114	12.114	Vận chuyển trong nước test chẩn đoán nhanh	6.911,34	5.915,59	5.028,34	17.855,26
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	6.854,09	4.777,77	4.190,04	15.821,90
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	8.073,79	3.037,66	6.075,33	17.186,78
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	6.511,17	2.449,75	4.899,49	13.860,41
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư nhân	60,04	22,59	45,18	127,81
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunate tiêm	928,93	349,50	699,00	1.977,43
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	146,45	55,10	110,20	311,75
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	1.997,15	713,82	1.768,19	4.479,16
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	1.610,62	575,66	1.425,97	3.612,25
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	14,85	5,31	13,15	33,31
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	229,78	82,13	203,44	515,35
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	36,23	12,95	32,07	81,25
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	6.310,40	1.690,29	5.972,34	13.973,03
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	5.089,07	1.363,14	4.816,44	11.268,65
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	46,93	12,57	44,42	103,92
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	726,05	194,48	687,15	1.607,68
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	114,46	30,66	108,33	253,45

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.006	12.006	Cập nhật hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt rét		5.652,10		5.652,10
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký sinh trùng (iDES)	96.422,29	64.693,59	33.067,90	194.183,78
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét P.falciparum kháng thuốc	14.010,08	14.010,08	14.010,08	42.030,24
12.009	12.009	Nhóm kỹ thuật xây dựng/rà soát chương trình, tài liệu và hướng dẫn tập huấn về quản lý ca bệnh cho cán bộ y tế		1.444,36		1.444,36
12.010	12.010	Tập huấn TOT cho cán bộ 3 viện và tỉnh về quản lý ca bệnh sốt rét (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		28.609,49		28.609,49
12.011	12.011	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		166.595,43		166.595,43
12.012	12.012	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến xã về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)		625.248,59		625.248,59
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	32.449,81	32.449,81	32.449,81	97.349,43
12.014	12.014	Cập nhật hướng dẫn thực hiện hoạt động của y tế thôn bản		1.721,84		1.721,84
12.015	12.015	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB		51.528,67		51.528,67
12.016	12.016	Tuyến huyện tập huấn cho y tế thôn bản về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB		495.905,20		495.905,20

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.018	12.018	Khảo sát các tỉnh vùng 4, 5 để lựa chọn điểm sốt rét	13.825,35			13.825,35
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	11.272,02	11.272,02	11.272,02	33.816,06
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	272.373,69	289.397,04	306.420,40	868.191,13
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	5.823,26	5.823,26	5.823,26	17.469,78
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	16.739,98	16.739,98	16.739,98	50.219,94
12.107	12.107	Cung cấp túi y tế cho cán bộ tuyến thôn bản ở vùng 4, vùng 5 và điểm sốt rét	58.630,00			58.630,00
<b>Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp</b>						
12.020	12.020	Xây dựng tài liệu tập huấn phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ	1.816,50			1.816,50
12.021	12.021	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ		131.255,19		131.255,19
12.095	12.095	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt.	3.517.955,00			3.517.955,00
12.096	12.096	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	168.000,30			168.000,30
12.097	12.097	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	345.808,63			345.808,63



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.098	12.098	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	101.675,00	91.630,00	82.320,00	275.625,00
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	4.284,06	3.860,82	3.468,54	11.613,42
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	9.994,47	9.007,06	8.091,91	27.093,44
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	10.535,00	59.045,00	436.100,00	505.680,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	443,89	2.487,85	18.375,02	21.306,76
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	1.035,57	5.804,02	42.867,84	49.707,43
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	10.500,00	10.500,00	10.500,00	31.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	442,42	442,42	442,42	1.327,26
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	1.032,13	1.032,13	1.032,13	3.096,39
12.101	12.101.03	Mua võng màn	738.889,50	706.459,00	667.323,28	2.112.671,78
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	31.133,01	29.766,56	28.117,58	89.017,15
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	72.631,50	69.443,65	65.596,67	207.671,82
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	65.127,97	65.127,97	65.127,97	195.383,91
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	18.048,27	18.048,27	18.048,27	54.144,81
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	841,29	841,29	841,29	2.523,87
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	1.409,16	1.409,16	1.409,16	4.227,48

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	18.567,64	18.567,64	18.567,64	55.702,92
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh	13.585,14	8.498,76	4.024,03	26.107,93
<b>Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét</b>						
12.025	12.025	Tổ chức hội thảo với tuyến tỉnh và tuyến huyện để rà soát phần mềm báo cáo, chức năng báo cáo và hệ thống dữ liệu	13.340,91			13.340,91
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sốt rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	1.925,53	1.925,53	1.925,53	5.776,59
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	60.000,00	60.000,00	60.000,00	180.000,00
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	3.555,74	3.555,74	3.555,74	10.667,22
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	30.000,00	5.000,00	5.000,00	40.000,00
12.028	12.028	Cập nhật hướng dẫn giám sát sốt rét quốc gia (bao gồm thuê tư vấn, họp nhóm kỹ thuật, hội thảo và thẩm định)		11.008,47		11.008,47
12.029	12.029	Tổ chức họp tại tuyến trung ương xây dựng tài liệu và lịch tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh	2.327,29		2.327,29	4.654,58
12.030	12.030	Tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc và đại diện của y tế các bộ ngành tại 3 miền	25.379,96		25.379,96	50.759,92

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.031	12.031	Tuyển tỉnh tập huấn giám sát sốt rét cho cán bộ y tế tuyến huyện	214.334,42		60.615,90	274.950,32
12.032	12.032	Xây dựng SOP giám sát dịch tễ cho tuyển tỉnh, tuyến huyện và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện	41.331,01			41.331,01
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	69.844,35	69.844,35	69.844,35	209.533,05
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyển tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	120.725,31	120.725,31	120.725,31	362.175,93
12.035	12.035	Tuyển huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	91.829,53	91.829,53	91.829,53	275.488,59
12.036	12.036	Tập huấn báo cáo ca bệnh, điều tra ca bệnh và phần mềm eCDS-MMS cho bệnh viện	47.947,60		47.947,60	95.895,20
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	13.258,06	8.895,37	4.546,84	26.700,27
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	30.767,23	20.877,76	10.988,30	62.633,29
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	181.564,41	121.849,89	62.135,38	365.549,68
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	103.478,84	69.601,84	35.724,84	208.805,52
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	48.000,82	30.028,95	14.218,25	92.248,02
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	26.852,65	26.852,65	26.852,65	80.557,95

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trưởng thôn...)	962.162,60	962.162,60	962.162,60	2.886.487,80
12.042	12.042	Tuyên Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	98.971,92	98.971,92	98.851,99	296.795,83
12.043	12.043	Tuyên huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	81.356,31	81.356,31	81.356,31	244.068,93
12.044	12.044	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất đề cương phân vùng dịch tễ sốt rét			7.769,93	7.769,93
12.045	12.045	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất kết quả phân vùng dịch tễ sốt rét			12.419,78	12.419,78
12.056	12.056	Tuyên Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	55.731,26	55.731,26	55.731,26	167.193,78
12.075	12.075	Các Viện và Cục Quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	54.684,62	54.684,62	54.684,62	164.053,86
12.057	12.057	Tuyên tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	171.623,44	171.623,44	171.623,44	514.870,32
12.058	12.058	Tuyên huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	77.278,62	77.278,62	77.278,62	231.835,86
12.017	12.017	Tuyên xã giám sát hoạt động của tuyến thôn bản	289.730,44	289.730,44	289.730,44	869.191,32
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	84.528,75	84.528,75	84.528,75	253.586,25

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
<b>Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét</b>						
12.077	12.077.01	In và cấp phát Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị cập nhật cho các cơ sở y tế, bệnh viện và các bên liên quan khác		7.726,15		7.726,15
12.077	12.077.02	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	9.641,58		9.641,58	19.283,16
12.077	12.077.03	In và cấp Hướng dẫn thực hiện hoạt động cho CBYT thôn bản	8.186,48			8.186,48
12.077	12.077.04	In và cấp vật liệu truyền thông cho các xã dự án		724,33		724,33
12.077	12.077.05	In và cấp hướng dẫn loại trừ sốt rét cho các tỉnh		305,83		305,83
12.077	12.077.06	In và cấp tài liệu về can thiệp phòng chống véc tơ cho các tỉnh.	4.145,51			4.145,51
12.077	12.077.07	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	4.098,29		4.098,28	8.196,57
12.077	12.077.08	In và cấp tài liệu tập huấn		2.360,76		2.360,76
12.077	12.077.09	In hướng dẫn quy trình quản lý mua sắm		467,43		467,43
12.077	12.077.10	In và cấp tài liệu khung giám sát, theo dõi và đánh giá	467,43			467,43
12.077	12.077.11	In và cấp tài liệu cập nhật hướng dẫn giám sát quốc gia cho các cơ sở y tế		9.814,14		9.814,14
12.077	12.077.12	In và cấp tài liệu tập huấn truyền thông		14.196,78		14.196,78
12.077	12.077.13	In và cấp poster truyền thông	1.869,30			1.869,30
12.077	12.077.14	In và cấp tờ rơi truyền thông	105.590,65			105.590,65

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.046	12.046	Xây dựng đề cương, thực hiện đánh giá tại các tỉnh/huyện được lựa chọn để cập nhật các vật liệu truyền thông phòng chống sốt rét.		25.969,39		25.969,39
12.047	12.047	Hợp nhóm kỹ thuật để xây dựng thông điệp và hình thức truyền thông	424,94		424,94	849,88
12.048	12.048	Tổ chức Hội thảo giới thiệu vật liệu truyền thông mới		10.889,57		10.889,57
12.085	12.085	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	5.048,95		2.400,00	7.448,95
12.086	12.086	Xây dựng các hình thức và nội dung truyền thông phù hợp (video, ghi âm...)		2.575,38		2.575,38
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	10.000,00	10.000,00	10.000,00	30.000,00
12.087	12.087	Lắp đặt pano truyền thông tại các huyện Dự án		98.000,00	98.000,00	196.000,00
12.088	12.088	Cung cấp phương tiện truyền thông cho cộng đồng tại tuyến xã (loa, micro ...)	289.730,44			289.730,44
<b>Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia</b>						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	176.108,89	176.551,86	176.994,82	529.655,57
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	1.591,83	1.591,83	1.591,83	4.775,49
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	2.329,30	2.329,30	2.329,30	6.987,90
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	1.164,65	1.164,65	1.164,65	3.493,95

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	1.746,98	1.746,98	1.746,98	5.240,94
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	31.057,36	31.057,36	31.057,36	93.172,08
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	76.090,53	76.090,53	76.090,53	228.271,59
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban QLDA Trung ương	582,33	582,33	582,33	1.746,99
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	970,54	970,54	970,54	2.911,62
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	31.057,36	31.057,36	31.057,36	93.172,08
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	2.426,36	2.426,36	2.426,36	7.279,08
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	389,47	389,47	389,47	1.168,41
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	515,08	515,08	515,08	1.545,24
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR hợp định kỳ 6 tháng	5.815,21	5.815,21	5.815,21	17.445,63
12.051	12.051	Hợp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	19.255,27	19.255,27	19.255,27	57.765,81
12.052	12.052	Hợp với các đối tác tại tuyến trung ương	2.124,69	2.124,69	2.124,69	6.374,07
12.053	12.053	Hợp với các đối tác tại tuyến tỉnh	46.480,49	46.480,49	46.480,49	139.441,47



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyển tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	74.945,32	74.945,32	149.890,65	299.781,29
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyển trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	53.000,50	53.000,50	106.000,99	212.001,99
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tỉnh loại trừ sốt rét	3.851,05	3.851,05	3.851,05	11.553,15
12.060	12.060	Tập huấn công nhận loại trừ sốt rét cho tuyển tỉnh và tuyển huyện			149.314,19	149.314,19
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	12.439,09	12.439,09	12.439,09	37.317,27
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	2.108,81	2.108,81	2.108,81	6.326,43
12.063	12.063	Hội thảo quốc gia hoàn thiện hướng dẫn loại trừ sốt rét	4.760,16			4.760,16
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	12.300,00	12.300,00	12.300,00	36.900,00
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyển xã	56.250,00	56.250,00	56.250,00	168.750,00
12.065	12.065	Họp xây dựng và cập nhật tài liệu tập huấn quản lý chương trình PCSR quốc gia	1.937,97			1.937,97
12.066	12.066	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyển tỉnh	14.245,72			14.245,72
12.067	12.067	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyển huyện	68.342,05			68.342,05

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Ngân sách 2021 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2022 (USD)</b>	<b>Ngân sách 2023 (USD)</b>	<b>Tổng 3 năm (USD)</b>
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyến tỉnh và huyện	46.846,19	46.846,19	46.846,19	140.538,57
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	17.598,44	17.598,44	17.598,44	52.795,32
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyến trung ương	3.554,03	3.554,03	3.554,03	10.662,09
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyến tỉnh	21.169,64	21.169,64	21.169,64	63.508,92
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	49.199,86	49.199,86	98.399,71	196.799,43
12.071	12.071	Tổ chức các hội thảo quốc tế về phòng chống và loại trừ sốt rét			6.779,16	6.779,16
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	5.000,00	5.000,00	5.000,00	15.000,00
12.072	12.072	Đánh giá, cập nhật nội dung theo dõi giám sát đánh giá quốc gia phù hợp với mục tiêu loại trừ sốt rét		3.517,54		3.517,54
12.074	12.074	Xây dựng đề cương và thực hiện đánh giá Dự án giữa kỳ		100.000,00		100.000,00
<b>Tổng</b>			<b>10.491.698,58</b>	<b>6.947.967,84</b>	<b>6.139.636,58</b>	<b>23.579.303,00</b>

**Bảng 2. Kế hoạch hoạt động và ngân sách dự án năm 2021**

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Đơn giá (USD)	Số lượng	Ngân sách (USD)
<b>Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân</b>						
12.003	12.003	Cập nhật bộ câu hỏi và điều tra đánh giá online về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh ở các cơ sở y tế công tại một số điểm sốt rét lưu hành	Lần	3.368,87	1	3.368,87
12.005	12.005	Tập huấn về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho xét nghiệm viên điểm kính hiển vi tuyến huyện và xã	Lớp	4.997,19	36	179.899,00
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	Chiếc	1.400,00	90	126.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	Chiếc	210,00	90	18.900,00
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	Chiếc	70,00	90	6.300,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	Chiếc	92,39	90	8.315,35
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	test	0,35	120.889	42.311,20
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	test	0,35	271.912	95.169,09
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	test	0,35	2.133	746,42
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	test	0,05	394.933	20.734,01
12.114	12.114	Vận chuyển trong nước test chẩn đoán nhanh	test	0,02	394.933	6.911,34
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	Gói	6.854,09	1	6.854,09
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Lọ	1,45	5.568	8.073,79
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	Lọ	1,45	4.490	6.511,17
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư nhân	Lọ	1,45	41	60,04
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,09	10.100	928,93

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,01	10.100	146,45
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,03	57.225	1.997,15
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	Viên	0,03	46.149	1.610,62
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,03	426	14,85
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	Viên	0,00	103.800	229,78
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	Viên	0,00	103.800	36,23
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,23	27.786	6.310,40
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	Viên	0,23	22.408	5.089,07
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,23	207	46,93
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,01	50.400	726,05
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,00	50.400	114,46
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký sinh trùng (iDES)	Ca bệnh	34,34	2.808	96.422,29
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét P.falciparum kháng thuốc	Ca bệnh	70,05	200	14.010,08
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	Chuyên	901,38	36	32.449,81
12.018	12.018	Khảo sát các tỉnh vùng 4, 5 để lựa chọn điểm sốt rét	Lần	727,65	19	13.825,35
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	Lớp	3.757,34	3	11.272,02
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	Điểm/tháng	22,70	12.000	272.373,69
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	Điểm/tháng	0,49	12.000	5.823,26
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	Trường hợp	55,80	300	16.739,98

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.107	12.107	Cung cấp túi y tế cho cán bộ tuyến thôn bản ở vùng 4, vùng 5 và điểm sốt rét	Túi	26,00	2.255	58.630,00
<b>Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp</b>						
12.020	12.020	Xây dựng tài liệu tập huấn phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ	Lần	1.816,50	1	1.816,50
12.095	12.095	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt.	Chiếc	2,45	1.435.900	3.517.955,00
12.096	12.096	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	Chiếc	0,12	1.435.900	168.000,30
12.097	12.097	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	Chiếc	0,24	1.435.900	345.808,63
12.098	12.098	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	2,45	41.500	101.675,00
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,10	41.500	4.284,06
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,24	41.500	9.994,47
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	2,45	4.300	10.535,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,10	4.300	443,89
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,24	4.300	1.035,57
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	2,10	5.000	10.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,09	5.000	442,42

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Đơn giá (USD)	Số lượng	Ngân sách (USD)
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,21	5.000	1.032,13
12.101	12.101.03	Mua võng màn	Chiếc	8,77	84.300	738.889,50
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	Chiếc	0,37	84.300	31.133,01
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	Chiếc	0,86	84.300	72.631,50
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	Chuyên	3.427,79	19	65.127,97
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	Chuyên	3.008,05	6	18.048,27
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	Lần	210,32	4	841,29
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	Lần	352,29	4	1.409,16
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	Hội thảo	18.567,64	1	18.567,64
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh	Ổ bệnh	32,19	422	13.585,14
<b>Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét</b>						
12.025	12.025	Tổ chức hội thảo với tuyến tỉnh và tuyến huyện để rà soát phần mềm báo cáo, chức năng báo cáo và hệ thống dữ liệu	Hội thảo	13.340,91	1	13.340,91
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sốt rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	Lần	1.925,53	1	1.925,53
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	Gói	60.000,00	1	60.000,00
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	Lớp	3.555,74	1	3.555,74
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	Gói	30.000,00	1	30.000,00

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.029	12.029	Tổ chức họp tại tuyến trung ương xây dựng tài liệu và lịch tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh	Cuộc họp	2.327,29	1	2.327,29
12.030	12.030	Tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc và đại diện của y tế các bộ ngành tại 3 miền	Lớp	8.459,99	3	25.379,96
12.031	12.031	Tuyến tỉnh tập huấn giám sát sốt rét cho cán bộ y tế tuyến huyện	Lớp	3.402,13	63	214.334,42
12.032	12.032	Xây dựng SOP giám sát dịch tễ cho tuyến tỉnh, tuyến huyện và tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện	Lần	41.331,01	1	41.331,01
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	Chuyên	1.940,12	36	69.844,35
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyến tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	Chuyên	615,95	196	120.725,31
12.035	12.035	Tuyến huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	Chuyên	40,81	2.250	91.829,53
12.036	12.036	Tập huấn báo cáo ca bệnh, điều tra ca bệnh và phần mềm eCDS-MMS cho bệnh viện	Lớp	4.794,76	10	47.947,60
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	Ca bệnh	4,72	2.808	13.258,06
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	274,71	112	30.767,23
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	403,48	450	181.564,41
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	Lần	615,95	168	103.478,84
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	Ổ bệnh	113,75	422	48.000,82
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	Chuyên	1.678,29	16	26.852,65

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trưởng thôn...)	Người/quý	25,75	37.360	962.162,60
12.042	12.042	Tuyển Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng rẫy (FSAT)	Lần	3.534,71	28	98.971,92
12.043	12.043	Tuyển huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng rẫy (FSAT)	Lần	347,68	234	81.356,31
12.056	12.056	Tuyển Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	1.548,09	36	55.731,26
12.075	12.075	Các viện và Cục quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	2.025,36	27	54.684,62
12.057	12.057	Tuyển tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	Chuyến	437,81	392	171.623,44
12.058	12.058	Tuyển huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	Chuyến	17,17	4.500	77.278,62
12.017	12.017	Tuyển xã giám sát hoạt động của tuyến thôn bản	Xã/tháng	21,46	13.500	289.730,44
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	Lần	84.528,75	1	84.528,75
<b>Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét</b>						
12.077	12.077.02	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	Bản	0,64	14.975	9.641,58
12.077	12.077.03	In và cấp Hướng dẫn thực hiện cho CBYT thôn bản	Bản	0,67	12.175	8.186,48
12.077	12.077.06	In và cấp tài liệu về can thiệp phòng chống véc tơ cho các tỉnh.	Bản	2,36	1.756	4.145,51
12.077	12.077.07	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	Bản	2,36	1.736	4.098,29
12.077	12.077.10	In và cấp tài liệu khung giám sát, theo dõi và đánh giá	Bản	2,36	198	467,43
12.077	12.077.13	In và cấp poster truyền thông	Bản	0,43	4.355	1.869,30
12.077	12.077.14	In và cấp tờ rơi truyền thông	Gói	0,09	1.230.000	105.590,65



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.047	12.047	Họp nhóm kỹ thuật để xây dựng thông điệp và hình thức truyền thông	Cuộc họp	424,94	1	424,94
12.085	12.085	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	Gói	5.048,95	1	5.048,95
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	Gói	10.000,00	1	10.000,00
12.088	12.088	Cung cấp phương tiện truyền thông cho cộng đồng tại tuyến xã (loa, micro ...)	Bộ	257,54	1.125	289.730,44
<b>Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia</b>						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	Quý	44.027,22	4	176.108,89
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	Quý	397,96	4	1.591,83
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	Quý	582,33	4	2.329,30
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	Quý	291,16	4	1.164,65
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	Quý	436,75	4	1.746,98
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	97,05	784	76.090,53
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban QLDA Trung ương	Bản	36,40	16	582,33
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	Quý	242,64	4	970,54
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	Quý	606,59	4	2.426,36

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	Máy	24,34	16	389,47
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	Quý	128,77	4	515,08
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR hợp định kỳ 6 tháng	Cuộc họp	2.907,61	2	5.815,21
12.051	12.051	Họp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	Cuộc họp	1.925,53	10	19.255,27
12.052	12.052	Họp với các đối tác tại tuyến trung ương	Cuộc họp	2.124,69	1	2.124,69
12.053	12.053	Họp với các đối tác tại tuyến tỉnh	Cuộc họp	1.291,12	36	46.480,49
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	Hội nghị	2.081,81	36	74.945,32
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	Hội nghị	53.000,50	1	53.000,50
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tình loại trừ sốt rét	Cuộc họp	3.851,05	1	3.851,05
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	Lần	12.439,09	1	12.439,09
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	Cuộc họp	2.108,81	1	2.108,81
12.063	12.063	Hội thảo quốc gia hoàn thiện hướng dẫn loại trừ sốt rét	Hội thảo	4.760,16	1	4.760,16
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	Chuyến	6.150,00	2	12.300,00
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyến xã	Xã	50,00	1.125	56.250,00
12.065	12.065	Họp xây dựng và cập nhật tài liệu tập huấn quản lý chương trình PCSR quốc gia	Cuộc họp	1.937,97	1	1.937,97
12.066	12.066	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyến tỉnh	Lớp	4.748,57	3	14.245,72

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.067	12.067	Tập huấn quản lý chương trình cho cán bộ tuyến huyện	Lớp	1.898,39	36	68.342,05
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyến tỉnh và huyện	Lớp	7.807,70	6	46.846,19
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	Gói	17.598,44	1	17.598,44
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyến trung ương	Hội nghị	3.554,03	1	3.554,03
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyến tỉnh	Hội nghị	588,05	36	21.169,64
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	Gói	49.199,86	1	49.199,86
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	Trọn gói/năm	5.000,00	1	5.000,00
<b>Tổng</b>						<b>10.491.698,58</b>

**Bảng 3. Kế hoạch hoạt động và ngân sách dự án năm 2022**

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Đơn giá (USD)	Số lượng	Ngân sách (USD)
<b>Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân</b>						
12.004	12.004	Tập huấn TOT về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho cán bộ tuyến tỉnh và đại diện y tế các bộ ngành tại 3 miền	Lớp	4.752,78	5	23.763,91
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	Chiếc	1.400,00	90	126.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	Chiếc	210,00	90	18.900,00
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	Chiếc	70,00	90	6.300,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	Chiếc	92,39	90	8.315,35
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	test	0,35	103.472	36.215,22
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	test	0,35	232.736	81.457,62
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	test	0,35	1.825	638,88
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	test	0,05	338.033	17.746,76
12.114	12.114	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	test	0,02	338.033	5.915,59
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	Gói	4.777,77	1	4.777,77
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Lọ	1,45	2.095	3.037,66
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	Lọ	1,45	1.689	2.449,75
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư nhân	Lọ	1,45	16	22,59
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunat tiêm	Lọ	0,09	3.800	349,50
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,01	3.800	55,10
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,03	20.453	713,82
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	Viên	0,03	16.495	575,66

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,03	152	5,31
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	Viên	0,00	37.100	82,13
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	Viên	0,00	37.100	12,95
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,23	7.443	1.690,29
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	Viên	0,23	6.002	1.363,14
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,23	55	12,57
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,01	13.500	194,48
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,00	13.500	30,66
12.006	12.006	Cập nhật hướng dẫn chẩn đoán và điều trị sốt rét	Lần	5.652,10	1	5.652,10
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký sinh trùng (iDES)	Ca bệnh	34,34	1.884	64.693,59
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét P.falciparum kháng thuốc	Ca bệnh	70,05	200	14.010,08
12.009	12.009	Nhóm kỹ thuật xây dựng/rà soát chương trình, tài liệu và hướng dẫn tập huấn về quản lý ca bệnh cho cán bộ y tế	Cuộc họp	1.444,36	1	1.444,36
12.010	12.010	Tập huấn TOT cho cán bộ 3 viện và tỉnh về quản lý ca bệnh sốt rét (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)	Lớp	9.536,50	3	28.609,49
12.011	12.011	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)	Lớp	4.627,65	36	166.595,43
12.012	12.012	Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến xã về quản lý ca bệnh (bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi)	Lớp	3.190,04	196	625.248,59
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	Chuyến	901,38	36	32.449,81

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.014	12.014	Cập nhật hướng dẫn thực hiện hoạt động của y tế thôn bản	Lần	1.721,84	1	1.721,84
12.015	12.015	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB	Lớp	17.176,22	3	51.528,67
12.016	12.016	Tuyến huyện tập huấn cho y tế thôn bản về hướng dẫn thực hiện hoạt động của YTTB	Lớp	1.658,55	299	495.905,20
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	Lớp	3.757,34	3	11.272,02
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	Điểm/tháng	24,12	12.000	289.397,04
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	Điểm/tháng	0,49	12.000	5.823,26
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	Trường hợp	55,80	300	16.739,98
<b>Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp</b>						
12.021	12.021	Tập huấn cho tuyến tỉnh và huyện Dự án về phòng chống véc tơ bao gồm: định loại, biện pháp phòng chống và các hoạt động giám sát véc tơ	Lớp	8.203,45	16	131.255,19
12.098	12.098	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	2,45	37.400	91.630,00
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,10	37.400	3.860,82
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,24	37.400	9.007,06
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	2,45	24.100	59.045,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,10	24.100	2.487,85

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,24	24.100	5.804,02
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	2,10	5.000	10.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,09	5.000	442,42
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,21	5.000	1.032,13
12.101	12.101.03	Mua võng màn	Chiếc	8,77	80.600	706.459,00
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	Chiếc	0,37	80.600	29.766,56
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	Chiếc	0,86	80.600	69.443,65
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	Chuyến	3.427,79	19	65.127,97
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	Chuyến	3.008,05	6	18.048,27
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	Lần	210,32	4	841,29
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	Lần	352,29	4	1.409,16
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	Hội thảo	18.567,64	1	18.567,64
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh	Ổ bệnh	32,19	264	8.498,76
<b>Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét</b>						
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sốt rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	Lần	1.925,53	1	1.925,53
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	Gói	60.000,00	1	60.000,00

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	Lớp	3.555,74	1	3.555,74
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	Gói	5.000,00	1	5.000,00
12.028	12.028	Cập nhật hướng dẫn giám sát sốt rét quốc gia (bao gồm thuê tư vấn, họp nhóm kỹ thuật, hội thảo và thẩm định)	Lần	11.008,47	1	11.008,47
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	Chuyến	1.940,12	36	69.844,35
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyến tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	Chuyến	615,95	196	120.725,31
12.035	12.035	Tuyển huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	Chuyến	40,81	2.250	91.829,53
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	Ca bệnh	4,72	1.884	8.895,37
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	274,71	76	20.877,76
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	403,48	302	121.849,89
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	Lần	615,95	113	69.601,84
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	Ổ bệnh	113,75	264	30.028,95
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	Chuyến	1.678,29	16	26.852,65
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trưởng thôn...)	Người/quý	25,75	37.360	962.162,60
12.042	12.042	Tuyển Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	3.534,71	28	98.971,92



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.043	12.043	Tuyển huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	347,68	234	81.356,31
12.056	12.056	Tuyển Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	1.548,09	36	55.731,26
12.075	12.075	Các Viện và Cục Quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	2.025,36	27	54.684,62
12.057	12.057	Tuyển tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	Chuyến	437,81	392	171.623,44
12.058	12.058	Tuyển huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	Chuyến	17,17	4.500	77.278,62
12.017	12.017	Tuyển xã giám sát hoạt động của tuyến thôn bản	Xã/tháng	21,46	13.500	289.730,44
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	Lần	84.528,75	1	84.528,75
<b>Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét</b>						
12.077	12.077.01	In và cấp phát Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị cập nhật cho các cơ sở y tế, bệnh viện và các bên liên quan khác	Bản	0,64	12.000	7.726,15
12.077	12.077.04	In và cấp vật liệu truyền thông cho các xã dự án	Bản	0,64	1.125	724,33
12.077	12.077.05	In và cấp hướng dẫn loại trừ sốt rét cho các tỉnh	Bản	0,64	475	305,83
12.077	12.077.08	In và cấp tài liệu tập huấn	Bản	2,36	1.000	2.360,76
12.077	12.077.09	In hướng dẫn quy trình quản lý mua sắm	Bản	2,36	198	467,43
12.077	12.077.11	In và cấp tài liệu cập nhật hướng dẫn giám sát quốc gia cho các cơ sở y tế	Bản	0,64	15.243	9.814,14
12.077	12.077.12	In và cấp tài liệu tập huấn truyền thông	Bản	0,95	15.000	14.196,78
12.046	12.046	Xây dựng đề cương, thực hiện đánh giá tại các tỉnh/huyện được lựa chọn để cập nhật các vật liệu truyền thông phòng chống sốt rét.	Lần	25.969,39	1	25.969,39
12.048	12.048	Tổ chức Hội thảo giới thiệu vật liệu truyền thông mới	Hội thảo	10.889,57	1	10.889,57

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.086	12.086	Xây dựng các hình thức và nội dung truyền thông phù hợp (video, ghi âm...)	Gói	1.287,69	2	2.575,38
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	Gói	10.000,00	1	10.000,00
12.087	12.087	Lắp đặt pano truyền thông tại các huyện Dự án	Chiếc	500,00	196	98.000,00
<b>Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia</b>						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	Quý	44.137,97	4	176.551,86
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	Quý	397,96	4	1.591,83
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	Quý	582,33	4	2.329,30
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	Quý	291,16	4	1.164,65
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	Quý	436,75	4	1.746,98
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	97,05	784	76.090,53
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban QLDA Trung ương	Bản	36,40	16	582,33
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	Quý	242,64	4	970,54
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	Quý	606,59	4	2.426,36
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	Máy	24,34	16	389,47
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	Quý	128,77	4	515,08

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR hợp định kỳ 6 tháng	Cuộc họp	2.907,61	2	5.815,21
12.051	12.051	Họp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	Cuộc họp	1.925,53	10	19.255,27
12.052	12.052	Họp với các đối tác tại tuyến trung ương	Cuộc họp	2.124,69	1	2.124,69
12.053	12.053	Họp với các đối tác tại tuyến tỉnh	Cuộc họp	1.291,12	36	46.480,49
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	Hội nghị	2.081,81	36	74.945,32
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	Hội nghị	53.000,50	1	53.000,50
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tỉnh loại trừ sốt rét	Cuộc họp	3.851,05	1	3.851,05
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	Lần	12.439,09	1	12.439,09
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	Cuộc họp	2.108,81	1	2.108,81
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	Chuyến	6.150,00	2	12.300,00
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyến xã	Xã	50,00	1.125	56.250,00
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyến tỉnh và huyện	Lớp	7.807,70	6	46.846,19
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	Gói	17.598,44	1	17.598,44
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyến trung ương	Hội nghị	3.554,03	1	3.554,03
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyến tỉnh	Hội nghị	588,05	36	21.169,64

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	Gói	49.199,86	1	49.199,86
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	Trọn gói/năm	5.000,00	1	5.000,00
12.072	12.072	Đánh giá, cập nhật nội dung theo dõi giám sát đánh giá quốc gia phù hợp với mục tiêu loại trừ sốt rét	Cuộc họp	3.517,54	1	3.517,54
12.074	12.074	Xây dựng đề cương và thực hiện đánh giá Dự án giữa kỳ	Lần	100.000,00	1	100.000,00
<b>Tổng</b>						<b>6.947.967,84</b>

**Bảng 4. Kế hoạch hoạt động và ngân sách dự án năm 2023**

Dòng ngân sách	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Đơn giá (USD)	Số lượng	Ngân sách (USD)
<b>Mục tiêu 1. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân</b>						
12.005	12.005	Tập huấn về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh cho xét nghiệm viên điểm kính hiển vi tuyến huyện và xã	Lớp	4.997,19	36	179.899,00
12.106	12.106	Mua kính hiển vi	Chiếc	1.400,00	90	126.000,00
12.108	12.108.01	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	Chiếc	210,00	90	18.900,00
12.109	12.109	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	Chiếc	70,00	90	6.300,00
12.115	12.115	Phí quản lý mua kính hiển vi	Chiếc	92,39	90	8.315,35
12.105	12.105	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cơ sở y tế công	test	0,35	87.953	30.783,47
12.112	12.112	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho cộng đồng	test	0,35	197.829	69.240,18
12.117	12.117	Mua test chẩn đoán nhanh sốt rét cấp cho y tế tư nhân	test	0,35	1.552	543,06
12.113	12.113	Vận chuyển quốc tế test chẩn đoán nhanh	test	0,05	287.333	15.085,01
12.114	12.114	Vận chuyển trong nước test chẩn đoán nhanh	test	0,02	287.333	5.028,34
12.118	12.118	Phí quản lý mua test chẩn đoán nhanh	Gói	4.190,04	1	4.190,04
12.104	12.104.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Lọ	1,45	4.190	6.075,33
12.111	12.111.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho tuyến xã	Lọ	1,45	3.379	4.899,49
12.116	12.116.01	Mua thuốc Artesunate tiêm cấp cho y tế tư nhân	Lọ	1,45	31	45,18
12.110	12.110.01	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,09	7.600	699,00
12.120	12.120.01	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,01	7.600	110,20
12.104	12.104.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,03	50.664	1.768,19

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.111	12.111.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho tuyến xã	Viên	0,03	40.859	1.425,97
12.116	12.116.02	Mua thuốc Primaquin cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,03	377	13,15
12.110	12.110.02	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	Viên	0,00	91.900	203,44
12.120	12.120.02	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	Viên	0,00	91.900	32,07
12.104	12.104.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho bệnh viện/trung tâm y tế	Viên	0,23	26.297	5.972,34
12.111	12.111.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho tuyến xã	Viên	0,23	21.207	4.816,44
12.116	12.116.03	Mua thuốc sốt rét phối hợp cấp cho y tế tư nhân	Viên	0,23	196	44,42
12.110	12.110.03	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,01	47.700	687,15
12.120	12.120.03	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	Viên	0,00	47.700	108,33
12.007	12.007	Theo dõi hiệu quả điều trị tất cả ca bệnh sốt rét có ký sinh trùng (iDES)	Ca bệnh	34,34	963	33.067,90
12.008	12.008	Thu thập mẫu và xét nghiệm PCR đánh giá ký sinh trùng sốt rét P.falciparum kháng thuốc	Ca bệnh	70,05	200	14.010,08
12.013	12.013	Giám sát chất lượng chẩn đoán và điều trị sốt rét đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn quốc gia	Chuyên	901,38	36	32.449,81
12.019	12.019	Tập huấn cho nhân viên điểm sốt rét	Lớp	3.757,34	3	11.272,02
12.002	12.002	Tiền lương cho nhân viên hợp đồng làm việc tại điểm sốt rét	Điểm/tháng	25,54	12.000	306.420,40
12.092	12.092	Văn phòng phẩm cho điểm sốt rét	Điểm/tháng	0,49	12.000	5.823,26
12.079	12.079	Sàng lọc sốt rét bằng PCR cho quân nhân làm nhiệm vụ quốc tế và từ vùng 4, 5 trở về	Trường hợp	55,80	300	16.739,98
<b>Mục tiêu 2. Bảo vệ người dân trong vùng nguy cơ bằng các biện pháp phòng chống muỗi truyền bệnh sốt rét thích hợp</b>						
12.098	12.098	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	2,45	33.600	82.320,00

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.099	12.099	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,10	33.600	3.468,54
12.100	12.100	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho phụ nữ có thai	Chiếc	0,24	33.600	8.091,91
12.101	12.101.01	Mua màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	2,45	178.000	436.100,00
12.102	12.102.01	Vận chuyển quốc tế màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,10	178.000	18.375,02
12.103	12.103.01	Vận chuyển trong nước màn đôi tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung cho cộng đồng	Chiếc	0,24	178.000	42.867,84
12.101	12.101.02	Mua màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	2,10	5.000	10.500,00
12.102	12.102.02	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,09	5.000	442,42
12.103	12.103.02	Vận chuyển trong nước màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,21	5.000	1.032,13
12.101	12.101.03	Mua võng màn	Chiếc	8,77	76.135	667.323,28
12.102	12.102.03	Vận chuyển quốc tế võng màn	Chiếc	0,37	76.135	28.117,58
12.103	12.103.03	Vận chuyển trong nước võng màn	Chiếc	0,86	76.135	65.596,67
12.022	12.022	Giám sát thường quy véc tơ, độ nhạy, tập tính và khả năng kháng hóa chất tại các tỉnh vùng 4, 5	Chuyến	3.427,79	19	65.127,97
12.076	12.076	Các Viện giám sát định kỳ 3 điểm cố định theo dõi véc tơ 2 lần/năm	Chuyến	3.008,05	6	18.048,27
12.023	12.023	Vẽ bản đồ phân bố véc tơ	Lần	210,32	4	841,29
12.081	12.081	Viết báo cáo về mật độ của véc tơ, độ nhạy và dự báo thay đổi dựa trên kết quả giám sát véc tơ	Lần	352,29	4	1.409,16
12.024	12.024	Hội thảo cập nhật và dự báo tình hình véc tơ sốt rét	Hội thảo	18.567,64	1	18.567,64

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.080	12.080	Chi trả công phun hoá chất tồn lưu tại các điểm có chỉ định trong can thiệp ổ bệnh	Ổ bệnh	32,19	125	4.024,03
<b>Mục tiêu 3. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát dịch tễ sốt rét và đảm bảo năng lực đáp ứng dịch sốt rét</b>						
12.026	12.026	Tiểu ban giám sát sốt rét họp rà soát các thông số kỹ thuật của hệ thống eCDS-MMS	Lần	1.925,53	1	1.925,53
12.082	12.082	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	Gói	60.000,00	1	60.000,00
12.027	12.027	Tập huấn hàng năm cho các cán bộ của các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng về phần mềm eCDS-MMS cập nhật	Lớp	3.555,74	1	3.555,74
12.083	12.083	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	Gói	5.000,00	1	5.000,00
12.029	12.029	Tổ chức họp tại tuyến trung ương xây dựng tài liệu và lịch tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh	Cuộc họp	2.327,29	1	2.327,29
12.030	12.030	Tập huấn về giám sát sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc và đại diện của y tế các bộ ngành tại 3 miền	Lớp	8.459,99	3	25.379,96
12.031	12.031	Tuyến tỉnh tập huấn giám sát sốt rét cho cán bộ y tế tuyến huyện	Lớp	1.683,78	36	60.615,90
12.033	12.033	Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm (bao gồm y tế tư nhân và các bộ ngành)	Chuyến	1.940,12	36	69.844,35
12.034	12.034	Giám sát dịch tễ từ tuyến tỉnh xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm	Chuyến	615,95	196	120.725,31
12.035	12.035	Tuyến huyện giám sát dịch tễ tại tuyến xã (4 lần/xã/năm)	Chuyến	40,81	2.250	91.829,53
12.036	12.036	Tập huấn báo cáo ca bệnh, điều tra ca bệnh và phần mềm eCDS-MMS cho bệnh viện	Lớp	4.794,76	10	47.947,60
12.093	12.093	Điều tra ca bệnh sốt rét	Ca bệnh	4,72	963	4.546,84
12.037	12.037	Điều tra ổ bệnh tại thôn bản theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	274,71	40	10.988,30



<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.038	12.038	Điều tra ổ bệnh tại nương, rẫy, trong rừng theo hướng dẫn giám sát quốc gia	Ổ bệnh	403,48	154	62.135,38
12.039	12.039	Điều tra côn trùng tại các ổ bệnh	Lần	615,95	58	35.724,84
12.040	12.040	Điều tra đáp ứng ổ bệnh tại các ổ bệnh đang hoạt động sau 30 ngày can thiệp	Ổ bệnh	113,75	125	14.218,25
12.041	12.041	Cán bộ tuyến trung ương đóng điểm tại tuyến huyện trong mùa cao điểm	Chuyến	1.678,29	16	26.852,65
12.084	12.084	Hỗ trợ đi lại cho cán bộ thôn bản tham gia hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét tại các xã Dự án (y tế thôn bản, cộng tác viên y tế hoặc trưởng thôn...)	Người/quý	25,75	37.360	962.162,60
12.042	12.042	Tuyến Trung ương tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	3.530,43	28	98.851,99
12.043	12.043	Tuyến huyện và xã tổ chức điều tra phát hiện ca bệnh và điều trị ở điểm nóng tại thôn bản, rừng, rẫy (FSAT)	Lần	347,68	234	81.356,31
12.044	12.044	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất đề cương phân vùng dịch tễ sốt rét	Hội thảo	7.769,93	1	7.769,93
12.045	12.045	Tổ chức hội thảo quốc gia thống nhất kết quả phân vùng dịch tễ sốt rét	Hội thảo	12.419,78	1	12.419,78
12.056	12.056	Tuyến Trung ương giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	1.548,09	36	55.731,26
12.075	12.075	Các Viện và Cục Quân y giám sát thực hiện hoạt động và quản lý Dự án tại tuyến dưới	Chuyến	2.025,36	27	54.684,62
12.057	12.057	Tuyến tỉnh giám sát hoạt động Dự án tại tuyến dưới.	Chuyến	437,81	392	171.623,44
12.058	12.058	Tuyến huyện giám sát hoạt động Dự án tại xã, thôn.	Chuyến	17,17	4.500	77.278,62
12.017	12.017	Tuyến xã giám sát hoạt động của tuyến thôn bản	Xã/tháng	21,46	13.500	289.730,44
12.073	12.073	Điều tra chỉ số hàng năm	Lần	84.528,75	1	84.528,75

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
<b>Mục tiêu 4. Nâng cao kiến thức và hành vi của người dân nhằm chủ động bảo vệ bản thân trước bệnh sốt rét</b>						
12.077	12.077.02	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	Bản	0,64	14.975	9.641,58
12.077	12.077.07	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	Bản	2,36	1.736	4.098,28
12.047	12.047	Họp nhóm kỹ thuật để xây dựng thông điệp và hình thức truyền thông	Cuộc họp	424,94	1	424,94
12.085	12.085	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	Gói	2.400,00	1	2.400,00
12.049	12.049	Truyền thông trên các phương tiện vận tải	Gói	10.000,00	1	10.000,00
12.087	12.087	Lắp đặt pano truyền thông tại các huyện Dự án	Chiếc	500,00	196	98.000,00
<b>Mục tiêu 5. Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia</b>						
12.001	12.001	Tiền lương cho cán bộ hợp đồng của BQLDA Trung ương	Quý	44.248,71	4	176.994,82
12.078	12.078.01	Chi tiền xăng cho xe ô tô của Ban QLDA Trung ương	Quý	397,96	4	1.591,83
12.078	12.078.02	Văn phòng phẩm của Ban QLDA Trung ương	Quý	582,33	4	2.329,30
12.078	12.078.03	Cước điện thoại, internet của Ban QLDA Trung ương	Quý	291,16	4	1.164,65
12.078	12.078.04	Cước chuyển phát nhanh, bưu phí của Ban QLDA Trung ương	Quý	436,75	4	1.746,98
12.078	12.078.05	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến tỉnh, viện và Cục Quân Y (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.06	Chi phí vận hành văn phòng của Ban QLDA tuyến huyện (bao gồm: văn phòng phẩm, xăng xe, bưu phí, cước điện thoại, internet, vệ sinh v.v)	Quý	97,05	784	76.090,53
12.078	12.078.07	Mua phần mềm diệt virus cho máy tính của Ban QLDA Trung ương	Bản	36,40	16	582,33

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.078	12.078.08	Chi phí dịch tài liệu của Ban QLDA Trung ương	Quý	242,64	4	970,54
12.078	12.078.09	Chi bảo dưỡng xe ô tô tại tuyến Trung ương, Viện và tỉnh	Quý	194,11	160	31.057,36
12.078	12.078.10	Chi phí tiếp khách tại Ban QLDA Trung ương	Quý	606,59	4	2.426,36
12.078	12.078.11	Bảo dưỡng máy tính cho Ban QLDA Trung ương	Máy	24,34	16	389,47
12.078	12.078.12	Phí ngân hàng của Ban QLDA Trung ương	Quý	128,77	4	515,08
12.050	12.050	Ban điều hành Chương trình PCSR hợp định kỳ 6 tháng	Cuộc họp	2.907,61	2	5.815,21
12.051	12.051	Họp nhóm kỹ thuật hàng quý để rà soát các hướng dẫn, cập nhật tài liệu tập huấn, chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện theo hướng dẫn của Ban điều hành quốc gia	Cuộc họp	1.925,53	10	19.255,27
12.052	12.052	Họp với các đối tác tại tuyến trung ương	Cuộc họp	2.124,69	1	2.124,69
12.053	12.053	Họp với các đối tác tại tuyến tỉnh	Cuộc họp	1.291,12	36	46.480,49
12.054	12.054	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến tỉnh (bao gồm đại diện các sở ban ngành)	Hội nghị	2.081,81	72	149.890,65
12.055	12.055	Hội nghị đánh giá công tác và triển khai kế hoạch hàng năm tuyến trung ương (bao gồm đại diện các bộ ngành)	Hội nghị	53.000,50	2	106.000,99
12.059	12.059	Họp rà soát số liệu dịch tễ để xác định các tình loại trừ sốt rét	Cuộc họp	3.851,05	1	3.851,05
12.060	12.060	Tập huấn công nhận loại trừ sốt rét cho tuyến tỉnh và tuyến huyện	Lớp	7.110,20	21	149.314,19
12.061	12.061	Triển khai thu thập số liệu, kiểm tra số liệu, lập hồ sơ đề nghị công nhận loại trừ sốt rét tại các tỉnh	Lần	12.439,09	1	12.439,09
12.062	12.062	Họp thẩm định, công nhận tỉnh, huyện đạt tiêu chí loại trừ sốt rét	Cuộc họp	2.108,81	1	2.108,81
12.064	12.064	Cán bộ tham dự hội nghị quốc tế	Chuyến	6.150,00	2	12.300,00

<b>Dòng ngân sách</b>	<b>Mã hoạt động</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Đơn giá (USD)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ngân sách (USD)</b>
12.089	12.089	Bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án tại tuyến xã	Xã	50,00	1.125	56.250,00
12.068	12.068	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ tuyến tỉnh và huyện	Lớp	7.807,70	6	46.846,19
12.094	12.094	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	Gói	17.598,44	1	17.598,44
12.069	12.069	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tuyến trung ương	Hội nghị	3.554,03	1	3.554,03
12.070	12.070	Hội nghị vận động đầu tư cho phòng chống và loại trừ sốt rét tại tuyến tỉnh	Hội nghị	588,05	36	21.169,64
12.090	12.090	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	Gói	49.199,86	2	98.399,71
12.071	12.071	Tổ chức các hội thảo quốc tế về phòng chống và loại trừ sốt rét	Hội thảo	6.779,16	1	6.779,16
12.091	12.091	Phối hợp với Cục Quản lý dược xây dựng hồ sơ nhập khẩu thuốc sốt rét	Trọn gói/năm	5.000,00	1	5.000,00
<b>Tổng</b>						<b>6.139.636,58</b>

**PHỤ LỤC 3:**  
**DANH MỤC MUA SẴM HÀNG HÓA, VẬT TƯ DỰ ÁN**

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC MUA SẴM HÀNG HÓA VẬT TƯ DỰ ÁN**

TT	Hàng hóa, vật tư Dự án	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Tổng 3 năm		Ghi chú
			Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí (USD)	
1	Mua màn đôi tâm hóa chất tồn lưu dài cấp hàng loạt	Chiếc	2,45	1.435.900	3.517.955,00	-	-	-	-	-	-	1.435.900	3.517.955,00	UNOPS
2	Vận chuyển quốc tế màn đôi tâm hóa chất	Chiếc	0,12	1.435.900	168.000,30	-	-	-	-	-	-	1.435.900	168.000,30	UNOPS
3	Mua màn đôi tâm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung	Chiếc	2,45	45.800	112.210,00	2,45	61.500	150.675,00	2,45	211.600	518.420,00	318.900	781.305,00	UNOPS
4	Vận chuyển quốc tế màn đôi tâm hóa chất tồn lưu dài cấp bổ sung	Chiếc	0,10	45.800	4.727,95	0,10	61.500	6.348,67	0,10	211.600	21.843,56	318.900	32.920,19	UNOPS
5	Mua màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	2,10	5.000	10.500,00	2,10	5.000	10.500,00	2,10	5.000	10.500,00	15.000	31.500,00	UNOPS
6	Vận chuyển quốc tế màn đơn cấp cho quân đội	Chiếc	0,09	5.000	442,42	0,09	5.000	442,42	0,09	5.000	442,42	15.000	1.327,25	UNOPS
7	Mua võng màn	Chiếc	8,77	84.300	738.889,50	8,77	80.600	706.459,00	8,77	76.135	667.323,28	241.035	2.112.671,78	UNOPS
8	Vận chuyển quốc tế võng màn	Chiếc	0,37	84.300	31.133,01	0,37	80.600	29.766,56	0,37	76.135	28.117,58	241.035	89.017,15	UNOPS
9	Mua test chân đoán nhanh sốt rét	test	0,35	394.933	138.226,71	0,35	338.033	118.311,71	0,35	287.333	100.566,71	1.020.300	357.105,14	UNOPS
10	Phí quản lý mua test chân đoán nhanh	Gói	6.854,09	1	6.854,09	4.777,77	1	4.777,77	4.190,40	1	4.190,40	3	15.822,26	UNOPS
11	Vận chuyển quốc tế test chân đoán nhanh sốt rét	test	0,05	394.933	20.734,01	0,05	338.033	17.746,76	0,05	287.333	15.085,01	1.020.300	53.565,77	UNOPS
12	Vận chuyển trong nước test chân đoán nhanh	test	0,02	394.933	6.911,34	0,02	338.033	5.915,59	0,02	287.333	5.028,34	1.020.300	17.855,26	CPMU
13	Mua kính hiển vi	Chiếc	1.400,00	90	126.000,00	1.400,00	90	126.000,00	1.400,00	90	126.000,00	270	378.000,00	WAMBO
14	Phí quản lý mua kính hiển vi	Chiếc	92,39	90	8.315,35	92,39	90	8.315,35	92,39	90	8.315,35	270	24.946,05	WAMBO
15	Vận chuyển quốc tế kính hiển vi	Chiếc	210,00	90	18.900,00	210,00	90	18.900,00	210,00	90	18.900,00	270	56.700,00	WAMBO
16	Vận chuyển trong nước kính hiển vi	Chiếc	70,00	90	6.300,00	70,00	90	6.300,00	70,00	90	6.300,00	270	18.900,00	CPMU
17	Mua thuốc Artesunate tiêm	Lọ	1,45	10.100	14.645,00	1,45	3.800	5.510,00	1,45	7.600	11.020,00	21.500	31.175,00	UNOPS
18	Vận chuyển quốc tế thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,09	10.100	928,93	0,09	3.800	349,50	0,09	7.600	699,00	21.500	1.977,43	UNOPS
19	Vận chuyển trong nước thuốc Artesunate tiêm	Lọ	0,01	10.100	146,45	0,01	3.800	55,10	0,01	7.600	110,20	21.500	311,75	CPMU
20	Mua thuốc Primaquin (Viên)	Viên	0,03490	103.800	3.622,62	0,03490	37.100	1.294,79	0,03	91.900	3.207,31	232.800	8.124,72	UNOPS
21	Vận chuyển quốc tế thuốc Primaquin	Viên	0,00221	103.800	229,78	0,00221	37.100	82,13	0,00221	91.900	203,44	232.800	515,35	UNOPS
22	Vận chuyển trong nước thuốc Primaquin	Viên	0,00035	103.800	36,23	0,00035	37.100	12,95	0,00035	91.900	32,07	232.800	81,25	CPMU
23	Mua thuốc sốt rét phối hợp (pyramax) (Hộp 90 viên)	Hộp	20,44	560	11.446,40	20,44	150	3.066,00	20,44	530	10.833,20	1.240	25.345,60	UNOPS
24	Vận chuyển quốc tế thuốc sốt rét phối hợp	Hộp	1,30	560	726,05	1,30	150	194,48	1,30	530	687,15	1.240	1.607,67	UNOPS
25	Vận chuyển trong nước thuốc sốt rét phối hợp	Hộp	0,20	560	114,46	0,20	150	30,66	0,20	530	108,33	1.240	253,46	CPMU
26	Cung cấp túi y tế cho cán bộ YTTB ở vùng 4, vùng 5 và điểm sốt rét	Túi	26,00	2.255	58.630,00	-	-	-	-	-	-	2.255	58.630,00	CPMU
27	Nâng cấp hệ thống eCDS-MMS	Gói	60.000,00	1	60.000,00	60.000,00	1	60.000,00	60.000,00	1	60.000,00	3	180.000,00	CPMU
28	Mua hoặc thuê máy chủ và ký hợp đồng để duy trì và bảo trì thiết bị	Gói	30.000,00	1	30.000,00	5.000,00	1	5.000,00	5.000,00	1	5.000,00	3	40.000,00	CPMU
29	In và cấp phát Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị cập nhật cho các cơ sở y tế, bệnh viện và các bên liên quan khác	Bản	-	-	-	0,64	12.000	7.726,15	-	-	-	12.000	7.726,15	NIMPE/CPMU

TT	Hàng hóa, vật tư Dự án	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Tổng 3 năm		Ghi chú
			Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Đơn giá dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí dự kiến (USD)	Số lượng	Kinh phí (USD)	
30	In và cấp phát tài liệu về quản lý ca bệnh cho các cơ sở y tế	Bản	0,64	14.975	9.641,59			-	0,64	14.975	9.641,59	29.950	19.283,17	NIMPE/CPMU
31	In và cấp Hướng dẫn thực hiện hoạt động cho CBYT thôn bản	Bản	0,64	12.715	8.186,49			-			-	12.715	8.186,49	NIMPE/CPMU
32	In và cấp vật liệu truyền thông cho các đơn vị	Bản			-	0,64	1.125	724,33			-	1.125	724,33	NIMPE/CPMU
33	In và cấp hướng dẫn loại trừ sốt rét cho các tỉnh	Bản			-	0,64	475	305,83			-	475	305,83	NIMPE/CPMU
34	In và cấp tài liệu về can thiệp phòng chống véc tơ cho các tỉnh.	Bản	2,36	1.756	4.145,51			-			-	1.756	4.145,51	NIMPE/CPMU
35	In và cấp sổ tay hướng dẫn truyền thông	Bản	2,36	1.736	4.098,29			-	2,36	1.736	4.098,29	3.472	8.196,58	NIMPE/CPMU
36	In và cấp tài liệu tập huấn truyền thông	Bản			-	2,36	1.000	2.360,77			-	1.000	2.360,77	NIMPE/CPMU
37	In hướng dẫn quy trình quản lý mua sắm	Bản			-	2,36	198	467,43			-	198	467,43	NIMPE/CPMU
38	In và cấp tài liệu khung giám sát, theo dõi và đánh giá	Bản	2,36	198	467,43			-			-	198	467,43	NIMPE/CPMU
39	In và cấp tài liệu cập nhật hướng dẫn giám sát quốc gia cho các cơ sở y tế	Bản			-	0,64	15.243	9.814,14			-	15.243	9.814,14	NIMPE/CPMU
40	In và cấp tài liệu tập huấn truyền thông	Bản			-	0,95	15.000	14.196,79			-	15.000	14.196,79	NIMPE/CPMU
41	In và cấp poster truyền thông	Bản	0,43	4.355	1.869,30			-			-	4.355	1.869,30	CPMU
42	In và cấp tờ rơi truyền thông	Bản	0,09	1.230.000	105.590,65			-			-	1.230.000	105.590,65	CPMU
43	Phối hợp với công ty để thiết kế vật liệu truyền thông	Gói	5.048,95	1	5.048,95			-	2.400,00	1	2.400,00	2	7.448,95	CPMU
44	Xây dựng các hình thức và nội dung truyền thông phù hợp (video, ghi âm...)	Gói			-	2.575,38	1	2.575,38			-	1	2.575,38	CPMU
45	Cung cấp phương tiện truyền thông cho cộng đồng tại tuyến xã (loa, micro ...)	Gói	257,54	1.125	289.730,44			-			-	1.125	289.730,44	CPMU
46	Cập nhật và bảo trì phần mềm kế toán	Gói	17.598,44	1	17.598,44	17.598,44	1	17.598,44	17.598,44	1	17.598,44	3	52.795,32	CPMU
47	Kiểm toán độc lập Dự án hàng năm	Gói	49.199,86	1	49.199,86	49.199,86	1	49.199,86	49.199,86	2	98.399,71	4	196.799,43	CPMU
	<b>Tổng</b>				<b>5.592.202,55</b>			<b>1.391.023,53</b>			<b>1.755.071,38</b>		<b>8.738.297,46</b>	



**PHỤ LỤC 4:**  
**CÔNG VĂN CAM KẾT**  
**CỦA CÁC TỈNH THỤ HƯỞNG DỰ ÁN**



*Phụ lục 4*

**DANH SÁCH VỐN ĐỐI ỨNG DỰ ÁN RAISE, 2021-2023**

TT	Tên tỉnh	Vốn đối ứng	TT	Tên tỉnh	Vốn đối ứng
1	Lai Châu	1,000,000,000	21	Bình Thuận	1,728,000,000
2	Lào Cai	1,195,680,000	22	Kon Tum	1,725,000,000
3	Điện Biên	903,000,000	23	Gia Lai	3,900,000,000
4	Hà Giang	500,000,000	24	Dak Lak	1,577,107,000
5	Cao Bằng	1,248,930,000	25	Đắk Nông	1,852,466,000
6	Bắc Kạn	540,000,000	26	Lâm Đồng	1,415,700,000
7	Sơn La	257,355,000	27	Bình Dương	511,200,000
8	Hòa Bình	478,600,000	28	Bình Phước	1,800,000,000
9	Thanh Hóa	2,220,000,000	29	Đồng Nai	612,000,000
10	Nghệ An	1,800,000,000	30	Tây Ninh	830,650,000
11	Hà Tĩnh	2,419,322,000	31	BR-VT	1,195,000,000
12	Quảng Bình	1,800,000,000	32	Long An	3,188,337,809
13	Quảng Trị	1,380,000,000	33	Sóc Trăng	631,129,000
14	Huế	1,050,000,000	34	Bạc Liêu	549,219,960
15	Quảng Nam	1,376,509,680	35	Cà Mau	1,147,440,494
16	Quảng Ngãi	1,314,223,000	36	Kiên Giang	703,670,976
17	Bình Định	1,458,576,000	37	Cục Quân Y	0
18	Phú Yên	1,345,000,000	38	IMPE Quy Nhơn	900,000,000
19	Khánh Hòa	1,236,000,000	39	IMPE Hồ Chí Minh	686,500,000
20	Ninh Thuận	1,400,000,000	40	NIMPE	1.806.540.000
Cộng		24.157.361.454		Cộng	27.525.795.645
				<b>Tổng</b>	<b>51.683.156.919</b>

*(Năm mươi một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm mười chín đồng)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

Số: 1421 /UBND-VX

V/v cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 16 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 583/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1052/TTr-SYT ngày 14/7/2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023” và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 1578/STC-TCHCSN ngày 14/7/2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu có ý kiến như sau:

1. Về cam kết bố trí vốn đối ứng: Vốn đối ứng của tỉnh để triển khai thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”, bao gồm kinh phí chi trả phụ cấp kiêm nhiệm Ban quản lý dự án; kinh phí hỗ trợ hoạt động văn phòng dự án, tổng kinh phí dự kiến trong 03 năm là: 1 tỷ đồng, trong đó: (năm 2021: 400 triệu đồng; năm 2022: 300 triệu đồng; năm 2023: 300 triệu đồng).

2. Về trụ sở làm việc, trang thiết bị phục vụ dự án: Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính gửi Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Thanh Hải**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3119 /UBND-VX  
V/v tiếp nhận, cam kết thực hiện  
dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn  
và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”

Lào Cai, ngày 10 tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;
- Ban Quản lý dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”.

Căn cứ Công văn số 616/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, 2021-2023; theo đề nghị của Sở Y tế tỉnh tại Tờ trình số 516/TTr-SYT ngày 08/7/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau:

1. Theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Văn bản số 158/VSR-RAI2E ngày 11/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã có văn bản số 756/UBND-VX ngày 02/3/2020 đồng ý tiếp nhận và thực hiện Dự án phòng chống Sốt rét do Quỹ toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023.

2. Về vốn đối ứng triển khai dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cam kết bố trí đầy đủ vốn đối ứng qua các năm để triển khai dự án hiệu quả, tuân thủ quy định của Nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai kính gửi Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Ban Quản lý dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023 xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Như trên;
- Các Sở: KH&ĐT, Y tế;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

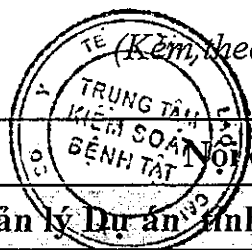
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giảng Thị Dung**

## DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ ĐỐI ỨNG

(Kèm theo tờ trình số 5/TTr-KSBT ngày 10/6/2020 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)



TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Cộng
<b>1</b>	<b>Ban quản lý Dự án tỉnh</b>	<b>146.880.000</b>	<b>159.168.000</b>	<b>172.224.000</b>	<b>478.272.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Phụ cấp Ban quản lý Dự án</b>	<b>122.880.000</b>	<b>135.168.000</b>	<b>148.224.000</b>	<b>406.272.000</b>
	Trưởng ban (1,5 lần lương cơ sở)	28.800.000	31.680.000	34.740.000	95.220.000
	Phó Trưởng ban (1,5 lần lương cơ sở)	28.800.000	31.680.000	34.740.000	95.220.000
	Thư ký/Kế hoạch (1,2 lần lương cơ sở)	23.040.000	25.344.000	27.792.000	76.176.000
	Kế toán (1,2 lần lương cơ sở)	23.040.000	25.344.000	27.792.000	76.176.000
	Thủ quỹ (1 lần lương cơ sở)	19.200.000	21.120.000	23.160.000	63.480.000
<b>1.2</b>	<b>Chi phí văn phòng Ban quản lý dự án</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>	<b>72.000.000</b>
<b>2</b>	<b>Ban quản lý Dự án huyện (dự kiến 3 huyện)</b>	<b>220.320.000</b>	<b>238.752.000</b>	<b>258.336.000</b>	<b>717.408.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Phụ cấp Ban quản lý Dự án huyện</b>	<b>184.320.000</b>	<b>202.752.000</b>	<b>222.336.000</b>	<b>609.408.000</b>
	Trưởng ban (1,2 lần lương cơ sở)	69.120.000	76.032.000	83.376.000	228.528.000
	Thư ký/Kế hoạch (1 lần lương cơ sở)	57.600.000	63.360.000	69.480.000	190.440.000
	Kế toán (1 lần lương cơ sở)	57.600.000	63.360.000	69.480.000	190.440.000
<b>2.2</b>	<b>Chi phí văn phòng Ban quản lý dự án</b>	<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>	<b>108.000.000</b>
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>	<b>367.200.000</b>	<b>397.920.000</b>	<b>430.560.000</b>	<b>1.195.680.000</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên  
TP. Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

Số: 2161/UBND-KGVX

Điện Biên, ngày 28 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

UBND tỉnh nhận được Tờ trình số 972/TTr-SYT ngày 07/7/2020 của Sở Y tế về việc đề nghị UBND tỉnh ban hành Văn bản cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 1227/STC-HCSN ngày 21/7/2020 về việc tham mưu bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh; sau khi xem xét, UBND tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

1. Đồng ý bố trí vốn đối ứng để thực hiện Dự án, bao gồm phân bổ kinh phí chi cho các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện Dự án tại các đơn vị thụ hưởng, kinh phí hoạt động chi thường xuyên cho 3 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là:  $301.000.000 \text{ đồng/năm} \times 03 \text{ năm} = 903.000.000 \text{ đồng}$  theo như đề nghị của Sở Y tế và yêu cầu của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

2. Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên.

UBND tỉnh Điện Biên kính mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ của Bộ Y tế và Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương để Dự án sớm được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Y tế, KHĐT, TC;
- Lưu: VT, KGVX<sup>(NNT)</sup> //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Quý

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2853/UBND-KTTH

Hà Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2020

Về việc tiếp nhận, cam kết bố trí nguồn  
vốn đối ứng dự án “Sáng kiến khu vực  
ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung Ương.

Thực hiện Văn bản số 606/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương, về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1570/SYT-KHTC ngày 31/8/2020 và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 1964/STC-QLNS ngày 28/8/2020, về việc đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”.

**Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang có ý kiến như sau:**

1. Ngày 21/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Văn bản số 415/UBND-VHXH, về việc cam kết tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả; đồng thời cam kết tuân thủ theo đúng các quy định của nhà tài trợ và nhà nước về dự án: Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin của Việt Nam do Quỹ Toàn cầu tài trợ, để triển khai thực hiện tại tỉnh Hà Giang.

2. Về vốn đối ứng triển khai dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cam kết bố trí vốn đối ứng trong 3 năm, giai đoạn 2021-2023, với tổng số tiền là: **1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu đồng)**, trong đó:

- Đối ứng bằng tiền mặt, số tiền là: 500.000.000 đồng;

- Đối ứng bằng hiện vật (sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực,... của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh), số tiền là: 1.200.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang kính đề nghị Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận**

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP (đ/c Đoàn, Sắc);
- Các sở: Y tế, Tài chính;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, CV: VHXH, KTTH(2).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1568 /UBND-VX

Cao Bằng, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v đồng ý tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” tại tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án RAI2E Trung ương<sup>1</sup>.

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BYT ngày 23/4/2018 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2018-2020” do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ;

Căn cứ Công văn số 610/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 2351/TTr-SYT ngày 17/6/2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đồng ý tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” tại tỉnh Cao Bằng.

Tổng kinh phí đối ứng 3 năm thực hiện Dự án: 1.248.930.000 đồng, cụ thể như sau:

- Chi trả phụ cấp cho cán bộ làm kiêm nhiệm tại Ban QLDA tỉnh theo tỷ lệ % thời gian kiêm nhiệm (7.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 03 năm): 252.000.000 đồng.

- Chi trả phụ cấp cho cán bộ làm kiêm nhiệm tại Ban QLDA huyện theo tỷ lệ % thời gian kiêm nhiệm (2.500.000 đồng/tháng x 12 tháng x 7 huyện x 03 năm): 630.000.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí cho BQLDA tỉnh gồm: Bảo dưỡng xe phục vụ dự án, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, dụng cụ văn phòng, mua văn phòng phẩm, in ấn, chuyển phát tài liệu (2.265.000 đồng/tháng x 12 tháng x 03 năm): 81.540.000 đồng.

<sup>1</sup> Đ/c: Số 34 Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

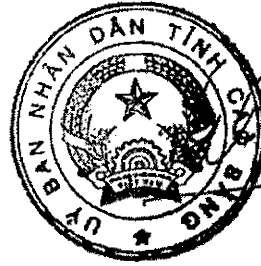
- Hỗ trợ chi phí cho BQLDA huyện gồm: Bảo dưỡng xe phục vụ dự án, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, dụng cụ văn phòng, mua văn phòng phẩm, in ấn, chuyển phát tài liệu (1.132.500 đồng/tháng x 12 tháng x 7 huyện x 03 năm): 285.390.000 đồng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Lưu: VT, VX<sub>(TT)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng  
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng



**Lê Hải Hòa**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **4677** /UBND-VXNV  
V/v cam kết bố trí vốn đối ứng Dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại  
trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin  
giai đoạn 2021-2023”

Bắc Kạn, ngày **11** tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Ban quản lý Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại  
trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin (RAI2E)” Trung ương

Căn cứ văn bản số 607/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét Ký sinh  
trùng - Côn trùng Trung ương về việc cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai  
đoạn 2021-2023;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 2119/SYT-KHTC ngày  
16/7/2020 và đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1201/STC-TCHCSN ngày  
07/8/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đồng ý bố trí vốn đối ứng thực hiện dự  
án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai  
đoạn 2021-2023” với số kinh phí 180.000.000 đ/năm x 3 năm = 540.000.000 đồng  
(Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Về cơ sở vật chất, tiếp tục sử dụng cơ sở vật chất và trụ sở làm việc tại Trung  
tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn làm Văn phòng làm việc của Ban quản lý Dự  
án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” tỉnh  
Bắc Kạn.

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đề nghị Ban quản lý Dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin  
(RAI2E)” Trung ương tạo điều kiện để Dự án được sớm triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

Gửi bản giấy:

- Như kính gửi;

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi;

- CT, PCT UBND tỉnh;

- Sở: Y tế, Tài chính;

- Trung tâm KSBT tỉnh;

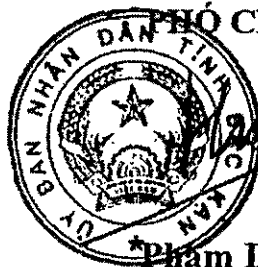
- CVP;

- Lưu: VT, Việt. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**\*Phạm Duy Hưng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 2686 /UBND- KGVX

Sơn La, ngày 11 tháng 8 năm 2020

V/v tiếp nhận và cam kết bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023".

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Viện Sốt rét- Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;
- Ban Quản lý Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin" Trung ương.

Thực hiện Công văn số 605/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương thuộc Bộ Y tế về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023", UBND tỉnh Sơn La có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021 - 2023" tỉnh Sơn La.

2. Tổng kinh phí vốn đối ứng tỉnh cam kết giai đoạn 2021-2023: 257,355 triệu đồng

3. Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La.

4. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và Ban quản lý dự án Trung ương, giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai dự án đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định. Đề nghị Bộ Y tế, Viện Sốt rét -Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Ban quản lý dự án Trung ương tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ để Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemininisn giai đoạn 2021-2023" sớm được triển khai. /v

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- VP UBND tỉnh (LD, CV);
- Lưu: VT, KGVX, 10 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

BỘ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1141 /UBND-KGVX  
V/v cam kết bố trí nguồn vốn đối  
ứng Dự án “Sáng kiến khu vực  
ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng  
thuốc Artemisinin, giai đoạn  
2021 - 2023”

Hòa Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**Kính gửi:** Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 609/VSR-KH, ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 129/TTR-SYT ngày 03/07/2020 về việc cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”; đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 1500/STC-QLNS ngày 10/7/2020 về vốn đối ứng Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến như sau:

- Đồng ý bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án, bao gồm phân bổ kinh phí cho các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện Dự án tại các đơn vị được thụ hưởng, kinh phí hoạt động chi không thường xuyên (ngân sách bố trí cho 3 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là: 478.600.000 đồng (bốn trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

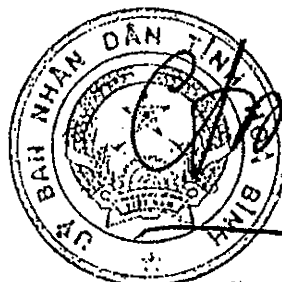
- Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hòa Bình.

Đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023” sớm được triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- Trung tâm CDC tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX (Vu.8<sup>b</sup>).

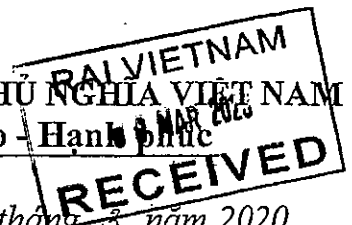
**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Chương

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 2360 /UBND-VX  
V/v đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án phòng, chống sốt rét do Quỹ Toàn cầu tài trợ, giai đoạn 2021-2023

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Ban Quản lý dự án RAI2E Trung ương;
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 358/SYT-NVY ngày 19/02/2020 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc đề nghị tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án phòng, chống sốt rét do Quỹ Toàn cầu tài trợ, giai đoạn 2021-2023; kèm theo Công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11/02/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương (*phô tô văn bản gửi các đơn vị*). Sau khi xem xét, UBND tỉnh Thanh Hóa có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho Ban Quản lý dự án RAI2E tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận tài trợ và triển khai thực hiện dự án trong giai đoạn 2021 - 2023.
2. UBND tỉnh cam kết chỉ đạo Sở Y tế, Ban Quản lý dự án RAI2E tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện dự án có hiệu quả, tuân thủ quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý dự án RAI2E Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương quan tâm, tạo điều kiện tiếp tục triển khai dự án tại Thanh Hóa và tổng hợp trình phê duyệt theo thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCVP Nguyễn Đức Thịnh (để theo dõi);
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (để th/hiện);
- Lưu: VT, VXsin.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Phạm Đăng Quyền**

Số: 37/SYT – DARAI2E

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2020

V/v tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Giám đốc Sở y tế Thanh Hóa

Ban quản lý Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2018 - 2020 tỉnh Thanh Hóa” (RAI2E) nhận được công văn số 614/VSR – KH ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023”.

1. Mục tiêu của dự án: Tiếp tục đẩy lùi sốt rét, tập trung cao độ vào những vùng sốt rét lưu hành nặng, sốt rét kháng thuốc và các đối tượng nguy cơ cao, từng bước tiến tới loại trừ bệnh sốt rét ở các tỉnh có sốt rét lưu hành, củng cố các yếu tố bền vững ngăn chặn sốt rét quay trở lại.

2. Thời gian thực hiện dự án: Từ 01/01/2021 đến 31/12/2023

Thực hiện Nghị định số: 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt Dự án giai đoạn 2021 - 2023, căn cứ hướng dẫn công văn số 614/VSR – KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét – KST – CT Trung ương và hiện trạng Ngân sách tỉnh Thanh Hoá đang hỗ trợ đối ứng thực hiện Dự án RAI2E tại Thanh Hoá giai đoạn 2017 – 2020, Ban quản lý dự án kính đề nghị Sở y tế Thanh Hoá báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản cam kết đóng góp vốn đối ứng để thực hiện Dự án với nội dung cụ thể sau:

- Vốn đối ứng bằng tiền:  $740.000.000/\text{năm} * 3 \text{ năm} = 2.220.000.000$  để chi cho các hoạt động:

+ Phụ cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh và các huyện thực hiện dự án:  $620.000.000\text{đ}/\text{năm} * 3 \text{ năm} = 1.860.000.000$

+ Chi cho văn phòng phẩm của Ban quản lý dự án tỉnh và các huyện thực hiện dự án:  $120.000.000\text{đ}/\text{năm} * 3 \text{ năm} = 360.000.000$

- Vốn đối ứng về cơ sở hạ tầng: 01 phòng làm việc diện tích 20m<sup>2</sup> kèm trang thiết bị nội thất, bàn ghế làm việc tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hoá để làm văn phòng cho Ban quản lý dự án tỉnh

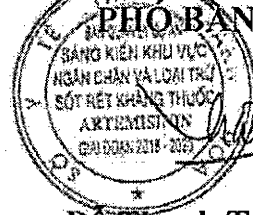
Kính mong nhận được sự quan tâm của Giám đốc Sở y tế, tạo điều kiện để Thanh Hoá tiếp tục được Dự án tài trợ để có thêm nguồn lực thực hiện Loại trừ sốt rét trên địa bàn toàn tỉnh vào năm 2025.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TB QLDA Nguyễn Bá cấn (B/cáo)
- Lưu: VP, DA.

**K.T TRƯỞNG BQL DỰ ÁN**



**Đỗ Thanh Tùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5397 /UBND-KT

Nghệ An, ngày 13 tháng 8 năm 2020

V/v dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 595/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023”; đề nghị của Sở Y tế Nghệ An tại Công văn số 1906/SYT-KHTC ngày 16/6/2020 và ý kiến của Sở Tài chính Nghệ An tại Công văn số 2557/STC-NST ngày 30/7/2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có ý kiến như sau:

UBND tỉnh Nghệ An cam kết bố trí vốn đối ứng (bằng tiền và hiện vật) để thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” trên địa bàn tỉnh Nghệ An, với trị giá tối đa là 1.800 triệu đồng (tối đa 600 triệu đồng/năm). UBND tỉnh Nghệ An đề nghị Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” sớm được triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Bùi Đình Long;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- Trung tâm KSBT tỉnh Nghệ An;
- TP KT VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An  
Email: [nghean@quynhphung.gov.vn](mailto:nghean@quynhphung.gov.vn)  
Cơ quan: Tỉnh Nghệ An  
Ngày ký: 13-08-2020 16:11:31 +07:00

**Bùi Đình Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4799 /UBND-VX<sub>1</sub>

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết đóng góp vốn đối  
ứng thực hiện Dự án Sáng kiến  
khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt  
rét kháng thuốc Artemisin, giai

đoạn 2021-2023

Số:.....2017.....

Ngày:.....23/7.....

Chuyên đề:.....Thực hiện

Kính gửi: Ban quản lý dự án RAI2E Trung ương

Văn bản số 596/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, 2021-2023", sau khi giao các cơ quan chuyên môn soát xét, tham mưu (Sở Y tế Hà Tĩnh tại Văn bản số 1844/TT-SYT ngày 03/7/2020, Sở Tài chính Hà Tĩnh tại Văn bản số 2676/STC-HCSN ngày 17/7/2020);

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có ý kiến như sau:

1. Cam kết đóng góp vốn đối ứng thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021 - 2023 tại tỉnh Hà Tĩnh do Quỹ Toàn cầu tài trợ, tổng kinh phí dự kiến đóng góp là 2.419.322.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười chín triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn), cụ thể các năm:

- Năm 2021: 745.686.000 đồng;
- Năm 2022: 801.255.000 đồng;
- Năm 2023: 872.381.000 đồng.

(Kinh phí sẽ được điều chỉnh sau khi được Chính phủ, Quỹ Toàn cầu và Bộ Y tế phê duyệt; thành viên Ban QLDA, thay đổi hệ số lương, mức lương cơ sở theo từng thời điểm).

2. Giao Ban quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin tỉnh Hà Tĩnh chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tiếp nhận, chuẩn bị các điều kiện và tổ chức triển khai Dự án theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Y tế;
- BQLDA RAI2E tỉnh Hà Tĩnh;
- Chánh VP, PVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu VT, VX<sub>1</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Quốc Vinh**





Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình  
Giờ ký: 02/07/2020 16:07:38

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *MKS*/UBND-KGVX

V/v đồng ý tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023"



Tỉnh Quảng Bình  
2020-07-02T16:26:53.3419781+07:00

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày *02* tháng 7 năm 2020

Kính gửi:

- Viện Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương;
- Ban quản lý Dự án Trung ương,  
Dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống sốt rét Việt Nam.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1576/SYT-KHTC ngày 29/6/2020 về việc đề nghị tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023" do Quỹ Toàn cầu tài trợ (Theo yêu cầu của Công văn số 590/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có ý kiến như sau:

Trên cơ sở kế hoạch kinh phí Dự án phân bổ cho tỉnh trong 03 năm (2021-2023), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đồng ý tiếp nhận, cam kết đóng góp vốn đối ứng để thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023" có hiệu quả, tuân thủ quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam với số kinh phí đối ứng bằng tiền mặt là 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*) và cơ sở vật chất của hệ thống ngành y tế Quảng Bình để phục vụ thực hiện Dự án, cụ thể:

- Năm 2021: 700.000.000 đồng.
- Năm 2022: 600.000.000 đồng.
- Năm 2023: 500.000.000 đồng.

UBND tỉnh Quảng Bình sẽ chỉ đạo Sở Y tế, các ngành có liên quan triển khai dự án đảm bảo hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

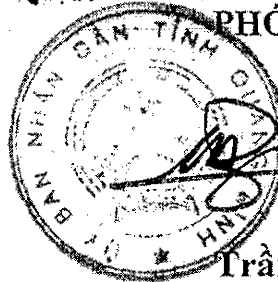
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KGVX. *hbu*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Tiên Dũng*  
**Trần Tiên Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2850** /UBND-VX

Quảng Trị, ngày **29** tháng **6** năm 2020

V/v Cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét  
kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng -  
Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 592/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”; đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 897/SYT-KHTC ngày 24/6/2020 và ý kiến của Sở Tài chính về việc cam kết bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án RAI2E trên địa bàn tỉnh Quảng Trị,

UBND tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

- Đồng ý bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án, bao gồm phân bổ kinh phí cho các cán bộ kiêm nhiệm thực hiện dự án tại các đơn vị được thụ hưởng, kinh phí hoạt động chi thường xuyên (Ngân sách bố trí cho 03 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là: 460 triệu đồng/năm x 03 năm = 1.380 triệu đồng)

- Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Trị.

UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023” sớm được triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- Lưu VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7329 /UBND-TC  
V/v cam kết bố trí vốn đối ứng dự  
án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và  
loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin giai đoạn 2021-2023

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 598/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”; xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1615/TTr-SYT ngày 19/6/2020 và Sở Tài chính tại Công văn số 2128/STC-QLNS ngày 03/8/2020, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và bố trí vốn đối ứng để thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (kinh phí cho cán bộ kiêm nhiệm thực hiện dự án tại các đơn vị được thụ hưởng và kinh phí hoạt động chi thường xuyên). UBND tỉnh cam kết bố trí vốn đối ứng trong 03 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là:  $350.000.000 \text{ đồng/năm} \times 03 \text{ năm} = 1.050.000.000 \text{ đồng}$ .

2. Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Sử dụng trụ sở và cơ sở vật chất tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế.

UBND tỉnh đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để Dự án “Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021- 2023” sớm được triển khai thực hiện tại Thừa Thiên Huế./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Y tế;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3745 /UBND-KGVX

Quảng Nam, ngày 08 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng  
Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn  
và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin, giai đoạn 2012 - 2023"

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 602/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023"; xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1172/TTr-SYT ngày 03/7/2020 về việc tiếp nhận, cam kết bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; UBND tỉnh Quảng Nam có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023" trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; cụ thể gồm phân bổ kinh phí cho cán bộ kiêm nhiệm thực hiện dự án tại các đơn vị được thụ hưởng, kinh phí hoạt động chi thường xuyên. Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng 03 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là:  $458.863.560 \text{ đồng/năm} \times 03 \text{ năm} = 1.376.509.680 \text{ đồng}$ .

2. Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Nam.

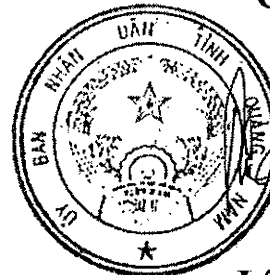
UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để Dự án "Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021- 2023" sớm được triển khai thực hiện tại Quảng Nam./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

D:\QUANG VX\Năm 2020\Công văn\Cam kết  
bố trí vốn đối ứng tỉnh DA SRKT 2021 - 2023.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **831**/UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày **03** tháng **3** năm 2020

V/v tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, 2021-2023

Kính gửi: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

Theo tinh thần Công văn số 158/VSR ngày 11/02/2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương và đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 270/SYT-KHTC ngày 20/02/2020 về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, 2021-2023, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, 2021-2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo các quy định của Nhà nước và của Nhà đầu tư.
2. Giao Sở Y tế làm đầu mối, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin đạt hiệu quả.

Rất mong sự quan tâm giúp đỡ của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCTUBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(HQ17).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đặng Ngọc Dũng**

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ TÀI CHÍNH Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1890 /STC-HCSN&DN

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 8 năm 2020

V/v bố trí kinh phí đối ứng cho Dự  
án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và  
và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin giai đoạn 2021-2023  
tỉnh Quảng Ngãi”

Kính gửi: Sở Y tế

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1437/SYT-KHTC ngày 28/7/2020 về việc bố trí kinh phí đối ứng cho Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 tỉnh Quảng Ngãi”; về nguồn kinh phí đối ứng do ngân sách địa phương đảm bảo để thực hiện dự án là 1.314.223.000 đồng, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Việc thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 tỉnh Quảng Ngãi” đã được UBND tỉnh có ý kiến đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án theo các quy định của Nhà nước và của Nhà đầu tư tại Công văn số 831/UBND-KGVX ngày 03/3/2020. Do đó, để có kinh phí đối ứng thực hiện Dự án theo quy định, trên cơ sở hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 3699/UBND-KT ngày 12/8/2020 về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023, đề nghị Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp kinh phí đối ứng thực hiện Dự án trong dự toán chi của ngành y tế năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021 - 2023 gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí thực hiện.

Kính đề nghị Sở Y tế phối hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- + Giám đốc; các PGĐ;
- + Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN&DN,ttchieu.



Lê Thị Xí

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5577 /UBND -VX  
Về việc đề nghị tiếp tục tiếp  
nhận, cam kết bố trí vốn đối  
ứng và thực hiện Dự án “Sáng  
kiến khu vực ngăn chặn và loại  
trừ sốt rét kháng thuốc  
artemisinin” giai đoạn 2021 -  
2023 do Quỹ Toàn cầu tài trợ

Bình Định, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Viện Sốt rét Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương;
- Ban Quản lý Trung ương Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống sốt rét, Bộ Y tế;
- Các Sở: Y tế Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 146/TTr-SYT ngày 14/8/2020 và thống nhất đề xuất của Liên ngành: Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Biên bản cuộc họp ngày 13/8/2020 Về việc đề nghị cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021- 2023” tại tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Về vấn đề này, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1252/UBND-VX ngày 04/3/2020 Về việc đề nghị tiếp tục tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án “Sáng kiến Khu vực Ngăn chặn và Loại trừ Sốt rét kháng thuốc artemisinin” do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021 - 2023.

Trên cơ sở yêu cầu của Viện Sốt rét Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Văn bản số 900/VSR-KH ngày 05/8/2020 Về việc thúc đẩy hoàn thiện văn bản tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc artemisinin” giai đoạn 2021 - 2023 lần 2; UBND tỉnh Bình Định đồng ý tiếp tục tiếp nhận, cam kết bố trí vốn đối ứng theo quy định của Dự án và sẽ chỉ đạo Sở Y tế và các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động của Dự án tại tỉnh Bình Định đúng tiến độ, có hiệu quả và tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà tài trợ và của Nhà nước.

UBND tỉnh Bình Định đề nghị Viện Sốt rét Ký sinh trùng - Côn trùng  
Trung ương tạo điều kiện, hỗ trợ cho tỉnh tham gia Dự án nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Ngoại vụ;
- Công an tỉnh;
- Trung tâm KS bệnh tật tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu VP, K12, K15.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



Số: 146 /TTr-SYT

Bình Định, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**V/v đề nghị cam kết bố trí vốn đối ứng để thực hiện dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin, giai đoạn 2021- 2023” tại tỉnh Bình Định.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ nhiều năm trước đến nay, tỉnh Bình Định được tham gia vào Dự án phòng chống bệnh sốt rét, sử dụng kinh phí tài trợ của Quỹ Toàn cầu, thông qua sự quản lý và điều phối của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương. Các hoạt động của Dự án phòng chống sốt rét được triển khai thực hiện tại địa phương thời gian qua đã thu được kết quả cao: nhiều năm liên tiếp trên địa bàn tỉnh không có dịch sốt rét, không có tử vong do bệnh sốt rét.

Ngày 17/12/2019, Quỹ Toàn cầu có Thư thông báo về việc tiếp tục tài trợ triển khai Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” giai đoạn 2021 - 2023 tại Việt Nam (có đính kèm);

Phúc đáp công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11/02/2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương, UBND tỉnh Bình Định đã có công văn số 1252/UBND-VX ngày 04/3/2020 về việc đề nghị tiếp tục tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023 (có đính kèm).

Căn cứ Nghị định số 56/2020/ND-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Căn cứ Thông tư 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ tài chính về quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/ chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Căn cứ Công văn số 593/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021- 2023” (có đính kèm).

Căn cứ Công văn số 774/VSR-KH ngày 02/7/2020 của Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc thúc đẩy hoàn thiện văn bản tiếp nhận cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021- 2023” (có đính kèm).

Căn cứ Công văn số 900/VSR-KH ngày 05/8/2020 của Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc thúc đẩy hoàn thiện văn bản tiếp

nhận cam kết vốn đối ứng thực hiện Dự án “Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021- 2023 (lần 2); trong đó khoản kinh phí tài trợ từ Quỹ Toàn cầu dự kiến phân bổ cho tỉnh Bình Định là 9.811.077.500 đồng  $\approx$  422.569 USD (có đính kèm).

Căn cứ Biên bản họp ngày 13/8/2020 của liên ngành: Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thống nhất đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023” tại tỉnh Bình Định (có đính kèm);

Xét Tờ trình số 115/TTr-RAI2E ngày 10/8/2020 của Ban QLDA “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin” tỉnh Bình Định (có đính kèm);

Để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023” theo yêu cầu của nhà tài trợ, Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương (đã nêu trên) và tỉnh Bình Định được tiếp tục tham gia vào dự án trong thời gian tới,

Sở Y tế kính trình UBND tỉnh xem xét, có văn bản gửi Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc cam kết bố trí vốn đối ứng để tiếp nhận, thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023” tại tỉnh với tổng số tiền **1.458.576.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)**; trong đó:

- Kinh phí chi trả phụ cấp cho các thành viên của Ban quản lý dự án tỉnh và các huyện thuộc dự án: 1.152.576.000 đồng;

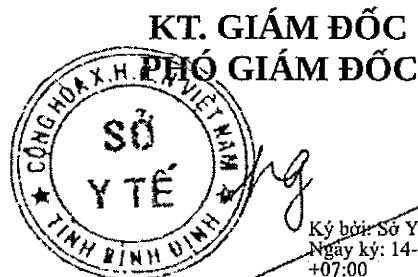
- Kinh phí hỗ trợ hoạt động văn phòng Ban quản lý dự án tỉnh và các huyện thuộc dự án (điện thoại, internet, in và phô tô tài liệu, biểu mẫu phục vụ hoạt động chuyên môn của dự án): 306.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Rất mong UBND tỉnh quan tâm, chấp thuận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính (để biết);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để biết);
- Ban quản lý dự án RAI2E;
- Lưu: VT, KHTC



Ký bởi: Sở Y tế  
Ngày ký: 14-08-2020 16:20:41  
+07:00

**Nguyễn Văn Trung**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số *HHH*/UBND - KGVX

Phú Yên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng và thực hiện  
Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và  
loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin,  
giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Trên cơ sở Công văn số 158/VSR-DTSR ngày 11/02/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin 2021-2023; Công văn số 617/VSR-KH ngày 01/6/2020; số 774/VSR-KH ngày 02/7/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận và cam kết vốn đối ứng thực hiện Dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin 2021-2023;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 89/TTr-SYT ngày 14/7/2020 về việc cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2111/STC-HCSN ngày 27/7/2020;

UBND tỉnh Phú Yên có ý kiến như sau:

- Đồng ý bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” trên địa bàn tỉnh Phú Yên; cụ thể bao gồm phân bổ kinh phí cho cán bộ kiêm nhiệm thực hiện Dự án tại các đơn vị thụ hưởng, kinh phí hoạt động chi thường xuyên. Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng 03 năm, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là 1.345 triệu đồng (đối ứng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, bố trí dự toán hàng năm cho Sở Y tế theo quy định).

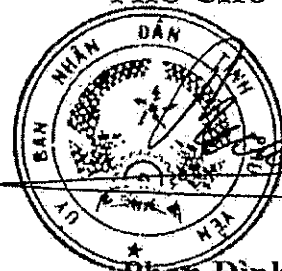
- Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.

UBND tỉnh Phú Yên đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023” sớm được triển khai thực hiện tại Phú Yên././.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh (P.Đ.Phùng);
- Sở: Y tế, Tài chính, TTKSBT tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX (Ty).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Đình Phùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Ủy ban  
nhân dân  
tỉnh Khánh  
Hòa  
27.07.2020  
14:44:52  
+07:00

Số: 7426/UBND-KGVX

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2020

V/v tiếp nhận, cam kết bố trí vốn  
ứng và thực hiện Dự án “Sáng  
kiến khu vực ngăn chặn và loại  
trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin  
giai đoạn 2021 – 2023” trên địa  
bàn tỉnh Khánh Hòa .

**KHẨN**

Kính gửi: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.

Thực hiện đề nghị của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương tại Văn bản số 585/VSR-KH ngày 01/6/2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021 – 2023”;

Xét báo cáo, tham mưu và đề xuất của Sở Y tế tại Văn bản số 2543/SYT-KHTC ngày 30/6/2020 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2369/SKHDĐT-TH ngày 21/7/2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đồng ý tiếp nhận, cam kết bố trí vốn ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021 – 2023” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo đúng quy định (dự kiến 1,236 tỷ đồng trong thời gian 03 năm).

Sau khi Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa sẽ chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai theo quy định hiện hành.

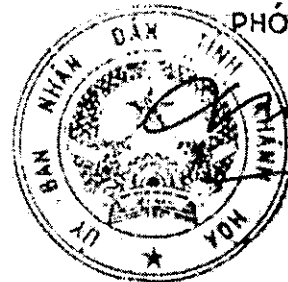
Rất mong nhận được quan tâm, hỗ trợ của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Quản lý Dự án Trung ương;
- Các sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: XDND, KT;
- Lưu: VT, HPN, NN, Hle. /14

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Tài**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2575/UBND-VXNV

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 7 năm 2020

V/v đồng ý bố trí vốn đối ứng dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin.

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Tiếp nhận Công văn số 774/VSR-KH ngày 02/7/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc thúc đẩy hoàn thiện văn bản tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế tại Tờ trình số 3256/TTr-SYT ngày 16/7/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thống nhất việc bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án; dự kiến bố trí trong 3 năm, giai đoạn từ 2021-2023 là khoảng 1,4 tỷ đồng (bao gồm kinh phí chi trả phụ cấp cho các thành viên của Ban quản lý dự án tỉnh và huyện; kinh phí hỗ trợ hoạt động văn phòng dự án tuyến tỉnh, huyện từ nguồn chi thường xuyên của các đơn vị).

Kính đề nghị Bộ Y tế, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương xem xét tiến hành các thủ tục phê duyệt Dự án theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh Lê Văn Bình;
- Sở Y tế;
- VPUB: LD;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2721**/UBND-KGVXNV

Bình Thuận, ngày **23** tháng 7 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021 – 2023”

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Căn cứ Công văn số 597/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 2248/TTr-SYT ngày 07/7/2020 về việc tiếp nhận và cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 -2023”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có ý kiến như sau:

1. Theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Công văn số 597/VSR-KH ngày 01/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1005/UBND-KGVXNV ngày 20/3/2020 đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 -2023” do Quỹ Toàn cầu tài trợ để triển khai thực hiện tại Bình Thuận.

2. Về nguồn vốn đối ứng triển khai dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cam kết bố trí đầy đủ vốn đối ứng qua các năm để triển khai thực hiện dự án hiệu quả, tuân thủ quy định của Nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

3. Giao Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nguồn vốn đối ứng, qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, khi có hướng dẫn cụ thể của Ban quản lý dự án Trung ương - Bộ Y tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận gửi Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương xem xét tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- các Sở: Y tế, KHĐT, TC;
- Lưu: VT, KGVXNV. (Trình).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Hòa**

UBND TỈNH BÌNH THUẬN  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2248/TTr-SYT

Bình Thuận, ngày 07 tháng 7 năm 2020

### TỜ TRÌNH

*V/v Đề nghị ban hành văn bản đồng ý tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisin giai đoạn 2021-2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng và Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023;

Công văn 1005/UBND-KGVXNV ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc tiếp nhận Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin năm 2021-2023;

Công văn số 597/VSR-KH ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung Ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023;

Căn cứ Tờ trình số 853/TTr-KSBT ngày 24/6/2020 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023,

Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin do Quỹ Toàn cầu tài trợ thực hiện không hoàn lại trong những năm qua, đã bổ sung kịp thời nguồn lực để đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp phòng chống sốt rét của địa phương, đặc biệt là vùng sốt rét lưu hành, vùng miền núi khó khăn. Dự án tác động tích cực đến tình hình sốt rét trên địa bàn tỉnh, số người mắc sốt rét giảm qua các năm, không có trường hợp tử vong do sốt rét và không có dịch sốt rét xảy ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số xã tình hình sốt rét chưa thật sự ổn định,

bệnh sốt rét còn lưu hành dai dẳng, điều kiện thời tiết và vị trí địa lý của tỉnh thuận lợi cho muỗi sốt rét phát triển, làm cho dịch bệnh sốt rét có nhiều nguy cơ quay trở lại.

Để bổ sung thêm nguồn lực cho các hoạt động phòng chống sốt rét của Bình Thuận, góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu Chiến lược Quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét, phát triển tỉnh bền vững về bảo vệ sức khỏe của nhân dân, Sở Y tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản đồng ý tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021- 2023 như sau:

### **1. Về cơ sở vật chất thực hiện dự án:**

Tiếp tục sử dụng cơ sở vật chất, nhân lực hiện có của các đơn vị thực hiện dự án và những tài sản đã được tiếp nhận của dự án để phục vụ cho hoạt động của dự án trong giai đoạn 2021 – 2023.

### **2. Về kinh phí bằng tiền:**

Xin hỗ trợ kinh phí cho Ban quản lý dự án tỉnh và huyện thực hiện dự án nhằm đảm bảo điều kiện để Ban quản lý thực hiện nhiệm vụ với thời gian tham gia cho công tác của dự án bằng 30% thời gian công tác chính cán bộ tuyến tỉnh và 20% thời gian công tác chính cán bộ tuyến huyện. Cán bộ BQLDA chủ yếu làm ngoài giờ để hoàn tất công việc của dự án nhưng không được dự án chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cũng như xăng xe đi giao dịch..., cụ thể:

#### **2.1. Ban quản lý dự án tỉnh: (UBND tỉnh ra quyết định)**

Bao gồm 05 người: Trưởng ban, Phó trưởng ban, Thư ký/Kế hoạch, Kế toán, và Thủ quỹ/thủ kho.

Mức hỗ trợ: 30% lương ngạch bậc, chức vụ hiện hưởng của từng người.

Dự kiến mức phụ cấp: 13.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 156.000.000đ

- \* Trưởng ban : 3.500.000 đồng/tháng
- \* Phó Trưởng ban : 3.000.000 đồng/tháng
- \* Kế hoạch/thư ký : 2.500.000 đồng/tháng
- \* Kế toán dự án : 2.500.000 đồng/tháng
- \* Thủ quỹ/thủ kho : 1.500.000 đồng/tháng

#### **2.2. Ban quản lý dự án huyện: (Sở Y tế ra quyết định)**

Bao gồm: 3 người/huyện x 7 huyện = 21 người

Mức hỗ trợ: 20% lương ngạch bậc, chức vụ hiện hưởng của từng người



Dự kiến mức PC: 5.000.000đ/tháng x 7 huyện x 12 tháng = 420.000.000đ

\* Trưởng ban : 2.000.000 đồng/tháng

\* Kế hoạch/thư ký : 1.500.000 đồng/tháng

\* Kế toán dự án : 1.500.000 đồng/tháng

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên BQLDA tỉnh	156.000.000	156.000.000	156.000.000
2	Phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên BQLDA 7 huyện	420.000.000	420.000.000	420.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>576.000.000</b>	<b>576.000.000</b>	<b>576.000.000</b>

Tổng kinh phí dự kiến chi trả phụ cấp cho BQLDA tuyến tỉnh và huyện trong giai đoạn 2021 – 2023 từ nguồn vốn đối ứng là: **1.728.000.000 đồng**.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

(Kèm theo Công văn số 597/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét- KST-CT Trung ương; Tờ trình số 853/TTr-KSBT ngày 24/6/2020 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)

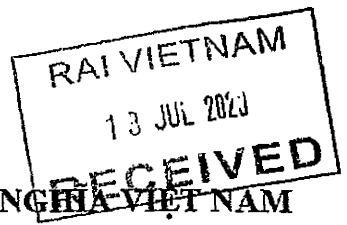
Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm KSBT (biết);
- Lưu VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Việt



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2458 /UBND-KGVX  
V/v cam kết tiếp nhận thực hiện  
Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn  
chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
artemisinin, giai đoạn 2021-2023”

Kon Tum, ngày 09 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Viện sốt rét- Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Qua đề nghị của Viện sốt rét- Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Văn bản số 588/VSR-KH ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023” (Dự án).

Xét đề xuất của Sở Y tế tại Văn bản số 2404/SYT-KHTC ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Sở Tài chính tại Văn bản số 2460/STC-QLNS ngày 07/7/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án theo quy định của Chính phủ để chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho công chức, viên chức thành viên Ban Quản lý dự án và các khoản chi phí hành chính khác (ngân sách tỉnh bố trí cho 03 năm, giai đoạn 2021-2023 là 1.725 triệu đồng; trong đó: năm 2021 là 530 triệu đồng; năm 2022 là 575 triệu đồng và năm 2023 là 620 triệu đồng).

2. Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ Dự án: Sử dụng trụ sở và trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện có tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

3. Giao Sở Y tế làm đầu mối, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đề nghị Viện sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tổng hợp gửi Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BQL dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023”<sup>1</sup>;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX<sub>PTDL</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**ĐHQ CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Nga**

<sup>1</sup> Địa chỉ: Số 34 Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1942/UBND - KTTH  
V/v bố trí vốn đối ứng cho  
Dự án RAI2E


Gia Lai, ngày 18 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương (Bộ Y tế).

Thực hiện công văn số 594/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng Dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã có văn bản số 716/UBND-KGVX ngày 01/4/2020 đồng ý tiếp nhận Dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023 và sẽ bố trí vốn đối ứng để thực hiện dự án theo quy định (tổng kinh phí vốn đối ứng thực hiện trong 03 năm khoảng 3,9 tỷ đồng).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai sẽ chỉ đạo Sở Y tế, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan ở tỉnh chuẩn bị các điều kiện để triển khai dự án theo yêu cầu.

Đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương quan tâm, hỗ trợ. 

**Nơi nhận:**

- Như trên (sao gửi kèm cv 716/UBND-KGVX);
- Bộ Y tế;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT;
- Các sở: Y tế, KH và ĐT, Tài chính;
- Đ/c CVP, các đ/c PCVP;
- BQLDA RAI2E (tỉnh);
- Lưu: VT, KGVX, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Tiên Đông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8266 /UBND-TH

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 9 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng để thực hiện dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023

Kính gửi: - Bộ Y tế;  
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Liên quan đến dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023, ngày 12/3/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Công văn số 2040/UBND-TH gửi Bộ Y tế đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án có hiệu quả, tuân thủ quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

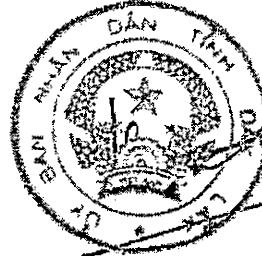
Tại Công văn số 774/VSR-KH ngày 02/7/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2023, dự kiến khoảng 1.577.107.000 đồng (Một tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm lẻ bảy nghìn đồng). UBND tỉnh Đắk Lắk cam kết sẽ bố trí số vốn đối ứng cho Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023 với số tiền 1.577.107.000 đồng đảm bảo theo tiến độ thực hiện Dự án (Thường trực HĐND tỉnh đã thống nhất chủ trương bố trí vốn đối ứng đối với Dự án tại Công văn số 485/HĐND-VP ngày 09/9/2020).

UBND tỉnh Đắk Lắk rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Y tế, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện Dự án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Y tế;
- Các phòng: KT, KGVX;
- Lưu VT, TH (c.Ph-6b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**H'Yim Kđoh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 3643/UBND-KGVX

V/v cam kết bố trí vốn đối  
ứng thực hiện Dự án Sáng  
kiến khu vực ngăn chặn và  
loại trừ sốt rét kháng thuốc  
artemisinin, 2021-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 21 tháng 07 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 180/TTr-SYT ngày 17/07/2020 về việc cam kết bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin do Quỹ toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có ý kiến như sau:

1. Theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Công văn số 1563/UBND-KGVX ngày 03/04/2020 về việc tiếp tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, 2021-2023 (Xin gửi kèm văn bản).

2. Về phần vốn đối ứng và cơ sở vật chất triển khai dự án theo yêu cầu tại Công văn số 611/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cam kết bố trí đầy đủ vốn đối ứng giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh để triển khai dự án.

- Trụ sở làm việc, trang thiết bị văn phòng phục vụ Dự án: Ban quản lý dự án làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông kính đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng - Trung ương xem xét, tổng hợp. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (G).

2



Tôn Thị Ngọc Hạnh

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
SỞ Y TẾ

Số: 167 /TTr-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 2 tháng 7 năm 2020

### TỜ TRÌNH

V/v bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Công văn số 1563/UBND-KGVX ngày 03/4/2020 về việc tiếp tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, 2021-2023.

Căn cứ Công văn số 611/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện sốt rét ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023.

Căn cứ các quy định khác có liên quan;

Sở Y tế lập dự toán kế hoạch vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2023 của Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin triển khai tại tỉnh (Gửi kèm dự toán chi tiết) dự kiến khoảng 1.852.466.000 đồng, bao gồm:

+ Lương phụ cấp thành viên BQL dự án (tỉnh/huyện): 1.596.866.000 đồng.

+ Chi phí hành chính BQL dự án (tỉnh/huyện): 255.600.000 đồng.

Nhằm tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư cho lĩnh vực y tế, Sở Y tế kính đề nghị Sở Tài chính thẩm định, có văn bản thống nhất chủ trương (dự thảo đính kèm) bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương của Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023, để Sở Y tế có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản cam kết bố trí vốn đối ứng gửi Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Y tế phê duyệt văn kiện dự án.

Sở Y tế kính Sở Tài chính xem xét, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở Y tế (b/cáo);
- TTKSBT tỉnh (biết);
- Lưu: VT, NVYD, KHTC (Qu.9).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1308/UBND-VX3

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 3 năm 2020

V/v tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023.

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 215/TTr-SYT ngày 05/3/2020 về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023,

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng có ý kiến như sau:

1. Trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương và nhà tài trợ; tỉnh Lâm Đồng thống nhất chủ trương tiếp nhận và cam kết thực hiện các hoạt động Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023; đảm bảo triển khai có hiệu quả Dự án, tuân thủ đúng các quy định của nhà tài trợ và chính sách, pháp luật của nhà nước.

2. Giao Sở Y tế làm đầu mối tiếp nhận và triển khai Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023 trên địa bàn tỉnh. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- Lưu: VT, VX3.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Đa

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3454/UBND-VX  
V/v cam kết vốn đối ứng thực  
hiện Dự án "Sáng kiến khu vực  
ngăn chặn và loại trừ sốt rét  
kháng thuốc Artemisinin giai  
đoạn 2021-2023"

Bình Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2020

SỞ Y TẾ BÌNH DƯƠNG	
Số: 20.344	Ngày: 21/7/2020
ĐẾN	
Chuyên:	

Kính gửi: Sở Y tế.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1479/SYT-KHTC ngày 07/7/2020 về việc cam kết bố trí vốn đối ứng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất bố trí vốn đối ứng để thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023" trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo như đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 1479/SYT-KHTC ngày 07/7/2020.

2. Giao Sở Y tế làm việc cụ thể với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan trong việc bố trí vốn đối ứng hàng năm (trong giai đoạn 2021-2023) để thực hiện Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023" trên địa bàn tỉnh hiệu quả và đúng quy định././

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như trên;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, tp (TDM, DT, PG, BB, BTU)
- LĐVP, Tùng, TH;
- Lưu: VT. 7

**CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

CN Q<sup>ST</sup> TH  
24/7/2020  
HY





KY DỜI: SỞ Y TẾ  
Email: soyte@binhduong.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương  
Thời gian ký: 07.07.2020

65.0h

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SỞ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1479/SYT-KHTC**  
V/v cam kết bố trí vốn đối ứng.

Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2020.

**TT KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T. BÌNH DƯƠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

ĐẾN Số: **1700**  
Ngày: **08/7/2020**  
Chuyên: .....

Căn cứ Công văn số 1110 /UBND-VX ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin 2021-2023;

Căn cứ Công văn số 599/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”.

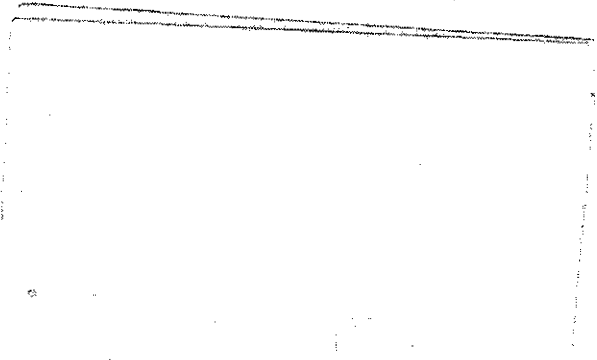
Theo đề nghị của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tại Công văn số 541/KSBT ngày 26/6/2020 về việc xin kinh phí đối ứng của Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”.

Để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023”, Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý bố trí vốn đối ứng để thực hiện Dự án hiệu quả, tuân thủ quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam; trong đó nguồn vốn trên thực hiện hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm của Ban quản lý Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023” của tuyến tỉnh và huyện, thị xã, thành phố; cụ thể như sau:

- \* Tuyến tỉnh: 144.000.000 đồng.
  - Năm 2021: 4.000.000đ/tháng x 12 tháng = 48.000.000 đồng.
  - Năm 2022: 4.000.000đ/tháng x 12 tháng = 48.000.000 đồng.
  - Năm 2023: 4.000.000đ/tháng x 12 tháng = 48.000.000 đồng.
- \* Tuyến huyện, thị xã, thành phố: 367.200.000 đồng.
  - Năm 2021: 10.200.000đ/tháng/5 huyện x 12 tháng = 122.400.000 đồng.
  - Năm 2022: 10.200.000đ/tháng/5 huyện x 12 tháng = 122.400.000 đồng.
  - Năm 2023: 10.200.000đ/tháng/5 huyện x 12 tháng = 122.400.000 đồng.

**Tổng cộng: 511.200.000đ**

( Năm trăm mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

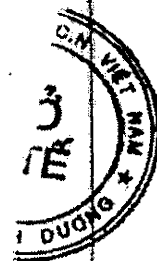
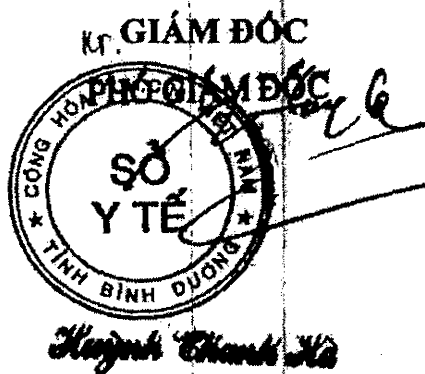


Kinh phí đề xuất trên dựa trên số kinh phí đã thực hiện hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm của Ban quản lý Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2018 - 2020" của tuyến tỉnh và huyện, thị xã, thành phố và được phân bổ vào dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của các đơn vị.

Rất mong được UBND tỉnh Bình Dương xem xét và chấp thuận có văn bản đồng ý cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng để thực hiện Dự án theo quy định của Chính phủ. Xin chân thành cảm ơn. / *l*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm KSBT;
- BLĐ (Bs Lạc, Bs Hà);
- Phòng Nghiệp vụ Y;
- Lưu: VT, KHTC.





Ký bởi: Ủy ban nhân  
dân tỉnh Bình Phước  
Cơ quan: Tỉnh Bình  
Phước  
Ngày ký: 06.07.2020  
16:59:49 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2206/UBND-KGVX

Bình Phước, ngày 06 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng  
cho Dự án “Sáng kiến khu vực  
ngăn chặn và loại trừ sốt rét  
kháng thuốc artemisinin,  
giai đoạn 2021-2023”

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Thực hiện Công văn số 587/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023”;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 70/TTr-SYT ngày 26/6/2020 về việc cam kết vốn đối ứng cho dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023” của Việt Nam; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1794/STC-HCSN ngày 06/7/2020 về việc đề xuất cam kết vốn đối ứng cho dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023”,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có ý kiến như sau:

1. Theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Công văn số 480/UBND-KGVX ngày 04/3/2020 đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2021-2023” của Việt Nam do Quỹ Toàn cầu tài trợ để triển khai thực hiện tại Bình Phước.

2. Về vốn đối ứng triển khai dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cam kết bố trí đầy đủ vốn đối ứng qua các năm với số tiền là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng) để triển khai thực hiện hiệu quả dự án, tuân thủ đúng quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam, cụ thể như sau:

- Năm 2021: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và cơ sở vật chất hiện có.

- Năm 2022: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và cơ sở vật chất hiện có.

- Năm 2023: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và cơ sở vật chất hiện có.

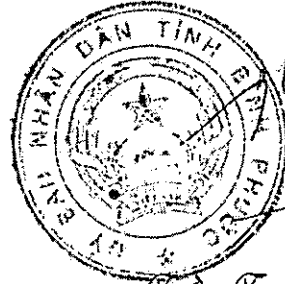
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính;
- LĐVP; các Phòng: KG-VX, TH;
- Lưu: VT, P.KG-VX, T-172<sub>06/7</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Tuyết Minh*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8651/UBND-KTNS

Đồng Nai, ngày 24 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết kinh phí phụ cấp làm việc kiêm nhiệm của cán bộ Ban Quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Y tế.

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3802/STC-TCHCSN ngày 15/7/2020 về việc cam kết kinh phí phụ cấp làm việc kiêm nhiệm của cán bộ Ban Quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023 (văn bản điện tử kèm theo); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài đối với dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023 do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, lao và sốt rét tài trợ và cam kết vốn đối ứng của địa phương để chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý dự án giai đoạn 2021-2023 với tổng số tiền là 612.000.000 đồng, (Bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu đồng).


2. Giao Sở Y tế có trách nhiệm báo cáo Viện sốt rét - Ký sinh trùng - côn trùng trung ương (Bộ Y tế) để thực hiện các thủ tục các bước tiếp theo.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí nêu trên để thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1511** /UBND-KTTC  
V/v: cam kết vốn đối ứng Dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại  
trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin,  
2021-2023”.

Tây Ninh, ngày **10** tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.)

Trên cơ sở Công văn số 584/VSR-RAI2E, ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, 2021-2023; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1981/STC-HCSN về kế hoạch vốn đối ứng thực hiện Dự án RAI2E trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Tờ trình số 33/TTr-RAI2E ngày 03/7/2020 của Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin.

UBND tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Đồng ý bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án: “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023” do Quỹ Toàn Cầu tài trợ, với tổng kinh phí: 830.650.000 đồng.

Về trụ sở làm việc, trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: Làm việc tại Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Viện Sốt rét – Ký sinh Trùng – Côn trùng Trung ương tạo điều kiện để Dự án: “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023” sớm được triển khai thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *lg*

- Như trên;
  - Viện SR KST CT Trung ương;
  - PC, PCT. UBND tỉnh;
  - Sở Y tế; Ban QLDA RAI2E tỉnh;
  - Sở Tài chính;
  - CVP; PVP: Long, Nhung, CVK;
  - Lưu: VP.
- 107 V VON DOI UNG DA *g*



**Đương Văn Thắng**

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2001/SYT-KHTC

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 08 tháng 7 năm 2020

V/v cam kết bố trí vốn đối ứng dự án  
“Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ  
sốt rét kháng thuốc Artemisinin” giai đoạn  
2021-2023

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 09/3/2020, UBND tỉnh có Công văn số 1984/UBND-VP về việc đồng ý tiếp nhận và cam kết thực hiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” giai đoạn 2021-2023.

Thực hiện Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Để hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt Dự án giai đoạn tới, ngày 01/6/2020 Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương có Công văn số 608/VSR-KH đề nghị Sở Y tế trình UBND tỉnh có văn bản cam kết đóng góp vốn đối ứng để thực hiện dự án dựa trên kế hoạch kinh phí dự kiến phân bổ cho tỉnh trong 03 năm bằng tiền mặt và bằng hiện vật.

Nhằm duy trì các thành quả đã đạt được trong công tác phòng chống sốt rét và tiến tới loại trừ sốt rét tại địa phương, Sở Y tế nhận thấy sự tài trợ từ Dự án là vô cùng quý báu và cần thiết cho địa phương. Và để Dự án sớm được ký hợp đồng với Quỹ toàn cầu; Sở Y tế kính đề nghị Ủy Ban nhân dân tỉnh đồng ý và cam kết bố trí vốn đối ứng dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin” giai đoạn 2021-2023 với tổng số kinh phí là **1.195.000.000 đồng** (đính kèm dự toán), bao gồm kinh phí cho cán bộ kiêm nhiệm thực hiện dự án tại các đơn vị được thụ hưởng và kinh phí hoạt động chi thường xuyên cho dự án./.

(Đính kèm dự thảo công văn cam kết bố trí vốn đối ứng Dự án, Công văn số 1984/UBND-VP ngày 09/3/2020 của UBND tỉnh, Công văn 608/VSR-KH ngày 01/6/2020).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
08-07-2020 09:52:08 +07:00

**Nguyễn Văn Thái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4874/UBND-VHXH

Long An, ngày 13 tháng 8 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng thực hiện Dự án PCSR do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023

Kính gửi: Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương.

Căn cứ văn bản số 603/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương về việc Tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin (RAI), giai đoạn 2021-2023”;

Ngày 10/8/2020, UBND tỉnh có Công văn số 4751/UBND-VHXH về việc đồng ý vốn đối ứng thực hiện dự án PCSR do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023.

Sau khi tiến hành rà soát, UBND tỉnh Long An có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tiếp nhận và bố trí vốn đối ứng thực hiện Dự án theo đề xuất của Sở Tài chính (tổng kinh phí 3 năm là 3.188.337.809 đồng, bao gồm phụ cấp kiêm nhiệm và kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án tỉnh và 11 cơ sở ở huyện);

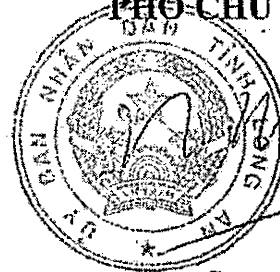
2. Về trụ sở làm việc và trang thiết bị, vật tư phục vụ Dự án: tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Long An và 11 Trung tâm Y tế huyện/thành phố triển khai Dự án (thành phố Tân An, huyện Châu Thành, huyện Tân Trụ, huyện Bến Lức, huyện Đức Hòa, huyện Đức Huệ, huyện Cần Giuộc, huyện Cần Đước, huyện Thạnh Hóa, huyện Tân Thạnh, huyện Tân Hưng).

UBND tỉnh Long An kính gửi Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế (b/c);
- CT, PCT.UBND tỉnh (KT+VX);
- CVP, PCVP (VX);
- Sở Tài chính;
- Sở Y tế;
- TT Kiểm soát bệnh tật (BQLDA RAI2E);
- Phòng VHXH;
- Lưu VT, Hai. (6)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 1323/UBND-VX  
V/v bố trí vốn đối ứng để  
thực hiện Dự án do Quỹ  
Toàn cầu tài trợ, giai đoạn  
2021-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, Bộ Y tế.

Theo Công văn số 589/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng thực hiện Dự án "Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét Kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023" và theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 40/TTr-SYT ngày 06/8/2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đồng ý bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương từ nguồn sự nghiệp y tế hàng năm để thực hiện Dự án "Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, với tổng số tiền là 631.129.000 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu, một trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Rất mong Ban Quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ Sốt rét kháng thuốc Artemisinin, Bộ Y tế xem xét chấp thuận cho tỉnh Sóc Trăng tiếp tục triển khai Dự án nêu trên. /*kt*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện Sốt rét TW;
- Sở: YT, TC,
- TTKSBT;
- Lưu: VT. *kt*





Cơ quan: Ủy ban nhân  
dân tỉnh Bạc Liêu  
Thời gian ký:  
10.07.2020 11:29:19  
+07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 297/UBND-KGVX  
V/v cam kết thực hiện Dự án  
PCSR do Quỹ Toàn cầu tài trợ  
giai đoạn 2021 - 2023

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án "Sáng kiến khu vực Ngăn chặn và  
Loại trừ Sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn  
2018 - 2020 Trung ương.

Thực hiện Công văn số 158/VSR-RAI2E ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Viện  
Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện  
Dự án "Sáng kiến khu vực Ngăn chặn và Loại trừ Sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai  
đoạn 2021 - 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Công văn số  
997/UBND-KGVX Ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc tiếp nhận và cam kết thực hiện  
Dự án Phòng chống sốt rét (PCSR) do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021 - 2023.

Tuy nhiên, theo yêu cầu của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương  
tại Công văn số 591/VSR-KH ngày 01 tháng 6 năm 2020, UBND tỉnh Bạc Liêu thống  
nhất theo đề xuất của Sở Y tế và cam kết thực hiện một số nội dung cụ thể sau đây:

1. Hàng năm, tỉnh sẽ cân đối bố trí đủ kinh phí đối ứng để thực hiện Dự án  
phòng, chống sốt rét do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021 - 2023 cho Ban quản lý  
Dự án và các đơn vị thụ hưởng với số tiền 549.219.960 đồng (Năm trăm bốn mươi  
chín triệu hai trăm mười chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng), chi tiết theo từng năm  
như sau:

- Năm 2021: 183.073.320 đồng
- Năm 2022: 183.073.320 đồng
- Năm 2023: 183.073.320 đồng

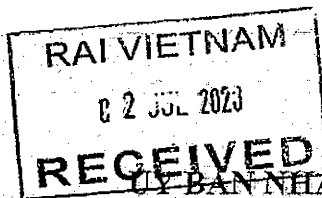
2. Về cơ sở vật chất và nhân lực phục vụ cho Dự án phòng, chống sốt rét do  
Quỹ Toàn cầu tài trợ, tiếp tục sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị tham gia  
dự án giai đoạn 2018 - 2020, do đó về cơ sở vật chất cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu  
để triển khai thực hiện dự án giai đoạn 2021 - 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết tổ chức thực hiện Dự án phòng, chống sốt rét do  
Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021 - 2023 đúng theo quy định của Ban Quản lý Dự  
án Trung ương./.

Nơi nhận: *✍*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (Hn153). *✍*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Lam Thị Sang**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3943/UBND-KGVX

Cà Mau, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v cam kết vốn đối ứng thực  
hiện Dự án RAI2E giai đoạn  
2021-2023

**KHẨN**

2/7/2020 14/19 TS. X<sup>o</sup>, CB. DA  
T<sup>o</sup> h<sup>o</sup> D<sup>o</sup>

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

Căn cứ Công văn số 612/VSSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương. Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 119/TTr-SYT ngày 11/6/2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án RAI2E giai đoạn 2021-2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có ý kiến như sau:

1. Theo đề nghị của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tại Tờ trình số 09/TTr-RAI2E ngày 17/02/2020 về việc tiếp nhận Dự án "Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021-2023", Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã có Công văn số 1347/UBND-KGVX ngày 02/3/2020 đồng ý tiếp nhận Dự án được thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Về vốn đối ứng triển khai dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cam kết bố trí đầy đủ vốn đối ứng qua các năm để triển khai thực hiện dự án hiệu quả, tuân thủ quy định của Nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau gửi Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh (b/c, VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: TC; YT (VIC);
- KGVX (AD35.6-VIC);
- Lưu: VT,



Trần Hồng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3917/UBND-KGVX

Cà Mau, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v vốn đối ứng thực hiện Dự án  
RAI2E giai đoạn 2021 - 2023

**KHẨN**

Kính gửi: Sở Y tế

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 119/TTr-SYT ngày 11/6/2020 của Sở Y tế về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án RAI2E giai đoạn 2021 - 2023 và nội dung tham mưu, đề xuất của Sở Tài chính, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

Việc tiếp nhận Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2021 - 2023” đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương tại Công văn số 1347/UBND-KGVX ngày 02/3/2020. Do đó, để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định trình Bộ Y tế, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án giai đoạn 2021 - 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tiếp nhận và bố trí kinh phí đối ứng với tổng dự toán dự kiến là 1.147.440.494 đồng để tiếp tục thực hiện Dự án. Đối với khoản kinh phí đối ứng giai đoạn 2021 - 2023, đề nghị Sở Y tế hàng năm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn lập dự toán; đồng thời tổng hợp dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT UBND tỉnh (b/c, VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Sở Tài chính (VIC);
- KGVX (AD32.6-VIC);
- Lưu: VT, M.A282/6.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 912 /UBND-KGVX  
V/v đồng ý tiếp nhận Dự án  
Sáng kiến khu vực ngăn chặn  
và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin 2021 - 2023.

Kiên Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

Giai đoạn 2018 - 2019, Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2018 - 2020” đã hỗ trợ cho tỉnh Kiên Giang các trang thiết bị và vật tư phục vụ cho công tác phòng, chống bệnh sốt rét, góp phần phòng, chống và loại trừ sốt rét tại địa phương, số ca mắc và tử vong do bệnh sốt rét giảm rõ rệt.

Căn cứ Công văn số 587/VSR-KH ngày 01/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021 - 2023;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đồng ý tiếp nhận thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023” và cam kết bố trí vốn đối ứng với tổng kinh phí dự kiến là: 703.670.976 đồng (bảy trăm lẻ ba triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, chín trăm bảy mươi sáu đồng). Đồng thời, sẽ chỉ đạo Sở Y tế, các đơn vị, địa phương thụ hưởng Dự án chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện các hoạt động có hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước cũng như của nhà tài trợ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương chấp thuận cho tỉnh Kiên Giang tiếp nhận và triển khai Dự án trên. /./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BQL. DA RAI2E TW;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, pthtran.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

CỤC QUÂN Y  
DỰ ÁN SÁNG KIẾN KHU VỰC  
NGĂN CHẶN VÀ LOẠI TRỪ  
SỐT RÉT KHÁNG THUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Số: 1229 / QY-RAI2E  
V/v tiếp nhận, cam kết thực hiện  
Dự án PCSR do Quỹ Toàn cầu  
tài trợ giai đoạn 2021-2023

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án "Sáng kiến Khu vực Ngăn chặn và Loại trừ  
Sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020" Trung ương.

Thực hiện công văn số: 158/VSR-RAI2E ngày 11 tháng 2 năm 2020 của Viện  
Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận và cam kết thực  
hiện Dự án PCSR do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023. Ban quản lý Dự  
án "Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và Loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai  
đoạn 2018-2020" Cục Quân y có ý kiến như sau:

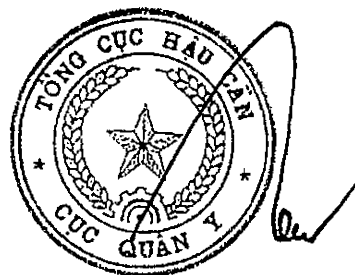
Đồng ý tiếp nhận Dự án PCSR do Quỹ Toàn cầu tài trợ giai đoạn 2021-2023  
để thực hiện trên địa bàn toàn quân. Ban Quản lý Dự Án PCSR/Cục Quân y cam  
kết thực hiện đúng các quy định Dự án; chỉ đạo các đơn vị quân đội được tham  
gia Dự án tổ chức thực hiện có hiệu quả Dự án nói trên.

Đề nghị Ban Quản lý Dự án Trung ương chấp thuận./.

*Nơi nhận:*

- BQLDA Trung ương;
- Ban Tài chính;
- Lưu: VT, VSPD. Van05.

TM. BAN QUẢN LÝ  
TRƯỞNG BAN



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
Đại tá Nguyễn Hữu Mỹ

BỘ Y TẾ  
VIỆN SÓT RÉT-KST-CT  
QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364/VSR-KHTH

Bình Định, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v xin kinh phí vốn đối ứng Dự án RAI.

Kính gửi: Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Y tế.

Thực hiện công văn số 638/VSR-KH ngày 04/6/2020 của Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin (RAI) giai đoạn 2021-2023”.

Căn cứ hướng dẫn Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Để có cơ sở đề nghị Chính phủ phê duyệt Văn kiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”, Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn dự kiến cam kết góp vốn đối ứng thực hiện dự án trong 3 năm (2021-2023) là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

Kinh phí này bao gồm chi trả phụ cấp cho cán bộ Ban QLDA RAI Viện, chi phí hoạt động văn phòng, điện, nước, internet..., trong đó:

Năm 2021: 300.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Năm 2022: 300.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

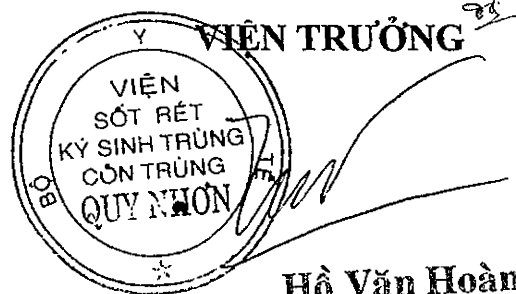
Năm 2023: 300.00.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn kính mong Vụ Kế hoạch-Tài chính trình Bộ Y tế bố trí số kinh phí trên vào nguồn chi thường xuyên hàng năm của Viện trong 03 năm (2021-2023) để đơn vị có kinh phí đóng góp vốn đối ứng theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện Sốt rét-KST-CT TW; -
- Lưu: VT, KHTH, TCKT.



Hồ Văn Hoàng

C 2 JUL 2023

RECEIVED

BỘ Y TẾ  
VIỆN Sốt RÉT-KST-CT  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 14 /VSR-TCKT  
V/v cam kết bố trí vốn đối ứng

Tp. HCM, ngày 24 tháng 06 năm 2020

Kính gửi: Bộ Y tế

14/6/2020  
B. X.º, CB. DA.  
Duy 2/7/2020

Căn cứ vào Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ vào công văn số 638/VSR-KH ngày 04/6/2020 của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”.


Để làm cơ sở cho việc phê duyệt chủ trương đầu tư của Chính phủ và phê duyệt Văn kiện dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2021-2023”, Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng TP. Hồ Chí Minh cam kết góp vốn đối ứng thực hiện dự án trong 3 năm (2021-2023) là 686.500.000 đồng gồm chi trả phụ cấp cho các cán bộ và chi phí hoạt động văn phòng của Ban QLDA của Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng TP. Hồ Chí Minh, cụ thể:

Năm 2021: 229.500.000 đồng

Năm 2022: 229.000.000 đồng

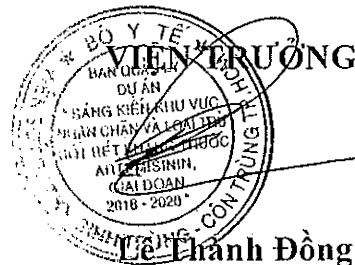
Năm 2023: 228.000.000 đồng

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Tp. Hồ Chí Minh kính trình Bộ Y tế có văn bản đồng ý cam kết bố trí nguồn vốn đối ứng theo quy định về sử dụng ngân sách để thực hiện Dự án.

Trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TC-KT, VT.





BỘ Y TẾ  
VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG  
CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70 /VSR-RAI

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực hiện  
Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng  
thuốc Artemisinin, giai đoạn 2021 - 2023.

Kính gửi: Ban Quản lý Dự án “Sáng kiến Khu vực Ngăn chặn và Loại trừ  
sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020” Trung ương.

Thực hiện công văn số 120/RAI2E-KH ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ban  
Quản lý Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin giai đoạn 2018 - 2020 về việc tiếp nhận, cam kết vốn đối ứng và thực  
hiện Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn  
2021 - 2023 do Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ, Viện Sốt  
rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương có ý kiến như sau:

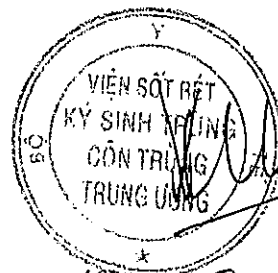
1. Đồng ý tiếp nhận Dự án phòng chống sốt rét Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS,  
Lao và Sốt rét tài trợ giai đoạn 2021-2023 và cam kết thực hiện đúng các quy  
định của Dự án.
2. Bố trí vốn đối ứng hàng năm cho Ban Quản lý Dự án RAI3E từ nguồn ngân sách  
Nhà nước:
  - Bằng tiền: 607.000.000 đồng/năm x 3 năm = 1.821.000.000 đồng. Viện Sốt rét -  
Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã đưa và Kế hoạch ngân sách năm 2021  
- 2023 trình Bộ Y tế phê duyệt.
  - Bằng hiện vật: 05 phòng làm việc và phòng họp hiện nay Ban Quản lý Dự án  
RAI2E đang sử dụng; Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị văn phòng, trang thiết bị  
PCCC, hệ thống điện, nước, vệ sinh, nhà để xe nhân viên.

Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương xin báo cáo để Ban  
Quản lý Dự án “Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
Artemisinin, giai đoạn 2018-2020” Trung ương tổng hợp.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BQLRAI Viện.



Nguyễn Quang Chiếu

## **PHỤ LỤC 5: CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**THƯ CỦA QUỸ TOÀN CẦU PHÊ DUYỆT TÀI TRỢ DỰ ÁN GIAI ĐOẠN  
2021-2023**

**THỎA THUẬN BỔ SUNG KÝ CAM KẾT 3 BÊN TRONG TRIỂN KHAI  
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**CÔNG VĂN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT CHỦ  
TRƯỞNG THAM GIA DỰ ÁN**

Subject: **2020-2022 ALLOCATION LETTER**<sup>1</sup>

Geneva, 17 December 2019

Dear Chair of the Regional Steering Committee (RSC),  
Dear Chair of the Cambodia CCC,  
Dear Chair of the Lao CCM,  
Dear Chair of the Myanmar Communicable Diseases Executive Working Group,  
Dear Chair of the Thailand CCM,  
Dear Chair of the Viet Nam CCM,

For the past 17 years the Global Fund has worked with partners around the world to fight AIDS, tuberculosis and malaria and strengthen health systems. Together, we can recognize and applaud the massive progress made, and we can share collective determination to accelerate efforts to end these epidemics and ensure better health and wellbeing for all by 2030. We know it is within reach, but with 11 years left, we have no time to waste. We must step up the fight, through increased innovation and collaboration and improved execution to address some of the major challenges.

It is essential that we focus on reducing incidence and scaling-up effective prevention efforts, invest in strengthening both health and community systems, prioritize our investments with key and vulnerable populations, and ensure we tackle human rights-related barriers to health and gender inequalities. We also need to ensure sustainability of the success we achieve, including working together to mobilize increased national resources for health. The Technical Review Panel (TRP) that assesses funding requests to the Global Fund has underlined these areas in depth in its Observations Report<sup>2</sup> and these focus areas are consistent with updated Global Fund guidance, available in Information Notes and Technical Briefs<sup>3</sup>. We encourage you and all those involved in the preparation of the funding request to read these carefully.

### **Regional Artemisinin Resistance Initiative allocation**

Based on the Global Fund Board's decision in November 2019 on the funding available for the 2020-2022 allocation period, the **Regional Artemisinin Resistance Initiative (RAI) has been allocated US\$230,545,184** to fight malaria in the Greater Mekong sub-region (GMS) including **Cambodia, Lao People's Democratic Republic (PDR), Viet Nam, Myanmar and Thailand**. The allocation amount is comprised of US\$110,545,184 from national allocations and US\$120,000,000 from multi-country catalytic funding. The allocation amounts for all countries have been determined according to a methodology approved by the Global Fund Board, primarily based on disease burden and income level<sup>4</sup>. The allocation for RAI represents the full amount of malaria investment of the Global Fund in this sub-region.

---

<sup>1</sup> This letter includes annexes and links, which should be read together and in-full.

<sup>2</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/technical-review-panel/reports/>

<sup>3</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/funding-model/applying/resources/>. Each of the four Core Information Notes include a short executive summary.

<sup>4</sup> Determined from gross national income (GNI) per capita using the World Bank income group thresholds for 2019.

**Table 1: Summary of allocation, including national allocation and multicountry catalytic funding portion:**

	<b>National allocation (US\$)</b>	<b>Catalytic Funding (US\$)</b>	<b>Total (US\$)</b>	<b>Allocation Utilization Period</b>
Cambodia	<b>25,026,215</b>	15,000,000	40,026,215	1 January 2021 to 31 December 2023
Lao PDR	<b>7,241,081</b>	5,000,000	12,241,081	
Myanmar	<b>50,119,602</b>	40,000,000	90,119,602	
Thailand	<b>11,978,184</b>	10,000,000	21,978,184	
Viet Nam	<b>16,180,102</b>	15,000,000	31,180,102	
Regional		35,000,000	35,000,000	
<b>Total</b>	<b>110,545,184</b>	<b>120,000,000</b>	<b>230,545,184</b>	

**Application approach.** RAI is requested to submit its application for funding using the Full Review funding request. A complete set of application materials will be shared by the Global Fund country team. All funding requests are required to be developed through inclusive and transparent country dialogue with a broad range of stakeholders including key and vulnerable populations.

**Timing.** The allocation agreed for each disease component can be used during the relevant allocation utilization period indicated in Table 1 (above). Any remaining funds from a previous allocation, unused by the start of the indicated allocation utilization period, will not be additional to the allocation amount<sup>5</sup>.

**Implementation.** The Global Fund recognizes the value of efficient implementation and encourages all countries to explore opportunities to streamline and consolidate implementation arrangements for the coming allocation period.

**Aims of allocation.** The funding request submitted to the Global Fund should be aligned with prioritized country needs and guided by relevant National Strategic Plans and program reviews. In addition, the Global Fund would like to take this opportunity to share the following for your consideration during the development of the funding request:

- The Global Fund acknowledges that countries' access to and where necessary, swift replacement of, malaria treatment regimens is critical for effective program implementation and malaria elimination. Therefore, the Global Fund expects that the RSC, Principal Recipient, Co-PRs/national malaria programs and Ministries of Health will work collaboratively to put in place an effective mechanism for rapid importation of medicines into the countries. The mechanism shall enable the malaria programs or other relevant stakeholders to rapidly import quality assured antimalarial medicines, where relevant with generic packaging, into the country. There must be a specific focus on the importation of Artesunate-Pyronaridin or Artesunate-Mefloquine combinations with generic packaging into Vietnam.
- Within Global Fund supported grants, Civil Society Organizations (CSOs) are a critical part of implementation and representation. Under RAI and RAI2E, CSOs have been successfully working with governments to complement the public sector and contribute towards achieving program targets. In particular, CSOs have demonstrated great benefit and value in supporting the public sector by delivering services in hotspots and hard-to-

<sup>5</sup> Any extension of an existing grant will be deducted from the subsequent allocation utilization period, both in terms of time and funds used during the extension period.



reach areas and communities. The Global Fund, therefore, strongly supports CSOs to maintain services where they have shown a comparative advantage and encourage selective identification of CSOs that have a proven record of success in meeting targets. The Global Fund strongly recommends, based on its desire to promote data driven decision making, that the RSC and CCMs ensure that no less than 40-50% of overall funding and country allocations across the GMS are allocated to CSOs so they continue targeting populations that are most vulnerable to malaria transmission. This will represent enhanced cooperation of national programs and CSOs towards malaria elimination and in line with transition sustainability.

- To ensure value for money and to promote efficient and sustainable health systems including community system strengthening, the Global Fund strongly recommends that integration of first-line community workers encompassing Village Malaria Workers be a priority during the 2020-2022 allocation period. This will facilitate moving away from vertical, disease-focused health workers, to an integrated community health worker who can provide a broader scope of service.

**Importance of investments in health and community systems.** The Global Fund encourages applicants to invest in strengthening health and community systems as these are essential to accelerate progress towards ending the epidemics. The Global Fund welcomes i) initiatives to introduce and strengthen integrated care from a patient perspective (including addressing co-infections or providing coherent care packages such as integrated ante-natal services), as well as ii) investments in underlying system capacities necessary to achieve impact and sustainability (including labs, supply chains, data systems, community-based monitoring, community mobilization, advocacy and organizational development, and human resources for health at the community and facility level). To achieve greater value for money and effectiveness, the Global Fund encourages applicants to explore opportunities for integration across the three diseases and within broader systems for health wherever possible. Tracking improvements in results requires robust measurement and the Global Fund anticipates that applicants will invest appropriately to strengthen data collection and use. More guidance is available in the RSSH Information Note and Community Systems Strengthening technical brief on the Global Fund website<sup>6</sup>.

**Importance of investments in human rights and gender.** Removing human rights and gender-related barriers in access to services is critical to ending the epidemics. When unaddressed these barriers undermine effective and impactful responses and limit sustainable progress. Detailed guidance on effective investments in programs and approaches that address human rights and gender-related barriers, including key interventions for incorporation into funding requests, can be found in the technical briefs on the Global Fund website<sup>7</sup>.

**Importance of increasing domestic resources.** Increasing domestic resources for health, and specifically for HIV, tuberculosis and malaria, is essential to end the epidemics and strengthen the health systems that are the foundation of the disease response. This is particularly important for Cambodia, Lao PDR, Myanmar, Thailand and Viet Nam given the reduction in Global Fund allocation funding for malaria and potential for future reductions. Accessing the 2020-2022 allocation is dependent on meeting the Global Fund's co-financing requirements. All countries are expected to i) progressively increase overall health spending in accordance with recognized international declarations and national strategies and ii) progressively take on key program costs, including those currently financed by the Global Fund. In addition, a percentage of RAI's allocation is a co-financing incentive, accessible only when RAI makes and realizes additional

---

<sup>6</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/funding-model/applying/resources/>

<sup>7</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/funding-model/applying/resources/>

domestic commitments targeted as per the requirements of the Sustainability, Transition, and Co-Financing (STC) policy<sup>8</sup>. Further details about co-financing requirements and the co-financing incentive are included in Annex A.

**Recoveries.** Verification of expenditures under prior or existing Global Fund grants, including through audits and investigations by the Global Fund’s Office of the Inspector General, or by or on behalf of the Global Fund Secretariat, may have resulted or may result in current or former Principal Recipients (and/or the Co-PRs) having to refund amounts to the Global Fund. Access to the full allocation amount will be conditional on relevant Principal Recipients’ (and/or the Co-PRs’) actions towards repayment. The Global Fund will work with CCMs, the Principal Recipients and the Co-PRs to explore all possibilities for repayment. If satisfactory actions towards repayment are not completed, the Global Fund can apply remedial action, including a reduction of funding of twice the outstanding recoverable amount from the allocation amount. The Global Fund considers that there is an outstanding recoverable amount of US\$79,724 as of 30 September 2019: (a) US\$ 13,328 relates to unrecovered taxes for UNOPS and discussions are in place for their recovery; and (b) US\$ 66,396 relates to unrecovered taxes for the Thailand Co-PR which is expected to respond to this issue by 31 December 2019.

<b>Opportunities for funding beyond the allocation amount</b>
---

**Unfunded quality demand.** The Global Fund requests that all applicants develop a Prioritized Above Allocation Request (PAAR) and submit this along with the allocation funding request. Interventions from the PAAR that the TRP considers quality demand will be listed on the Register of Unfunded Quality Demand (UQD). In the 2017-2019 allocation period, over US\$1.2 billion of unfunded quality demand was funded, through savings and efficiencies identified in grant-making and/or implementation, portfolio optimization, private sector investments and Debt2Health debt swaps. Submitting a robust PAAR is an essential step to accessing funding beyond the allocation amount.

I thank you for your efforts in the global fight against malaria.

Sincerely



Mark Eldon-Edington  
Division Head, Grant Management

---

<sup>8</sup> [https://www.theglobalfund.org/media/4221/bm35\\_04-sustainabilitytransitionandcofinancing\\_policy\\_en.pdf](https://www.theglobalfund.org/media/4221/bm35_04-sustainabilitytransitionandcofinancing_policy_en.pdf)

## Annex A: Supplementary information for Regional Artemisinin Resistance Initiative

**Currency.** The allocation for RAI is denominated in US dollar. If you would like to change currency to better match your country's financial and monetary context, notify your Fund Portfolio Manager by 15 February 2020. Global Fund allocations can only be denominated in US dollar or euro.

**Value for money procurement.** To maximize the impact of allocations, the Global Fund will not finance commodities purchased at a price higher than the reference price for such commodities, where one exists. Please consult the Global Fund website for a consolidated reference price list<sup>9</sup>. The reference price is set based on the globally negotiated price for specific health and non-health products either via the Pooled Procurement Mechanism (e.g. through wambo.org) or through partner platforms such as Stop TB Partnership's Global Drug Facility. If the outcomes of a procurement process for products meeting the relevant clinical and quality standards result in selecting a supplier of commodities with a price higher than the relevant reference price – taking the Total Cost of Ownership into consideration– national or other resources must be used to pay the difference. Refer to the Budgeting Guidelines<sup>10</sup> for more details.

**Catalytic Funding.** The multi-country catalytic funding portion in each country will be performance based. In line with the Global Fund's portfolio optimization initiative, at the end of each year the RSC will review the absorption rate of each country and upon discussion with the Secretariat, the RSC will have the mandate to reallocate funding across countries, or to the regional component.

### Strengthening sustainability and impact of investments

To strengthen the overall impact and sustainability of Global Fund investments, the Global Fund has two different requirements. "Application focus requirements" outline how countries should invest Global Fund financing and "co-financing requirements" outline how countries should invest domestic commitments made in the context of Global Fund grants. These requirements differ based on a country's income classification.

#### **Application focus requirements: 50%**

As the MSR is predominantly classified as lower lower-middle-income, at least 50% of your funding request for disease-specific interventions should be designated for key and vulnerable populations and/or highest impact interventions within the defined epidemiological context. Funding requests must include, as appropriate, interventions that respond to human rights and gender related barriers and vulnerabilities in access to services.

#### **Co-financing incentive requirements for the 2020-2022 allocation:**

Total amount of 2020-2022 malaria allocations subject to additional co-financing investments in disease programs and/or RSSH as described below:

- Cambodia co-financing investment equaling **US\$5,005,243**. Minimum amount of additional co-financing investments Cambodia has to make in order to access full co-financing incentive: **US\$5,005,243**.
- Lao PDR co-financing investment equaling **US\$1,448,216**. Minimum amount of additional co-financing investments Lao PDR has to make in order to access full co-financing incentive: **US\$1,448,216**.

<sup>9</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/sourcing-management/health-products/>

<sup>10</sup> <https://www.theglobalfund.org/en/documents-by-type/implementers/>

- Myanmar co-financing investment equaling **US\$10,023,920**. Minimum amount of additional co-financing investments Myanmar has to make in order to access full co-financing incentive: **US\$10,023,920**.
- Thailand co-financing investment equaling **US\$2,395,637**. Minimum amount of additional co-financing investments Thailand has to make in order to access full co-financing incentive: **US\$2,395,637**.
- Viet Nam co-financing investment, equaling **US\$2,427,015**. Minimum amount of additional co-financing investments Viet Nam has to make in order to access full co-financing incentive: **US\$2,427,015**.

The minimum amount of additional domestic commitments must be in addition to the domestic investments made in the implementation period of the previous allocation cycle<sup>11</sup>.

As the MSR is predominantly classified as lower lower-middle-income, at least 50% of the additional co-financing investments required to access the co-financing incentive must be invested in disease program interventions.

Commitments to access the co-financing incentive should indicate specific activities to be financed and how realization of commitments will be verified and reported to the Global Fund. Regional Artemisinin Resistance Initiative should provide confirmation of co-financing commitments and evidence of realization of those commitments from appropriate government authorities, including the Ministry of Finance or other relevant bodies.

Within the framework of the future co-financing commitments for the implementation period of the 2020-2022 funding cycle, the Global Fund proposes that the plans for financing by governments of RAI constituent countries to progressively absorb recurrent costs of the malaria response in respective countries is a key focus of the country dialogue and the funding request: One specific area is the gradual absorption of cost for Village Malaria Workers. Strategically, as countries move towards elimination, vertical programs which include malaria-specific community and village workers, will become less efficient and countries may benefit from increased integration of services. The Global Fund sees this as a strategic opportunity and will be a further key focus of the country dialogue and funding request.

#### **Previous co-financing and domestic commitments for the 2017-2019 allocation:**

Failure to realize previous co-financing commitments from the 2017-2019 allocation may result in the Global Fund reducing funds from existing grants and/or reducing the 2020-2022 allocation. Regional Artemisinin Resistance Initiative should submit evidence of the realization of previous commitments when submitting the funding request.

**Table 2: RAI domestic commitments for 2017-2019 allocation**

Country	Currency	2018	2019	2020
Cambodia	US\$	6.19 M	6.85 M	7.58 M
Lao PDR <sup>12</sup>		2.83 M	2.10 M	1.79 M
Myanmar		9.27 M	11.12 M	13.35 M
Thailand		66.18 M	65.12 M	64.24 M
Viet Nam		19.74 M	21.47 M	23.86 M

Source: Documents submitted as part of 2017-2019 access to funding process.

<sup>11</sup> Commitments of additional co-financing investments must be made to the relevant disease programs and/or related RSSH over the implementation period of the grant, as per the requirements in the STC policy.

<sup>12</sup> Domestic commitments include staff and operational costs of CMPE and malaria specific provincial program structures, as well as program investments for malaria committed vide letter from Ministry of Health (Ref. No. 1078/MOH, dated 29 Aug 2017)



## BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT

### Chủ đề: **2020-2022 THU' PHÂN BỔ KINH PHÍ**

Geneva, 17 December 2019

Kính gửi: - Chủ tịch Ban Điều hành Khu vực (RSC),  
- Chủ tịch CCC Campuchia,  
- Chủ tịch CCM Lào,  
- Chủ tịch Ban Điều hành Các bệnh Truyền nhiễm Myanmar,  
- Chủ tịch CCM Thái Lan,  
- Chủ tịch CCM Việt Nam,

Trong 17 năm qua, Quỹ Toàn cầu đã làm việc với các đối tác trên khắp thế giới để phòng chống bệnh AIDS, Lao và Sốt rét và củng cố hệ thống y tế. Chúng ta có thể ghi nhận và hoan nghênh những tiến bộ to lớn đã đạt được và chia sẻ quyết tâm chung để đẩy nhanh nỗ lực loại trừ những dịch bệnh này, đảm bảo sức khỏe và hạnh phúc tốt hơn cho tất cả mọi người vào năm 2030. Chúng ta biết điều đó là trong tầm tay, nhưng với 11 năm còn lại, chúng ta không có thời gian để lãng phí. Chúng ta phải đẩy mạnh cuộc chiến, thông qua việc tăng cường đổi mới và hợp tác cũng như cải thiện việc thực hiện để giải quyết một số thách thức lớn.

Điều cần thiết là chúng ta phải tập trung vào việc giảm tỷ lệ mắc bệnh và nhân rộng các nỗ lực phòng ngừa hiệu quả, đầu tư vào việc tăng cường cả hệ thống y tế và cộng đồng, ưu tiên đầu tư cho các nhóm dân cư chính và dễ bị tổn thương, đảm bảo giải quyết các rào cản liên quan đến quyền con người đối với sức khỏe và bất bình đẳng giới. Chúng ta cũng cần đảm bảo tính bền vững của những thành tựu đã đạt được, bao gồm cả việc cùng nhau huy động các nguồn lực trong nước dành cho y tế. Ban Đánh giá Kỹ thuật (TRP) đánh giá các yêu cầu xin Quỹ Toàn cầu tài trợ đã nhấn mạnh các lĩnh vực này một cách sâu sắc trong Báo cáo quan sát của mình và các lĩnh vực trọng tâm này phù hợp với hướng dẫn cập nhật của Quỹ Toàn cầu, có trong Ghi chú Thông tin và Tóm tắt đánh giá kỹ thuật. Quỹ Toàn cầu khuyến khích tất cả những người có liên quan đến việc chuẩn bị bản yêu cầu tài trợ cần đọc kỹ.

### **Phân bổ kinh phí cho Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin**

Dựa trên quyết định của Ủy ban Quỹ Toàn cầu vào tháng 11 năm 2019 về nguồn vốn có sẵn cho giai đoạn 2020-2022, Dự án Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin (RAI) đã được phân bổ 230.545.184 đô la Mỹ để phòng chống

và loại trừ bệnh sốt rét ở khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) bao gồm Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Việt Nam, Myanmar và Thái Lan. Số tiền phân bổ bao gồm 110.545.184 đô la Mỹ từ phân bổ quốc gia và 120.000.000 đô la Mỹ từ nguồn tài trợ xúc tác đa quốc gia. Số tiền phân bổ cho tất cả các quốc gia đã được xác định theo một phương pháp luận được Ủy Ban Quỹ Toàn cầu phê duyệt, chủ yếu dựa trên gánh nặng bệnh tật và mức thu nhập. Phân bổ cho RAI thể hiện toàn bộ số tiền đầu tư cho bệnh sốt rét của Quỹ Toàn cầu tại khu vực này.

**Bảng 1: Tóm tắt phân bổ quốc gia và phần tài trợ xúc tác đa quốc gia:**

	<b>Phân bổ cho quốc gia (US\$)</b>	<b>Kinh phí xúc tác đa quốc gia (US\$)</b>	<b>Tổng cộng (US\$)</b>	<b>Giai đoạn sử dụng</b>
Cambodia	<b>25,026,215</b>	15,000,000	40,026,215	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2023
Lao PDR	<b>7,241,081</b>	5,000,000	12,241,081	
Myanmar	<b>50,119,602</b>	40,000,000	90,119,602	
Thailand	<b>11,978,184</b>	10,000,000	21,978,184	
Viet Nam	<b>16,180,102</b>	15,000,000	31,180,102	
Khu vực		35,000,000	35,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>110,545,184</b>	<b>120,000,000</b>	<b>230,545,184</b>	

**Cách tiếp cận.** RAI được yêu cầu gửi đơn xin tài trợ. Một bộ tài liệu xin tài trợ hoàn chỉnh sẽ được gửi cho Quỹ Toàn cầu. Tất cả các đề xuất yêu cầu xin tài trợ phải được xây dựng thông qua đối thoại quốc gia toàn diện và minh bạch với sự tham gia của các bên liên quan bao gồm các nhóm dân cư chính và dễ bị tổn thương.

**Thời gian.** Việc phân bổ đã thống nhất cho từng thành phần bệnh có thể được sử dụng trong thời gian đã xác định trong Bảng 1 (ở trên). Mọi khoản tiền còn lại từ lần phân bổ trước, chưa được sử dụng trước khi bắt đầu giai đoạn phân bổ mới, sẽ không được bổ sung vào số tiền phân bổ cho giai đoạn này.

**Thực hiện.** Quỹ Toàn cầu nhận biết giá trị của việc thực hiện hiệu quả và khuyến khích tất cả các quốc gia tìm hiểu các cơ hội để hợp lý hóa và củng cố các cơ chế thực hiện cho giai đoạn phân bổ sắp tới.

**Mục tiêu phân bổ.** Đề xuất yêu cầu xin tài trợ được đệ trình cho Quỹ Toàn cầu phải phù hợp với nhu cầu của quốc gia được ưu tiên và phù hợp với Kế hoạch Chiến lược Quốc gia có liên quan và đánh giá chương trình. Ngoài ra, Quỹ Toàn cầu muốn nhân cơ hội này chia sẻ những điều sau để cân nhắc trong quá trình xây dựng đề xuất yêu cầu tài trợ:

- Quỹ Toàn cầu thừa nhận rằng việc các quốc gia tiếp cận và khi cần thiết, nhanh chóng thay thế các phác đồ điều trị bệnh sốt rét là rất quan trọng để thực hiện hiệu quả chương trình và loại trừ bệnh sốt rét. Do đó, Quỹ Toàn cầu mong rằng ban Điều hành khu vực RSC, Đơn vị tiếp nhận chính, và Đơn vị đồng nhận viện trợ / các

chương trình sốt rét quốc gia và Bộ Y tế sẽ phối hợp làm việc để đưa ra một cơ chế hiệu quả để nhập khẩu nhanh thuốc. Cơ chế này sẽ cho phép các chương trình sốt rét hoặc các bên liên quan khác nhanh chóng nhập khẩu các loại thuốc sốt rét đảm bảo chất lượng, có bao bì chung. Cần tập trung cụ thể vào việc nhập khẩu các thuốc phối hợp Artesunate-Pyronaridin hoặc Artesunate-Mefloquine có bao bì chung vào Việt Nam.

- Trong các khoản tài trợ được Quỹ Toàn cầu hỗ trợ, các Tổ chức Xã hội Dân sự (CSO) là một phần quan trọng trong việc thực hiện và đại diện. Theo RAI và RAI2E, các CSO đã làm việc thành công với các chính phủ để bổ sung cho khu vực công và góp phần đạt được các mục tiêu của chương trình. Đặc biệt, các tổ chức xã hội dân sự đã chứng tỏ lợi ích và giá trị to lớn trong việc hỗ trợ khu vực công bằng cách cung cấp các dịch vụ tại các điểm nóng và các khu vực và cộng đồng khó tiếp cận. Do đó, Quỹ Toàn cầu hỗ trợ mạnh mẽ các CSO để duy trì các dịch vụ mà họ đã thể hiện được lợi thế và khuyến khích xác định có chọn lọc các CSO có thành tích đã được chứng minh về thành công trong việc đạt được các mục tiêu. Quỹ Toàn cầu đặc biệt khuyến nghị, dựa trên mong muốn thúc đẩy việc ra quyết định dựa trên số liệu, RSC và CCMs đảm bảo rằng không ít hơn 40-50% tổng kinh phí và phân bổ quốc gia trong GMS được phân bổ cho các CSO để họ tiếp tục nhắm mục tiêu đến các nhóm dân cư dễ bị lây truyền bệnh sốt rét nhất. Điều này sẽ thể hiện sự tăng cường hợp tác của các chương trình quốc gia và CSO nhằm loại trừ bệnh sốt rét và phù hợp với tính bền vững của quá trình chuyển đổi.
- Để đảm bảo giá trị đồng tiền và thúc đẩy các hệ thống y tế hoạt động hiệu quả và bền vững bao gồm tăng cường hệ thống cộng đồng, Quỹ Toàn cầu khuyến nghị ưu tiên việc lồng ghép các nhân viên cộng đồng tuyển đầu với nhân viên y tế thôn bản làm công tác trong giai đoạn 2020-2022. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển từ nhân viên y tế theo ngành dọc, tập trung vào bệnh tật, sang nhân viên y tế cộng đồng hòa nhập, người có thể cung cấp phạm vi dịch vụ rộng hơn.
- **Tầm quan trọng của đầu tư vào hệ thống y tế và cộng đồng.** Quỹ Toàn cầu khuyến khích người nộp đơn đầu tư vào việc tăng cường hệ thống y tế và cộng đồng vì đây là những yếu tố cần thiết để đẩy nhanh tiến độ loại trừ dịch bệnh. Quỹ Toàn cầu hoan nghênh i) các sáng kiến nhằm giới thiệu và tăng cường chăm sóc tổng hợp từ góc độ bệnh nhân (bao gồm giải quyết các bệnh đồng nhiễm hoặc cung cấp các gói chăm sóc nhất quán), cũng như ii) đầu tư vào năng lực hệ thống cơ bản cần thiết để đạt được tác động và tính bền vững (bao gồm các phòng thí nghiệm, chuỗi cung ứng, hệ thống dữ liệu, giám sát dựa vào cộng đồng, huy động cộng đồng, vận động và phát triển tổ chức, và nguồn nhân lực y tế ở cấp cộng đồng và cơ sở). Để đạt được giá trị đồng tiền và hiệu quả cao hơn, Quỹ Toàn cầu khuyến khích người nộp đơn khám phá các cơ hội để kết nối giữa ba bệnh và trong các hệ thống rộng hơn về sức khỏe ở bất cứ nơi nào có thể. Có thêm hướng dẫn trong Ghi chú Thông tin RSSH và Tóm tắt đánh giá kỹ thuật Tăng cường Hệ thống Cộng đồng trên trang web của Quỹ Toàn cầu.

**Tầm quan trọng của đầu tư vào quyền con người và giới.** Việc loại bỏ các rào cản về quyền con người và liên quan đến giới trong tiếp cận dịch vụ là rất quan trọng để loại trừ dịch bệnh. Khi không giải quyết được những rào cản này sẽ làm suy yếu các phản ứng hiệu quả và có tác động và hạn chế tiến bộ bền vững. Hướng dẫn chi tiết về đầu tư hiệu quả vào các chương trình và phương pháp tiếp cận giải quyết các rào cản liên quan đến quyền con người và giới, bao gồm các biện pháp can thiệp chính để đưa vào các đề xuất yêu cầu tài trợ, có thể tìm thấy trong bản tóm tắt kỹ thuật trên trang web của Quỹ Toàn cầu.

- Tầm quan trọng của việc tăng nguồn lực trong nước. Tăng cường nguồn lực trong nước cho y tế, đặc biệt cho HIV, lao và sốt rét, là điều cần thiết để loại trừ dịch bệnh và củng cố hệ thống y tế vốn là nền tảng của ứng phó với dịch bệnh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với Campuchia, CHDCND Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam do việc giảm kinh phí phân bổ của Quỹ Toàn cầu cho bệnh sốt rét và có khả năng cắt giảm trong tương lai. Việc tiếp cận nguồn kinh phí phân bổ cho giai đoạn 2020-2022 phụ thuộc vào việc đáp ứng các yêu cầu đồng tài trợ của Quỹ Toàn cầu. Tất cả các quốc gia dự kiến sẽ i) tăng dần chi tiêu cho y tế tổng thể phù hợp với các tuyên bố quốc tế và chiến lược quốc gia đã được công nhận và ii) từng bước đảm nhận các chi phí chương trình quan trọng, bao gồm cả những chi phí hiện do Quỹ Toàn cầu tài trợ. Ngoài ra, phần trăm phân bổ của RAI là một động lực đồng tài trợ, chỉ có thể tiếp cận khi RAI thực hiện các cam kết trong nước bổ sung với mục tiêu yêu cầu của chính sách Bền vững, Chuyển tiếp và Đồng tài trợ.
- **Thu hồi.** Việc xác minh các khoản chi theo các khoản tài trợ của Quỹ Toàn cầu trước đây hoặc hiện có, bao gồm thông qua các cuộc kiểm tra và điều tra của Văn phòng Tổng thanh tra của Quỹ Toàn cầu, hoặc thay mặt Ban Thư ký Quỹ Toàn cầu, có thể dẫn đến Đơn vị nhận viện trợ chính hiện tại hoặc trước đây (hoặc Đồng nhận viện trợ (PR hoặc Co-PRs) phải hoàn trả số tiền cho Quỹ toàn cầu. Việc tiếp cận với số tiền phân bổ đầy đủ sẽ có điều kiện đối với các hành động của Người nhận viện trợ chính về việc hoàn trả. Quỹ Toàn cầu sẽ làm việc với CCM, Người nhận viện trợ chính và Đơn vị đồng nhận viện trợ để tìm hiểu mọi khả năng hoàn trả. Nếu hoàn trả không được hoàn thành, Quỹ Toàn cầu có thể áp dụng các biện pháp khắc phục, bao gồm giảm tài trợ hai lần số tiền còn nợ có thể thu hồi được từ số tiền phân bổ. Quỹ Toàn cầu cho rằng có số tiền còn nợ có thể thu hồi là 79.724 đô la Mỹ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2019: (a) 13.328 đô la Mỹ liên quan đến các khoản thuế chưa được hoàn trả cho UNOPS và các cuộc thảo luận đang diễn ra để thu hồi; và (b) 66.396 đô la Mỹ liên quan đến các khoản thuế chưa hoàn trả của Đơn vị nhận viện trợ chính Thái Lan (PR Thái Lan), dự kiến sẽ phản hồi vấn đề này trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **Cơ hội tài trợ vượt quá số tiền phân bổ**

**Nhu cầu chất lượng chưa được phân bổ kinh phí.** Quỹ Toàn cầu yêu cầu tất cả những người nộp đơn phải xây dựng Yêu cầu phân bổ ưu tiên (PAAR) và gửi yêu cầu này cùng

với yêu cầu xin tài trợ trong khoản được phân bổ. Các can thiệp từ PAAR mà TRP coi là nhu cầu chất lượng sẽ được liệt kê trong Sổ đăng ký Nhu cầu Chất lượng Chưa được tài trợ (UQD). Trong giai đoạn phân bổ 2017-2019, hơn 1,2 tỷ đô la Mỹ cho nhu cầu chất lượng chưa được phân bổ đã được tài trợ, thông qua tiết kiệm và hiệu quả được xác định trong việc cấp và thực hiện, tối ưu hóa danh mục đầu tư, đầu tư khu vực tư nhân và hoán đổi nợ. Việc đệ trình một PAAR mạnh mẽ là một bước thiết yếu để tiếp cận nguồn tài trợ vượt quá số tiền phân bổ.

Tôi xin cảm ơn các bạn đã nỗ lực trong cuộc chiến toàn cầu chống lại bệnh sốt rét

Trân trọng

Mark Eldon-Edington (đã ký)  
Division Head, Grant Management

## **Phụ lục A: Thông tin bổ sung cho Dự án Sáng kiến Kháng thuốc Artemisinin Khu vực**

**Tiền tệ.** Phân bổ cho RAI được tính bằng đô la Mỹ. Nếu bạn muốn thay đổi đơn vị tiền tệ để phù hợp hơn với bối cảnh tài chính và tiền tệ của quốc gia mình, hãy thông báo cho Người quản lý danh mục đầu tư quỹ của bạn trước ngày 15 tháng 2 năm 2020. Chỉ có thể phân bổ Quỹ toàn cầu bằng Đô la Mỹ hoặc đồng euro.

**Giá trị tiền mua sắm.** Để tối đa hóa tác động của khoản phân bổ, Quỹ toàn cầu sẽ không tài trợ cho các hàng hóa được mua với giá cao hơn giá tham chiếu cho các hàng hóa đó, nếu có. Vui lòng tham khảo trang web Quỹ toàn cầu để biết bảng giá tham khảo. Giá tham khảo được dựa trên giá thương lượng toàn cầu cho các sản phẩm y tế và phi y tế cụ thể thông qua Cơ chế mua sắm tập hợp (ví dụ: thông qua wambo.org) hoặc thông qua các nền tảng đối tác như Cơ sở Thuốc Toàn cầu của Đối tác phòng chống Lao. Nếu kết quả của quá trình mua sắm sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn lâm sàng và chất lượng liên quan dẫn đến việc lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa có giá cao hơn giá tham chiếu - lấy Tổng chi phí để xem xét - quốc gia hoặc các nguồn lực khác phải được sử dụng để trả phần chênh lệch. Tham khảo Hướng dẫn lập ngân sách để biết thêm chi tiết.

**Tài trợ xúc tác.** Phần tài trợ xúc tác đa quốc gia ở mỗi quốc gia sẽ dựa trên hiệu suất. Phù hợp với sáng kiến tối ưu hóa danh mục đầu tư của Quỹ Toàn cầu, vào cuối mỗi năm RSC sẽ xem xét tỷ lệ hấp thụ của từng quốc gia và sau khi thảo luận với Ban Thư ký, RSC sẽ có nhiệm vụ phân bổ lại nguồn vốn giữa các quốc gia hoặc cho thành phần khu vực.

### **Tăng cường tính bền vững và tác động của các khoản đầu tư**

Để tăng cường tác động tổng thể và tính bền vững của các khoản đầu tư của Quỹ Toàn cầu, Quỹ Toàn cầu có hai yêu cầu khác nhau. “Các yêu cầu về trọng tâm áp dụng” phác thảo cách các quốc gia nên đầu tư tài trợ của Quỹ Toàn cầu và “các yêu cầu đồng tài trợ” nêu cách các quốc gia cần cam kết đồng tài trợ trong bối cảnh tài trợ của Quỹ Toàn cầu. Các yêu cầu này khác nhau dựa trên phân loại thu nhập của quốc gia.

**Yêu cầu tập trung áp dụng: 50%** Vì MSR chủ yếu được phân loại là thu nhập trung bình thấp hơn, ít nhất 50% yêu cầu tài trợ cho các can thiệp cụ thể về bệnh cần được chỉ định cho các đối tượng chính và dễ bị tổn thương và / hoặc các can thiệp có tác động cao nhất trong bối cảnh dịch tễ học đã xác định. Các yêu cầu tài trợ phải bao gồm các can thiệp đáp ứng các rào cản và tính dễ bị tổn thương liên quan đến nhân quyền và giới trong việc tiếp cận các dịch vụ.

### **Các yêu cầu khuyến khích đồng tài trợ cho giai đoạn 2020-2022:**

Tổng số tiền phân bổ cho bệnh sốt rét giai đoạn 2020-2022 phụ thuộc vào khoản đầu tư đồng tài trợ bổ sung cho các chương trình dịch bệnh và / hoặc RSSH như được mô tả dưới đây:

- Đầu tư đồng tài trợ của Campuchia là US \$ 5.005.243. Số tiền đầu tư đồng tài trợ bổ sung tối thiểu mà Campuchia phải thực hiện để được hưởng ưu đãi đồng tài trợ đầy đủ: 5.005.243 đô la Mỹ.
- Đầu tư đồng tài trợ của CHDCND Lào trị giá 1.448.216 USD. Số lượng đầu tư đồng tài trợ bổ sung tối thiểu CHDCND Lào phải thực hiện để được hưởng ưu đãi đồng tài trợ đầy đủ: 1.448.216 USD.
- Đầu tư đồng tài trợ của Myanmar trị giá 10.023.920 USD. Số tiền tối thiểu các khoản đầu tư đồng tài trợ bổ sung mà Myanmar phải thực hiện để được hưởng ưu đãi đồng tài trợ đầy đủ: 10.023.920 USD.
- Đầu tư đồng tài trợ của Thái Lan trị giá 2.395.637 USD. Số tiền đầu tư đồng tài trợ bổ sung tối thiểu mà Thái Lan phải thực hiện để được hưởng ưu đãi đồng tài trợ đầy đủ: 2.395.637 đô la Mỹ.
- Đầu tư đồng tài trợ của Việt Nam, trị giá 2.427.015 USD. Số tiền đầu tư đồng tài trợ bổ sung tối thiểu mà Việt Nam phải thực hiện để được hưởng ưu đãi đồng tài trợ đầy đủ: 2.427.015 USD.
- Số tiền cam kết bổ sung trong nước tối thiểu phải được bổ sung cho các khoản đầu tư trong nước đã thực hiện trong thời gian thực hiện chu kỳ phân bổ trước đó. Vì MSR chủ yếu được phân loại là thu nhập trung bình thấp hơn, ít nhất 50% đầu tư đồng tài trợ bổ sung cần thiết để tiếp cận khoản khuyến khích đồng tài trợ phải được đầu tư vào các hoạt động can thiệp của chương trình.
- Các cam kết để tiếp cận khuyến khích đồng tài trợ cần chỉ ra các hoạt động cụ thể được tài trợ và cách thức thực hiện các cam kết sẽ được xác minh và báo cáo cho Quỹ Toàn cầu. Sáng kiến khu vực kháng thuốc Artemisinin cần cung cấp xác nhận khoản đồng tài trợ các cam kết và bằng chứng về việc thực hiện các cam kết đó từ các cơ quan hữu quan của chính phủ, bao gồm Bộ Tài chính hoặc các cơ quan liên quan khác.
- Trong khuôn khổ các cam kết đồng tài trợ trong tương lai cho giai đoạn thực hiện của chu kỳ tài trợ 2020-2022, Quỹ Toàn cầu đề xuất rằng các kế hoạch tài trợ của chính phủ các nước thành viên RAI để hấp thụ dần chi phí thường xuyên cho phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở các quốc gia tương ứng là trọng tâm chính của cuộc đối thoại quốc gia và yêu cầu tài trợ: Một lĩnh vực cụ thể là chi phí dần dần được hấp thụ cho y tế thôn bản làm công tác sốt rét. Về mặt chiến lược, khi các quốc gia tiến tới loại trừ, các chương trình dọc bao gồm cộng đồng tham gia PC bệnh sốt rét và y tế thôn bản, sẽ trở nên kém hiệu quả hơn và các quốc gia có thể hưởng lợi từ việc tăng cường lồng ghép các dịch vụ. Quỹ Toàn cầu coi đây là một cơ hội chiến lược và sẽ là một trọng tâm quan trọng hơn nữa của đối thoại quốc gia và yêu cầu tài trợ.

- Các cam kết đồng tài trợ cho đầu tư của Quỹ toàn cầu và các cam kết trong nước cho chương trình quốc gia giai đoạn 2017-2019: Việc không thực hiện các cam kết đồng tài trợ trước đó cho giai đoạn phân bổ 2017-2019 có thể dẫn đến việc Quỹ Toàn cầu giảm nguồn vốn từ các khoản tài trợ hiện có hoặc giảm mức phân bổ cho giai đoạn 2020-2022. Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét Kháng thuốc Artemisinin cần nộp bằng chứng về việc thực hiện các cam kết trước đó khi gửi Đề xuất yêu cầu tài trợ.
- **Bảng 2: Cam kết đầu tư trong nước cho Dự án RAI giai đoạn 2017-2019**

*Đơn vị tính: triệu USD*

Quốc gia	Ngoại tệ	2018	2019	2020
<b>Cambodia</b>	<b>US\$</b>	6.19	6.85	7.58
<b>Lao PDR<sup>1</sup></b>		2.83	2.10	1.79
<b>Myanmar</b>		9.27	11.12	13.35
<b>Thailand</b>		66.18	65.12	64.24
<b>Viet Nam</b>		19.74	21.47	23.86



*Re.: GMD/HIA/205-2020/IG*

10 December 2020

Prof. Pham Le Tuan  
Chair of Viet Nam CCM

Assoc. Prof. Tran Thanh Duong  
Director of National Institute of Malariology  
Parasitology and Entomology  
Hanoi – Vietnam

Dear Respected CCM Chair Prof. Pham Le Tuan and Prof. Tran Thanh Duong,

We are pleased to inform you that the Grant Approvals Committee recommended Grant QSE-M-UNOPS to the Global Fund Board for approval. The Board's decision is expected around 17 December 2020.

As provided in the Allocation Letter dated 17 December 2019, the Regional Artemisinin Resistance Initiative (RAI) allocation for the 2020-2022 allocation period includes US\$ 31,180,102 for Vietnam. Following the grant making negotiations and subject to Board approval of QSE-M-UNOPS, up to US\$ 23,579,303 is envisaged for NIMPE; and up to US\$ 7,600,799 for the 3 SRs, WHO and UNOPS.

I would like to thank you for your hard work and commitment along this process.

With best regards



Izaskun Gaviria  
Senior Fund Portfolio Manager  
High Impact  
Grant Management Division

Cc: Dr. Pham Thi Minh Chau, Vice-Director of International  
Cooperation Department Ministry of Health.

## BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT

Re.: GMD/HIA/205-2020/IG

10/12/2020

PGS.TS. Phạm Lê Tuấn  
Chủ tịch CCM Việt Nam

PGS.TS. Trần Thanh Dương  
Viện trưởng Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng trung ương  
Hà Nội – Việt Nam

Kính gửi: PGS. Phạm Lê Tuấn và PGS. Trần Thanh Dương,

Chúng tôi vui mừng thông báo với các ông rằng Ban Xét duyệt viện trợ đã nhất trí đề nghị Ủy ban Quỹ Toàn cầu phê duyệt viện trợ cho dự án QSE-M-UNOPS. Quyết định của Ủy ban Quỹ Toàn cầu dự kiến có vào ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Như đã thông báo trong Thư phân bổ ngày 17 tháng 12 năm 2019, Quỹ Toàn cầu đã phân bổ cho Việt Nam - Dự án Sáng kiến Khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin (RAI) cho giai đoạn 2020-2022 là 31.180.102 đô la Mỹ. Sau khi thực hiện các cuộc đàm phán viện trợ, Ủy ban Quỹ Toàn cầu đồng ý phê duyệt cho NIMPE là 23.579.303 đô la Mỹ ; và 7.600.799 đô la Mỹ cho 3 SR, WHO và UNOPS.

Tôi xin cảm ơn các ông vì đã cố gắng và cam kết thực hiện trong suốt quá trình này.

Trân trọng  
Izaskun Gaviria  
Giám đốc quản lý Quỹ viện trợ

Cc: Dr. Phạm Thi Minh Châu, Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Y tế.

**SUPPLEMENT AGREEMENT**  
**ON**  
**THE CO-PRINCIPAL RECIPIENT ARRANGEMENTS**  
**RELATING TO THE IMPLEMENTATION OF**  
**THE REGIONAL ARTEMISININ INITIATIVE IN**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

THIS **SUPPLEMENT AGREEMENT** (the "Supplement Agreement"), dated and effective as of the date indicated on the signatures page (the "Effective Date") is entered into between:

- (1) The Global Fund to Fight AIDS, Tuberculosis and Malaria, an international organization with its office located at Global Health Campus, Chemin du Pommier 40, 1218 Le Grand-Saconnex, Geneva, Switzerland (the "Global Fund");
- (2) The United Nations Office for Project Services, a subsidiary organ of the United Nations with its headquarters located at Marmorvej 51, DK-2100 Copenhagen, Kingdom of Denmark ("UNOPS"); and
- (3) Government of the Socialist Republic of Viet Nam, acting through its National Institute of Malariology, Parasitology and Entomology of the Ministry of Health (the "Co-PR").

(The Global Fund, UNOPS and the Co-PR hereinafter referred to individually as a "Party" and collectively as the "Parties").

**WHEREAS:**

- (1) The Global Fund and UNOPS have entered into a Framework Agreement, dated as of 1 July 2015, and the corresponding Grant Confirmation, dated as of 18 December 2020, in relation to the Regional Artemisinin Initiative (together with the Framework Agreement, the "Grant Agreement", attached hereto as Schedule 1) to support various Program Activities in the Greater Mekong Sub-region, and UNOPS agreed to act as the "Principal Recipient" to implement such Program Activities; and
- (2) For the Program Activities to be implemented in the Socialist Republic of Viet Nam by the Co-PR, the Parties wish to release UNOPS from certain of its obligations as Principal Recipient and let the Co-PR assume the said obligations of the Principal Recipient in accordance with this Supplement Agreement.

**NOW, THEREFORE**, in consideration of the mutual covenants and agreements contained herein and intending to be legally binding, the Parties hereby agree as follows:

**1. Definition and Applicability**

- 1.1. Wherever used in this Supplement Agreement, the terms defined in the Grant Agreement shall have the respective meanings set forth therein unless modified herein.
- 1.2. Except as stipulated under this Supplement Agreement or otherwise agreed or modified by the Global Fund and UNOPS in writing, the Grant Agreement shall remain in full force and effect, and the obligations and related liabilities of UNOPS as the

Principal Recipient in relation to the Program under the Grant Agreement shall remain unchanged and shall not be affected whatsoever by this Supplement Agreement.

## **2. Release and Assumption of Obligations and Related Liabilities**

- 2.1. To the extent that the Program is implemented in the Socialist Republic of Viet Nam by the Co-PR, and to such extent only, UNOPS and the Co-PR agree, and the Global Fund accepts, (1) that as of the Effective Date, for Grant Funds disbursed pursuant to Section 3.2 of this Supplement Agreement, UNOPS shall be released from the obligations and related liabilities of the Principal Recipient set forth in Sections 3.1, 3.4, 3.5, 4.3, 6.3, 7.4, 11.1(1), and 11.1(4) of the Global Fund Grant Regulations (2014) (the "Grant Regulations", attached hereto as Schedule 2), as amended and modified by the Framework Agreement, and (2) that the Co-PR shall assume the obligations and related liabilities applicable to the Principal Recipient set forth in: (a) the Grant Regulations; (b) the Global Fund Guidelines for Grant Budgeting (2019, as may be amended from time to time); (c) the Health Products Guide (2018, as may be amended from time to time); and (d) any other policies, procedures, regulations and guidelines, which the Global Fund may communicate in writing to the Co-PR, from time to time, except where such obligations and related liabilities are partially modified as set forth below:

### **2.1.1. Section 3.1 – Use of Grant Funds; Section 3.3 – Disbursement**

The Global Fund may make Grant Funds available to the Co-PR through disbursements from UNOPS under the terms of the Grant Agreement. The Co-PR may only use Grant Funds for Program Activities which occur during the Implementation Period or as otherwise agreed in writing by the Global Fund.

### **2.1.2. Section 6.2(1) – Progress Reports**

The Co-PR shall provide to UNOPS the reports specified in paragraph (b) of Section 6.2(1) of the Grant Regulations. In addition, the Co-PR shall provide to UNOPS such other information and reports at such times as UNOPS or the Global Fund may request.

### **2.1.3. Article 5 – Procurement and Supply Management**

The Co-PR shall keep the Global Fund and UNOPS continuously informed about the policies and practices that it shall use to contract for goods and services required for implementing the Program.

### **2.1.4. Section 3.8 of the Grant Confirmation – Principal Recipient**

This Section shall be replaced in its entirety by the provisions for notices under Section 4.5 of this Supplement Agreement.

### 3. Implementation Arrangements among the Parties

#### 3.1. Duration

The Parties enter into this Supplement Agreement for the duration of the Grant Agreement.

#### 3.2. Disbursement arrangements

3.2.1. Where Grant Funds have been transferred to UNOPS by the Global Fund for the benefit of the Program in the Socialist Republic of Viet Nam and unless there is any reason to withhold those Grant Funds under the terms and conditions of the Grant Agreement, UNOPS shall use its reasonable efforts to transfer those Grant Funds onwards to the Co-PR for the implementation of the Program in a timely manner in order to allow the Co-PR to perform its functions towards the Global Fund for the benefit of the Program. Nothing in this section shall require UNOPS or the Global Fund to transfer Grant Funds to the Co-PR.

3.2.2. Any and all changes to the Summary Budget and/or the Performance Framework relating to the Program in the Socialist Republic of Viet Nam implemented by the Co-PR, shall be agreed between the Global Fund and the Co-PR. UNOPS will be duly informed of any changes to the foregoing. Any other modifications to the Grant Agreement at Schedule 1 of this Supplement Agreement are exclusively subject to the terms of the Grant Agreement as between the Global Fund and UNOPS.

3.2.3. Grant Funds will be transferred by UNOPS to the Co-PR at the following bank account:

Account Name: The Regional Artemisinin Initiative in Vietnam  
Account Number: 1021686868  
Bank Name: Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Tay Ha Noi Branch  
Bank Address: Vietcombank Lot Hh03, To Huu Street, Van Phuc Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam  
Bank SWIFT Code: BFTVVNVX

Any changes to the banking details set out above will be communicated to UNOPS by the Global Fund.

#### 3.3. Reporting obligations

3.3.1 Subject to sub-paragraph 2.1.2 of this Supplement Agreement, the Co-PR shall, not later than 30 days after the end of each reporting period indicated in the Performance Framework of the Grant Agreement, report on the progress towards Program objectives and targets for that period indicated in the Performance Framework of the Grant Agreement to UNOPS. For the period in question, the Co-PR shall explain in the report any variance between planned and actual achievements and between planned and actual expenditures.

3.3.2 In addition, the Co-PR shall provide to UNOPS such other information and reports at such times as UNOPS or the Global Fund may request.

3.4. Audit reports

The Co-PR shall provide audit reports to the Global Fund in accordance with Section 7.4 of the Grant Regulations.

3.5. Liability

The Global Fund and UNOPS shall have no liability to the RCM (or any member thereof), the Co-PR, Sub-recipients, any employees or any contractor thereof or any other person or entity as a result of this Supplement Agreement or the implementation of the Program. To the extent that the Program is implemented in the Socialist Republic of Viet Nam, any financial or other liability that may arise as a result of the implementation of the Program shall be the sole responsibility of the Co-PR.

3.6. Cooperation

UNOPS and the Co-PR shall cooperate fully with each other in good faith to carry out their respective functions in the implementation of the Program and towards the Global Fund.

3.7. Procurement of Goods and Services, Pharmaceutical and other Health Products

UNOPS and the Co-PR shall be separately responsible for fulfilling their respective obligations towards the Global Fund for the contracting for goods and services and for the procurement of Pharmaceutical and other Health Products under the Program as set out herein.

3.8. Personal Data

3.8.1 Principles. The Co-PR acknowledges that Program Activities are expected to respect the following principles and rights ("Data Protection Principles"): (a) Information that could be used to identify a natural person ("Personal Data") will be: (i) processed lawfully, fairly and transparently; (ii) collected for specified, explicit and legitimate purposes and not further processed in a manner not compatible with those purposes; (iii) adequate, relevant and limited to what is necessary for the purposes for which they are processed; (iv) accurate and, where necessary, kept up to date; (v) kept in a form which permits identification of the individuals for no longer than is necessary for the purposes for which the Personal Data is processed; and (vi) processed in a manner that ensures appropriate security of the Personal Data; and (b) Natural persons are afforded, where relevant, the right to information about Personal Data that is processed; the right to access and rectify or erase Personal Data; the right to data portability; the right to confidentiality of electronic communications; and the right to object to processing.

3.8.2 Limitations. Where collection and processing of Personal Data is required in order to implement Program Activities, whether by the Co-PR, a Sub-recipient, or Supplier, the Co-PR should respect the Data Protection Principles: (a) to the extent that doing so does not violate or conflict with applicable law and/or

policy; and (b) subject to the Co-PR balancing the Data Protection Principles with other fundamental rights in accordance with the principle of proportionality, taking into account the risks to the rights and freedoms of natural persons.

### 3.9. Right of Access

With respect to Section 7.6 the Grant Regulations, (1) the Global Fund may collect or seek to collect data, and it is possible that such data may contain Personal Data, and (2), prior to collection and at all times thereafter, the Co-PR shall take all necessary actions to ensure that the transfer of such information to the Global Fund does not violate any applicable law or regulation.

### 3.10. Inconsistency

In the event of any inconsistency between any provision of this Supplement Agreement, the Grant Agreement, and the Grant Regulations, the provisions of this Supplement Agreement shall prevail.

### 3.11. Survival

The Global Fund and the Co-PR acknowledge and agree that this Supplement Agreement, and Sections 1.3, 2.1 to 2.4, 3.1, 3.3(3), 3.4 to 3.6, 4.2, 4.3(4), 4.4(2), 5.2, 6.4(2), 6.5, 6.6, 7.1, 7.5, 7.6, 10.3, 10.4, and Articles 11 and 12 of the Grant Regulations shall survive the expiry of the Implementation Period or early termination of the Grant Agreement. The expiry of the Implementation Period or any early termination of the Grant Agreement, for whatever reason, shall not affect any rights or obligations accrued or subsisting to any Party prior to such expiry or early termination.

### 3.12. Sustainability, Transition and Co-Financing

In accordance with the Global Fund Sustainability, Transition and Co-financing Policy (GF/B35/04) (the "STC Policy"), the Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall:

3.12.1. progressively increase government expenditure on health to meet national universal health coverage goals; and increase domestic funding of Global Fund-supported programs, with a focus on progressively absorbing the costs of key Program components as identified in consultation with the Global Fund. The Co-PR acknowledges that the Global Fund may reduce Grant Funds during the current or any subsequent Implementation Period in the event the Government of the Socialist Republic of Viet Nam fails to meet these requirements; and

3.12.2. comply with the requirements to access the 'co-financing incentive' as set forth in the STC Policy (the "Co-Financing Incentive Requirements"). The commitment and disbursement of US\$2,427,015 (the "Co-Financing Incentive"), is subject to the Global Fund's satisfaction with the Government of the Socialist Republic of Viet Nam's compliance with the Co-Financing Incentive Requirements. The Global Fund may reduce all or part of the Co-Financing Incentive during the current or any subsequent Implementation

Period, in the event the Government of the Socialist Republic of Viet Nam fails to comply with the Co-Financing Incentive Requirements.

### **3.13. Temporarily Allocated Grant Funds**

Prior to the use of Grant Funds set forth in Line 12.074 of the UNOPS Detailed Budget, on the date hereof, the Co-PR shall prepare a costed plan for relevant activities, and obtain the Global Fund's written approval of such costed plan. In addition, the Co-PR acknowledges and agree that the Grant Funds set forth in Line 12.074 (the "Temporarily Allocated Grant Funds") of the UNOPS Detailed Budget, on the date hereof, are temporarily allocated under Cost Group 13 (Payment for Result for distinguishing purposes). As part of the detailed costed plan, the Temporarily Allocated Grant Funds shall be properly allocated to their relevant cost groupings. The Co-PR further acknowledges and agrees that the Temporarily Allocated Grant Funds shall not be considered as 'Payment for Result' activities and shall not be used without the Global Fund's prior written approval.

## **4. Miscellaneous**

### **4.1. Privileges and Immunities**

4.1.1. Nothing in this Supplement Agreement may be construed as a waiver, express or implied, of the privileges and immunities accorded to the Global Fund under (i) international law, including international customary law, any international conventions, treaties or agreements, (ii) any national laws including but not limited to the United States of America's International Organizations Immunities Act (22 United States Code 288), or (iii) under the Headquarters Agreement between the Global Fund and the Swiss Federal Council dated 13 December 2004.

4.1.2. Nothing in or related to this Supplement Agreement may be construed as a waiver, express or implied, of the privileges and immunities of UNOPS pursuant to the Convention on the Privileges and Immunities of the United Nations, 1946 or otherwise under any international or national law, convention or agreement.

4.1.3. Nothing in or related to this Supplement Agreement may be construed as a waiver, express or implied, of the Co-PR's obligations, pursuant to the Framework Agreement between the Global Fund to Fight AIDS, Tuberculosis and Malaria and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, dated as of 24 August 2015, to take all appropriate and necessary actions to ensure that the Global Fund is accorded with privileges and immunities, pursuant to Section 12.2 of the Grant Regulations (2014).

### **4.2. Modification or Amendment**

No modification to this Supplement Agreement (unless otherwise specified in section 3.2.2 of this Supplement Agreement) shall be valid unless in writing and signed by the respective duly-authorized representatives of the Parties.

### **4.3. Governing Law**

This Supplement Agreement shall be governed by the UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts (2004).



#### 4.4. Non-waiver of Remedies

No delay in exercising any right or remedy by a Party under this Supplement Agreement shall be construed as a waiver by such Party of such right or remedy.

#### 4.5. Notices

4.5.1. Any notice or other communication in respect of this Supplement Agreement given by one Party to any other Party shall be made in writing and delivered personally or by certified or registered mail (postage prepaid), by well-recognized international courier, by fax, or by electronic messaging system to the relevant address and/or number set forth below, or to such other address(es) and/or number(s) as any Party may designate by written notice to the other Parties in accordance with this Section:

For the Global Fund:

The Global Fund to Fight AIDS, Tuberculosis and Malaria  
Global Health Campus, Chemin du Pommier 40, 1218 Le Grand-Saconnex,  
Geneva, Switzerland

Attention: Urban Weber  
Department Head  
Grant Management Division  
Telephone: +41 58 791 1700  
Facsimile: +4158 791 1701  
Email: [urban.weber@theglobalfund.org](mailto:urban.weber@theglobalfund.org)

For UNOPS:

United Nations Office for Project Services  
Marmorvej 51  
PO Box 2695  
2100 Copenhagen  
Kingdom of Denmark

Attention: Dr. Attila Molnar  
Programme Director, Principal Recipient for The Global Fund  
to Fight AIDS, Tuberculosis and Malaria, Asia Region  
Telephone: +95 165 7281  
Email: [attilam@unops.org](mailto:attilam@unops.org)

For the Co-PR:

The Socialist Republic of Viet Nam,  
Ministry of Health, 138A Giang Vo Str. Ha Noi, Viet Nam

Attention: Nguyen Thanh Long  
Minister of Health  
Telephone: +84 913 230 679

National Institute of Malariology, Parasitology and Entomology,

34 Trung Văn, Nam Tu Liem District, Ha Noi, Viet Nam (NIMPE)

Attention: Tran Thanh Duong  
Director of NIMPE  
Telephone: +84 4916895919  
Facsimile: +84 4 3553 5200  
Email: [tranthanhduong@hotmail.com](mailto:tranthanhduong@hotmail.com)

4.5.2. Any Notice shall be deemed to have been duly given (a) when delivery to the receiving Party is complete if delivered in person or via international courier, (b) upon receipt if delivered by registered or certified mail, postage prepaid and (c) upon confirmation of successful transmission if sent by facsimile or electronic messaging system.

4.5.3. All communications under this Supplement Agreement shall be in English with a copy to the RCM.

#### 4.6. Arbitration

The Parties shall use their best efforts to settle amicably any dispute, controversy, or claim arising out of, or relating to this Supplement Agreement. All such disputes shall first be referred to the regional directors or department heads of the respective Parties for amicable resolution, and then be escalated to their respective Executive Directors if such disputes cannot be resolved at the regional level. If eventually the Parties wish to seek resolution of their disputes through arbitration, unless otherwise agreed by the Parties on another procedure, such arbitration shall be conducted in accordance with the United Nations Commission on International Trade Law Arbitration Rules as at present in force. The Parties agree to be bound by the arbitration award rendered in accordance with such arbitration as the final adjudication of any such dispute, controversy, or claim. The number of arbitrators shall be three. The place of arbitration shall be determined by agreement of the Parties. The language to be used in the arbitral proceedings shall be English.

#### 4.7. Counterparts; Delivery through Electronic Messaging System

This Supplement Agreement may be executed in one or more identical counterparts, all of which shall constitute one and the same agreement as if the Parties had signed the same document. This Supplement Agreement may also be signed and delivered by facsimile transmission or by electronic messaging system, and such signature and delivery shall have the same force and effect of an original document with original signatures.

*[Signature page follows]*

**IN WITNESS WHEREOF**, the Parties have caused this Supplement Agreement to be executed and delivered by their respective duly authorized representatives as of the date at which this Supplement Agreement is signed by the Global Fund.

**The Global Fund to Fight AIDS, Tuberculosis and Malaria**

**United Nations Office for Project Services**

By: Mark Eldon-Edington  
Name: Mark Eldon-Edington  
Title: Division Head, Grant Management

Jan 22, 2021

By: Sanjay Mathur  
Name: Sanjay Mathur  
Title: Regional Director, UNOPS Asia

22 January 2021



**Socialist Republic of Viet Nam, Ministry of Health (on behalf of the Co-PR)**

By: Prof. Nguyen Thanh Long  
Name: Prof. Nguyen Thanh Long  
Title: Minister of Health  
Date: 20 January 2021



<b>Country</b>	South-Eastern Asia	
<b>Grant Name</b>	QSE-M-UNOPS	
<b>Implementation Period</b>	01-Jan-2021 - 31-Dec-2023	
<b>Principal Recipient</b>	United Nations Office for Project Services	

By Module	01/01/2021 - 01/07/2021		01/07/2021 - 01/10/2021		01/10/2021 - 01/12/2021		01/01/2022 - 01/07/2022		01/07/2022 - 01/10/2022		01/10/2022 - 01/12/2022		Total Y2		01/01/2023 - 01/03/2023		01/04/2023 - 01/07/2023		01/07/2023 - 01/10/2023		01/10/2023 - 01/12/2023		Grand Total	% of Grand Total		
	31/03/2021	30/06/2021	30/09/2021	31/12/2021	31/03/2022	30/06/2022	30/09/2022	31/12/2022	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023			30/09/2023	31/12/2023
Case management	\$21,162,544	\$5,679,708	\$5,928,659	\$4,807,704	\$37,578,615	\$6,677,130	\$5,401,283	\$4,958,748	\$3,608,365	\$5,672,838	\$5,994,587	\$4,565,094	\$3,727,306	\$19,949,825	\$78,173,966											34.2 %
COVID-19	\$852,348	\$631,514			\$1,883,862																					0.7 %
Program management	\$8,243,981	\$6,977,483	\$6,719,557	\$6,825,932	\$28,766,982	\$6,971,889	\$6,262,500	\$6,201,736	\$6,258,248	\$6,723,735	\$5,891,015	\$5,727,330	\$6,150,982	\$24,493,061	\$78,954,386											34.6 %
RSSH: Community systems strengthening	\$31,404	\$147,886	\$123,612	\$63,236	\$366,139	\$61,878	\$142,303	\$71,391	\$91,150	\$58,577	\$141,984	\$64,241	\$60,388	\$325,191	\$1,059,062											0.5 %
RSSH: Financial management systems	\$14,658	\$64,369	\$39,381	\$14,658	\$133,067	\$7,475	\$57,187	\$32,199	\$7,475	\$7,625	\$49,712	\$24,724		\$82,060	\$319,464											0.1 %
RSSH: Health management information systems and M&E	\$4,823,973	\$2,205,539	\$2,190,273	\$1,923,226	\$11,143,012	\$1,997,374	\$1,844,332	\$2,038,998	\$1,515,500	\$1,532,491	\$1,632,096	\$1,174,153		\$5,877,228	\$24,416,443											10.7 %
RSSH: Health products management systems	\$163,262	\$70,554	\$65,426	\$9,962	\$329,204	\$34,042	\$52,303	\$43,896	\$10,109	\$43,896	\$10,109			\$202,697	\$672,251											0.3 %
RSSH: Health sector governance and planning	\$1,862,709	\$371,419	\$299,658	\$376,229	\$2,900,016	\$1,814,453	\$251,067	\$214,344	\$290,398	\$214,344	\$290,398			\$2,423,038	\$7,893,317											3.5 %
RSSH: Human resources for health, including community health workers	\$1,008,467	\$1,022,147	\$961,316	\$987,406	\$3,959,336	\$998,684	\$1,016,327	\$980,507	\$976,192	\$980,507	\$976,192			\$3,923,978	\$11,856,025											5.2 %
RSSH: Integrated service delivery and quality improvement	\$135,331	\$1,332	\$1,332	\$1,332	\$139,327	\$36,994	\$1,399	\$1,399	\$1,399	\$1,399	\$1,399			\$19,614	\$200,131											0.1 %
RSSH: Laboratory systems	\$701	\$34,369	\$15,839	\$701	\$51,610	\$403	\$33,961	\$11,439	\$403	\$11,439	\$403			\$46,206	\$143,530											0.1 %
Specific prevention interventions (SPI)	\$130,633	\$95,426	\$73,748	\$64,776	\$364,584	\$33,062	\$43,021	\$40,166	\$35,861	\$43,021	\$40,166			\$152,110	\$641,068											0.3 %
Vector control	\$590,790	\$3,503,359	\$428,734	\$5,234,178	\$9,757,061	\$452,744	\$6,433,017	\$347,752	\$1,249,738	\$347,752	\$1,249,738			\$8,483,251	\$22,397,426											9.8 %
<b>Grand Total</b>	<b>\$39,110,802</b>	<b>\$20,805,107</b>	<b>\$16,867,536</b>	<b>\$20,289,340</b>	<b>\$97,072,785</b>	<b>\$19,086,127</b>	<b>\$21,538,699</b>	<b>\$14,942,576</b>	<b>\$14,044,838</b>	<b>\$14,942,576</b>	<b>\$14,044,838</b>			<b>\$69,612,239</b>	<b>\$17,079,084</b>	<b>\$13,462,844</b>	<b>\$13,975,704</b>	<b>\$61,623,896</b>	<b>\$228,306,921</b>							<b>100.0 %</b>

By Cost Grouping	01/01/2021 - 01/04/2021		01/07/2021 - 01/10/2021		01/10/2021 - 01/12/2021		01/01/2022 - 01/07/2022		01/07/2022 - 01/10/2022		01/10/2022 - 01/12/2022		Total Y2		01/01/2023 - 01/03/2023		01/04/2023 - 01/07/2023		01/07/2023 - 01/10/2023		01/10/2023 - 01/12/2023		Grand Total	% of Grand Total			
	31/03/2021	30/06/2021	30/09/2021	31/12/2021	31/03/2022	30/06/2022	30/09/2022	31/12/2022	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023	30/09/2023	31/12/2023	31/03/2023	30/06/2023			30/09/2023	31/12/2023	
Human Resources (HR)	\$7,941,394	\$6,030,724	\$5,858,351	\$5,865,477	\$25,695,945	\$7,842,127	\$5,759,813	\$5,723,927	\$5,702,593	\$5,723,927	\$5,702,593			\$25,028,459	\$7,515,739	\$5,392,828	\$5,363,929	\$5,378,598	\$5,378,598	\$5,378,598	\$5,378,598	\$5,378,598	\$5,378,598	\$5,378,598	\$23,641,094	32.6 %	
Travel related costs (TRC)	\$21,430,246	\$5,780,304	\$6,621,496	\$5,541,614	\$39,373,660	\$5,333,064	\$4,832,324	\$5,206,291	\$3,958,527	\$5,206,291	\$3,958,527			\$19,330,205	\$4,353,416	\$5,460,403	\$4,608,783	\$3,967,364	\$3,967,364	\$3,967,364	\$3,967,364	\$3,967,364	\$3,967,364	\$3,967,364	\$18,389,966	33.8 %	
External Professional services (EPS)	\$1,383,804	\$1,022,264	\$485,234	\$693,799	\$3,585,100	\$1,300,087	\$692,722	\$371,279	\$455,655	\$371,279	\$455,655			\$2,819,743	\$1,144,260	\$566,747	\$166,548	\$514,792	\$514,792	\$514,792	\$514,792	\$514,792	\$514,792	\$514,792	\$8,797,189	3.9 %	
Health Products - Pharmaceutical Products (HPPP)	\$162,326	\$43,102	\$39,385	\$29,714	\$274,527	\$212,661	\$49,153	\$136,849	\$9,871	\$136,849	\$9,871			\$408,533	\$188,946	\$39,786	\$73,249	\$25,061	\$25,061	\$25,061	\$25,061	\$25,061	\$25,061	\$25,061	\$327,042	0.4 %	
Health Products - Non-Pharmaceuticals (HPNP)	\$279,773	\$3,797,737	\$530,408	\$4,635,797	\$9,243,716	\$292,034	\$6,542,950	\$610,674	\$1,024,582	\$610,674	\$1,024,582			\$8,470,240	\$203,563	\$2,592,810	\$985,210	\$1,318,696	\$1,318,696	\$1,318,696	\$1,318,696	\$1,318,696	\$1,318,696	\$1,318,696	\$4,700,279	9.8 %	
Health Products - Equipment (HPE)	\$148,394	\$112,227	\$97,222	\$128,325	\$486,169	\$15,507	\$2,009	\$94,168	\$127,857	\$94,168	\$127,857			\$239,541	\$15,531	\$2,068	\$109,712	\$127,881	\$127,881	\$127,881	\$127,881	\$127,881	\$127,881	\$127,881	\$981,502	0.4 %	
Procurement and Supply-Chain Management costs (PSM)	\$378,575	\$483,769	\$174,981	\$785,064	\$1,822,389	\$170,532	\$89,864	\$274,299	\$274,299	\$274,299	\$274,299			\$1,586,639	\$131,516	\$382,225	\$200,169	\$307,862	\$307,862	\$307,862	\$307,862	\$307,862	\$307,862	\$307,862	\$1,021,772	1.9 %	
Infrastructure (INF)	\$714,836	\$125,505	\$88,016	\$83,894	\$1,012,251	\$250,164	\$84,855	\$84,623	\$84,282	\$84,623	\$84,282			\$503,923	\$46,059	\$17,790	\$17,807	\$16,717	\$16,717	\$16,717	\$16,717	\$16,717	\$16,717	\$16,717	\$98,372	0.7 %	
Non-health equipment (NHP)	\$2,567,824	\$634,360	\$439,929	\$308,400	\$3,950,513	\$1,084,504	\$369,081	\$352,065	\$295,717	\$352,065	\$295,717			\$2,101,367	\$658,451	\$347,414	\$322,432	\$289,244	\$289,244	\$289,244	\$289,244	\$289,244	\$289,244	\$289,244	\$1,597,542	3.4 %	
Communication Material and Publications (CMP)	\$1,226,176	\$384,251	\$435,934	\$56,166	\$2,102,526	\$209,139	\$215,500	\$63,375	\$26,142	\$63,375	\$26,142			\$514,156	\$518,104	\$204,642	\$44,651	\$21,779	\$21,779	\$21,779	\$21,779	\$21,779	\$21,779	\$21,779	\$789,175	1.5 %	
Indirect and Overhead Costs	\$2,416,261	\$1,908,642	\$1,684,065	\$1,744,540	\$7,753,508	\$1,995,351	\$1,722,701	\$1,632,797	\$1,683,800	\$1,632,797	\$1,683,800			\$7,034,649	\$1,952,650	\$1,684,661	\$1,592,407	\$1,628,549	\$1,628,549	\$1,628,549	\$1,628,549	\$1,628,549	\$1,628,549	\$1,628,549	\$6,858,267	9.5 %	
Living support to client/ target population (LSCIP)	\$139,012	\$153,416	\$87,520	\$94,971	\$474,920	\$59,723	\$66,967	\$72,539	\$81,976	\$66,967	\$72,539			\$281,205	\$63,054	\$67,708	\$80,555	\$270,539	\$270,539	\$270,539	\$270,539	\$270,539	\$270,539	\$270,539	\$1,026,664	0.4 %	
Payment for Results	\$322,181	\$328,807	\$324,996	\$321,578	\$1,297,561	\$321,235	\$330,759	\$322,048	\$319,536	\$322,048	\$319,536			\$1,293,578	\$318,808	\$324,058	\$320,238	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$318,607	\$3,872,851	1.7 %
<b>GrandTotal</b>	<b>\$39,110,802</b>	<b>\$20,805,107</b>	<b>\$16,867,536</b>	<b>\$20,289,340</b>	<b>\$97,072,785</b>	<b>\$19,086,127</b>	<b>\$21,538,699</b>	<b>\$14,942,576</b>	<b>\$14,044,838</b>	<b>\$14,942,576</b>	<b>\$14,044,838</b>			<b>\$69,612,239</b>	<b>\$17,079,084</b>	<b>\$13,462,844</b>	<b>\$13,975,704</b>	<b>\$61,623,896</b>	<b>\$228,306,921</b>							<b>100.0 %</b>	

By Recipients	01/01/2021 - 31/03/2021	01/04/2021 - 30/06/2021	01/07/2021 - 30/09/2021	01/10/2021 - 31/12/2021	Total Y1	01/01/2022 - 31/03/2022	01/04/2022 - 30/06/2022	01/07/2022 - 30/09/2022	01/10/2022 - 31/12/2022	Total Y2	01/01/2023 - 31/03/2023	01/04/2023 - 30/06/2023	01/07/2023 - 30/09/2023	01/10/2023 - 31/12/2023	Total Y3	Grand Total	% of Grand Total
<b>PR</b>	\$6,070,823	\$4,647,932	\$4,624,152	\$9,704,118	\$25,047,024	\$4,693,672	\$4,511,357	\$4,800,387	\$5,336,375	\$19,041,792	\$3,838,488	\$4,469,600	\$3,021,909	\$5,805,411	\$17,735,407	\$61,824,223	27.1 %
Department of Disease Control, Ministry of Public Health of the Royal Government of Thailand	\$128,833	\$457,159	\$119,252	\$134,008	\$839,252	\$111,195	\$483,075	\$121,001	\$135,777	\$851,048	\$122,495	\$494,375	\$132,301	\$224,238	\$973,409	\$2,663,709	1.2 %
National Institute of Malariaology, Parasitology and Entomology, of the Ministry of Health of the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	\$1,119,368	\$1,161,713	\$1,667,046	\$6,543,571	\$10,491,699	\$1,832,150	\$1,208,745	\$1,608,054	\$2,299,019	\$6,947,968	\$1,097,873	\$1,309,959	\$923,174	\$2,808,631	\$6,139,637	\$23,579,303	10.3 %
Save the Children Federation, Inc.	\$1,036,353	\$391,286	\$202,856	\$246,827	\$1,877,323	\$197,709	\$269,971	\$250,589	\$211,960	\$930,229	\$203,275	\$275,077	\$214,015	\$257,626	\$949,992	\$3,757,544	1.6 %
United Nations Office for Project Services Head Quarters	\$3,786,289	\$2,637,773	\$2,634,997	\$2,779,711	\$11,838,751	\$2,582,618	\$2,549,566	\$2,520,743	\$2,689,620	\$10,312,547	\$2,414,845	\$2,390,189	\$2,362,419	\$2,514,916	\$9,672,369	\$31,823,667	13.9 %
<b>SR</b>	\$33,039,979	\$16,157,175	\$12,243,385	\$10,585,222	\$72,025,761	\$14,392,455	\$17,027,341	\$10,442,189	\$9,708,462	\$50,570,448	\$13,287,776	\$12,609,485	\$9,940,935	\$8,170,294	\$43,888,489	\$166,484,698	72.9 %
American Refugee Committee	\$441,665	\$478,457	\$461,125	\$401,631	\$1,782,878	\$483,296	\$470,929	\$451,221	\$411,034	\$1,816,480	\$457,031	\$448,860	\$416,694	\$400,051	\$1,722,635	\$5,321,993	2.3 %
Burnet Institute	\$1,124,781	\$82,033		\$1,206,814	\$1,206,814										\$1,206,814	0.5 %	
Catholic Relief Services	\$601,851	\$460,012	\$491,265	\$483,704	\$2,036,831	\$379,163	\$361,624	\$337,739	\$355,626	\$1,434,152	\$422,059	\$394,521	\$393,764	\$344,205	\$1,554,549	\$5,025,533	2.2 %
Center for Malaria Parasitology and Entomology	\$636,700	\$527,584	\$665,284	\$478,623	\$2,308,191	\$484,527	\$1,876,427	\$575,282	\$333,419	\$3,279,656	\$390,564	\$946,131	\$607,657	\$300,099	\$2,144,450	\$7,732,297	3.4 %
Clinton Health Access Initiative	\$125,608	\$125,608	\$125,608	\$125,608	\$502,431	\$129,356	\$129,356	\$129,356	\$129,356	\$517,424	\$119,756	\$119,756	\$119,756	\$119,756	\$479,022	\$1,498,877	0.7 %
Community Health and Inclusion Association	\$60,501	\$61,578	\$54,200	\$112,251	\$288,531	\$57,235	\$60,497	\$71,201	\$60,497	\$249,431	\$88,355	\$114,767	\$56,376	\$61,617	\$291,116	\$829,077	0.4 %
Department of Communicable Diseases Control	\$9,182	\$18,852	\$9,993	\$9,993	\$48,020	\$10,264	\$18,313	\$10,264	\$10,264	\$49,103	\$10,543	\$18,592	\$10,543	\$10,543	\$50,220	\$147,343	0.1 %
Department of Planning and Cooperation	\$18,120	\$23,370	\$28,230	\$18,120	\$87,840	\$18,120	\$23,370	\$28,230	\$18,120	\$87,840	\$5,529	\$15,639	\$10,779	\$5,529	\$37,477	\$213,157	0.1 %
Division of Vector Borne Diseases	\$1,367,684	\$1,730,804	\$1,190,534	\$660,076	\$4,949,098	\$1,093,743	\$908,401	\$1,031,468	\$663,569	\$3,697,202	\$1,003,529	\$838,231	\$948,359	\$605,379	\$3,395,497	\$12,041,797	5.3 %
Health Poverty Action	\$2,709,337	\$594,876	\$492,888	\$573,691	\$4,370,792	\$595,031	\$601,674	\$525,573	\$510,374	\$2,232,651	\$590,662	\$606,727	\$465,000	\$538,660	\$2,201,049	\$8,804,492	3.9 %
Institut Pasteur du Cambodge	\$500,000			\$500,000	\$500,000											\$500,000	0.2 %
International Organization for Migration	\$222,049	\$282,738	\$225,661	\$230,355	\$940,803	\$213,698	\$252,180	\$218,410	\$223,904	\$908,192	\$214,196	\$226,533	\$210,381	\$206,058	\$857,168	\$2,706,163	1.2 %
International Rescue Committee	\$134,896	\$106,417	\$104,534	\$110,830	\$456,676	\$89,984	\$105,809	\$97,446	\$93,189	\$396,427	\$101,829	\$106,766	\$98,403	\$95,035	\$402,033	\$1,255,137	0.5 %
Malind-Oxford Tropical Medicine Research Unit (MORU)	\$1,373,112	\$76,888			\$1,450,000										\$1,450,000		0.6 %
Malaria Consortium	\$1,392,164	\$136,533	\$130,513	\$130,825	\$1,790,036	\$138,329	\$133,719	\$133,407	\$133,719	\$539,173	\$141,902	\$143,507	\$98,590	\$130,959	\$514,958	\$2,844,167	1.2 %
Malteser International	\$1,098,349	\$33,728	\$39,886	\$35,479	\$1,204,442	\$62,747	\$37,774	\$39,871	\$37,040	\$167,431	\$54,925	\$38,059	\$38,073	\$37,216	\$168,273	\$1,540,147	0.7 %
Medical Action Myanmar	\$2,637,821	\$646,528	\$698,480	\$618,217	\$4,601,046	\$666,998	\$660,400	\$692,288	\$636,108	\$2,655,754	\$648,504	\$665,687	\$687,401	\$620,881	\$2,622,473	\$9,879,273	4.3 %
Medical Product Supply Center	\$18,133	\$24,443	\$31,249	\$4,820	\$78,646	\$18,133	\$24,443	\$37,906	\$4,820	\$85,302	\$18,133	\$24,443	\$37,906	\$4,820	\$85,302	\$249,249	0.1 %
Myanmar Council Of Churches	\$197,275	\$158,021	\$145,457	\$183,097	\$683,850	\$178,907	\$149,907	\$136,181	\$170,295	\$635,250	\$141,565	\$131,351	\$136,095	\$171,889	\$580,900	\$1,900,000	0.8 %
Myanmar Health Assistant Association	\$51,074	\$61,037	\$39,769	\$43,619	\$195,499	\$53,083	\$43,451	\$40,637	\$44,478	\$181,649	\$50,833	\$41,592	\$41,587	\$45,433	\$179,445	\$556,593	0.2 %
Myanmar Medical Association	\$220,853	\$202,707	\$163,076	\$174,705	\$761,342	\$183,971	\$179,809	\$164,754	\$176,392	\$704,727	\$198,825	\$180,088	\$184,111	\$140,490	\$703,514	\$2,169,582	1.0 %
Myanmar Red Cross Society	\$102,332	\$100,930	\$85,343	\$90,112	\$378,717	\$91,569	\$93,961	\$86,273	\$86,273	\$358,096	\$88,649	\$91,021	\$88,649	\$94,547	\$362,867	\$1,099,680	0.5 %
National AIDS Programme	\$80,547	\$80,547			\$161,093											\$161,093	0.1 %
National Center for Parasitology, Entomology and Malaria Control	\$3,259,171	\$3,262,769	\$1,500,744	\$1,099,606	\$9,122,290	\$1,147,379	\$1,774,893	\$815,170	\$740,078	\$4,477,519	\$1,451,624	\$1,994,821	\$988,922	\$708,843	\$5,154,211	\$18,754,020	8.2 %
National Malaria Control Programme	\$3,764,621	\$3,517,191	\$2,692,011	\$1,959,123	\$11,932,946	\$2,983,593	\$6,719,466	\$2,467,769	\$1,542,767	\$13,713,604	\$2,551,217	\$3,689,424	\$2,632,114	\$1,853,104	\$10,725,859	\$36,372,409	15.9 %
National TB Programme	\$119,360	\$119,360			\$238,720											\$238,720	0.1 %
Population Education and Development Association	\$69,824	\$55,743	\$57,635	\$111,879	\$295,080	\$58,174	\$57,536	\$73,080	\$60,574	\$249,344	\$58,081	\$108,648	\$57,442	\$60,481	\$284,653	\$829,077	0.4 %
Population Services International	\$1,993,570	\$304,649	\$304,135	\$306,435	\$2,908,789	\$286,592	\$294,893	\$294,979	\$298,790	\$1,175,253	\$288,253	\$272,772	\$269,218	\$289,505	\$1,079,748	\$5,163,791	2.3 %
Raks Thai Foundation	\$137,747	\$114,125	\$121,140	\$83,008	\$456,020	\$90,511	\$86,101	\$92,385	\$58,777	\$327,773	\$90,325	\$84,482	\$91,638	\$85,188	\$351,634	\$1,135,427	0.5 %
Save the Children International- SR	\$1,043,277	\$98,827	\$85,000	\$88,755	\$1,313,859	\$88,058	\$90,390	\$84,550	\$90,305	\$353,302	\$87,434	\$89,766	\$83,926	\$84,471	\$345,596	\$2,012,757	0.9 %
Shokko Malaria Research Unit	\$2,368,683	\$619,082	\$467,438	\$454,222	\$3,909,425	\$424,182	\$453,208	\$431,326	\$427,835	\$1,736,551	\$82,552	\$97,933	\$82,552	\$82,552	\$345,488	\$5,991,464	2.6 %



By Recipients	01/01/2021 - 31/03/2021	01/04/2021 - 30/06/2021	01/07/2021 - 30/09/2021	01/10/2021 - 31/12/2021	Total Y1	01/01/2022 - 31/03/2022	01/04/2022 - 30/06/2022	01/07/2022 - 30/09/2022	01/10/2022 - 31/12/2022	Total Y2	01/01/2023 - 31/03/2023	01/04/2023 - 30/06/2023	01/07/2023 - 30/09/2023	01/10/2023 - 31/12/2023	Total Y3	Grand Total	% of Grand Total
UNION	\$44,274	\$44,274			\$88,548											\$88,548	0.0 %
Union of Myanmar Federation of Chambers of Commerce and Industry (UMFCCI)	\$450,000				\$450,000											\$450,000	0.2 %
University of California, San Francisco	\$318,408	\$102,131	\$89,731	\$89,731	\$600,000											\$600,000	0.3 %
Vietnam Civil Society Consortium for Malaria Control Initiatives (VietMCI)	\$118,812	\$143,394	\$223,018	\$152,287	\$637,511	\$131,594	\$178,251	\$156,841	\$156,489	\$623,176	\$134,647	\$176,082	\$159,884	\$159,534	\$630,148	\$1,890,834	0.8 %
Vietnam Public Health Association	\$141,222	\$131,455	\$54,571	\$60,545	\$387,793	\$73,093	\$63,221	\$75,191	\$56,084	\$267,589	\$71,114	\$77,642	\$58,791	\$71,371	\$278,918	\$934,300	0.4 %
World Health Organization	\$3,936,108	\$1,421,654	\$1,276,747	\$1,515,323	\$8,149,831	\$3,986,428	\$992,795	\$979,399	\$1,012,813	\$6,981,434	\$3,607,482	\$704,998	\$700,813	\$705,665	\$5,718,958	\$20,850,223	9.1 %
World Vision Foundation Thailand	\$89,064	\$133,356	\$127,202	\$114,820	\$464,442	\$83,586	\$115,000	\$102,139	\$106,650	\$417,375	\$90,673	\$97,894	\$97,188	\$101,495	\$387,250	\$1,269,067	0.6 %
Young Muslim Association Thailand	\$61,806	\$95,473	\$65,917	\$63,734	\$286,931	\$61,141	\$69,748	\$61,873	\$58,826	\$251,588	\$56,986	\$62,854	\$58,323	\$54,918	\$233,080	\$771,599	0.3 %
<b>Grand Total</b>	<b>\$9,110,802</b>	<b>\$20,805,107</b>	<b>\$16,867,536</b>	<b>\$20,289,340</b>	<b>\$97,072,785</b>	<b>\$19,086,127</b>	<b>\$21,638,699</b>	<b>\$14,942,576</b>	<b>\$14,044,838</b>	<b>\$69,612,239</b>	<b>\$17,106,264</b>	<b>\$17,079,084</b>	<b>\$13,462,844</b>	<b>\$13,975,704</b>	<b>\$61,623,896</b>	<b>\$228,306,921</b>	<b>100.0 %</b>



Số: 184/TTg-QHQT  
V/v phê duyệt chủ trương tham gia  
Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn  
chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc  
artemisinin giai đoạn 2021-2023”  
do Quỹ Toàn cầu viện trợ

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế.

Xét kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 446/BKHĐT-KTĐN ngày 25 tháng 01 năm 2021 về chủ trương tham gia Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin giai đoạn 2021-2023” (Dự án) do Quỹ Toàn cầu viện trợ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Phê duyệt chủ trương tham gia Dự án khu vực do Quỹ Toàn cầu viện trợ, như kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên.

2. Giao Bộ Y tế:

- Phối hợp với Nhà tài trợ và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt Văn kiện Dự án và thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp cùng với các tỉnh tham gia Dự án chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng, bảo đảm Dự án được triển khai hiệu quả./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTg, PTTg Phạm Bình Minh;
- Các Bộ: TP, NG;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp,  
các Vụ: KTTH, KGVX, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3).HN. 6

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

**PHỤ LỤC 6:**  
**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN SÁNG KIẾN KHU**  
**VỰC NGĂN CHẶN VÀ LOẠI TRỪ SỐT RÉT KHÁNG**  
**THUỐC ARTEMISININ GIAI ĐOẠN 2018-2020**



BỘ Y TẾ  
VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG

---

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG  
DỰ ÁN “SÁNG KIẾN KHU VỰC NGĂN CHẶN  
VÀ LOẠI TRỪ SÓT RÉT KHÁNG THUỐC  
ARTEMISININ, GIAI ĐOẠN 2018-2020”**

Hà Nội - Tháng 12 năm 2020

## CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AS-MQ:	Thuốc sốt rét phối hợp Artesunate – Mefloquine
AT:	Sốt rét ác tính
BNSR:	Bệnh nhân sốt rét
BQLDA:	Ban quản lý dự án
BYT:	Bộ Y tế
BQLDATU:	Ban quản lý Dự án Trung ương
DA:	Dự án
IMPE:	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng
KSTSR:	Ký sinh trùng sốt rét
LFA:	Cơ quan quản lý quỹ địa phương
NIMPE:	Viện Sốt rét - KTS - CT Trung ương
ODA:	Vốn viện trợ chính thức
PCSR:	Phòng chống sốt rét
RAI2E:	Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin, giai đoạn 2028-2020
TOT:	Tập huấn cho giảng viên
UNOPS:	Văn phòng Dịch vụ Liên hiệp quốc.
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới

## MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN.....	3
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	8
1. Kết quả triển khai hoạt động giai đoạn 2018-2020.....	8
2. Kết quả thực hiện chỉ số Dự án.....	14
3. Tình hình sốt rét tại các tỉnh Dự án và sốt rét trong cả nước.....	17
4. Công tác tài chính và giải ngân của dự án. ....	19
5. Đánh giá việc thực hiện dự án .....	20
5.1. Công tác thành lập, tổ chức, chỉ đạo thực hiện Dự án.....	20
5.2. Công tác phát hiện, chẩn đoán, điều trị sốt rét .....	20
5.3. Công tác giám sát.....	20
5.4. Tình hình điều tra ca bệnh, ổ bệnh .....	21
5.5. Công tác tập huấn, truyền thông .....	21
5.6. Công tác mua sắm vật tư, quản lý tài sản .....	21
6. Những thuận lợi, khó khăn trong triển khai Dự án.....	23
PHẦN III. KẾT LUẬN .....	25

## PHẦN I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

### 1. Tên dự án:

Dự án “Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc artemisinin, giai đoạn 2018-2020”.

(tiếng Anh: Regional Artemisinin Initiative 2-Elimination for 2018-2020 viết tắt RAI2E)

### 2. Tên nhà tài trợ:

Quỹ Toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét (QTC).

### 3. Cơ quan chủ quản: Bộ Y tế

a. Địa chỉ liên lạc: 138A Giảng Võ, Hà Nội.

b. Số điện thoại: (84 4) 62732215 Fax: (84 4) 62732215

### 4. Chủ dự án: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

a. Địa chỉ liên lạc: 34 Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

b. Số điện thoại: (024) 35534483 Fax: (024) 35535200

### 5. Thời gian thực hiện dự án: 3 năm (từ tháng 01/01/2018 đến 31/12/2020).

### 6. Địa điểm thực hiện dự án:

- Dự án được triển khai tại 36 tỉnh gồm có:

TT	Tên tỉnh	TT	Tên tỉnh	TT	Tên tỉnh
1	Lai Châu	13	Quảng Trị	25	Đắk Nông
2	Điện Biên	14	Thừa Thiên - Huế	26	Lâm Đồng
3	Sơn La	15	Quảng Nam	27	Đồng Nai
4	Hòa Bình	16	Quảng Ngãi	28	Bà Rịa - Vũng Tàu
5	Lào Cai	17	Bình Định	29	Bình Dương
6	Hà Giang	18	Phú Yên	30	Bình Phước
7	Cao Bằng	19	Khánh Hòa	31	Tây Ninh
8	Bắc Kạn	20	Ninh Thuận	32	Long An
9	Thanh Hóa	21	Bình Thuận	33	Sóc Trăng
10	Nghệ An	22	Gia Lai	34	Kiên Giang

11 Hà Tĩnh	23 Kon Tum	35 Bạc Liêu
12 Quảng Bình	24 Đắk Lắk	36 Cà Mau

- Dự án được triển khai tại 1.743 xã thuộc 255 huyện của 36 tỉnh có bệnh sốt rét lưu hành, đang triển khai chiến lược loại trừ sốt rét và phòng chống sốt rét. Dự án cũng được triển khai tại Viện Sốt rét-KST-CT Trung ương, Viện Sốt rét-KST-CT Quy Nhơn, Viện Sốt rét-KST-CT thành phố Hồ Chí Minh và Cục Quân Y

## 7. Tổng vốn của dự án

**Vốn được phê duyệt kế hoạch hàng năm theo Quyết định của Bộ Y tế:**

	ODA (USD)	Đối ứng (đồng)
Giai đoạn 2018-2020:	28.241.512,01 USD	51.520.711.440
Năm 2018:	12.196.453,14 USD	17.252.923.480
Năm 2019:	10.102.753,60 USD	17.252.923.480
Năm 2020:	11.298.530,63USD	15.447.930.000

**Vốn Sau khi điều chỉnh kế hoạch ngân sách hàng năm**

	ODA (USD)	Đối ứng (đồng)
Giai đoạn: <b>2018-2020:</b>	<b>28.241.512 USD</b>	<b>51.520.711.440</b>
Năm 2018:	7.776.115 USD	17.252.923.480
Năm 2019:	8.239.866 USD	17.252.923.480
Năm 2020:	11.298.531 USD	15.447.930.000

**8. Hình thức cung cấp ODA:** ODA không hoàn lại.

## 9. Mục tiêu của Dự án

### 9.1. Mục tiêu chung

Giảm tỉ lệ mắc bệnh và tử vong do sốt rét và đạt những tiến bộ hướng tới mục tiêu phát triển bền vững về sức khỏe tại Việt Nam.

### 9.2. Mục tiêu cụ thể

*Mục tiêu 1:* Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân.

*Mục tiêu 2:* Đảm bảo diện bao phủ các biện pháp phòng chống sốt rét thích hợp và hiệu quả cho dân có nguy cơ mắc sốt rét.

*Mục tiêu 3:* Tăng cường hệ thống giám sát dịch tễ và đảm bảo đủ khả năng phòng chống dịch sốt rét.

*Mục tiêu 4:* Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi phòng chống sốt rét của cộng đồng.

*Mục tiêu 5:* Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia.

## 10. Các chỉ số đánh giá đến năm 2018

### a. Chỉ số tác động:

STT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ tử vong do sốt rét/100.000 dân/năm	0,003	2016	Báo cáo Quốc gia	≤ 0,0031	≤ 0,0021	≤ 0,0010
2	Tỷ lệ % xét nghiệm dương tính	0,17	2016	Báo cáo Quốc gia	0,15	0,12	0,09
3	Số ổ bệnh sốt rét	193	2016	Báo cáo Quốc gia	1.387	1.080	841
4	Chỉ số mắc mới hàng năm trên 1000 dân	0,04	2016	Báo cáo quốc gia	0,0414	0,0319	0,0246

### b. Chỉ số đầu ra:

STT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ dân ngủ màn tẩm hóa chất diệt muỗi đêm hôm trước ngày điều tra	98%	2016	Điều tra chỉ số	95%	95%	95%
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đủ màn tẩm hóa chất diệt muỗi (≤ 1,8 người/ màn đôi)	79%	2016	Điều tra chỉ số	100%	100%	100%

3	Tỉ lệ màn tửm hóa chất được sử dụng trong đêm hôm trước			Điều tra chỉ số			
4	Tỷ lệ dân ở vùng loại trừ sốt rét được xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét/100 dân/năm	17,0%	2016	MIS	21,1	20,6	20,3
5	Tỷ lệ dân di biến động lần gần nhất có ngủ màn tại nơi có lây truyền bệnh sốt rét	88,9	2016	Điều tra chỉ số	90,0	90,0	90,0
6	Tỷ lệ dân di biến động có sốt trong 3 tháng gần đây được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét	86,7	2016	Điều tra chỉ số	90,0	90,0	90,0

**c. Chỉ số về độ bao phủ:**

STT	Chỉ số	Số liệu nền			Chỉ tiêu		
		Giá trị	Năm	Nguồn	2018	2019	2020
1	Số màn tửm hóa chất tồn lưu dài cấp cho dân (thông qua chiến dịch cấp màn)	691.000	2016	Lưu trữ phân bổ màn LLIN 2016	1.091.658	0	0
2	Số màn tửm hóa chất tồn lưu dài cấp cho dân (thông qua chiến dịch cấp phát bổ sung)			Chưa từng có	92.366	88.317	85.110
3	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cơ sở y tế công hàng năm		2016	MIS	100%	100%	100%

4	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cộng đồng		2016	MIS	100%	100%	100%
5	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cơ sở y tế tư nhân		2016	MIS	100%	100%	100%
6	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên (first-line) tại cơ sở y tế công	99,8	2016	MIS	100%	100%	100%
7	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên (first-line) tại cộng đồng		2016	MIS	100%	100%	100%
8	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên (first-line) tại cơ sở y tế tư nhân		2016	MIS	100%	100%	100%
9	Tỷ lệ cơ sở y tế (công) không thiếu các vật tư chính (thuốc sốt rét hoặc xét chẩn đoán nhanh và lam kính)	99,4	2016	Điều tra chỉ số	99,0%	99,0%	99,0%
10	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều tra	42,6%	2016	Báo cáo điều tra ca bệnh	100%	100%	100%
11	Tỷ lệ ổ bệnh sốt rét được điều tra	43,2	2016	Báo cáo điều tra ổ bệnh	100%	100%	100%
12	Tỷ lệ các huyện dự án gửi báo cáo đúng hạn.			Báo cáo tuyến huyện	100%	100%	100%



## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 1. Kết quả triển khai hoạt động giai đoạn 2018-2020

**Mục tiêu 1: Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chẩn đoán sớm, điều trị kịp thời và hiệu quả tại các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân.**

- Dự án đã đặt mua và phân bổ cho các tỉnh dự án, 3 Viện và Cục Quân Y 1.786.890 và y tế tư nhân (do tổ chức PSI triển khai) test chẩn đoán nhanh sốt rét thông qua đơn vị mua sắm UNOPS theo quy định của Dự án, trong đó năm 2018: 576.930 test, năm 2019: 658.710 test, năm 2020: 551.120 test.
- Nhằm đảm bảo chất lượng xét nghiệm của kỹ thuật viên, năm 2019 Dự án đã tổ chức 203 lớp với số lượng 2.378 kỹ thuật viên về chẩn đoán sốt rét bằng kính hiển vi và test chẩn đoán nhanh. Thông qua đó việc chẩn đoán sốt rét đảm bảo chất lượng.
- Cán bộ 3 Viện đã thực hiện 10 đợt giám sát hàng năm, hỗ trợ kỹ thuật định kỳ để đánh giá chất lượng phòng xét nghiệm, năng lực nhân viên y tế trong việc sử dụng test chẩn đoán nhanh và soi lam kính ở tuyến tỉnh, huyện và xã.
- Năm 2018 và năm 2019 đã thực hiện mua sắm đấu thầu vật tư tiêu hao và hóa chất cho việc kiểm tra chất lượng thuốc sốt rét. Vật tư đã cấp phát cho đơn vị thực hiện việc sàng lọc mẫu thuốc sốt rét thu thập từ các tỉnh.
- Hàng năm, cán bộ 3 Viện đã thập mẫu thuốc từ các cơ sở y tế tư nhân và công lập tại 10 tỉnh dự án gồm: Ninh Thuận, Quảng Nam, Khánh Hòa, Quảng Trị, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Phú Yên, Tây Ninh, Bình Phước. Mẫu thuốc thu thập về được phân tích và kết quả cho thấy thuốc sốt rét tại địa phương đảm bảo chất lượng, không thấy thuốc nghi ngờ thuốc giả hoặc thuốc kém chất lượng.
- Theo dõi ký sinh trùng *P.falciparum* và *P.vivax* kháng thuốc tại thực địa, năm 2018 dự án triển khai thực hiện tại 10 điểm (10 xã), năm 2019 và 2020, dự án mở rộng lên 50 xã của 10 tỉnh. Để đảm bảo chất lượng, dự án đã tổ chức tập huấn và tập huấn lại hàng năm cho tất cả các nhân viên. Đã tổ chức 15 lớp với tổng số 294 lượt cán bộ được tham gia tập huấn.
- Đã triển khai việc giám sát thường quy ký sinh trùng *P.falciparum* và *P.vivax* kháng thuốc sốt rét trên địa bàn 10 xã của 10 tỉnh gồm: Quảng Trị, Quảng Nam, Gia Lai, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum và Bình Phước từ tháng 10/2018. Kết quả năm 2018 theo dõi được 52 ca, năm 2019 được 482 ca và năm 2020 được 165 ca.

- Nhằm đảm bảo chất lượng về việc theo dõi thường quy ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc, 3 Viện đã thực hiện giám sát tại các điểm theo dõi ký sinh trùng *P.falciparum* và *P.vivax* kháng thuốc sốt rét. Kết quả năm 2018 và năm 2019 mỗi năm thực hiện 20 chuyến, năm 2020 thực hiện 24 chuyến.
- Năm 2018 Dự án đã xây dựng nội dung sổ tay quản lý ca bệnh cho nhân viên y tế thôn bản và đã tổ chức 01 hội thảo thống nhất nội dung để in thành tài liệu cho y tế thôn bản.
- Định kỳ 2 năm 1 lần, vào năm 2018 và 2020, mỗi năm đã tổ chức 3 lớp tập huấn TOT cho giảng viên khu vực và 63 tỉnh về quản lý ca bệnh sốt rét, bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi đạt 100% kế hoạch.
- Sau khi tập huấn TOT, Viện và tỉnh dự án đã tổ chức 63 lớp tập huấn cho nhân viên y tế tuyến huyện toàn quốc về quản lý ca bệnh, bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi đạt 100% kế hoạch.
- Các huyện dự án đã tổ chức 176 lớp tập huấn vào năm 2018, 281 lớp năm 2020 cho cán bộ y tế tuyến xã tại các xã Dự án về quản lý ca bệnh, bao gồm chẩn đoán, điều trị, quản lý ca bệnh và giám sát/theo dõi, đạt 100,6 % kế hoạch (do tình đề xuất tăng số lớp).
- Cán bộ tuyến huyện tập huấn 257 lớp năm 2018, 460 lớp năm 2020 cho y tế thôn bản của 1.743 xã Dự án về sổ tay hướng dẫn hoạt động y tế thôn bản (do tình đề xuất tăng số lớp).
- Thực hiện khảo sát lựa chọn nơi đặt 199 điểm sốt rét tại 16 tỉnh có sốt rét lưu hành và dân di biến động lớn, trong đó có 20 điểm sốt rét ở tỉnh mới là Quảng Bình và Quảng Trị.
- Đã tổ chức 16 lớp đào tạo 199 cán bộ điểm sốt rét tại 16 tỉnh.
- Triển khai hoạt động tại 199 điểm sốt rét bao gồm phát hiện người nghi ngờ sốt rét, truyền thông cho các đối tượng có nguy cơ cao, mua văn phòng phẩm và chi trả phụ cấp cho cán bộ làm việc tại điểm sốt rét.
- Hàng năm tuyến huyện thực hiện giám sát hoạt động điểm sốt rét mỗi năm 2 lần.
- Chi trả phụ cấp, văn phòng phẩm cho 199 điểm sốt rét.
- Cục Quân y phối hợp với NIMPE để mở 3 lớp tập huấn cho quân y trạm về chẩn đoán và điều trị sốt rét vào năm 2018 và 2020, đảm bảo cán bộ quân y

khu vực sốt rét lưu hành thực hiện công tác chẩn đoán điều trị và quản lý ca bệnh theo hướng dẫn quốc gia.

- Năm 2018 đã tiến hành họp xây dựng đề cương điều tra dịch vụ chẩn đoán và điều trị sốt rét tại các cơ sở y tế tư nhân (bao gồm phương pháp, bộ câu hỏi, địa điểm điều tra,...) và đã thực hiện điều tra dịch vụ chẩn đoán điều trị sốt rét tại cơ sở y tế tư nhân ở 6 tỉnh.3 Viện đã tiến hành 6 lớp tập huấn cho phòng khám và bệnh viện tư nhân về chẩn đoán, điều trị và quản lý ca bệnh sốt rét tại Khánh Hoà, Ninh Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước và Lâm Đồng.
- Dự án đã tổ chức cuộc họp xây dựng Hướng dẫn chung cho cơ sở y tế công lập và tư nhân về chẩn đoán, điều trị và quản lý ca bệnh sốt rét. Tài liệu này sẽ sửa chữa hoàn thiện để ban hành và áp dụng.
- Đã tiến hành đặt mua 589 kính hiển vi phân làm trong các năm 2018: 83 kính, 2019: 265 kính và năm 2020 241 kính.
- Thực hiện bảo dưỡng và sửa một số kính lỗi vẫn còn giá trị sử dụng.
- Năm 2019, mua 23.500 viên thuốc sốt rét phối hợp Pyramax để điều trị sốt rét ở vùng có kháng thuốc là Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, năm 2020 mua và phân bổ 47.070 viên, sẽ mở rộng thêm 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa điều trị sốt rét *P.faci-parum* kháng thuốc bằng thuốc sốt rét phối hợp Pyramax vào năm 2021.
- Hỗ trợ Chương trình Quốc gia, mua và phân bổ 10.000 ống Artesunate tiêm để điều trị sốt rét nặng và sốt rét ác tính.

***Mục tiêu 2: Đảm bảo diện bao phủ các biện pháp phòng chống sốt rét thích hợp và hiệu quả cho dân có nguy cơ mắc sốt rét.***

- Đã tiến hành mua 1.091.658 màn đôi để cấp hàng loại cho người dân sống trong vùng sốt rét có nguy cơ cao;
- Hàng năm mua màn LLINS phát bổ sung cho phụ nữ có thai và phát bổ sung khi can thiệp ổ bệnh. Tổng số màn mua và phát trong 3 năm năm 204.216 màn đôi
- Mua màn đơn tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp cho Cục Quân Y để cấp cho quân nhân vùng sốt rét lưu hành. Năm 2018 mua 9.000 màn, năm 2019 và 2020 mỗi năm mua 5.000 màn đơn.
- Mua 256.895 võng màn phát cho người dân di biến động và quân đội. Năm 2018 là 83.907, năm 2019 là 58.525, năm 2020 là 114.465 võng.

- Đã thực hiện 37/37 lớp tập huấn cho cán bộ y tế tuyến tỉnh và huyện vùng phòng chống và loại trừ sốt rét về các biện pháp phòng chống véc tơ và giám sát phòng chống véc tơ.
- Đã xây dựng đề cương đánh giá sau khi cấp màn tẩm hóa chất tồn lưu dài để thực hiện sau khi màn được cấp xuống cho người dân.
- 3 Viện Sốt rét KST-CT đã tiến hành các đợt giám sát véc tơ sốt rét tại 22 tỉnh có tình hình sốt rét nặng.
- 3 Viện đã thực hiện Theo dõi thường quy véc tơ sốt rét (độ nhạy cảm, tập tính và kháng hóa chất) tại 3 điểm cố định với tần suất 2 lần/năm.
- Năm 2020 thực hiện đánh giá độ bao phủ màn tẩm, hiệu quả và sự chấp thuận của cộng đồng về màn, vồng màn người dân đã nhận được.

***Mục tiêu 3: Tăng cường hệ thống giám sát dịch tễ và đảm bảo đủ khả năng phòng chống dịch sốt rét.***

- Năm 2018 và 2019 đã tiến hành đánh giá thực trạng trang thiết bị 63 tỉnh để xác định các thiết bị phần cứng cần phải nâng cấp, thay thế, đảm bảo hệ thống thông tin sốt rét sẽ hoạt động.
- Đã thực hiện mua và phân bổ 1624 máy tính để bàn (năm 2018 mua 475, năm 2020 mua 1.149 máy tính), phân phối cho các tỉnh và huyện. Kết hợp với số máy tính Dự án đã mua ở giai đoạn trước, máy tính đã được trang bị đủ cho 63 tỉnh thành và 713 huyện toàn quốc. Đây là bước chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc triển khai hệ thống thông tin báo cáo sốt rét bằng phần mềm trên toàn quốc.
- Về phát triển phần mềm báo cáo: đã phối hợp cùng với Tổ Chức Sáng kiến tiếp cận dịch vụ Y tế (CHAI), xây dựng hệ thống báo cáo trực tuyến, được tích hợp vào phần mềm “HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIÁM SÁT BỆNH TRUYỀN NHIỄM (eCDS) của Cục Y tế Dự phòng, Bộ y tế. Lộ trình hoạt động này thực hiện trong 2 năm 2018-2019. Năm 2018 xây dựng phần mềm, Quý 1/2019 triển khai thử nghiệm, cuối Quý 1/2019 tập huấn cho 3 tỉnh là Bình Phước, Gia Lai và Đắk Lắk, mở rộng và triển khai cho 60 tỉnh còn lại vào Quý III và Quý 4/2019. Tháng 7/2020 hệ thống bắt đầu vận hành toàn quốc và đến tháng 12/2020 thì cả 63 tỉnh đã thực hiện báo cáo số liệu bằng phần mềm tuy nhiên vẫn đang duy trì báo cáo giấy vì hệ thống cần được nâng cấp cũng như cải thiện chất lượng báo cáo ở các tuyến.

- Cán bộ dịch tễ 3 Viện đã thực hiện 135 chuyến giám sát hỗ trợ nâng cao năng lực tuyến dưới tại các tỉnh Dự án.
- Cán bộ dịch tễ tuyến tỉnh đã thực hiện 950 chuyến giám sát hỗ trợ nâng cao năng lực tuyến dưới tại các huyện dự án.
- Cán bộ tuyến huyện thực hiện 3.624 chuyến giám sát nâng cao năng lực tuyến xã tại các xã Dự án đã thực hiện.
- Cán bộ các xã Dự án thực hiện 49.214 chuyến giám sát thôn, bản hàng tháng.
- Thực hiện chi trả hỗ trợ đi lại cho cho y tế thôn bản ở vùng có SRLH cao để thực hiện phát hiện ca bệnh chủ động.
- Điều tra 7.123 ca bệnh và phân loại ca bệnh.
- Điều tra được 1.882 ổ bệnh sốt rét.
- Điều tra đáp ứng ổ bệnh sau 30 ngày can thiệp được 1.077 ổ được điều tra lại để xác minh các đáp ứng ổ bệnh đã được thực hiện đầy đủ.
- Mua và cung cấp 800 điện thoại cho cán bộ y tế tỉnh, huyện toàn quốc và BQLDA 3 viện phục vụ báo cáo ca bệnh.
- Đã xây dựng phương pháp phân vùng sốt rét trên toàn quốc.
- Đã tiến hành 01 Hội thảo cập nhật kế hoạch giám sát và đánh giá quốc gia đáp ứng mục tiêu loại trừ sốt rét.
- Đã tổ chức 4 lớp tập huấn giám sát và đánh giá cho cán bộ quản lý tuyến trung ương, khu vực và tuyến tỉnh toàn quốc với 156 học viên tham gia.
- Đã thực hiện Điều tra chỉ số sốt rét hàng năm tại 36 tỉnh Dự án. Kết quả được thể hiện trong phần các chỉ số dự án.
- Ban quản lý Dự án Trung ương giám sát hỗ trợ hoạt động mỗi năm 1 lần tại 36 tỉnh Dự án.

***Mục tiêu 4: Nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi phòng chống sốt rét của cộng đồng.***

- Đã tiến hành điều tra để xác định hình thức và nội dung truyền thông tại 6 tỉnh nhằm đánh giá hiện trạng và nhu cầu về công tác truyền thông trong phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Hàng năm đã thực hiện truyền thông phát tin nhắn cảnh báo sốt rét qua tin nhắn điện thoại cho người vào vùng sốt rét tại 94 huyện dự án có sốt rét lưu hành vừa và nặng

- Hàng năm đã hợp đồng với đài truyền hình để phát các thông điệp về phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Đã xây dựng 94 pano truyền thông tại 94 huyện có sốt rét lưu hành nặng vào năm 2018 và 2020 xây dựng 255 pano ở 255 huyện dự án.
- Hàng năm đã tổ chức 36 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác truyền thông phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Xây dựng, in và phân bổ tài liệu truyền thông về loại trừ sốt rét.
- In tờ rơi phòng chống và loại trừ sốt rét cho 100 % hộ gia đình thuộc xã dự án.

***Mục tiêu 5: Quản lý và điều phối hiệu quả chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét quốc gia.***

- Hàng năm đã tiến hành hội nghị triển khai với sự tham gia của đại diện Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư và 40 đơn vị thực hiện Dự án, năm 2020 do ảnh hưởng dịch covid 19 nên đã thực hiện hội nghị trực tuyến vào tháng 12.
- Hàng năm 36 tỉnh đã thực hiện hội nghị triển khai, năm 2020 tổ chức thêm hội nghị tổng kết dự tháng 12/2018.
- Dự án được chuyên gia WHO hỗ trợ kỹ thuật cho Dự án và Chương trình Phòng chống và loại trừ sốt rét Quốc gia.
- Đã tiến hành các cuộc họp rà soát kế hoạch phòng chống và loại trừ sốt rét hàng năm, tổ chức hội thảo huy động nguồn lực cho phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Đã tổ chức 3 lớp tập huấn cho cán bộ tuyến tỉnh toàn quốc về quản lý tài chính và quản lý chương trình.
- Đã tiến hành kiểm toán độc lập các hoạt động của Dự án hàng năm.
- Năm 2018, đã tiến hành hợp đồng mua sắm và cài đặt và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán ở các tỉnh Dự án phục vụ công tác báo cáo tài chính.
- Thực hiện các thủ tục mua xe ô tô cho 5 tỉnh mới của Dự án vào năm 2019. Không mua ô tô cho Ban quản lý Dự án trung ương vì thực hiện theo thông tư mới ban hành 1/2019 của Bộ Tài chính.

## 2. Kết quả thực hiện chỉ số Dự án

**Bảng 2: Kết quả thực hiện chỉ số dự án**

STT	Chỉ số	Đánh giá	2018	2019	2020
	<b>Chỉ số tác động:</b>				
1	Tỷ lệ tử vong do sốt rét/100.000 dân/năm	Chỉ tiêu	≤ 0,0031	≤ 0,0031	≤ 0,001
		Kết quả	0.001	0	0.001
			Đạt	Đạt	Đạt
2	Tỷ lệ % xét nghiệm dương tính	Chỉ tiêu	0,15	0,122	0,096
		Kết quả	0,25	0.239	0,080
			K.đạt	K.đạt	Đạt
3	Số ổ bệnh sốt rét	Chỉ tiêu	1387	694	541
		Kết quả	747	805	456
			Đạt	K.đạt	Đạt
4	Chỉ số sốt rét mắc mới hàng năm /1.000 dân	Chỉ tiêu	0,041	0,033	0,035
		Kết quả	0.05	0.048	0,015
			K.Đạt	K.Đạt	Đạt
	<b>Chỉ số đầu ra:</b>				
1	Tỷ lệ dân ngủ màn tẩm hóa chất diệt muỗi đêm hôm trước ngày điều tra	Chỉ tiêu	95%	95%	98%
		Kết quả	85%	93,5%	93,6
			K.đạt	Đạt	Đạt
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đủ màn tẩm hóa chất diệt muỗi (≤ 1,8 người/ màn đôi)	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	82%	98,3%	98,3
			K.đạt	Đạt	Đạt
3	Tỉ lệ màn tẩm hóa chất được sử dụng trong đêm hôm trước			90%	90%
		Kết quả	84,70%	92,20%	92,9%
			Đạt	Vượt	Vượt

STT	Chỉ số	Đánh giá	2018	2019	2020
4	Tỷ lệ dân ở vùng loại trừ sốt rét được xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét/100 dân/năm	Chỉ tiêu	21%	21%	20%
		Kết quả	9%	15,2%	23,54%
			K.đạt	K.đạt	Vượt
5	Tỷ lệ dân di biến động lần gần nhất có ngủ màn tại nơi có lây truyền bệnh sốt rét	Chỉ tiêu	90,0%	90,0%	90,0%
		Kết quả	90,02%	97,66%	97,7%
			Đạt	Vượt	Vượt
6	Tỷ lệ dân di biến động có sốt trong 3 tháng gần đây được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét	Chỉ tiêu	90,0%	90,0%	90,0%
		Kết quả	78%	92,3%	87,50%
			K.đạt	Vượt	Đạt
<b>Chỉ số về độ bao phủ:</b>					
1	Số màn tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp cho dân thông qua chiến dịch cấp màn	Chỉ tiêu	1.091.658	0	0
		Kết quả	0	1.091.658	0
			K.đạt	Đạt	
2	Số màn tẩm hóa chất tồn lưu dài cấp cho dân thông qua chiến dịch cấp phát bổ sung	Chỉ tiêu	92.366	140.513	140.376
		Kết quả	0	176.074	173.199
			K. đạt	Vượt	Đạt
3	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cơ sở y tế công hàng năm	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	99,96%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt
4	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cộng đồng	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	100%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt
5	Tỷ lệ người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét tại cơ sở y tế tư nhân		100%	100%	100%
		Kết quả	100%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt



<b>STT</b>	<b>Chỉ số</b>	<b>Đánh giá</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
6	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên tại cơ sở y tế công	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	100%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt
7	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên tại cộng đồng	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	100%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt
8	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị thuốc ưu tiên (first-line) tại cơ sở y tế tư nhân	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	100%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt
9	Tỷ lệ cơ sở y tế (công) không thiếu các vật tư chính (thuốc sốt rét hoặc test chẩn đoán nhanh và lam kính)	Chỉ tiêu	99%	99,1%	99,1%
		Kết quả	97,7%	92,3%	96,0%
			Đạt	Đạt	Đạt
10	Tỷ lệ người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều tra và phân loại	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	83%	94%	99,6%
			K.Đạt	K.Đạt	Đạt
11	Tỷ lệ ổ bệnh sốt rét được điều tra và phân loại	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	84%	89%	96,9%
			K.Đạt	K.Đạt	Đạt
12	Tỷ lệ các huyện dự án gửi báo cáo đúng hạn.	Chỉ tiêu	100%	100%	100%
		Kết quả	99%	100%	100%
			Đạt	Đạt	Đạt

**Bảng 3: Tổng hợp đánh giá chỉ số dự án**

	Chỉ số	Số lượng	Số chỉ số đạt chỉ tiêu		
			2018	2019	2020
1	Chỉ số tác động	4	3	3	4
2	Chỉ số đầu ra	6	2	5/4	6
3	Chỉ số về độ bao phủ	12	8	10	9
	% chỉ số đạt chỉ tiêu		13/22 (59 %)	18/21 (85%)	21/21 (100%)

*\* Ghi chú: Năm 2019 và năm 2020 chỉ có 21 chỉ số vì không có chỉ số màn cấp phát theo chiến dịch*

Nhận xét:

- Số lượng chỉ số đạt chỉ tiêu tăng theo các năm từ 63% năm 2018 lên 100% năm 2020.
- Nhiều chỉ số vượt chỉ tiêu như các chỉ số về tỉ lệ màn tẩm hóa chất được sử dụng trong đêm hôm trước ngày càng tăng.
- Các chỉ số về loại trừ sốt rét cải thiện rõ rệt qua các năm: điều tra ca và phân loại ca bệnh tăng từ 83% năm 2018 lên 99,6 % năm 2020, tỉ lệ ổ bệnh được điều tra tăng từ 84 % lên 96,9% năm 2020.
- Chỉ số về tỷ lệ cơ sở y tế (công) không thiếu các vật tư chính tuy là đạt nhưng vẫn ở mức sai số 5% so với chỉ tiêu.

### 3. Tình hình sốt rét các năm 2018-2020

T	T	Tỉnh	2018			2019			2020			% tăng, giảm 2020 so với năm 2018	
			BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	KST
1		Lai Châu	94	0	5	156	0	56	72		58	-23%	1060 %
2		Điện Biên	13	0	1	4	0	1	4		2	-69%	100%
3		Son La	0	0	0	0	0	0	0		0	0%	0%

T T	Tỉnh	2018			2019			2020			% tăng, giảm 2020 so với năm 2018	
		BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	KST
4	Lao Cai	12	0	1	0	0	0	2		2	-83%	100%
5	Hà Giang	13	0	3	12	0	0	2	0	2	-85%	-33%
6	Bắc Cạn	12	0	5	3	0	0	0	0	0	-	-
7	Cao Bằng	153	0	1	108	0	2	4	0	0	-97%	100%
8	Hoà Bình	103	0	4	50	0	0	22	0	0	-79%	100%
9	Thanh Hoá	70	0	9	14	0	2	2	0	1	-97%	-89%
10	Nghệ An	39	0	26	47	0	24	10	0	9	-74%	-65%
11	Hà Tĩnh	470	0	26	403	0	10	163	0	4	-65%	-85%
12	Quảng Bình	115	0	95	46	0	39	27	1	22	-77%	-77%
13	Quảng Trị	103	0	93	79	0	72	7	0	6	-93%	-94%
14	Thừa T Huế	15	0	15	4	0	4	0	0	0	-	-
15	Quảng Nam	66	0	62	81	0	79	48	0	47	-27%	-24%
16	Quảng Ngãi	20	0	20	9	0	9	20	0	20	0%	0%
17	Bình Định	50	0	45	72	0	70	23	0	22	-54%	-51%
18	Phú Yên	326	0	324	673	0	673	146	0	146	-55%	-55%
19	Khánh Hoà	125	0	125	95	0	95	30	0	30	-76%	-76%
20	Ninh Thuận	34	0	33	53	0	53	6	0	6	-82%	-82%
21	Bình Thuận	102	0	102	307	0	307	74	0	74	-27%	-27%
22	Gia Lai	1106	0	1101	1766	0	1763	586	0	586	-47%	-47%
23	Kon Tum	247	0	134	89	0	52	27	0	19	-89%	-86%
24	Đắk Lắk	786	0	768	660	0	648	126	0	123	-84%	-84%
25	Đắk Nông	218	0	218	126	0	126	54	0	54	-75%	-75%
26	Lâm Đồng	181	0	175	188	0	188	44	0	44	-76%	-75%
27	Đồng Nai	59	0	43	10	0	10	4	0	4	-93%	-91%
28	Bình Dương	26	0	26	5	0	5	2	0	2	-92%	-92%
29	Bình Phước	1246	1	1243	330	0	330	126	0	126	-90%	-90%
30	Tây Ninh	46	0	42	8	0	7	2	0	2	-96%	-95%
31	Bà Rịa -VT	29	0	1	15	0	0	2	0	2	-93%	100%

T T	Tỉnh	2018			2019			2020			% tăng, giảm 2020 so với năm 2018	
		BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	TV	KST	BNSR	KST
32	Long An	1	0	1	0	0	0	0	0	0	- 100%	- 100%
33	Sóc Trăng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	- 100%	- 100%
34	Kiên Giang	8	0	8	5	0	5	0	0	0	- 100%	- 100%
35	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%	0%
36	Cà mau	2	0	1	3	0	0	0	0	0	- 100%	- 100%
	<b>36 tỉnh</b>	<b>5.891</b>	<b>1</b>	<b>4.757</b>	<b>5.421</b>	<b>0</b>	<b>4.630</b>	<b>1.635</b>	<b>1</b>	<b>1.413</b>	<b>-72%</b>	<b>-70%</b>
	<b>63 tỉnh</b>	<b>6.870</b>	<b>1</b>	<b>4.813</b>	<b>5.887</b>	<b>0</b>	<b>4.665</b>	<b>1.733</b>	<b>1</b>	<b>1.422</b>	<b>-75%</b>	<b>-70%</b>

#### *Nhận xét về tình hình sốt rét:*

- Tình hình sốt rét trong 3 năm có xu hướng giảm cả số bệnh nhân sốt rét và số ca nhiễm ký sinh trùng sốt rét. Số ký sinh trùng năm 2018 là 4813 ca, năm 2020 còn 1.422 ca, giảm 70%.
- Bệnh nhân sốt rét còn tập trung ở các tỉnh Miền trung Tây nguyên, đặc biệt ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên, Bình Phước.
- Không có dịch sốt rét xảy ra trong 3 năm.

#### **4. Công tác tài chính và giải ngân của dự án.**

##### *Tình hình giải ngân toàn dự án năm 2018*

Tính đến hết năm 2020, tình hình giải ngân chung của toàn Dự án như sau:

Năm	Ngân sách kế hoạch	Giải ngân	Tỉ lệ giải ngân
2018	7.776.115,33	7.327.146,59	94%
2019	8.239.865,97	7.031.832,12	85%
2020	11.298.530,63	9.366.317,37	83%
<b>Tổng</b>	<b>27.314.511,93</b>	<b>23.725.296,08</b>	<b>87%</b>

## **5. Đánh giá việc thực hiện dự án**

### **5.1. Công tác thành lập, tổ chức, chỉ đạo thực hiện Dự án.**

- Năm 2018, Dự án RAI2E là một Dự án mới nên phải thực hiện qui trình phê duyệt và tiếp nhận dự án. BQLDATU đã nỗ lực bám sát các cơ quan liên quan để hoàn thành các thủ tục tiếp nhận Dự án. Ngày 12/4/2018 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương và ngày 23/4/2018 Bộ Y tế phê duyệt tại Văn kiện Dự án.
- Năm 2019 và năm 2020, Kế hoạch hàng năm được Bộ Y tế phê duyệt sớm nên các hoạt động được triển khai theo kế hoạch.
- Công tác tổ chức, chỉ đạo được thực hiện thường xuyên và kịp thời trong quá trình triển khai dự án.

### **5.2. Công tác phát hiện, chẩn đoán, điều trị sốt rét**

- Y tế thôn bản hoạt động tại tất cả các xã dự án, đặc biệt các xã có sốt rét lưu hành nặng nên việc người bệnh dễ dàng hơn trong việc tiếp cận với dịch vụ y tế.
- Hoạt động tập huấn về chẩn đoán điều trị đã được Dự án tổ chức cho cấp tỉnh huyện xã nên chất lượng cung cấp dịch vụ tại cơ sở y tế được nâng cao và đảm bảo chất lượng
- Hoạt động phát hiện ca bệnh, chẩn đoán và điều trị sốt rét đã được thực hiện thường xuyên tại hệ thống y tế công. 100% bệnh nhân nghi ngờ sốt rét đều được làm xét nghiệm chẩn đoán, 100% ca sốt rét đều được điều trị đúng phác đồ của Bộ Y tế.

### **5.3. Công tác giám sát**

- Giám sát theo dõi tiến độ, chất lượng Dự án: BQLDA TU và BQLDA 3 Viện đã thực hiện các chuyến giám sát tại các tỉnh Dự án, đặc biệt 5 tỉnh mới tham gia dự án và các tỉnh triển khai chậm và tình hình giải ngân thấp để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm thúc đẩy triển khai Dự án.
- Hệ thống giám sát báo cáo: Xây dựng hệ thống thông tin sốt rét, báo cáo điện tử: Dự án đã thực hiện đánh giá trang thiết bị sẵn có, bổ sung máy tính đảm bảo 100% huyện tỉnh có máy tính phục vụ cho hệ thống thông tin và đã tập huấn sử dụng cho 100 % tỉnh, huyện xã trong toàn quốc.
- Giám sát của cơ quan quản lý Quỹ địa phương LFA đã thực hiện mỗi năm 2 lần, giám sát độc lập thực hiện hàng năm. Kết quả cho thấy dự án hoạt động

tốt, thực hiện theo đúng quy định của Dự án và các quy định của Nhà tài trợ cũng như quy định của Chính phủ Việt Nam.

#### **5.4. Tình hình điều tra ca bệnh, ổ bệnh**

Tình hình điều tra ca bệnh, điều tra và đáp ứng ổ bệnh được cải thiện rõ rệt qua các năm. Năm 2018 Số ca bệnh có ký sinh trùng được điều tra là 1.394 ca/tổng số 4.775 ký sinh trùng được phát hiện trong 36 tỉnh Dự án chiếm 29,1%. Số ổ bệnh được điều tra là 699 ổ. Kết quả hoạt động này còn hạn chế. Nguyên nhân do Dự án triển khai muộn nên nhiều ca có KSTSR vào thời điểm 6 tháng đầu năm không được điều tra. Nhiều địa phương đã không ưu tiên tổ chức thực hiện.

Từ năm 2019 trở đi, hệ thống tổ chức đã đi vào hoạt động, có sự tăng cường giám sát chỉ đạo từ trung ương xuống địa phương, hoạt động điều tra ca bệnh được tăng cường. Qua đó đã phát hiện kịp thời các ổ nội địa, khống chế lan truyền và giảm số ca sốt rét.

#### **5.5. Công tác tập huấn, truyền thông**

- Công tác tập huấn: Tài liệu tập huấn được BQLDA TƯ biên soạn và gửi cho tất cả các đơn vị nhằm thống nhất nội dung tập huấn cho toàn Dự án, đảm bảo chất lượng tập huấn ở tất cả các tuyến, các địa phương trong toàn Dự án.
- Việc tổ chức các lớp tập huấn cơ bản đã hoàn thành kế hoạch, đảm bảo số lượng học viên, đúng đối tượng và việc thực hiện theo đúng quy chế hướng dẫn.
- Dự án đã hoàn thành các hoạt động truyền thông như đã thực hiện việc cảnh báo cho người dân đi vào vùng sốt rét tại 94 huyện bằng tin nhắn di động, pano; truyền thông nâng cao nhận thức qua việc phát các clip truyền thông qua ti vi, qua sóng ra đi ô, tờ rơi phát cho các hộ gia đình ...

#### **5.6. Công tác mua sắm vật tư, quản lý tài sản**

Về công tác mua sắm đầu thầu dự án thực hiện mua sắm trong nước và mua sắm ngoài nước. Mua sắm ngoài nước được thực hiện qua hệ thống mua sắm của UNOPS và hệ thống mua sắm IDA Foundation của Quỹ toàn cầu. Hàng hóa mua sắm ngoài nước sẽ được vận chuyển đến điểm cuối là các tỉnh dự án. Ban quản lý Dự án Trung ương phân bổ ngân sách cho BQLDA tỉnh để các đơn vị thực hiện vận chuyển và phân phối từ tỉnh đến nơi trực tiếp sử dụng các vật tư dự án. Mua sắm trong nước được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và các Quy định của Bộ Y tế, Nhà tài trợ. Tuy nhiên hoạt động mua sắm cung cấp hàng hóa đôi khi chậm so với kế hoạch. Nhiều hàng hóa vật tư thiết yếu như màn, võng,

test chẩn đoán nhanh không cung cấp được trong năm dẫn đến việc không đảm bảo được độ bao phủ của biện pháp phòng chống véc tơ và thiếu test chẩn đoán ở một số cơ sở y tế ở một vài thời điểm đặc biệt khi mới triển khai dự án. Nguyên nhân do năm 2018 kế hoạch hoạt động được phê duyệt vào quý 2 dẫn tới việc đặt hàng đối với các hàng hóa mua qua hệ thống mua sắm UNOPS/IDA Foundation bị muộn và việc thực hiện các thủ tục xin phê duyệt đấu thầu, đấu thầu/chào hàng (với các gói thầu trong nước) bị chậm trễ. Hơn nữa, các thủ tục nhập khẩu về Việt Nam khá nhiều, việc chuẩn bị các tài liệu từ nhà cung cấp mất nhiều thời gian.

### **5.7. Công tác quản lý tài chính.**

Do các đơn vị đã có kinh nghiệm thực hiện Dự án nhiều năm nên công tác quản lý tài chính tại Ban quản lý Dự án trung ương và Ban quản lý dự án các viện và các tỉnh đã được cải thiện nhiều. Nhìn chung hoạt động quản lý tài chính đã được thực hiện đúng quy định, không để xảy ra sai sót nào lớn trong công tác quản lý tài chính của Dự án. Tuy nhiên trong quá trình triển khai và giải ngân, dự án gặp một số khó khăn sau đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ triển khai hoạt động và tiến độ giải ngân của dự án:

- Năm 2018, do Dự án được Chính phủ và Bộ Y tế phê duyệt muộn, dẫn đến việc một số hoạt động của dự án không thực hiện được do đã qua thời gian ngân sách và thời hạn chuyên môn. Điều này kéo theo một loạt các hoạt động mua sắm trong nước cũng được giải ngân chậm hơn so với tiến độ kế hoạch, một số gói thầu mua sắm năm 2018 không kịp thực hiện và phải chuyển sang quyết toán trong năm 2019. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ giải ngân và thời hạn giải ngân năm 2018 của dự án.
- Hoạt động mua màn, vòng màn tồn lưu dài (LLIN, LLHIN), xét chẩn đoán nhanh (RDT) năm 2018 UNOPS triển khai chậm, dẫn đến việc hàng về chậm, đến đầu tháng 01/2019 các tỉnh mới được nhận màn và xét. Việc này dẫn đến hoạt động vận chuyển màn và xét chẩn đoán nhanh năm 2018 phải thực hiện trong năm 2019.
- Dự án triển khai tại 3 viện, Cục Quân Y, 36 tỉnh, trong đó có 05 tỉnh mới chưa có kinh nghiệm triển khai dự án do Quỹ Toàn cầu tài trợ, và bao phủ 255 huyện, khối lượng công việc lớn. Tuy nhiên, do trong năm 2018, nhiều đơn vị sát nhập CDC, khối lượng cán bộ luân chuyển lớn, nhiều cán bộ mới chưa được tiếp cận dự án, chưa được tập huấn triển khai dự án, ngoài ra còn phải kiêm nhiệm nhiều chương trình, điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác quyết toán tài chính giữa tuyến tỉnh và huyện, dẫn đến một số đơn vị nộp báo

cáo tài chính cho Ban QLDA Trung ương chậm so với quy định. Sang năm 2019 và năm 2020, vấn đề này đã được giải quyết.

## **6. Những thuận lợi, khó khăn trong triển khai Dự án**

### **6.1 Thuận lợi:**

- Trong quá trình thực hiện Dự án luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ kịp thời của Bộ Y tế và Ban điều phối quốc gia (CCM) và các Bộ liên quan.
- Sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban quản lý Dự án Trung ương với các Ban quản lý Dự án tuyến tỉnh/Viện để triển khai Dự án và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc xảy ra tại các đơn vị trong quá trình thực hiện dự án.
- Hoạt động giám sát hỗ trợ từ tuyến Trung ương và các Viện Sốt rét-KST-CT được tiến hành đã đảm bảo cho các hoạt động của Dự án được tiến hành theo đúng tiến độ và có chất lượng.
- Sự hợp tác giúp đỡ về mặt chuyên môn, kỹ thuật của WHO và của các chuyên gia trong và ngoài nước đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động chuyên môn của Dự án.
- Ban quản lý Trung ương đã tổ chức giao ban hàng tuần để giải quyết những vấn đề vướng mắc và thúc đẩy tình hình thực hiện các hoạt động của dự án từ Trung ương đến địa phương, do đó các vướng mắc trong quá trình hoạt động được xử lý kịp thời đồng thời thúc đẩy tiến độ hoạt động của từng đơn vị.
- Cán bộ kế toán Dự án thường xuyên liên hệ với ban Quản lý dự án tỉnh/Viện để nắm bắt được quá trình giải ngân, giải đáp thắc mắc và hướng dẫn nội dung và định mức chi tiêu của dự án.
- Thực hiện giám sát hoạt động của các tỉnh, qua đó nắm bắt và hỗ trợ kịp thời công tác thanh quyết toán và lập báo cáo kế toán, thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án.

### **6.2. Khó khăn**

- Năm 2018 vì là dự án mới nên công tác tổ chức gặp khó khăn trong việc thủ tục trong nước về phê duyệt dự án. Việc này đã được giải quyết kể từ năm 2019.
- Quá trình sát nhập hệ thống y tế dự phòng thành CDC cũng ảnh hưởng nhiều đến nhân sự dự án tuyến tỉnh, huyện và làm chậm các thủ tục hành chính.



- Hoạt động điều tra ca bệnh, ổ bệnh liên quan đến đối tượng di biến động nên khó thực hiện được điều tra ca bệnh, ổ bệnh do không tiếp cận được với bệnh nhân để tiến hành điều tra.
- Công tác mua sắm đầu thầu màn, màn võng, test chẩn đoán nhanh và kính hiển vi mua sắm ngoài nước qua đấu thầu quốc tế nên thời gian mua sắm kéo dài từ 6 - 9 tháng. Việc tiếp nhận hàng hóa chậm kéo theo một số hoạt động liên quan không thể thực hiện được như vận chuyển, cấp phát và đồng thời ảnh hưởng đến chỉ số dự án.
- Sốt rét tập trung ở nhóm dân di biến động, dân ngủ rừng rẫy nên khó tiếp cận và khó quản lý
- Sốt rét kháng thuốc ở địa bàn thuộc tỉnh có tình hình sốt rét nặng và giao lưu, dân di biến động lớn.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau 3 năm thực hiện dự án cho thấy các hoạt động dự án đã được thực hiện theo kế hoạch, góp phần vào thành công Dự án phòng chống sốt rét quốc gia. Kết quả thực hiện dự án đến hết năm 2020: tình hình sốt rét đã giảm rất rõ rệt, số ca sốt rét giảm từ 6.870 ca năm 2018 xuống 5.887 ca năm 2019 và 1.733; Số ca sốt rét có ký sinh trùng sốt rét từ 4.813 ca năm 2018 giảm xuống 4.665 ca năm 2019 và năm 2020 còn 1.422 ca, giảm 70 số ca so với năm 2018; Số tử vong trong cả giai đoạn 2019-2020 mới chỉ có 2 ca. Không có dịch sốt rét xảy ra trong cả giai đoạn 3 năm. Tỷ lệ dân di biến động trong vùng sốt rét lưu hành (ngủ rừng, ngủ rẫy, qua lại biên giới, người di cư) được bảo vệ bằng ngủ màn tẩm hóa chất phòng chống muỗi tăng từ 85% năm 2018 lên 93.5% năm 2019; Số người nghi ngờ mắc sốt rét được xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét luôn đạt 100%; Điều tra ca bệnh, ổ bệnh ngày càng được cải thiện góp phần ngăn chặn sự lan truyền sốt rét.

Công tác điều trị sốt rét đảm bảo: 100% ca bệnh được điều trị sốt rét theo đúng phác đồ của Bộ Y tế. Đã sử dụng thuốc sốt rét phối hợp hiệu lực cao (Pyramax) cho các tỉnh có bằng chứng ký sinh trùng kháng thuốc sốt rét góp phần giảm tái phát và cắt đứt sự lan truyền sốt rét kháng thuốc.

Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị tuy kéo dài do phải mua sắm đấu thầu quốc tế song vẫn đảm bảo cung cấp đủ vật tư cho các hoạt động dự án.

Với công tác tổ chức chỉ đạo, giám sát thực hiện dự án được thực hiện đầy đủ nên dự án đã được triển khai theo đúng hướng dẫn. Quản lý tài chính, quản lý tài sản theo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và không có các sai sót đáng kể. Điều này đã được chứng minh qua báo cáo của Cơ quan quản lý Quỹ địa phương (LFA) và báo cáo kiểm toán độc lập hàng năm.

**GIÁM ĐỐC DỰ ÁN**  
  
**Trần Thanh Dương**